**PHẦN MỘT: ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**

**Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và đại học.

Mục tiêu của Môn học nhằm giáo dục cho mọi công dân đường lối, nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, kỹ năng quân sự cần thiết, để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống chống ngoại xâm, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**1.1. Đối tượng nghiên cứu**

Kiến thức quốc phòng và an ninh bao gồm hệ thống quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc và kỹ năng quân sự.

Kỹ năng quân sự là khả năng thực hành những nội dung cơ bản cần thiết về kỹ thuật, chiến thuật quân sự.

Đối tượng nghiên cứu của môn học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và các cơ sở giáo dục đại học bao gồm: đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; công tác quốc phòng, an ninh; quân sự và kỹ năng quân sự cần thiết.

***1.1.1. Nghiên cứu đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam***

Nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lí luận của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Nghiên cứu đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam góp phần hình thành niềm tin khoa học, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, lòng tự hào, tự tôn dân tộc và lí tưởng cho sinh viên.

***1.1.2. Nghiên cứu về công tác quốc phòng, an ninh***

Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng hiện nay, bao gồm: phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

Nghiên cứu và thực hiện tốt công tác quốc phòng và an ninh để xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam; nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật; phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm pháp luật và nâng cao trách nhiệm công dân trong bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; đấu tranh bảo vệ danh dự nhân phẩm của mình, của người khác, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và của dân tộc.

***1.1.3. Nghiên cứu về quân sự và kỹ năng quân sự cần thiết***

Nghiên cứu kiến thức quân sự chung và kĩ năng kỹ thuật, chiến thuật quân sự cần thiết gồm các nội dung cơ bản:

Kiến thức quân sự chung gồm: chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội; điều lệnh đội ngũ từng người có súng; điều lệnh đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp.

Kĩ năng kỹ thuật, chiến thuật gồm: kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn xa đúng hướng; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

Nghiên cứu kiến thức quân sự chung và kĩ năng kỹ thuật, chiến thuật quân sự cần thiết để xây dựng ý thức kỷ luật, tính tổ chức, tinh thần đoàn kết, rèn luyện tác phong nề nếp làm việc, học tập, sinh hoạt; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

**1.2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu**

Việc nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh đòi hỏi phải nắm vững cơ sở phương pháp luận, các phương pháp nghiên cứu cụ thể phù hợp với đối tượng, phạm vi và tính chất đa dạng của nội dung môn học này.

***1.2.1. Cơ sở phương pháp luận***

Cơ sở phương pháp luận chung nhất của việc nghiên cứu Giáo dục quốc phòng và an ninh là học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó những quan điểm của các nhà kinh điển Mác - Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội, về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, về xây dựng nền quốc phòng toàn dân... là nền tảng thế giới quan, nhận thức luận của sự nghiên cứu, vận dụng đường lối quân sự của Đảng và những vấn đề cơ bản khác của giáo dục quốc phòng và an ninh. Việc xác định học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở phương pháp luận, đòi hỏi quá trình nghiên cứu, phát triển giáo dục quốc phòng và an ninh phải nắm vững và vận dụng đúng đắn các quan điểm tiếp cận khoa học sau đây:

*1.2.1.1. Quan điểm hệ thống*

Đặt ra yêu cầu nghiên cứu, phát triển các nội dung của giáo dục quốc phòng và an ninh một cách toàn diện, tổng thể, trong mối quan hệ phát triển giữa các bộ phận, các vấn đề của môn học.

*1.2.1.2. Quan điểm lịch sử, logic*

Trong nghiên cứu giáo dục quốc phòng và an ninh đòi hỏi phải nhìn thấy sự phát triển c a đối tượng, vấn đề nghiên cứu theo thời gian, không gian với những điều kiện lịch sử, cụ thể để từ đó giúp ta phát hiện, khái quát, nhận thức đúng những quy luật, nguyên tắc của hoạt động quốc phòng, an ninh.

*1.2.1.3. Quan điểm thực tiễn*

Chỉ ra phương hướng cho việc nghiên cứu giáo dục quốc phòng và an ninh là phải bám sát thực tiễn xây dựng quân đội và công an nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

***1.2.2. Các phương pháp nghiên cứu***

Với tư cách là bộ môn khoa học nằm trong hệ thống khoa học quân sự, phạm vi nghiên cứu của giáo dục quốc phòng và an ninh rất rộng, nội dung nghiên cứu đa dạng, được cấu trúc theo hệ thống từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp luôn có sự kế thừa và phát triển. Vì vậy giáo dục quốc phòng và an ninh được tiếp cận nghiên cứu với nhiều cách thức, phù hợp với tính chất của từng nội dung và vấn đề nghiên cứu cụ thể.

*1.2.2.1. Trong nghiên cứu xây dựng, phát triển nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh với tư cách là một bộ môn khoa học cần chú ý sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học*

*- Các phương pháp nghiên cứu lí thuyết*

Như phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hoá, mô hình hoá, giả thuyết... nhằm thu thập thông tin khoa học trên cơ sở nghiên cứu các văn bản, tài liệu về quốc phòng, an ninh để rút ra các kết luận khoa học cần thiết, không ngừng bổ sung, phát triển làm phong phú nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh.

*- Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn*

Như quan sát, điều tra, khảo sát thực tế, nghiên cứu các sản phẩm quốc phòng, an ninh, tổng kết kinh nghiệm, thí nghiệm, thực nghiệm... nhằm tác động trực tiếp vào đối tượng trong thực tiễn, từ đó khái quát bản chất, quy luật của các hoạt động quốc phòng và an ninh; bổ sung làm phong phú nội dung cũng như kiểm định tính xác thực, tính đúng đắn của các kiến thức giáo dục quốc phòng và an ninh.

*1.2.2.2. Trong nghiên cứu lĩnh hội các kiến thức quốc phòng và an ninh cần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học lí thuyết và thực hành*

Môn học giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện mục tiêu trang bị cả kiến thức quốc phòng, an ninh và kỹ năng quân sự cần thiết, để người học đạt được mục tiêu của môn học đặt ra đòi hòi phải sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học lý thuyết và dạy học thực hành.

Đổi mới phương pháp dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng tăng cường vận dụng các phương pháp dạy học tiên tiến, kết hợp với sử dụng các phương tiện kĩ thuật dạy học hiện đại. Trong quá trình học tập, nghiên cứu các vấn đề, các nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh cần chú ý sử dụng các phương pháp tạo tình huống, nêu vấn đề, đối thoại, tranh luận sáng tạo; tăng cường thực hành, thực tập sát với thực tế chiến đấu, công tác quốc phòng; tăng cường tham quan thực tế, viết thu hoạch, tiểu luận; tăng cường sử dụng các phương tiện kĩ thuật, thiết bị quân sự hiện đại phục vụ các nội dung học tập; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu môn học gáo dục quốc phòng và an ninh.

**1.3. Giới thiệu về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh**

***1.3.1. Đặc điểm về môn học***

Là môn học được luật định, thể hiện rõ đường lối giáo dục của Đảng, được thể chế hoá bằng các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, nhằm giúp sinh viên thực hiện mục tiêu là góp phần “hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”[[1]](#footnote-1).

Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học bao gồm kiến thức khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học kĩ thuật quân sự, thuộc nhóm các môn học chung, có tỉ lệ lí thuyết chiếm 56,4%, thực hành chiếm 43,6% chương trình môn học. Nội dung bao gồm kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng, công tác quốc phòng và an ninh; kiến thức quân sự chung và kĩ năng kỹ thuật, chiến thuật quân sự cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Giáo dục quốc phòng và an ninh góp phần xây dựng, rèn luyện ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong quân sự. Giảng dạy và học tập có chất lượng môn học giáo dục quốc phòng và an ninh là góp phần đào tạo cho đất nước một đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật, cán bộ quản lí, chuyên môn nghiệp vụ có ý thức, năng lực sẵn sàng tham gia thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trên mọi cương vị công tác.

***1.3.2. Chương trình***

*1.3.2.1. Nội dung chương trình*

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình gồm 4 học phần với tổng thời lượng 165 tiết.

Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, 45 tiết.

Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh, 30 tiết.

Học phần III: Quân sự chung, 30 tiết.

Học phần 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật, 60 tiết.

*1.3.2.2. Tổ chức thực hiện chương trình*

- Đào tạo trình độ trung cấp sư phạm học 02 học phần, thời lượng 75 tiết, gồm Học phần I - Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam và Học phần III - Quân sự chung.

- Đào tạo liên thông từ trung cấp sư phạm lên cao đẳng sư phạm, đại học học bổ sung 02 học phần, thời lượng 90 tiết gồm Học phần II - Công tác quốc phòng và an ninh và Học phần IV - Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.

- Đào tạo trình độ cao đẳng sư phạm, đại học học đủ 04 học phần.

***1.3.3. Cơ sở vật chất thiết bị dạy học***

Các trường có trung tâm, khoa hoặc bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh phải có phòng học chuyên dùng, thao trường tổng hợp; có đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Việc quản lý, sử dụng và bảo quản vũ khí, trang thiết bị giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

***1.3.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập***

*1.3.4.1. Tổ chức dạy và học*

Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ở các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Các học viện, trường đại học, trường quân sự tổ chức trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hoặc tổ chức khoa, bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh để giúp giám đốc, hiệu trưởng quản lý và tổ chức giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên.

Các trường cao đẳng, trung cấp sư phạm tổ chức bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh, bộ môn ghép hoặc bố trí cán bộ phụ trách để giúp hiệu trưởng quản lý và tổ chức giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên.

*1.3.4.2. Đánh giá kết quả học tập*

*- Điều kiện kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học phần*

Sinh viên phải học đúng chương trình qui định của trình độ đào tạo, có đủ 80% thời gian có mặt nghe giảng lí thuyết trên lớp, thực hành tại thao trường mới được kiểm tra điều kiện, điểm điều kiện từ 5 điểm trở lên mới đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.

Điểm kiểm tra điều kiện và điểm thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Sinh viên được công nhận hoàn thành học phần khi có điểm thi kết thúc học phần đạt từ 05 điểm trở lên.

Kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh là điểm trung bình cộng các điểm học phần (tính theo hệ số tương ứng với số tín chỉ của từng học phần), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

*- Công nhận hoàn thành nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh*

Sinh viên tham gia học đúng chương trình qui định và có đủ điểm thi các học phần đạt từ 5 điểm trở lên.

Sinh viên được công nhận hoàn thành nội dung chương trình thì được xét cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

*- Điều kiện cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh*

Sinh viên được cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh khi điểm trung bình môn học đạt từ 05 điểm trở lên và tại thời điểm cấp chứng chỉ, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Không cấp chứng chỉ cho sinh viên là đối tượng được miễn học hoàn toàn chương trình môn học quốc phòng và an ninh.

Sinh viên chưa đủ điều kiện được cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh (Trừ trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự) học viện, nhà trường liên kết và Trung tâm sẽ bố trí học vào thời gian thích hợp và thông báo cho sinh viên biết thời gian học để hoàn thành chương trình theo quy định.

*- Miễn trừ học tập, tạm hoãn học tập môn học*

Sinh viên được miễn học, kiểm tra, thi kết thúc môn học nếu thuộc một trong các trường hợp sau: có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp; có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh tương đương với trình độ đào tạo hoặc cao hơn; có giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp đã hoàn thành và có điểm đạt yêu cầu của môn học trong chương trình đào tạo trình độ tương ứng hoặc cao hơn so chương trình đào tạo trình độ đang học; có bằng tốt nghiệp từ trình độ trung cấp sư phạm trở lên do cơ sở giáo dục hoặc cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cấp thì được miễn học, miễn kiểm tra, thi kết thúc môn học trong chương trình đào tạo trình độ tương ứng hoặc thấp hơn; sinh viên là người nước ngoài.

Sinh viên được miễn học, các nội dung thực hành kỹ năng quân sự nếu thuộc một trong các trường hợp sau: là tu sĩ thuộc các tôn giáo; không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành; đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

Sinh viên được tạm hoãn học môn học nếu thuộc một trong các trường hợp sau: vì lý do sức khỏe không bảo đảm để học môn học theo kế hoạch học tập trung và phải có giấy xác nhận của cơ sở y tế khám chữa bệnh hợp pháp; là phụ nữ đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định hiện hành; có lý do khác không thể tham gia hoàn thành môn học, kèm theo minh chứng cụ thể và phải được hiệu trưởng nhà trường hoặc được thủ trưởng trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh chấp thuận; sinh viên đang học tập ở nước ngoài hoặc đang học tập tại các trường của nước ngoài, các trường nước ngoài liên doanh, liên kết tại Việt Nam.

Đối tượng được miễn học và miễn thi các học phần: sinh viên chuyển trường (có giấy chuyển trường của cơ sở đào tạo cũ và giấy tiếp nhận của cơ sở đào tạo mới) được miễn học những nội dung đã được học của chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh; sinh viên đào tạo liên thông hoặc hoàn thiện trình độ cao hơn được hiệu trưởng nhà trường (Giám đốc) xem xét, quyết định cho miễn học những nội dung đã được học của chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh ở chương trình đào tạo trình độ thấp hơn.

**KẾT LUẬN**

Giáo dục quốc phòng và an ninh trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và đại học là môn học chính khóa. Khi thực hiện chương trình phải kết hợp giáo dục quốc phòng và an ninh với giáo dục chính trị tư tưởng, phổ biến, giáo dục pháp luật và gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện. Nội dung giáo dục toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm bằng các hình thức phù hợp; kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, giữa lý thuyết và thực hành. Xây dựng chương trình, nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh phải phù hợp với từng đối tượng, đáp ứng kịp thời tình hình thực tế. Các cơ sở giáo dục đào tạo, Trung tâm quốc phòng và an ninh và sinh viên cần phải thực sự quan tâm và nêu cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện chương trình môn học này.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Mục tiêu và đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ?
2. Chương trình và tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ?

**Chương 2**

**QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC**

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là những luận cứ lý luận khoa học, đúng đắn có giá trị thực tiễn to lớn để Đảng ta, Quân đội ta nghiên cứu, vận dụng trong công cuộc xây dựng Quân đội nhân dân và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch đang ráo riết đẩy mạnh các hoạt động tấn công nhằm hạ bệ giá trị của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phi chính trị hóa đối với Lực lượng vũ trang, tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Do đó, nghiên cứu, nắm vững và bảo vệ giá trị lý luận, khoa học, thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, quan điểm về chiến tranh, quân đội và vảo vệ Tổ quốc nói riêng là yêu cầu có tính cấp thiết, sống còn đối với mặt trận đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa hiện nay. Đồng thời còn là cơ sở để vận dụng xây dựng Quân đội ta, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân vững mạnh để bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời đại mới.

**2.1. Một số quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh**

***2.1.1. Quan điểm trước Mác về chiến tranh***

Trước Mác đã có nhiều nhà tư tưởng đề cập đến chiến tranh, song đáng chú ý nhất là tư tưởng của một số học giả tiêu biểu của các trường phái sau.

Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1770-1831) cho rằng: chiến tranh có một khía cạnh đạo đức riêng, góp phần tôn vinh giá trị cao quý của hoạt động sống của con người. Chiến tranh trắc nghiệm sức mạnh và khả năng vận hành của một quốc gia, tạo cơ hội gìn giữ đạo lý và tinh thần tự quyết của một dân tộc. Chiến tranh là hình thức xung đột căng thẳng và khốc liệt nhất; xung đột giữa các quốc gia được quyết định bởi chiến tranh. Bên cạnh việc nhận thấy chiến tranh là hình thức xung đột bạo lực cao nhất, nó kiểm tra tổng thể sức mạnh của quốc gia, Hegel còn có hạn chế cố hữa của trường phái duy tâm khi cho rằng chiến tranh là tất yếu, gắn liền với hòa bình, chiến tranh nhằm mục đích giữ gìn giá trị tinh thần quốc gia - dân tộc.

Carl von Clausewitz (1780 - 1831), Ông quan niệm: Chiến tranh là một hành vi bạo lực dùng để buộc đối phương phục tùng ý chí của mình. Chiến tranh là sự huy động sức mạnh không hạn độ, sức mạnh đến tột cùng của các bên tham chiến. Ở đây, C.Ph.Claudơvít đã chỉ ra được đặc trưng cơ bản của chiến tranh đó là sử dụng bạo lực. Tuy nhiên, C.Ph.Claudơvít chưa luận giải được bản chất của hành vi bạo lực ấy.

***2.1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chiến tranh***

Trên cơ sở tiếp thu các hạt nhân đúng đắn, khắc phục các quan điểm sai lầm, tiêu cực của các quan điểm phi Mác xít về chiến tranh, với thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng, kết hợp với phương pháp logic và lịch sử, dựa trên những thành tựu của khoa học đương thời, các nhà kinh điển của CN Mác – Lênin đã đưa ra những luận giải đúng đắn, khoa học về chiến tranh như sau.

*2.1.2.1. Khái niệm*

Chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định: chiến tranh là kết quả của những quan hệ giữa người với người trong xã hội. Nhưng nó không phải là những mối quan hệ giữa người với người nói chung, mà là mối quan hệ giữa những tập đoàn người có lợi ích cơ bản đối lập nhau. Khác với các hiện tượng chính trị - xã hội khác, chiến tranh được thể hiện dưới một hình thức đặc biệt, sử dụng một công cụ đặc biệt đó là bạo lực vũ trang. *Chiến tranh là hiện tượng chính trị xã hội có tính lịch sử, đó là cuộc đấu tranh vũ trang có tổ chức giữa các giai cấp, nhà nước (hoặc liên minh giữa các nước) nhằm đạt mục đích chính trị nhất định.*

- Mục đích của chiến tranh là nhằm đạt mục đích chính trị của các giai cấp, các nhà nước trong cuộc chiến tranh đó.

- Đặc trưng của chiến tranh là xung đột vũ trang giữa các giai cấp, các nhà nước hoặc liên minh các nhà nước.

- Tính chất của chiến tranh, nó ra đời, nảy sinh gắn với những điều kiện lịch sử, xã hội, chính trị nhất định.

*2.1.2.2. Nguồn gốc của chiến tranh*

C.Mác và Ph.Ăngghen lần đầu tiên trong lịch sử đã luận giải một cách đúng đắn về nguồn gốc nảy sinh chiến tranh.Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: sự xuất hiện và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là nguồn gốc sâu xa (nguồn gốc kinh tế), suy đến cùng đã dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh. Đồng thời, sự xuất hiện và tồn tại của giai cấp và đối kháng giai cấp là nguồn gốc trực tiếp (nguồn gốc xã hội) trực tiếp dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh.

Thực tiễn hình thành và phát triển xã hội loài người đã chứng minh cho nhận định trên. Trong tác phẩm: "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước", Ph.Ăngghen chỉ rõ: Trải qua hàng vạn năm trong chế độ cộng sản nguyên thủy, khi chưa có chế độ tư hữu, chưa có giai cấp đối kháng thì chiến tranh với tính cách là một hiện tượng chính trị xã hội cũng chưa xuất hiện.. Mặc dù ở thời kì này đã xuất hiện những cuộc xung đột vũ trang. Nhưng đó không phải là một cuộc chiến tranh mà chỉ là một dạng "Lao động thời cổ". Bởi vì, xét về mặt xã hội, xã hội cộng sản nguyên thuỷ là một xã hội không có giai cấp, bình đẳng, không có tình trạng phân chia thành kẻ giàu, người nghèo, kẻ đi áp bức bóc lột và người bị áp bức bóc lột. Về kinh tế, không có của "dư thừa tương đối" để người này có thể chiếm đoạt lao động của người khác, mục tiêu các cuộc xung đột đó chỉ để tranh giành các điều kiện tự nhiên thuận lợi để tồn tại như : nguồn nước, bãi cỏ, vùng săn bắn hay hang động,... Về mặt kĩ thuật quân sự, trong các cuộc xung đột này, tất cả các bên tham gia đều không có lực lượng vũ trang chuyên nghiệp, cũng như vũ khí chuyên dùng. Tất cả các thành viên của bộ lạc với mọi công cụ lao động thường ngày đều tham gia vào cuộc xung đột đó. Do đó, các cuộc xung đột vũ trang này hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên tự phát. Theo đó, Ph.Ăngghen chỉ rõ, khi chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất xuất hiện và cùng với nó là sự ra đời của giai cấp, tầng lớp áp bức bóc lột thì chiến tranh ra đời và tồn tại như một tất yếu khách quan. Chế độ áp bức bóc lột càng hoàn thiện thì chiến tranh càng phát triển. Chiến tranh trở thành "Bạn đường" của mọi chế độ tư hữu.

Phát triển những luận điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen về chiến tranh trong điều kiện lịch sử mới, V.I. Lênin chỉ rõ trong thời đại ngày nay, còn chủ nghĩa đế quốc còn nguy cơ xảy ra chiến tranh, chiến tranh là bạn đường của chủ nghĩa đế quốc.

Như vậy, chiến tranh có nguồn gốc từ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, có đối kháng giai cấp và áp bức bóc lột, chiến tranh không phải là một định mệnh gắn liền với con người và xã hội loài người. Muốn xoá bỏ chiến tranh phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra nó.

*2.1.2.3. Bản chất của chiến tranh*

Bản chất chiến tranh là một trong những nội dung cơ bản, quan trọng nhất của học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh, quân đội. Theo V.I. Lênin: "Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị bằng những biện pháp khác" (cụ thể là bằng bạo lực)[[2]](#footnote-2). Theo V.I. Lênin, khi phân tích bản chất chiến tranh, nhất thiết phải có quan điểm chính trị - giai cấp, xem chiến tranh chỉ là một hiện tượng lịch sử cụ thể.

Theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin: "Chính trị là sự phản ánh tập trung của kinh tế"[[3]](#footnote-3), "Chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc"[[4]](#footnote-4), chính trị là sự thống nhất giữa đường lối đối nội và đường lối đối ngoại, trong đó đường lối đối ngoại phụ thuộc vào đường lối đối nội. Như vậy, chiến tranh chỉ là một thời đoạn, một bộ phận của chính trị, nó không làm gián đoạn chính trị. Ngược lại, mọi chức năng, nhiệm vụ của chính trị đều được tiếp tục thực hiện trong chiến tranh. Giữa chiến tranh và chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó chính trị chi phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục chiến tranh, chính trị chỉ đạo toàn bộ hoặc phần lớn tiến trình và kết cục của chiến tranh, chính trị quy định mục tiêu và điều chỉnh mục tiêu, hình thức tiến hành đấu tranh vũ trang. Chính trị không chỉ kiểm tra toàn bộ quá trình tác chiến, mà còn sử dụng kết quả sau chiến tranh để đề ra những nhiệm vụ, những mục tiêu mới cho giai cấp, xã hội trên cơ sở thắng lợi hay thất bại của chiến tranh.

Ngược lại, chiến tranh là một bộ phận, một phương tiện của chính trị, là kết quả phản ánh những cố gắng cao nhất của chính trị. Chiến tranh tác động trở lại chính trị theo hai hướng tích cực hoặc tiêu cực; hoặc tích cực ở khâu này nhưng lại tiêu cực ở khâu khác. Chiến tranh có thể làm thay đổi đường lối, chính sách, nhiệm vụ cụ thể, thậm chí có thể còn thay đổi cả thành phần của lực lượng lãnh đạo chính trị trong các bên tham chiến. Chiến tranh tác động lên chính trị thông qua việc làm thay đổi về chất tình hình xã hội, nó làm phức tạp hoá các mối quan hệ và làm tăng thêm những mâu thuẫn vốn có trong xã hội có đối kháng giai cấp. Chiến tranh có thể đẩy nhanh sự chín muồi của cách mạng hoặc làm mất đi tình thế cách mạng. Chiến tranh kiểm tra sức sống của toàn bộ chế độ chính trị xã hội.

Trong thời đại ngày nay mặc dù chiến tranh có những thay đổi về phương thức tác chiến, vũ khí trang bị "song bản chất chiến tranh vẫn không có gì thay đổi, chiến tranh vẫn là sự tiếp tục chính trị của các nhà nước và giai cấp nhất định. Đường lối chính trị của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch vẫn luôn chứa đựng nguy cơ chiến tranh, đường lối đó đã quyết định đến mục tiêu chiến tranh, tổ chức biên chế, phương thức tác chiến, vũ khí trang bị" của quân đội do chúng tổ chức ra và nuôi dưỡng.

*2.1.2.4. Tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh*

Để có thái độ đúng đắn đối với chiến tranh, V.I.Lênin xác định: “Đối với người Mácxít thì làm sáng tỏ tính chất của chiến tranh là tiền đề cần thiết để giải quyết vấn đề thái độ của mình đối với chiến tranh”[[5]](#footnote-5). Thực chất phạm trù tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh là sự phân định vai trò của mỗi bên tham chiến đối với tiến bộ xã hội. Tức, việc tham gia chiến tranh nhằm tiêu diệt lực lượng phản động, phản cách mạng, góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội thì đó là cuộc chiến tranh chính nghĩa. Ngược lại, nếu việc tham chiến nhằm mục đích xâm lược, củng cố, gia tăng sự áp bức, bóc lột, kìm hãm tiến bộ xã hội đó là cuộc chiến tranh phi nghĩa.

Muốn đánh giá tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh phải đảm bảo tính cơ bản, khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể trên các mặt: chính trị, đạo đức, luật pháp, thẩm mỹ. Trong đó, đánh giá về mặt chính trị là quan trọng nhất, mấu chốt nhất, bởi vì theo V.I Lênin: “Chiến tranh chẳng qua chỉ là chính trị từ đầu đến cuối”[[6]](#footnote-6). Tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh là biểu hiện cụ thể hoá bản chất của chiến tranh và vai trò của mỗi bên tham chiến đối với tiến bộ xã hội. Bản chất chiến tranh được che dấu dưới nhiều hiện tượng, chiêu bài, cho nên thông qua những căn cứ, tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh và thái độ của các lực lượng xã hội, từ đó vạch trần bản chất thực sự của mỗi bên tham chiến. Theo đó, chiến tranh chính nghĩa là cuộc chiến tranh do giai cấp tiến bộ lãnh đạo tiến hành, nhằm thực hiện mục đích chính trị tốt đẹp, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội, với xu thế của thời đại và nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân lao động. Thời đại hiện nay, những cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc; chiến tranh bảo vệ tổ quốc do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiến hành chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, đó là những cuộc chiến tranh chính nghĩa. Chiến tranh phi nghĩa là cuộc chiến tranh do giai cấp lỗi thời, phản động lãnh đạo tiến hành, nhằm thực hiện mục đích chính trị phản động, trái với quy luật phát triển của xã hội, với xu thế của thời đại và nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân lao động. Thời đại hiện nay, những cuộc chiến tranh xâm lược, chiến tranh chống chủ nghĩa xã hội, chống phong trào giải phóng dân tộc và tiến bộ xã hội, đều là chiến tranh phi nghĩa.

Trong chiến tranh thường có một bên chính nghĩa và một bên phi nghĩa, nhưng có cuộc chiến tranh tất cả các bên tham chiến đều phi nghĩa. Do đó, mỗi bên tham chiến đều cố tình chứng minh cuộc chiến tranh mà mình tiến hành là chính nghĩa. Ngoài ra, tính chất chính trị - xã hội của cuộc chiến tranh cụ thể không cố định, bất biến mà có sự vận động, biến đổi từ chính nghĩa sang phi nghĩa hoặc ngược lại. Do quá trình chiến tranh có thể diễn ra những thay đổi về mục tiêu chính trị, so sánh lực lượng, phương thức đấu tranh.

*2.1.2.5. Qui luật cơ bản của chiến tranh*

Học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh chỉ rõ: Quy luật chiến tranh là những mối liên hệ cơ bản, tất yếu, ổn định mang tính phổ biến giữa các mặt, các yếu tố của chiến tranh, quyết định sự phát sinh, phát triển, kết cục của chiến tranh. Quy luật chiến tranh chỉ tồn tại và biểu hiện thông qua hoạt động của con người. Không có hoạt động của con người sẽ không có sự nảy sinh và tồn tại của các quy luật chiến tranh. Quy luật chiến tranh mang tính xu hướng, tính lịch sử cụ thể, gắn với không gian, thời gian, điều kiện hoàn cảnh nhất định. Quy luật chiến tranh vận động phức tạp, nhanh chóng và có nhiều đột biến. Ph.Ăngghen cho rằng: “Khởi nghĩa là một bài toán có những đại lượng rất bất định mà giá trị có thể thay đổi từng ngày”[[7]](#footnote-7).

Quy luật cơ bản nhất của chiến tranh là mạnh được yếu thua. Theo quan điểm của CN Mác - Lênin, kết quả của chiến tranh được quyết định bởi sự so sánh giữa các bên tham chiến về tổng hòa của các yếu tố cơ bản: chính trị - tinh thần, kinh tế, quân sự, khoa học – công nghệ. Tức là, bên nào huy động, tổ chức được các lực lượng, phương tiện, vũ khí trang bị (cả vật chất và tinh thần, cả bên trong và bên ngoài) để tạo nên sức mạnh tổng lực lớn hơn đối phương; biết vận dụng thực hành các phương thức tác chiến hiệu quả hơn; xây dựng, tổ chức được thế trận chiến tranh vững chắc hơn bên đó sẽ giành chiến thắng.

V.I.Lênin đặc biệt nhấn mạnh về vai trò của nhân tố chính trị tinh thần trong chiến tranh: “Trong mọi cuộc chiến tranh rốt cuộc thắng lợi đều phụ thuộc vào tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường”[[8]](#footnote-8). Vì thế, ưu thế trong chiến tranh sẽ thuộc về phía có khả năng chịu đựng mọi thử thách của chiến tranh và ý chí quyết thắng của quân đội và nhân dân cao hơn.

***2.1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh***

Trên cơ sở tiếp thu và vận dụng sáng tạo quan điểm của CN Mác – Lênin về chiến tranh, truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc ta và các tư tưởng chiến tranh của nhân loại, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh là hệ thống các quan điểm đúng đắn, khoa học, tiến bộ về chiến tranh và gắn với cuộc chiến tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam.

*2.1.3.1. Mục đích của chiến tranh*

Thực dân Pháp đã che đậy mục đích thực sự của cuộc chiến tranh đối với nước ta bằng các thủ đoạn mỵ dân, ru ngủ nhân dân khi chúng tuyên truyền rằng, người Pháp “khai hóa văn minh” cho người An Nam. Để vạch trần bản chất cuộc chiến tranh của thực dân Pháp đối với nước ta, từ đó thức tỉnh các tầng lớp nhân dân, khi nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, Hồ Chí Minh đã khái quát bằng hình ảnh "con đỉa hai vòi", một vòi hút máu nhân dân lao động chính quốc, một vòi hút máu nhân dân lao động thuộc địa. Trong hội nghị Véc – Xây, Hồ Chí Minh đã vạch trần bản chất, bộ mặt thật của sự xâm lược thuộc địa và chiến tranh cướp bóc của chủ nghĩa thực dân Pháp: "Người Pháp khai hoá văn minh bằng rượu lậu, thuốc phiện".

Nói về mục đích cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người khẳng định: "Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước của ta. Chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Còn thực dân phản động Pháp thì mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ"[[9]](#footnote-9). Như vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, cuộc chiến tranh do thực dân Pháp tiến hành ở nước ta là cuộc chiến tranh xâm lược. Ngược lại cuộc chiến tranh của nhân ta chống thực dân Pháp xâm lược là cuộc chiến tranh nhằm giành lại và bảo vệ độc lập, chủ quyền, và thống nhất đất nước.

*2.1.3.2. Tính chất xã hội của chiến tranh và phương pháp cách mạng*

Trên cơ sở mục đích chính trị của chiến tranh, Hồ Chí Minh đã xác định tính chất xã hội của chiến tranh, chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, chiến tranh chống xâm lược là chính nghĩa, từ đó xác định thái độ của chúng ta là ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin về bạo lực cách mạng, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo vào thực tiễn chiến tranh cách mạng Việt Nam. Người khẳng định: "Chế độ thực dân, tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực, độc lập tự do không thể cầu xin mà có được, phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền"[[10]](#footnote-10). Bạo lực cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh được tạo bởi sức mạnh của toàn dân, bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

*2.1.3.3. Phương châm tiến hành chiến tranh*

Hồ Chí Minh Khẳng định: Ngày nay chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Người chủ trương phải dựa vào dân, coi dân là gốc, là cội nguồn của sức mạnh để "xây dựng lầu thắng lợi" với phương châm tiến hành chiến tranh: "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh".

Tư tưởng của Người được thể hiện rõ nét trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người viết ngày 19/12/1946: "Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc... hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước"[[11]](#footnote-11). Để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược, Người tiếp tục khẳng định: "Ba muơi mốt triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kì già trẻ, gái trai, phải là ba mươi mốt triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mĩ cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng"[[12]](#footnote-12).

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, kháng chiến toàn dân phải đi đôi với kháng chiến toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đánh địch trên tất cả các mặt trận: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá... ngoại giao. Người khẳng định: "Kháng chiến phải trường kỳ, vì đất ta hẹp, dân ta ít, nước ta nghèo, ta phải chuẩn bị lâu dài". Đánh lâu dài là do tương quan so sánh lực lượng ban đầu giữa ta và địch, địch dựa vào thế mạnh về quân sự, kinh tế để thực hiện đánh nhanh, thắng nhanh; ta phải trường kỳ kháng chiến để tránh thế mạnh ban đầu của địch và có thời gian chuyển hóa lực lượng từ yếu thành mạnh để thắng địch. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh tự lực cánh sinh, phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, giữ vững chủ động trong chiến tranh. Tự lực cánh sinh là dựa vào sức mình là chính, cả sức mạnh vật chất và tinh thần của toàn thể dân tộc Việt Nam. Người khẳng định: "Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập"[[13]](#footnote-13).

*2.1.3.4. Phương thức tiến hành chiến tranh*

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ phương thức ti n hành chiến tranh là chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Là cuộc chiến tranh toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Đây là nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh.

Người viết "Trước kia, chỉ có quân đội đánh nhau ở tiền tuyến và trên mặt đất hay trên mặt nước, nên người ta gọi là bình diện chiến tranh. Ngày nay, đánh nhau ở cả trên không và cả ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương, nên người ta gọi là lập thể chiến tranh. Trước kia, chỉ đánh nhau về mặt quân sự, ngày nay đánh nhau về đủ mọi mặt: quân sự, kinh tế, chính trị, tư tưởng nên người ta gọi là toàn diện chiến tranh. Chiến tranh ngày nay phức tạp và hết sức khó khăn. Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể thắng lợi được"[[14]](#footnote-14).

Người khẳng định rằng chiến tranh nhân dân phải có lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt, có hậu phương vững mạnh. Phải xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích); xây dựng lực lượng quần chúng cách mạng đông đảo ở cả vùng giải phóng và vùng địch tạm chiếm. Chúng ta đã thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân hết sức độc đáo, hiệu quả, bằng sự kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn ch lực cơ động; trong đó, các binh đoàn chủ lực giữ vai trò nòng cốt trong các chiến dịch, thực hiện tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng quy mô lớn. Chiến tranh nhân dân địa phương phát huy cao độ sức mạnh của toàn dân đánh giặc, với các hình thức và cách đánh linh hoạt, tạo thế, giữ thế, thời cơ cho lực lượng chủ lực cơ động thực hiện đòn đánh tiêu diệt lớn quân địch ở địa điểm và thời cơ quyết định, tạo bước ngoặt làm thay đổi tương quan so sánh lực lượng và cục diện chiến trường có lợi cho ta.

Sự khái quát trên đã phản ánh nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại mới và là một sự phát triển đến đỉnh cao tư tưởng vũ trang toàn dân của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự phát triển sâu sắc làm phong phú thêm lí luân mác xít về chiến tranh nhân dân trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam.

**2.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội**

Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội là những luận điểm cách mạng, khoa học về quân đội và xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân nhằm đấu tranh cách mạng, giành chính quyền và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

***2.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quân đội***

*2.2.1.1. Khái niệm quân đội*

Theo Ph.Ăngghen: "Quân đội là một tập đoàn người vũ trang, có tổ chức do nhà nước xây dựng để dùng vào cuộc chiến tranh tiến công hoặc chiến tranh phòng ngự"[[15]](#footnote-15).

Như vậy theo Ph.Ăngghen, quân đội là một tổ chức của một giai cấp và nhà nước nhất định, là công cụ bạo lực vũ trang chủ yếu nhất, là lực lượng nòng cốt để nhà nước, giai cấp tiến hành chiến tranh và đấu tranh vũ trang.

Trong điều kiện chủ nghĩa tư bản phát triển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền (Chủ nghĩa đế quốc), V.I. Lênin nhấn mạnh: chức năng cơ bản của quân đội đế quốc là phương tiện quân sự chủ yếu để đạt mục đích chính trị đối ngoại là tiến hành chiến tranh xâm lược và duy trì quyền thống trị của bọn bọc lột đối với nhân dân lao động trong nước.

*2.2.1.2. Nguồn gốc của quân đội*

Từ khi quân đội xuất hiện đến nay, đã có không ít nhà lí luận đề cập đến nguồn gốc, bản chất của quân đội trên các khía cạnh khác nhau. Nhưng chỉ có chủ nghĩa Mác - Lênin mới lí giải đúng đắn và khoa học về hiện tượng chính trị xã hội đặc thù này.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chứng minh một cách khoa học về nguồn gốc ra đời của quân đội từ sự phân tích cơ sở kinh tế - xã hội và khẳng định: quân đội là một hiện tượng lịch sử, ra đời trong giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người, khi xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự đối kháng giai cấp trong xã hội. Chính chế độ tư hữu và đối kháng giai cấp đã làm nẩy sinh nhà nước thống trị bóc lột. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và đàn áp quần chúng nhân dân lao động giai cấp thống trị đã tổ chức ra lực lượng vũ trang thường trực làm công cụ bạo lực của nhà nước.

Như vậy, chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng là nguồn gốc ra đời của quân đội. Chừng nào còn chế độ tư hữu, còn chế độ áp bức bóc lột thì quân đội vẫn còn tồn tại. Quân đội chỉ mất đi khi giai cấp, nhà nước và những điều kiện sinh ra nó tiêu vong.

*2.2.1.3. Bản chất giai cấp của quân đội*

Khi bàn về bản chất của quân đội, chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định bản chất quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của một giai cấp, nhà nước nhất định nhằm mục đích bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và nhà nước tổ chức, nuôi dưỡng, sử dụng nó. Bản chất giai cấp của quân đội phụ thuộc vào bản chất giai cấp của nhà nước đã tổ chức ra quân đội đó. Quân đội do giai cấp, nhà nước tổ chức, nuôi dưỡng và xây dựng theo đường lối, quan điểm chính trị, quân sự của giai cấp mình. Đó là cơ sở để quân đội trung thành với nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra nó.

Bản chất giai cấp của quân đội không phải tự phát hình thành mà phải trải qua quá trình xây dựng lâu dài và được củng cố liên tục. Bản chất giai cấp quân đội là tương đối ổn định, nhưng không phải là bất biến. Sự vận động phát triển bản chất giai cấp của quân đội bị chi phối bởi nhiều yếu tố như: giai cấp, nhà nước, các lực lượng, tổ chức chính trị xã hội và việc giải quyết các mối quan hệ trong nội bộ trong quân đội. Do sự tác động của các yếu tố trên mà bản chất giai cấp của quân đội có thể được tăng cường hoặc bị phai nhạt, thậm chí bị biến chất và tuột khỏi tay nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra, nuôi dưỡng quân đội đó. Sự thay đổi bản chất giai cấp quân đội diễn ra dần dần thông qua việc tăng cường hoặc suy yếu dần các mối quan hệ trên.

Trong tình hình hiện nay, các học giả tư sản thường rêu rao luận điểm "phi chính trị hoá quân đội", cho quân đội phải đứng ngoài chính trị, quân đội là công cụ bạo lực của toàn xã hội, không mang bản chất giai cấp. Thực chất quan điểm "phi chính trị hoá quân đội" của các học giả tư sản nhằm làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, làm giảm sức mạnh chiến đấu, từng bước làm thoái hoá về chính trị tư tưởng, phai nhạt bản chất cách mạng của quân đội. Đó là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc. Mặt khác, mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động không nhỏ tới tăng cường bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng của quân đội. Những biểu hiện cường điệu lợi ích vật chất, lề thói thực dụng, cơ hội về chính trị, sự suy giảm về đạo đức cách mạng là những cản trở trong xây dựng quân đội cách mạng hiện nay.

*2.2.1.4. Sức mạnh chiến đấu của quân đội*

Theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: con người, điều kiện kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, vũ khí trang bị, khoa học quân sự. Trong xây dựng sức mạnh chiến đấu quân đội, các ông rất chú trọng đến khâu đào tạo đội ngũ cán bộ, đánh giá và nhận xét về tài năng của các tướng lĩnh quân sự, đồng thời phê phán sự yếu kém của đội ngũ này.

Bảo vệ và phát triển tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I. Lênin đã chỉ rõ sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: yếu tố quân số, tổ chức, cơ cấu biên chế; yếu tố chính trị - tinh thần và kỉ luật; số lượng, chất lượng vũ khí trang bị kĩ thuật ; trình độ huấn luyện và thể lực; trình độ khoa học và nghệ thuật quân sự; bản lĩnh lãnh đạo, trình độ tổ chức chỉ huy của cán bộ các cấp. Giữa các yếu tố trên có mối quan hệ biện chứng với nhau. Tuy nhiên, vị trí, vai trò của từng yếu tố là không ngang bằng nhau, trong những điều kiện xác định, yếu tố chính trị tinh thần giữ vai trò quyết định đến sức mạnh chiến đấu của quân đội. V.I. Lênin khẳng định: "Trong mọi cuộc chiến tranh rốt cuộc thắng lợi đều tuỳ thuộc vào tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường"[[16]](#footnote-16).

*2.2.1.5. Nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới của Lênin*

V.I. Lênin kế thừa, bảo vệ và phát triển lí luận của C.Mác, Ph.Ăngghen về quân đội và vận dụng thành công trong xây dựng quân đôị kiểu mới của giai cấp vô sản. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, các thế lực thù địch điên cuồng chống phá nước Nga Xô viết. Để bảo vệ thành quả cách mạng, V.I. Lênin yêu cầu phải giải tán quân đội cũ và thành lập quân đội kiểu mới (Hồng quân) của giai cấp vô sản. V.I. Lênin đã chỉ ra những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng quân đội kiểu mới:

+ Đảng cộng sản lãnh đạo Hồng quân.

+ Tăng cường bản chất giai cấp công nhân.

+ Đoàn kết thống nhất quân đội với nhân dân.

+ Trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

+ Xây dựng chính quy.

+ Không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức.

+ Phát triển hài hoà các quân chủng, binh chủng.

+ Sẵn sàng chiến đấu.

Trong đó sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là nguyên tắc quan trọng nhất, quyết định đến sức mạnh, sự tồn tại, phát triển, chiến đấu, chiến thắng của Hồng quân.

Ngày nay, những nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của V.I. Lênin vẫn giữ nguyên giá trị. Là cơ sở lí luận khoa học cho các Đảng Cộng sản xác định phương hướng tổ chức xây dựng quân đội của mình.

***2.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội***

*2.2.2.1. Sự ra đời của Quân đội nhân dân Việt Nam là một tất yếu khách quan*

Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa sự ra đời của quân đội với sự nghiệp giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc. Khẳng định sự ra đời của quân đội là một tất yếu, là vấn đề có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam, Người viết: "Dân tộc Việt Nam nhất định phải được giải phóng. Muốn đánh chúng phải có lực lượng quân sự, phải có tổ chức"[[17]](#footnote-17).

Ngày 22-12-1944, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của quân đội ta hiện nay được thành lập. Sự ra đời của quân đội xuất phát từ chính yêu cầu của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp ở nước ta. Thực tiễn lịch sử cho thấy, kẻ thù sử dụng bạo lực phản cách mạng để áp bức nô dịch dân tộc ta. Do vậy, muốn giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp chúng ta phải tổ chức ra bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng.

Để thực hiện mục tiêu cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức ra lực lượng vũ trang cách mạng làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc mà tiền thân của nó là những đội xích vệ đỏ, du kích vũ trang, sau đó phát triển thành quân đội nhân dân. Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động, đấu tranh với kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc.

Quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta luôn luôn gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng, với các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chính từ thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng, những thăng trầm của chiến tranh, những thử thách ác liệt cùng với những hi sinh to lớn mà phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" được rèn luyện, kiểm nghiệm nghiêm ngặt nhất và được phát triển lên những đỉnh cao.

Ngay từ khi mới thành lập mặc dù đại bộ phận cán bộ chiến sĩ xuất thân từ nông dân nhưng tất cả họ đều là những người có lòng yêu nước mãnh liệt, trí căm thù giặc sâu sắc. Trải qua những năm tháng phục vụ trong quân đội họ không ngừng được nâng cao giác ngộ cách mạng, chuyển từ giác ngộ dân tộc lên giác ngộ giai cấp, từ tinh thần độc lập dân tộc lên ý thức xã hội chủ nghĩa, chuyển lập trường của giai cấp xuất thân sang lập trường giai cấp công nhân để xem xét giải quyết đánh giá công việc. Sự thống nhất hữu cơ trên, từ nét đặc thù về chế độ chính trị, bản chất Nhà nước, giai cấp tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng quân đội. Quân đội nhân dân Việt Nam sinh ra từ các phong trào cách mạng của quần chúng, được nhân dân nuôi dưỡng, đùm bọc, che trở và tiếp sức, lại được tổ chức giáo dục rèn luyện bởi Đảng Cộng sản Việt Nam - Người đại biểu trung thành cho lợi ích giai cấp, dân tộc và nhân dân, vì vậy quân đội luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

*2.2.2.2. Bản chất của Quân đội nhân dân Việt Nam*

Với cương vị là người tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện quân đội ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên coi trọng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội. Bản chất giai cấp công nhân liên hệ mật thiết với tính nhân dân trong tiến hành chiến tranh nhân dân chống thực dân, đế quốc xâm lược. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và coi đó là cơ sơ, nền tảng để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện. Trong buổi lễ phong quân hàm cho các cán bộ cao cấp Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 22 /12 /1958, Người vừa biểu dương, vừa căn dặn: "Quân đội đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao cho, đã có truyền thống vẻ vang là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, chiến đấu anh dũng, công tác và lao động tích cực, tiết kiệm, cần cù, khiêm tốn, giản dị, đoàn kết nội bộ, đồng cam cộng khổ với nhân dân, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ"[[18]](#footnote-18). Lời căn dặn của Người là sự khái quát các phẩm chất, tiêu chí của bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta. Trong bài nói chuyện tại buổi chiêu đãi mừng quân đội ta tròn hai mươi tuổi ngày 22/12/1964, một lần nữa Hồ Chí Minh lại khẳng định, bản chất giai cấp của quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của giai cấp, nhà nước. Người viết: "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"[[19]](#footnote-19).

Quân đội nhân dân Việt Nam được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tổ chức lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện, được nhân dân hết lòng yêu thương, đùm bọc, đồng thời được kế thừa những truyền thống tốt đẹp của một dân tộc có hàng ngàn năm văn hiến và lịch sử đấu tranh dựng nước gắn liền với giữ nước oanh liệt. Do đó, ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình phát triển, quân đội ta luôn thực sự là một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.

Người khẳng định, quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu*.* Đây là một trong những cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phát triển lí luận về quân đội. Người lập luận, bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân của quân đội ta là một thể thống nhất, xem đó như là biểu hiện tính quy luật của quá trình hình thành, phát triển quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản. Trong bài Tình đoàn kết quân dân ngày càng thêm bền chặt 3/3/1952, Người viết: "Quân đội ta là quân đội nhân dân. Nghĩa là con em ruột thịt của nhân dân. Đánh giặc để tranh lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc, để bảo vệ tự do, hạnh phúc của nhân dân. Ngoài lợi ích của nhân dân, quân đội ta không có lợi ích nào khác"[[20]](#footnote-20).

*2.2.2.3. Sức mạnh chiến đấu của quân đội Quân đội nhân dân Việt Nam*

Thấm nhuần quan điểm của V. I. Lênin về xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, chỉ đạo xây dựng Quân đội ta vững mạnh về mọi mặt. Người cho rằng, sức mạnh chiến đấu của quân đội là sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố: con người, vũ khí trang bị, trong đó yếu tố con người giữ vai trò quyết định.Người nói: “Vì chúng ta quên một lẽ rất giản đơn dễ hiểu: tức là vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”[[21]](#footnote-21). Người cho rằng, để nâng cao sức mạnh quân đội thì trước hết phải tăng cường sức mạnh chính trị tinh thần. Người khẳng định: “Dù địch có những vũ khí tối tân, hùng binh ác tướng, nhưng chúng ta lại có những thứ vũ khí mạnh mẽ hơn, bền bỉ hơn chúng. Chúng ta có cái chí quật cường không núng của dân tộc, chúng ta có sự đoàn kết của toàn dân. Chúng ta có cái lòng hy sinh cảm tử của chiến sĩ ở tiền tuyến. Chúng ta có cái sức kiên quyết nhẫn nại của đồng bào ở hậu phương. Đó là những vũ khí luôn luôn chiến thắng quân thù, chứ không lực lượng nào chiến thắng được những vũ khí đó”[[22]](#footnote-22).

*2.2.2.4. Cơ chế, nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam*

Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội là một nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản.Bắt nguồn từ nguyên lí chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm đến công cụ đặc biệt này để nó thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong đấu tranh giai cấp, kể cả tiến hành chiến tranh.

Đảng Cộng sản Việt Nam - Người tổ chức lãnh đạo giáo dục và rèn luyện quân đội - là nhân tố quyết định sự hình thành và phát triển bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta. Trong suốt quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội, Đảng cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự chăm lo đặc biệt đối với quân đội. Điều này được thể hiện rõ nét trong cơ chế lãnh đạo: tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội trong thực hiện chế độ công tác đảng, công tác chính trị. Nhờ đó, Quân đội nhân dân Việt Nam trở thành một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. Thành tựu to lớn trong tăng cường bản chất giai cấp công nhân cho quân đội ta là, Đảng đã đào tạo nên những thế hệ "Bộ đội cụ Hồ", một mẫu hình mới của con người xã hội chủ nghĩa trong quân đội kiểu mới. Như vậy, không có một Đảng Cộng sản chân chính, không có một giai cấp công nhân Việt Nam cách mạng, kiên định lập trường xã hội chủ nghĩa, thì quân đội nhân dân Việt Nam không thể giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, mục tiêu lí tưởng chiến đấu của mình. Chủ tịch H Chí Minh đã chỉ rõ : Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là một Quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục.

*2.2.2.5. Nhiệm vụ, chức năng cơ bản của Quân đội nhân dân Việt Nam*

Mục tiêu lí tưởng chiến đấu của quân đội ta là thực hiện mục tiêu lí tưởng cách mạng của Đảng, của giai cấp công nhân và của toàn dân tộc: Gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Hiện nay quân đội ta có hai nhiệm vụ chính. Một là, xây dựng một đội quân ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu. Hai là, thiết thực tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội"[[23]](#footnote-23). Nhiệm vụ chủ yếu của quân đội ta hiện nay là phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng và của quân đội, ngoài nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, quân đội phải tham gia vào nhiệm vụ xây dựng đất nước, sản xuất ra của cải vật chất và tiến hành công tác huấn luyện. Đây là vấn đề khác về chất so với quân đội của giai cấp bóc lột.

Quân đội ta có ba chức năng: Là đội quân chiến đấu, là đội quân công tác, là đội quân sản xuất. Ba chức năng đó phản ánh cả mặt đối nội, đối ngoại của quân đội. Với tư cách là đội quân chiến đấu, quân đội luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội, tham gia vào cuộc tiến công địch trên mặt trận lí luận, chính trị - tư tưởng, văn hoá; là đội quân sản xuất, quân đội tăng gia sản xuất cải thiện đời sống cho bộ đội, xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng, phát triển đất nước, trong điêù kiện hiện nay, quân đội còn là lực lượng nòng cốt và xung kích trong xây dựng kinh tế - quốc phòng ở các địa bàn chiến lược, nhất là ở biên giới, biển đảo, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn gian khổ và ở những địa bàn có những tình huống phức tạp nảy sinh; là đội quân công tác, quân đội tham gia vận động quần chúng nhân dân xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh, góp phần tăng cường sự đoàn kết giữa Đảng với nhân dân, quân đội với nhân dân; giúp dân chống thiên tai, giải quyết khó khăn trong sản xuất và đời sống, tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ và chấp hành đúng đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thực tiễn hơn 60 năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của quân đội ta đã chứng minh: quân đội đã thực hiện đầy đủ và thực hiện xuất sắc ba chức năng trên cùng toàn Đảng, toàn dân lập nên những chiến công hiển hách trong chiến tranh giải phóng. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, quân đội có vai trò hết sức nặng nề. Quân đội luôn phải là đội quân cách mạng, lực lượng chính trị, công cụ vũ trang sắc bén của Đảng, có sức chiến đấu cao, sẵn sàng đánh bại mọi kẻ thù, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ... Để thực hiện vai trò đó, cần đổi mới nhận thức về các chức năng của quân đội cho phù hợp với tình hình mới.

**2.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa**

***2.3.1. Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã h i chủ nghĩa***

Tổ quốc bao giờ cũng gắn với nhà nước và giai cấp thống trị xã hội. Vấn đề Tổ quốc của giai cấp nào và giai cấp nào không có tổ quốc. Theo nghĩa đó mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: "Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân không có Tổ quốc" . Trong điều kiện lịch sử cụ thể, thời C.Mác và Ph.Ăngghen sống, vấn đề bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chưa được đặt ra một cách trực tiếp. Bài học kinh nghiệm của Công xã Pari có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bảo vệ thành quả cách mạng, sau khi giai cấp vô sản giành chính quyền, nhưng mới chỉ là ý kiến ban đầu về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Học thuyết bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một cống hiến mới của V.I. Lênin vào kho tàng lí luận chủ nghĩa Mác, đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đang đặt ra trực tiếp ở nước Nga Xô viết.

*2.3.1.1. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan*

Xuất phát từ yêu cầu bảo vệ thành quả cách mạng của giai cấp công nhân. Trong điều kiện giai cấp tư sản nắm chính quyền, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ ra rằng, giai cấp công nhân phải đấu tranh trở thành giai cấp dân tộc, khi ấy chính giai cấp công nhân là người đại diện cho Tổ quốc, họ có nhiệm vụ phải đẩy lùi sự tấn công của bọn phản cách mạng.

Xuất phát từ quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. V.I. Lênin là người có công đóng góp to lớn trong việc bảo vệ và phát triển học thuyết về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, Người khẳng định: "Kể từ ngày 25 tháng Mười 1917, chúng ta là những người chủ trương bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta tán thành "bảo vệ Tổ quốc", nhưng cuộc chiến tranh giữ nước mà chúng ta đang đi tới là một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tư cách là Tổ quốc"[[24]](#footnote-24). Ngay sau khi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động được thiết lập thì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cũng bắt đầu hình thành. Giai cấp công nhân bắt tay vào công cuộc cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới - xã hội, xã hội chủ nghĩa. Cùng với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cũng được đặt ra một cách trực tiếp, nó trở thành nhiệm vụ chiến lược của các nước xã hội chủ nghĩa hai nhiệm vụ chiến lược này gắn bó hữu cơ với nhau trong suốt quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc. Ngay từ những năm cuối thế kỉ XIX, V.I. Lênin đã chỉ ra, do quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc mà chủ nghĩa xã hội có thể giành thắng lợi không đồng thời ở các nước. Do đó, trong xuốt thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi thế giới, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là hai chế độ xã hội đối lập nhau cùng tồn tại và đấu tranh với nhau hết sức quyết liệt.

Xuất phát từ bản chất, âm mưu của kẻ thù và thực tiễn cách mạng thế giới. Sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp tư sản trong nước tuy đã bị đánh đổ về mặt chính trị, nhưng chúng vẫn chưa từ bỏ tham vọng muốn quay trở lại địa vị thống trị đã mất. Do vậy, chúng tìm mọi cách liên kết với các phần tử phản động và chủ nghĩa tư bản bên ngoài hòng lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ của giai cấp công nhân. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh rằng, từ khi Tổ quốc xã hội chủ nghĩa xuất hiện, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa phải đương đầu chống trả những âm mưu và hành động lật đổ, xâm lược của kẻ thù bên trong và bên ngoài. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, mười bốn nước đế quốc tập trung bao vây hòng tiêu diệt nước Nga Xô viết.

Từ khi chủ nghĩa xã hội phát triển thành hệ thống thế giới, sự chống phá của kẻ thù càng quyết liệt hơn. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là một tổn thất của phong trào cách mạng thế giới, song nó cũng để lại cho các nước xã hội chủ nghĩa những bài học đắt giá rằng: xây dựng chủ nghĩa xã hội phải luôn gắn liền với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Có như vậy, Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mới tồn tại và phát triển. Thực tiễn trên đây một lần nữa đã chứng minh cho luận điểm của V.I. Lênin rằng: giành chính quyền đã khó, nhưng giữ được chính quyền còn khó khăn hơn.

*2.3.1.2. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động*

Trong những năm đầu của chính quyền Xô Viết, V.I. Lênin trực tiếp lãnh đạo xây dựng đất nước, chống lại sự chống phá của kẻ thù trong nước và sự can thiệp của đế quốc bên ngoài. Đó là những năm tháng cực kì gian khổ, khó khăn, Người chỉ rõ: bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của giai cấp vô sản trong nước, nhân dân lao động và giai cấp vô sản thế giới có nghĩa vụ ủng hộ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, V.I. Lênin luôn nhắc nhở mọi người phải luôn nêu cao cảnh giác, đánh giá đúng kẻ thù, tuyệt đối không chủ quan, phải có thái độ nghiêm túc đối với quốc phòng. Người luôn lạc quan tin tưởng về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Người khẳng định: "Không bao giờ người ta có thể chiến thắng được một dân tộc mà đa số công nhân và nông dân đã biết, đã cảm và trông thấy rằng họ bảo vệ chính quyền của mình, chính quyền Xô viết, chính quyền của những người lao động, rằng họ bảo vệ sự nghiệp mà một khi thắng lợi sẽ đảm bảo cho họ cũng như con cái họ có khả năng hưởng thụ mọi thành quả văn hoá, mọi thành quả lao động của con người"[[25]](#footnote-25).

*2.3.1.3. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đối ngoại*

Học thuyết Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I. Lênin đã khẳng định: Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp thiêng liêng, cao cả, mang tính cách mạng, chính nghĩa và có ý nghĩa quốc tế sâu sắc, sự nghiệp đó phải được quan tâm, chuẩn bị chu đáo và kiên quyết. V.I. Lênin đã đưa ra nhiều biện pháp để bảo vệ Tổ quốc như: củng cố chính quyền Xô viết các cấp; bài trừ nội phản, tiêu diệt bọn bạch vệ; đẩy mạnh phát triển kinh tế - văn hoá, khoa học kĩ thuật, vận dụng đường lối đối ngoại khôn khéo, kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù; hết sức chăm lo xây dựng quân đội kiểu mới. V.I. Lênin cùng Đảng Bôn-xê-vích Nga lãnh đạo nhân dân, tranh thủ thời gian hoà bình, xây dựng đất nước mạnh lên về mọi mặt, từng bước biến các tiềm lực thành sức mạnh hiện thực của nền quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

*2.3.1.4. Đảng cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*

V.I. Lênin chỉ ra rằng: Đảng Cộng sản phải lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đảng phải đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình, có sáng kiến để lôi kéo quần chúng và phải có đội ngũ đảng viên gương mẫu hi sinh. Trong quân đội, chế độ chính uỷ được thực hiện, cán bộ chính trị được lấy từ đại biểu ưu tú của công nông, thực chất đó là đại diện của Đảng, để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trong quân đội. Đảng hướng dẫn, giám sát các hoạt động của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, các đoàn thể nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của Đảng là nguyên tắc cao nhất, là nguồn gốc sức mạnh vững chắc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

***2.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa***

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự vận dụng sáng tạo Học thuyết Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I. Lênin vào tình hình thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

*2.3.2.1. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan*

Tính tất yếu khách quan của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"[[26]](#footnote-26). Ý chí giữ nước của Người rất sâu sắc và kiên quyết. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19 /12 /1946, Người nói: chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên…! Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, trước sự uy hiếp của thực dân đế quốc và bọn phản động tay sai, Hồ Chí Minh đã cùng Đảng đề ra nhiều biện pháp thiết thực, cụ thể để giữ vững chính quyền nhân dân chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Hồ Chí Minh đã chỉ ra một chân lí rằng: "Không có gì quý hơn độc lập tự do". "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi", trước khi đi xa, trong bản di chúc Người căn dặn: "Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước có thể còn kéo dài, đồng bào ta có thể phải hi sinh nhiều của nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ đến thắng lợi hoàn toàn". Ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*2.3.2.2. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là nghĩa vụ trách nhiệm của mọi công dân*

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xuyên xuốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi công dân Việt Nam. Trong Bản Tuyên ngôn độc lập, Người khẳng định: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tình thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy". Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, Người kêu gọi: Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Người kêu gọi nhân dân cả nước quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên xã hội chủ nghĩa.

*2.3.2.3. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước, kết hợp với sức mạnh thời đại*

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm: phát huy sức mạnh tổng hợp trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đó là sức mạnh của toàn dân tộc, toàn dân, của từng người dân, của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở, là sức mạnh của các nhân tố chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá - xã hội, sức mạnh truyền thống với hiện đại, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

So sánh về sức mạnh giữa chúng ta với quân xâm lược trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, Người phân tích: Chúng ta có chính nghĩa, có s c mạnh đoàn kết toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống đấu tranh bất khuất, lại có sự đồng tình ủng hộ rộng lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ trên thế giới, chúng ta nhất định thắng. Để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh dân dân, xây dựng quân đội nhân dân, coi đó là lực lượng chủ chốt để bảo vệ Tổ quốc. Người căn dặn: Chúng ta phải xây dựng quân đội ngày càng hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu để giữ gìn hoà bình, bảo vệ đất nước, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*2.3.2.4. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*

Đảng ta là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩaphải do Đảng lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Đảng và Chính phủ phải lãnh đạo toàn dân, ra sức củng cố và xây dựng miền Bắc tiến dần lên xã hội chủ nghĩa, đồng thời tiếp tục đấu tranh để thống nhất nước nhà, trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hoà bình, góp phần bảo vệ công cuộc hoà bình ở á Đông và trên thế giới"[[27]](#footnote-27) và Người khẳng định: "Với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Chính phủ, với sự đoàn kết nhất trí, lòng tin tưởng vững chắc và tinh thần tự lực cánh sinh của mình, sự giúp đỡ vô tư của các nước anh em, với sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới nhất là nhân dân các nước Á - Phi, nhân dân ta nhất định khắc phục được mọi khó khăn ; làm tròn được nhiệm vụ vẻ vang mà Đảng và Chính phủ đã đề ra"[[28]](#footnote-28).

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc, ngày nay toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện được thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chúng ta cần thực hiện tốt một số nội dung chiến lược sau đây:

*Một là*, xây dựng tiềm lực toàn diện của đất nước, đặc biệt tiềm lực kinh tế, tạo ra thế và lực mới cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

*Hai là,* xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng quân đội nhân dân và công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

*Ba là,* quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, chủ động đánh thắng định trong mọi hoàn cảnh, tình huống chiến tranh.

*Bốn là*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

**KẾT LUẬN**

Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc. Đó là cơ sở lí luận để các Đảng cộng sản đề ra chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang và bảo vệ Tổ quốc xã h ội chủ nghĩa.

Trong thời đại hiện nay tình hình thế giới, khu vực và trong nước đang có nhiều biến đổi và diễn biến phức tạp. Tuy nhiên cho đến ngày nay những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc vẫn còn nguyên giá trị. Vì vậy, nghiên cứu và nắm vững những nội dung cơ bản trên, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay đang đặt ra có tính cấp thiết cả về lí luận và thực tiễn.

Sinh viên là lớp trí thức trẻ, cần nghiên cứu nhận thức đúng đắn nội dung trên, xây dựng thế giới quan khoa học, niền tin và trách nhiệm của mình trong góp phần tích cực vào bảo vệ, phát triển nh ng nội dung đó trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Các quan điểm phi mác xít về chiến tranh ?
2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin về nguồn gốc, bản chất chiến tranh ?
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội ?
4. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ?
5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ?
6. Quan điểm chỉ đạo và một số giải pháp cơ bản của Đảng ta về bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới ?

**Chương 3**

**XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN**

**BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là tất yếu khách quan, nội dung quan điểm xuyên suốt của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng ta khẳng định “Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt”[[29]](#footnote-29). Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đòi hỏi phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm công dân đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

**3.1. Những vấn đề chung**

***3.1.1. Một số khái niệm***

*3.1.1.1. Quốc phòng*

“Quốc phòng là công cuộc giữ nước bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng, lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt”[[30]](#footnote-30). Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Mục đích của quốc phòng: là giữ nước.

- Vị trí: là công cuộc của quốc gia, được thực hiện thường xuyên, liên tục.

- Phương thức: sử dụng sức mạnh tổng hợp của dân tộc; chủ động, từ sớm từ xa.

- Lực lượng: toàn dân, Lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

- Đặc trưng: tự vệ, chính đáng.

- Đối tượng: kẻ thù xâm lược, lật đổ cách mạng Việt Nam.

*3.1.1.2. Nền quốc phòng toàn dân*

“Nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của đất nước, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính, mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường”[[31]](#footnote-31). Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Vai trò: tạo nên sức mạnh làm nền tảng để giữ nước, phòng thủ bảo vệ Tổ quốc.

- Yếu tố cấu thành: chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính.

- Tính chất: toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường.

- Lực lượng: toàn dân, Lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

*3.1.1.3. An ninh quốc gia*

“An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc"[[32]](#footnote-32). Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Trạng thái đất nước: ổn định, phát triển bền vững, không có rối loạn bên trong và sự đe dọa mất ổn định bên ngoài.

- Nội dung của an ninh quốc gia: chính trị, kinh tế, tư tưởng - văn hoá, xã hội, quốc phòng, đối ngoại... trong đó an ninh chính trị là cốt lõi, xuyên suốt.

- Đối tượng: kẻ thù chống phá, lật đổ Nhà nước.

*3.1.1.4. Nền an ninh nhân dân*

“Nền an ninh nhân dân là sức mạnh về tinh thần, vật chất, sự đoàn kết và truyền thống dựng nước, giữ nước của toàn dân tộc được huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia làm nòng cốt’’[[33]](#footnote-33). Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Vai trò: tạo nên sức mạnh, làm nền tảng để bảo vệ an ninh quốc gia

- Yếu tố cấu thành: sức mạnh vật chất, tinh thần của toàn dân tộc

- Tính chất: toàn dân, toàn diện

- Lực lượng: toàn dân, Lực lượng An ninh nhân dân làm nòng cốt

***3.1.2. Vị trí, mục đích xây dựng nền nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân***

*3.1.2.1.Vị trí xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân*

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân là cơ sở, nền tảng vững chắc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa: “Củng cố, tăng cường nền quốc phòng toàn dân, sức mạnh quân sự để xây dựng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới”[[34]](#footnote-34).

Xây dựng nền nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân. Đảng ta khẳng định: “Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt”[[35]](#footnote-35).

Củng cố quốc phòng là nhiệm vụ “trọng yếu, thường xuyên”, nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, nhưng không coi nhẹ nhiệm vụ củng cố quốc phòng. Củng cố quốc phòng là cơ sở tiền đề tạo điều kiện thuận lợi cho nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế; ngược lại, kinh tế phát triển, đất nước mạnh lên sẽ là phương thức hữu hiệu để bảo vệ Tổ quốc. Đây là quan điểm lý luận cơ bản, chi phối, quy định toàn bộ các nội dung về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

*3.1.2.2. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân*

Tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước cả về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ để giữ vững hoà bình, ổn định, đẩy lùi, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô.

Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh được xây dựng trên nền tảng của sự đoàn kết thống nhất của toàn thể nhân dân, sức mạnh vật chất và tinh thần của cả nước kết hợp với sức mạnh thời đại. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xây dựng từ khi đất nước hòa bình, nhằm làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch trong thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ đối với cách mạng Việt Nam. Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, môi trường hòa bình và quan hệ hợp tác phát triển với các nước trên thế giới. Quá trình đó nhằm thực hiện “kiến tạo hòa bình”, mở rộng đối ngoại, nâng cao vị thế của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi để chủ động hội nhập phát triển đất nước và chuẩn bị sẵn về cả về thế và lực để chủ động bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

*3.1.1.3. Đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân*

*- Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng*

Đặc trưng này thể hiện rõ bản chất, mục đích của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của nước ta. Đây là đặc trưng quan trọng nhất, chi phối các đặc trưng khác của nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững mạnh nhằm thực hiện mục đích duy nhất là tự vệ, giữ vững hòa bình ổn định của đất nước, phù hợp với pháp luật của Việt Nam và luật pháp quốc tế. Chính sách của Nhà nước về quốc phòng, an ninh xác định rõ: ”Củng cố, tăng cường nền quốc phòng toàn dân, sức mạnh quân sự để xây dựng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới”[[36]](#footnote-36);“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chính sách hòa bình, hữu nghị, mở rộng giao lưu và hợp tác với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi”[[37]](#footnote-37); “chủ động và tích cực hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế, đối thoại quốc phòng, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; không tham gia lực lượng, liên minh quân sự của bên này chống bên kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ của Việt Nam để chống lại nước khác; không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế; giải quyết mọi bất đồng, tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”[[38]](#footnote-38).

*- Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vì dân, của dân và do toàn thể nhân dân tiến hành*

Đây là đặc trưng mang bản sắc, độc đáo của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của nước ta. Đặc trưng này thể hiện sự kế thừa truyền thống, kinh nghiệm của cha ông ta, dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vì dân, của dân và do toàn thể nhân dân tiến hành thể hiện ở mọi đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh luôn xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của Nhân dân. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là nhằm bảo vệ Nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích của dân tộc, cuộc sống hòa bình, tự do, hạnh phúc của Nhân dân. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là trách nhiệm của toàn dân, do nhân dân tiến hành. Mọi tiềm lực cả vật chất, tinh thần, cả lực lượng và thế trận được huy động trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân đều do nhân dân đóng góp, xây dựng.

*- Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành*

Đây là đặc trựng thể hiện nội dung, các yếu tố cấu thành sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của nước ta được xây dựng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tinh thần, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, khoa học, quân sự, an ninh… đối ngoại. Sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là sức mạnh tổng hợp được tạo thành bởi tiềm lực mọi mặt của đất nước, bởi mọi nguồn lực như tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính cả ở trong nước, ngoài nước, của dân tộc và của thời đại. Trong đó, sức mạnh do những yếu tố bên trong của dân tộc giữ vai trò quyết định. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là cơ sở, tiền đề và là biện pháp để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

*- Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại*

Đây là đặc trưng thể hiện nội dung, phương hướng xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân phù hợp với đặc điểm tình hình của đất nước, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay. Xây quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân toàn diện và hiện đại là tất yếu khách quan, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xây dựng toàn diện trên các nội dung cả về đường lối, chiến lược, kế hoạch phòng thủ quốc gia, lực lượng, tiềm lực, thế trận, cơ sở vật chất dự trữ… về quốc phòng và an ninh.

Xây dựng các lực lượng, tiềm lực của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân phải căn cứ vào đặc điểm yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, tình hình phát triển của đất nước để từng bước hiện đại hóa nền công nghiệp quốc phòng, sản xuất kết hợp mua sắm vũ khí trang bị nhằm từng bước hiện đại hóa Lực lượng vũ trang nhân dân. Một số lực lượng của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân xây dựng tiến thẳng lên hiện đại.

*- Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân*

Đây là đặc trưng thể hiện mối quan hệ và yêu cầu trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân đều nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh là cơ sở để giữ vững hòa bình, ổn định, ngăn ngừa, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô của kẻ thù xâm lược, làm cơ sở để xây dựng nền an ninh nhân dân vững mạnh. Xây dựng nền an ninh nhân dân vững mạnh để giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực phản động, bảo vệ đất nước an toàn, ổn định, phát triển bền vững. Đây là cơ sở để củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Mặt khác, kẻ thù xâm lược và các thế lực phản động thường xuyên cấu kết, chi viện, phối hợp để chống phá nước ta. Chúng tiến hành “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ để làm đất nước suy yếu, mất ổn định từ bên trong, tạo cớ để can thiệp, tấn công xâm lược từ bên ngoài.Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân là yêu cầu tất yếu xuất phát từ vị trí vai trò của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Xuất phát từ mục tiêu, yêu cầu, đối tượng của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

**3.2. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**

***3.2.1. Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh***

Lực lượng quốc phòng, an ninh là những con người, tổ chức đảm bảo cho các hoạt động đáp ứng yêu cầu của quốc phòng và an ninh. Lực lượng quốc phòng, an ninh bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý. Đảng ta xác định: “Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt”[[39]](#footnote-39). Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh tập trung xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân.

*3.2.1.1. Xây dựng lực lượng chính trị*

Xây dựng lực lượng chính trị trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bao gồm xây dựng các tổ chức và quần chúng nhân dân. Xây dựng các tổ chức là tiến hành xây dựng các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, các tổ chức tự quản và các tổ chức khác hợp pháp của Nhân dân vững mạnh, phát huy vai trò trách nhiệm của các tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng toàn dân.Thực hiện tuyên truyền, giáo dục, vận động Nhân dân phát huy quyền làm chủ và nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

*3.2.1.2. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân*

Lực lượng vũ trang nhân dân gồm Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và Dân quân tự vệ. Thực hiện:“ xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng: hải quân, phòng không - không quân, tác chiến điện tử, trinh sát kỹ thuật, cảnh sát biển, tình báo, cơ yếu, an ninh, cảnh sát cơ động, kỹ thuật nghiệp vụ, an ninh mạng và đấu tranh phòng, chống tội phạm công nghệ cao, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, vững mạnh về chính trị, nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống… Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, chất lượng ngày càng cao; xây dựng dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp, coi trọng lực lượng dân quân tự vệ biển và dân quân tự vệ ở các địa phương trọng điểm”[[40]](#footnote-40).

***3.2.2. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh***

*3.2.2.1. Tiềm lực quốc phòng, an ninh*

Tiềm lực quốc phòng, an ninh là khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính, tinh thần ở trong nước và ngoài nước có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiềm lực quốc phòng, an ninh được thể hiện ở trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng tập trung ở tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học, công nghệ; tiềm lực quân sự, an ninh. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh là tập trung xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh.

*3.2.2.2. Nội dung xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh*

*- Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần*

Tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về chính trị, tinh thần có thể huy động tạo nên sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Đây là tiềm lực quan trọng, là cơ sở nền tảng để tạo nên sức mạnh tổng hợp và phát huy sức mạnh của các tiềm lực khác trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Tiềm lực chính trị, tinh thần được biểu hiện ở năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lí điều hành của Nhà nước; ý chí, quyết tâm của nhân dân, của Lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, tình huống. Tiềm lực chính trị tinh thần là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh, có tác động to lớn đến hiệu quả xây dựng và sử dụng các tiềm lực khác, là cơ sở, nền tảng của tiềm lực quân sự, an ninh.

Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cần tập trung: Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của Nhân dân; Xây dựng tình yêu quê hương đất nước, niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lí của nhà nước, đối với chế độ xã hội chủ nghĩa của toàn thể nhân dân; Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; nâng cao cảnh giác cách mạng; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; Thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng, an ninh.

*- Xây dựng tiềm lực kinh tế*

Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về kinh tế của đất nước có thể khai thác, huy động phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Đây là tiền lực có vai trò quyết định trong tạo nên sức mạnh vật chất của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được biểu hiện ở nhân lực, vật lực, tài lực của quốc gia có thể huy động cho quốc phòng, an ninh và tính cơ động của nền kinh tế đất nước trong mọi điều kiện hoàn cảnh. Tiềm lực kinh tế tạo sức mạnh vật chất cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác.

Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là tạo nên khả năng về kinh tế của đất nước nhằm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Do đó, cần tập trung vào các nội dung cơ bản: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phát triển công nghiệp quốc phòng, trang bị kĩ thuật hiện đại cho quân đội và công an; kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với cơ sở hạ tầng quốc phòng; không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các lực lượng vũ trang nhân dân; có kế hoạch chuyển sản xuất từ thời bình sang thời chiến và duy trì sự phát triển của nền kinh tế.

*- Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ*

Tiềm lực khoa học, công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về khoa học và công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động để phục vụ cho quốc phòng, an ninh. Là tiềm lực có vai trò quan trọng trong phát triển và hiện đại hóa nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Tiềm lực khoa học, công nghệ được biểu hiện ở số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật, cơ sở vật chất kĩ thuật có thể huy động phục vụ cho quốc phòng, an ninh và năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học có thể đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh. Khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cần tập trung: làm tốt công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trong sản xuất, sửa chữa các loại vũ khí trang bị phương tiện, kỹ thuật; thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát huy vai trò đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật. Phát triển và ứng dụng công nghệ trong sản xuất vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân.

*- Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh*

Tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về vật chất và tinh thần có thể huy động tạo thành sức mạnh phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh. Tiềm lực quân sự, an ninh là kết quả suy đến cùng của việc huy động các tiềm lực khác để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Là tiềm lực có vai trò quyết định, nòng cốt tạo nên sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của nhà nước giữ vai trò nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

Tiềm lực quân sự, an ninh được biểu hiện ở khả năng duy trì và không ngừng phát triển trình độ sẵn sàng chiến đấu, năng lực và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân; nguồn dự trữ về sức người, sức của trên các lĩnh vực đời sống xã hội và nhân dân có thể huy động phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh.

Tiềm lực quân sự, an ninh được xây dựng trên nền tảng của các tiềm lực chính trị tinh thần, kinh tế, khoa học công nghệ. Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh, cần tập trung vào: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện; Gắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với quá trình tăng cường vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang nhân dân; Xây dựng đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang nhân dânđáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Bố trí lực lượng đáp ứng yêu cầu chuẩn bị đất nước về mọi mặt, sẵn sàng động viên thời chiến. Tăng cường nghiên cứu khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc hiện nay và nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh.

**3.2.3. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**

*3.2.3.1. Thế trận quốc phòng, an ninh*

“Thế trận quốc phòng là việc tổ chức, triển khai, bố trí lực lượng, tiềm lực quốc phòng trên toàn bộ lãnh thổ theo kế hoạch thống nhất, phù hợp với chiến lược bảo vệ Tổ quốc để ngăn ngừa, đối phó thắng lợi với mọi âm mưu và hoạt động chống phá của thế lực thù địch, sẵn sàng chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến”[[41]](#footnote-41).

“Thế trận an ninh là việc tổ chức, bố trí lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và các nguồn lực cần thiết để chủ động bảo vệ an ninh quốc gia”[[42]](#footnote-42).

Thế trận quốc phòng, an ninh là sự tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*3.2.3.2. Nội dung xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh*

Phân vùng chiến lược về kinh tế gắn với phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh tạo ra thế bố trí chiến lược cả về kinh tế và quốc phòng, an ninh; xây dựng hậu phương, tạo chỗ dựa vững chắc cho thế trận quốc phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ tạo nền tảng của thế trận quốc phòng, an ninh; triển khai các lực lượng trong thế trận; tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp cải tạo địa hình với xây dựng hạ tầng và các công trình quốc phòng, an ninh; xây dựng các phương án và tổ chức, bố trí lực lượng, phương tiện cần thiết để chủ động bảo vệ an ninh quốc gia trong mọi tình huống.

**3.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay**

***3.3.1. Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh***

Quán triệt và thực hiện nghiêm túc Luật giáo dục quốc phòng và an ninh và các văn bản chỉ đạo, quy định về công tác giáo dục quốc phòng và an ninh cho mọi đối tượng. Thực hiện có hiệu quả mục tiêu của giáo dục quốc phòng, an ninh là giáo dục cho công dân về kiến thức quốc phòng và an ninh để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh phải toàn diện, coi trọng giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; nghĩa vụ công dân đối với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; âm mưu, thủ đoạn của địch; đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh. Làm cho mọi người, mọi tổ chức biết tự bảo vệ trước sự chống phá của các thế lực thù địch và sự trước sự tác động tiêu cực của các thách thức, nguy cơ, mối đe dọa đối với đất nước, xã hội và con người hiện nay.

Phải vận dụng nhiều hình thức, phương pháp giáo dục tuyên truyền để nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh.

***3.3.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân***

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về chính trị, làm nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

***3.3.3. Nâng cao ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân***

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là trách nhiệm của toàn dân. Mọi công dân, mọi tổ chức, lực lượng đều phải tham gia theo phạm vi, khả năng, nghĩa vụ của mình. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên và người dân đối với nhiệm vụ tăng cư ng quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Đối với sinh viên, phải tích cực học tập nâng cao trình độ, hiểu biết về mọi mặt, nắm vững kiến thức quốc phòng, an ninh, nhận thức rõ về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trong chống phá cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở đó, tự giác, tích cực luyện tập, rèn luyện các kỹ năng quân sự, an ninh và chủ động tham gia các hoạt động về quốc phòng, an ninh do nhà trường, địa phương tổ chức.

**KẾT LUẬN**

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững mạnh để ngăn ngừa, đẩy lùi chiến tranh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là tất yếu khách quan; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân là trách nhiệm của toàn dân, Lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ?
2. Nội dung nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ?

**Chương 4**

**CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC**

**VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Là cuộc chiến tranh cách mạng, tự vệ chính nghĩa, góp phần xây dựng hòa bình ổn định ở khu vực và trên thế giới. Muốn có hòa bình, muốn bảo vệ vững chắc Tổ quốc, phải chuẩn bị sẵn sàng cho chiến tranh. Đây là quy luật muôn đời của mọi quốc gia và lịch sử dân tộc ta. Do đó, nghiên cứu, quán triệt đầy đủ những nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân của Đảng ta cho mọi đối tượng là yêu cầu hàng đầu, cực kỳ quan trọng nhằm chuẩn bị về lực lượng và xây dựng về tiềm lực chính trị - tinh thầnđể góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp nhằm tiến hành chiến tranh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hiện nay.

**4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc**

***4.1.1. Các khái niệm cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc***

*4.1.1.1. Xâm lược*

“Xâm lược là hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc bằng cách sử dụng lực lượng vũ trang hoặc cách thức khác trái với pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế”[[43]](#footnote-43). Khái niệm được hiểu trên các nội dung cơ bản sau.

- Mục đích: là xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam.

- Phương thức: sử dụng bạo lực vũ trang và phi vũ trang.

- Lực lượng: các tổ chức vũ trang, quân đội, các lực lượng đánh thuê, các tổ chức vũ trang không chuyên, các tổ chức khủng bố.

- Các hành vi xâm lược bao gồm: tấn công quân sự, xâm nhập lãnh thổ trái phép, chiếm đóng trái phép lãnh thổ, phong tỏa cảng biển và bờ biển…

- Các hình thức xâm lược gồm: xâm lược trên đất liền, trên biển, trên không, trên không gian mạng.

*4.1.1.2. Chiến tranh nhân dân*

*“*Chiến tranh nhân dân là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa*”*[[44]](#footnote-44)*.* Khái niệm được hiểu trên các nội dung cơ bản sau.

- Mục đích của chiến tranh nhân dân là bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Phương thức tiến hành chiến tranh là chiến tranh toàn dân, toàn diện.

- Lực lượng tiến hành chiến tranh là toàn dân, trong đó Lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

- Đặc trưng của chiến tranh là tự vệ chính đáng.

***4.1.2. Đối tượng của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc***

*4.1.2.1. Quan điểm xác định đối tác, đối tượng*

Đảng ta xác định: “Những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác; bất kỳ thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng. Mặt khác, trong tình hình diễn biến nhanh chóng và phức tạp hiện nay, cần có cách nhìn biện chứng: Trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong mỗi đối tác có thể có mặt mâu thuẫn với lợi ích của ta cần phải đấu tranh”[[45]](#footnote-45). Trong bối cảnh hiện nay, cần nhận diện rõ các đối tượng sau.

- Đối tượng có âm mưu lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Các thế lực thù địch hiếu chiến, đồng minh và tay sai có âm mưu, hành động xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang, chuyển hóa, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa là đối tượng cơ bản, lâu dài.

- Đối tượng có âm mưu xâm lấn biên giới, biển, đảo: Các thế lực nước lớn và chư hầu có tham vọng, hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, xâm hại lợi ích quốc gia dân tộc của Việt Nam là đối tượng trực tiếp, nguy hiểm, lâu dài.

- Tổ chức phản động trong và ngoài nước, lực lượng cơ hội, suy thoái chính trị, đạo đức, lối sống,“tự diễn biến”,“tự chuyển hóa” trong nội bộ, có tư tưởng và hành động chống phá sự nghiệp cách mạng bằng biện pháp vũ trang; câu kết với nhau, tiếp tay cho thế lực thù địch, hiếu chiến và thế lực nước lớn có tham vọng chủ quyền lãnh thổ, đe dọa sự tồn vong của chế độ, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ là đối tượng rất nguy hiểm.

- Đối tượng gây thảm họa dịch bệnh, môi trường có thể dẫn đến khủng hoảng kinh tế, chính trị - xã hội, tạo cơ hội để các đối tượng khác lợi dụng khoét sâu, thực hiện mục tiêu chiến lược của chúng.

Giữa các đối tượng, đối tác có sự đan xen, chuyển hóa rất phức tạp. Lực lượng bên trong tạo môi trường, tạo cớ cho thế lực thù địch bên ngoài thực hiện ý đồ chiến lược. Các đối tượng bên ngoài tiếp tay, chỉ đạo, hỗ trợ v t chất, tài chính cho đối tượng bên trong. Đồng thời các đối tượng có thể hỗ trợ, liên kết, thỏa hiệp, gây ra các tình huống quốc phòng.

*4.1.2.2. Đối tượng của chiến tranh nhân dân*

*- Đối tượng tác chiến*

*Đảng ta xác định:* “Những lực lượng chống phá mục tiêu của cách mạng nước ta; tiến hành chiến tranh xâm lược; “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ chế độ; xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia, dân tộc của Việt Nam đều là đối tượng tác chiến của Quân đội ta”[[46]](#footnote-46).

*- Âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù*

*+ Âm mưu.* Xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; lấn chiếm biên giới, biển, đảo; đưa Việt Nam vào quỹ đạo và lệ thuộc vào chúng.

*+ Thủ đoạn.* Thực hiện mục tiêu chống phá Việt Nam, các thế lực thù địch tiến hành các hoạt động bằng mọi lực lượng, phương tiện, chống phá trên mọi lĩnh vực, trong suốt quá trình cả trước và trong chiến tranh.

Giai đoạn chuẩn bị. Các thế lực thù địch tăng cường tiến hànhcác đòn tiến công tâm lý, khoét sâu, thổi bùng các vấn đề tiêu cực, tồn tại, khiếm khuyết của ta, đẩy mạnh hoạt động  ngoại giao nhằm chia rẽ nội bộ, gây ra hỗn loạn cho chúng ta; lôi kéo chính phủ một số nước, thực hiện cô lập, bao vây, phong tỏa Việt Nam, hình thành liên minh, liên quân, tạo cớ để phát động chiến tranh. Tiến hành trinh sát, tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp để thu thập số liệu, chụp, vẽ sơ đồ xác định mục tiêu, lực lượng, phương tiện của ta, móc nối, câu kết với lực lượng phản động bên trong.

Thực hành xâm lược. Kẻ thù thực hiện tác chiến điện tử, chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng, sử dụng hỏa lực vũ khí công nghệ cao đánh bất ngờ, ồ ạt từ mọi hướng, mọi phía, bằng mọi phương tiện, theo phương châm đánh nhanh, giải quyết nhanh, “dùng hỏa lực thay cho sinh lực”. Kết hợp chặt chẽ tiến công từ bên ngoài với bạo loạn lật đổ từ bên trong,dùng các biện pháp phi vũ trang để che đậy hành vi xâm lược phi nghĩa nhằm lừa bịp dư luận.

- *Đánh giá về đối tượng*

Khi tiến hành chiến tranh xâm lược, kẻ thù có điểm mạnh, yếu sau.

*+ Điểm mạnh:* Có ưu thế tuyệt đối về vũ khí, trang bị quân sự, về kinh tế và khoa học, công nghệ. Có thể cấu kết với lực lượng phản động nội địa bên trong. Có thể lôi kéo được đồng minh tham gia, hình thành lực lượng liên quân.

*+ Điểm yếu:* Đây là cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa bị nhân loại, cộng đồng quốc tế lên án, phản đối. Dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, yêu nước, chống xâm lược, ý thức dân tộc độc lập, tự chủ, tự tôn, tự cường. Địa hình, thời tiết Việt Nam phức tạp, gây khó khăn cho địch khi triển khai, sử dụng lực lượng, phương tiện. Mâu thuẫn nội bộ của chúng rất dễ bùng phát nhất là khi cuộc chiến tranh kéo dài, bị sa lầy, có thương vong tổn thất lớn.

***4.1.3. Mục đích, tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc***

*4.1.3.1. Mục đích*

- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

- Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hoá.

- Bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

- Bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá.

- Giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình để xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*4.1.3.2. Tính chất.*

*- Là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ cách mạng.* Chúng ta tiến hành chiến tranh nhân dân chống lại chiến tranh xâm lược của kẻ thù nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa. Đây là cuộc chiến tranh nhằm mục đích tự vệ, góp phần bảo vệ hòa bình, ổn định, phát triển ở khu vực và trên thế giới. Là cơ sở để chúng ta huy động được các nguồn lực cho chiến tranh, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân nước đi xâm lược.

*- Là cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Đây là nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, là cơ sở nguồn gốc sức mạnh của chiến tranh, quyết định đến việc huy động lực lượng, vật chất, tinh thần cho chiến tranh. Cuộc chiến tranh này có sự tham gia của tất cả các tầng lớp nhân dân, của mọi người dân Việt Nam ở trong nước và người Việt Nam định cư, sinh sống ở nước ngoài. Toàn dân tham gia đánh giặc trên mọi mặt trận, trên tất cả các lĩnh vực. Lực lượng vũ trang nhân dân là lực lượng nòng cốt trong chỉ đạo, tổ chức và cùng với toàn dân đánhg giặc. Đảng cộng sản Việt Nam trực tiếp lãnh đạo mọi mặt, mọi lực lượng, trong suốt quá trình chiến tranh.

*- Là cuộc chiến tranh mang tính hiện đại.* Đây là cuộc chiến tranh diến ra giữa một bên là Dân tộc ta đang trong quá trình phát triển, từng bước hiện đại hóa quốc phòng, an ninh, phát huy truyền thống của Dân tộc để đối đầu với kẻ địch có vũ khí, trang bị, phương tiện, công nghệ chỉ huy tác chiến hiện đại. Là cuộc chiến tranh sử dụng tri thức khoa học, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo và diễn ra trong những hình thái chiến tranh mới.

*4.1.3.3. Đặc điểm*

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới có một số đặc điểm cơ bản sau.

*- Chiến tranh diễn ra trong bối cảnh thế giới diễn biến phức tạp, khó lường.* Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó lường: cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn; sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng ngày càng phát triển; các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng. Các thế lực thù địch luôn lợi dụng bối cảnh thế giới diễn biến phức tạp để tiến hành tiến công xâm lược nước ta. Dân tộc ta tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc nhằm góp phần thực hiện mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ và phát triển. Do đó, chúng ta cần luôn nêu cao cảnh giác, nắm chắc mọi diễn biến tình hình, tranh thủ sự ủng hộ của thế giới, chuẩn bị sẵn mọi mặt, sẵn sàng chủ động trong mọi tình huống.

*- Chiến tranh diễn ra trong hình thái đất nước được chuẩn bị sẵn sàng.* Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và thế trận chiến tranh nhân dân của đất nước ta được xây dựng, chuẩn bị, củng cố vững chắc ngay từ trong thời bình. Chủ động chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng các phương án đấu tranh bảo vệ Tổ quốc; sẵn sàng động viên cho chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện. Đây là đặc điểm cơ bản, là điều kiện tiên quyết để dân tộc ta đánh thắng mọi hình thái chiến tranh xâm lược nếu xảy ra.

- *Chiến tranh được tiến hành với tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính.* Cuộc chiến tranh diễn ra trong bối cảnh các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào độc lập dân tộc đang lâm vào thoái trào, sự ủng hộ đối với nước ta không còn được như trước. Đất nước ta phải chuẩn bị và tiến hành chiến tranh với sự độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính. Đồng thời có được sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, cộng đồng quốc tế để tạo nên sức mạnh tổng hợp của thời đại, kết hợp với sức mạnh dân tộc để chiến thắng kẻ thù, giành thắng lợi trong chiến tranh.

*- Chiến tranh diễn ra khẩn trương, quyết liệt, phức tạp ngay từ đầu và trong suốt quá trình.* Với phương châm chiến lược tiến hành đánh nhanh, thắng nhanh, giải quyết nhanh, kẻ địch khi tiến hành chiến tranh xâm lược sẽ sử dụng tổng lực, tiến công ta trên mọi hình thái, bằng mọi phương tiện, trang bị, vũ khíhiện đại.Thời gian trong chiến tranh bị xóa nhòa, không gian chiến tranh được mở rộng trên tất cả các môi trường: trên không, trên bộ, trên biển, trên không gian mạng, trên vũ trụ. Ranh giới giữa tiền tuyến và hậu phương không phân biệt rõ ràng. Kết hợp tấn công quân sự tổng lực bằng vũ khí công nghệ cao với bạo loạn lật đổ bên trong. Chiến tranh sẽ diễn ra vô cùng quyết liệt, căng thẳng, gay go, phức tạp, khẩn trương trong suốt quá trình.

**4.2. Những quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc**

***4.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, kết hợp chặt chẽ tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của binh đoàn chủ lực***

*- Vị trí.* Đây là quan điểm cơ bản xuyên suốt, là phương châm tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, thể hiện tính nhân dân sâu sắc trong chiến tranh. Khẳng định, đây là cuộc chiến tranh của dân, do dân và vì dân với tinh thần đầy đủ nhất. Bảo đảm phát huy huy cao nhất sức mạnh tổng hợp trong chiến tranh.

*- Cơ sở của quan điểm.*

+ Từ truyền thống, quy luật chiến thắng và nghệ thuật quân sự độc đáocủa cha ông tatiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân đánh giặc giữ nước.

*+* Xuất phát từ quan điểm“cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” của CN Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí minh về vai trò của quần chúng nhân dân:“trong cuộc kháng chiến, kiến quốc, lực lượng chính là ở dân”; “Lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn ai hết. Không ai chiến thắng được lực lượng đó”

*+* Từ thực tiễn lãnh đạo nhân dân ta tiến hành chiến tranhchống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược giành thắng lợi của Đảng ta.

*- Nội dung cơ bản của quan điểm.*

*+* Tổ chức toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Đảng, Nhà nước phải dựa vào dân, phát huy mạnh mẽ thế trận lòng dân, tổ chức phát động toàn dân đánh giặc. Đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, bằng những cách đánh độc đáo, sáng tạo của Nhân dân. Trong đó, Dân quân tự vệ làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc ở cơ sở; Bộ đội địa phương và dân quân tự vệ làm nòng cốt cho phong trào chiến tranh nhân dân ở địa phương; Bộ đội chủ lực cùng lực lượng vũ trang địa phương địa phương làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc trên chiến trường cả nước. Buộc quân địch phải sa lầy, bị động, lúng túng, không phát huy được sức mạnh của vũ khí, kĩ thuật, dần dần làm mất ý chí xâm lược của chúng.

*+* Kết hợp chặt chẽ tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của binh đoàn chủ lực. Khi tiến hành chiến tranh phải kết hợp chặt chẽ tác chiến của các lực lượng vũ trang với các lực lượng khác trong khu vực phòng thủ, khu vực chiến đấu.Các binh đoàn chủ lực giữ vai trò nòng cốt trong các chiến dịch, thực hiện tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng quy mô lớn. Lực lượng vũ trang địa phương phát huy cao độ sức mạnh của toàn dân đánh giặc, đánh giặc với các hình thức và cách đánh linh hoạt, tạo thế, giữ thế, tạo thời cơ cho lực lượng chủ lực và kết hợp với lực lượng chủ lực cơ động thực hiện đòn đánh tiêu diệt lớn quân địch ở địa điểm và thời cơ quyết định, tạo bước ngoặt làm thay đổi tương quan so sánh lực lượng và cục diện chiến trường có lợi cho ta, đánh bại ý chí xâm lược của chúng, giành thắng lợi.

*- Biện pháp để thực hiện quan điểm.*

*+*Tăng cường giáo dục quốc phòng an ninh cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nói chung và sinh viên nói riêng để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*+*chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân mạnh toàn diện, coi trọng xây dựng chất lượng về chính trị làm nòng cốt xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và làm nòng cốt cho Nhân dân đánh giặc.

*+*Không ngừng nghiên cứu nghệ thuật quân sự, nghiên cứu các cuộc chiến tranh gần đây ở trên thế giới để phát triển nghệ thuật quân sự lên một tầm cao mới. Xây dựng tỉnh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc.

***4.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh***

*- Vị trí.* Đây là quan điểm có vai trò quan trọng, là phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Quan điểm vừa mang tính chỉ đạo và hướng dẫn hành động cụ thể, chỉ ra vấn đề mang tính quy luật để giành thắng lợi trong chiến tranh.

*- Cơ sở của quan điểm.*

+ Xuất phát từ truyền thống, nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận của Dân tộc ta trong các cuộc chiến tranh giữ nước giành thắng lợi.

+ Xuất phát từ quan điểm của CN Mác – Lênin về quy luật, mối quan hệ và vị trí của các mặt trận trong chiến tranh: kết quả của chiến tranh được quyết định bởi sự so sánh giữa các bên tham chiến về tổng hòa của các yếu tố cơ bản: chính trị - tinh thần, kinh tế, quân sự, khoa học – công nghệ.

+ Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện: “Trước kia, chỉ đánh nhau về mặt quân sự, ngày nay đánh nhau về đủ mọi mặt: quân sự, kinh tế, chính trị, tư tưởng nên người ta gọi là toàn diện chiến tranh. Chiến tranh ngày nay phức tạp và hết sức khó khăn. Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể thắng lợi được”.

+ Từ tương quan lực lượng giữa ta và địch. Từ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù tiến hành chống phá ta trên mọi mặt trận. Do đó, để giành thắng lợi trong chiến tranh ta phải tiến hành đấu tranh trên mọi mặt trận.

*- Nội dung cơ bản của quan điểm.*

*+* Tiến hành chiến tranh nhân dân toàn diện, chúng ta phải luôn chủ động tiến công địch trên tất cả các mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế văn hoá tư tưởng … Mỗi mặt trận đấu tranh đều có vị trí quan trọng của nó và cùng thống nhất tạo nên sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi trong chiến tranh.

*+* Kết hợp chặt chẽ các mặt trận để tạo sức mạnh tổng hợp trong chiến tranh. Các mặt trận có quan hệ chặt chẽ với nhau, là cơ sở, điều kiện của nhau, thống nhất với nhau ở mục đích, kết hợp chặt chẽ các mặt trận tạo nên sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi trong chiến tranh. Lấy đấu tranh thắng lợi trên các mặt trận chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa tư tưởng…để hỗ trợ cho đấu tranh quân sự trên chiến trường giảng thắng lợi. Lấy thắng lợi trên chiến trường để làm cơ sở, đấu tranh chính trị, ngoại giao, văn hóa tư tưởng giành thắng lợi. Như lời Bác dạy: “Chiến tranh ngày nay, đánh ở mặt sau, đánh về kinh tế, về chính trị, về tinh thần cũng không kém phần quan trọng như đánh ngoài mặt trận. Phải biết phối hợp mọi phương pháp ấy mới có thể đi tới thắng lợi hoàn toàn”.

+ Đấu tranh quân sự là chủ yếu, tập trung sức quyết giành thắng lợi trên chiến trường.Trong chiến tranh “quân sự là việc chủ chốt” vì cuối cùng bao giờ cũng phải thắng địch bằng quân sự, đập tan công cụ chủ yếu của đối phương là quân đội. Đấu tranh vũ trang là hình thức cơ bản, giữ vai trò quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt lực lượng quân sự của đối phương, thắng lợi trên mặt trận quân sự là yếu tố quyết định giành thắng lợi trong chiến tranh.

*- Biện pháp để thực hiện.*

+ Phải luôn quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công trên mọi mặt trận. Đảng phải có đường lối chiến lược, sách lược đúng, tạo thế và lực cho từng mặt trận đấu tranh tạo nên sức mạnh, trước mắt đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch. Động viên sức mạnh của toàn dân tiến hành đấu tranh trên các mặt trận khi kẻ thù phát động chiến tranh xâm lược.

*+* Tổ chức toàn dân tham gia đấu tranh với các hình thức đấu tranh phù hợp trên từng mặt trận. Phải vận dụng sáng tạo nhiều hình thức và biện pháp đấu tranh thích hợp trên từng mặt. Đồng thời, có nghệ thuật chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ các mặt trận đấu tranh trong từng giai đoạn cũng như quá trình phát triển của chiến tranh. Song, phải luôn quán triệt, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để kết thúc chiến tranh.

***4.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt***

*- Vị trí.* Quan điểm quan trọng chỉ đạo, định hướng xuyên suốt quá trình chuẩn bị và tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

*- Cơ sở của quan điểm.*

+ Xuất phát từ truyền thống và nghệ thuật quân sự đánh giặc giữ nước của cha ông ta:lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh nên phải chuẩn bị và tiến hành đánh lâu dài nhằm thay đổi tương quan lực lượng, tạo thế, tạo thời. Khi thời cơ đến giành thắng lợi nhanh để kết thúc chiến tranh, giảm tổn thất.

+ Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về phương châm tiến hành chiến tranh: Đánh lâu dài, trường kỳ kháng chiến.

+ Từ thực tiễn lãnh đạo tiến hành hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược giành thắng lợi của Đảng ta.

*- Nội dung chủ yếu của quan điểm.*

*+* Chuẩn bị đất nước về mọi mặt từ thời bình.Chiến tranh là một sự thử thách toàn diện cả về sức mạnh vật chất và tinh thần của mỗi nước. Bởi vậy, ngay từ thời bình chúng ta tập trung sức xây dựng phát triển đất nước vững mạnh về mọi mặt, đồng thời luôn chăm lo củng cố quốc phòng, an ninh, chuẩn bị mọi mặt của đất nước vững mạnh. Không ngừng xây dựng, nâng cao sức mạnh tổng hợp cả về lực lượng, thế trận chiến tranh nhân dân của từng địa phương và cả nước. Phải chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực về mọi mặt: chuẩn bị lực lượng; chuẩn bị vũ khí, khí tài; chuẩn bị thế trận; chuẩn bị về tư tưởng, tâm lý; chuẩn bị kinh tế, vật chất, hậu cần, bảo đảm; nghiên cứu nghệ thuật, cách đánh. Chuẩn bị sẵn các kế hoạch, phương án để đối phó với các tình huống quốc phòng và chiến tranh, sẵn sàng chuyển đất nước sang thời chiến, đủ sức và chủ động đánh thắng mọi loại hình chiến tranh xâm lược.

*+* Đánh lâu dài, tạo lực, tạo thế, lập thời*.* Chủ động kéo dài cuộc chiến, buộc địch phải sa lầy, từng bước tiêu hao, tiêu diệt địch trên tất cả các mặt trận, trên tất cả các lĩnh vực. Huy động sức người, sức của của trên cả nước, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, chi viện của quốc tế. Xây dựng thế trận lòng dân, thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc. Giành thế chủ động, đánh địch, buộc địch phải căng kéo, dàn trải về lực lượng tạo thế bất lợi cho địch, có lợi cho ta. Đồng thời chiếm lĩnh, phát huy địa thế có lợi trong chiến đấu trên chiến trường. Từng bước làm thay đổi tương quan lực lượng, xoay đổi cục diện chiến tranh, dồn địch vào thế bị động, sa lầy, khủng hoảng.

*+* Kiên quyết ngăn chặn địch, thu hẹp không gian chiến tranh. Chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng đánh thắng địch trong [điều kiện chiến tranh mở rộng](http://../2016PHIM%20CAT/%C4%90LQS/Chu%E1%BA%A9n%20b%E1%BB%8B%20m%E1%BB%8Di%20m%E1%BA%B7t,%20%C4%91%C3%A1nh%20B52%20M%E1%BB%B9.mp4). Ra sức tạo thời cơ, nắm vững thời cơ, chủ động tiến công giành thắng lợi trong thời gian sớm nhất. Nắm chắc địch, đánh gia đúng đắn về địch. Nắm chắc và chuẩn bị đầy đủ lực lượng, vũ khí, trang bị, hậu cần, thế trận quyết chiến chiến lược. Thu hẹp dần chiến trường, sẵn sàng đánh địch khi địch phản công chiếm lại thế trận, chiếm lại chiến trường, mở rộng và leo thang chiến tranh. Nắm chắc thời cơ, vận hội, phát huy sức mạnh tổng hợp, dồn sức quyết chiến chiến lược, tổng tiến công địch, đánh nhanh thắng nhanh, giành thắng lợi kết thúc chiến tranh.

- *Biện pháp thực hiện quan điểm*

+ Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, toàn dân, toàn quân trong chuẩn bị về mọi mặt bảo đảm cho chiến tranh và chiến tranh kéo dài trên cả nước và mỗi địa phương.

+ Phát huy thế trận chiến tranh nhân dân ở mỗi địa phương, thường xuyên tổ chức đánh địch, làm cho địch tiêu hao lực lượng, cơ sở vật chất, phương tiện dẫn đến sa lầy. Chủ động đánh địch, làm thất bại các kế hoạch, chiến lược phản công, mở rộng chiến tranh.

+ Nắm chắc thời cơ, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, khi thời cơ đến dồn sức, tạo sức mạnh tổng hợp của cả nước với sức mạnh thời đại quyết chiến chiến lược, giành thắng lợi càng sớm càng tốt.

***4.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng m nh***

*- Vị trí.* Quan điểm quan trọng của Đảng trong xác định phương thức chuẩn bị và xây dựng về lực lượng, cơ sở vật chất trong quá trình chiến tranh để đáp ứng yêu cầu và đảm bảo cho chiến tranh giành thắng lợi.

*- Cơ sở của quan điểm.*

+ Từ truyền thống nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta về bảo toàn và phát triển lực lượng trong quá trình chiến tranh giữ nước.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc: “Kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc. Kháng chiến có thắng lợi thì kiến quốc mới thành công. Kiến quốc có chắc thành công, kháng chiến mới mau thắng lợi”[[47]](#footnote-47)

+ Xuất phát từ thực tiễn lãnh đạo vừa kháng chiến vừa xây dựng trong chiến tranh chống Thực Dân Pháp xâm lược và vừa xây dựng CNXH ở miền Bắc vừa tăng gia sản xuất và kháng chiến chống Đế quốc Mỹ giải phóng miền Nam thống nhất đất nước của Đảng ta.

+ Xuất phát từ yêu cầu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi phải không ngừng tăng cường sức người, sức của để đảm bảo đánh lâu dài, trường kỳ, làm cho địch sa lầy dẫn đến thất bại

*- Nội dung chủ yếu của quan điểm.*

+ Trong chiến tranh ta phải vừa kháng chiến, vừa duy trì và đẩy mạnh sản xuất bảo đảm nhu cầu vật chất kĩ thuật cho chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân.

+ Thực hành tiết kiệm trong xây dựng và trong chiến tranh, lấy của địch đánh địch, giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta, không ngừng tăng thêm tiềm lực của chiến tranh, càng đánh càng mạnh.

+ Khi chiến tranh kết thúc, phải vừa củng cố, kiến thiết nhằm khôi phục đất nước, khắc phục hậu quả của chiến tranh, vừa kết hợp với dẹp trừ phản loạn, những phần tử phản động, ngụy quân ngụy quyền, bảo vệ chính quyền còn non trẻ, xây dựng đất nước phát triển.

*- Biện pháp thực hiện quan điểm.*

+ Không ngừng chăm lo củng cố xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, củng cố trận địa lòng dân. Xây dựng hậu phương vững chắc làm căn cứ địa để chi viện cho tiền tuyến, đi đôi với củng cố tiền tuyến, đánh giặc bảo vệ hậu phương, giữ chắc trận địa.

+ Không ngừng bồi dưỡng chăm lo xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân vừa là đội quân chiến đấu giỏi, vừa là đội quân lao động sản xuất tốt.

***4.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn***

*- Vị trí. Q*uan điểm nhằm chỉ đạo phương thức chiến tranh vừa kết hợp đấu tranh quân sự trên chiến trường, vừa phòng chống địch chống phá hậu phương, xây dựng hậu phương ổn định để tạo nên sức mạnh tổng hợp, giành thắng lợi trên mọi mặt trận.

*- Cơ sở của quan điểm.*

+ Xuất phát từ âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, tiến hành chống phá ta trên mọi mặt trận cả tiền tuyến và hậu phương, trên mọi lĩnh vực cả quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa – tư tưởng, dân tộc tôn giáo, an ninh trật tự xã hội, chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp v.v.

+ Từ thực tiễn lãnh đạo của Đảng ta trong bảo đảm an ninh trật tự xã hội, củng cố chính quyền ở hậu phương đi đôi với đấu tranh chống kẻ thù xâm lược trên chiến trường trong công cuộc cách mạng tháng 8 giành chính quyền và cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp, Đế quốc Mỹ xâm lược.

*- Nội dung chủ yếu của quan điểm.*

+ Phải kiên quyết đập tan nhanh, gọn các hoạt động bạo loạn, tiêu diệt triệt để các lực lượng phản động bên trong. Xử lý bạo loạn của lực lượng phản động bên trong, không để chúng cấu kết, hỗ trợ cho nhau.

+ Đi đôi với đấu tranh quân sự trên chiến trường, ta phải kịp thời trấn áp mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch ở hậu phương ta, bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc hậu phương, giữ vững sự chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

*- Biện pháp thực hiện quan điểm.*

+ Làm tốt công tác địch vận, công tác dân vận, chống chiến tranh tâm lý, gián điệp của địch. Khai thác thông tin, nắm chắc thông tin, kịp thời phát hiện các âm mưu, hành động gây bạo loạn, chống phá hậu phương của địch.

+ Xây dựng củng cố trận địa chính trị tư tưởng, thế trận lòng dân vững chắc. Huy động toàn dân tham gia tố giác, phát hiện, đấu tranh với bọn gián điệp, phản động ở hậu phương. Đồng thời, che giấu, bảo vệ căn cứ, cơ sở và lực lượng của ta trên tiền tuyến, trong lòng địch.

***4.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới***

*- Vị trí.* Đây làquan điểm quan trọng thể hiện sự vận dụng sáng tạo các quy luật trong chiến tranh,chỉ đạo việc tạo thế, tạo lực, tạo nên sức mạnh tổng lực để giành thắng lợi trong chiến tranhcủa Đảng ta.

*- Cơ sở của quan điểm.*

+ Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quy luật cơ bản trong chiến tranh, kết quả của chiến tranh được quyết định bởi sự so sánh về tổng hòa các yếu tố cơ bản để tạo nên sức mạnh tổng lực của các bên tham chiến.

+ Xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong chiến tranh và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

+ Xuất phát từ mục đích, bản chất, tính chất xã hội của chiến tranh xâm lược của địch và chiến tranh tự vệ cách mạng chính nghĩa của ta.

*- Nội dung chủ yếu của quan điểm*.

***+***Nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, “dựa vào sức mình là chính”, “lấy sức ta để giải phóng cho ta” đồng thời thực hiện đoàn kết mở rộng quan hệ tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới, kể cả nhân dân nước có quân xâm lược.

+ Không ngừng củng cố lực lượng và thế trận của ta vững chắc. Xác định đúng thời cơ, nắm chắc thời cơ mà cách mạng thế giới mang đến. Kết hợp dòng thác cách mạng của toàn dân tộc với dòng thác của thời đại để tạo thành sức mạnh tổng lực chiến thắng kẻ thù.

*- Biện pháp thực hiện quan điểm.*

+ Không ngừng nêu cao tính chính nghĩa của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta. Ra sức đấu tranh, vạch trần bản chất phản động, mục đích xâm lược của kẻ thù đối với cuộc chiến tranh của chúng ở Việt Nam. Đấu tranh làm thất bại các hoạt động chia rẽ, phá hoại tình đoàn kết hữu nghị của nhân dân thế giới, các nước tiến bộ đối với nước ta.

+ Tăng cường quan hệ đối ngoại, thực hiện phương châm thêm bạn bớt thù, tích cực đấu tranh trên mặt trận chín trị, tư tưởng – văn hóa, ngoại giao để kêu gọi sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế, nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới và nhân dân nước có quân xâm lược đối với nước ta.

+ Thường xuyên theo dõi, đánh giá, nắm chắc tình hình thế giới, xác định đúng thời cơ, vận hội của dòng thác cách mạng thế giới để kết hợp với d ng thác dân tộc giành thắng lợi cuối cùng.

*Tóm lại:* Các quan điểm cơ bản của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc có mối quan hệ chặt chẽ, tác động, bổ trợ cho nhau. Mỗi quan điểm của Đảng chỉ đạo sâu sắc, cụ thể về một nội dung của chiến tranh nhân dân và chỉ đạo xuyên suốt quá trình chuẩn bị và thực hành chiến tranh

**4.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc**

***4.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân***

Từ thế trận phòng thủ đất nước trong thời bình, khi chiến tranh xẩy ra sẽ chuyển hóa thành thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Thế trận chiến tranh nhân dân là sự tổ chức, bố trí lực lượng  và các nguồn lực để tiến hành chiến tranh và hoạt động tác chiến.

Thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam dựa trên cơ sơ tổ chức bố trí lực lượng lao động và tổ chức, bố trí dân cư ở từng địa bàn cụ thể và trên cả nước nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp đánh thắng mọi loại hình chiến tranh xâm lược.

Thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam tổ chức rộng khắp trên cả nước nhưng có trọng tâm, trọng điểm. Thực hiện cả nước là một chiến trường, ở đâu cũng có người đánh giặc, đánh giặc bằng mọi vũ khí, làm cho lực lượng quân địch luôn bị dàn mỏng, phân tán, rơi vào thế lúng túng, sa lầy, mất quyền chủ động tiến công. Bố trí, tổ chức tập trung vào những hướng, mục tiêu chiến lược quan trọng, những địa bàn trọng yếu, những hướng, những nơi dự kiến sẽ là hướng tiến công chủ yếu, nơi quân địch sẽ dồn lực lực lượng và tập trung đánh phá.

Để có thế trận chiến tranh nhân dân, hiện nay cần tập trung: xây dựng khu vực phòng vững chắc về mọi mặt “mạnh về quốc phòng an ninh, ổn định về chính trị, giàu về kinh tế”; khu vực phòng thủ có khả năng độc lập tác chiến, phối hợp với lực lượng chủ lực, với đơn vị bạn đánh địch liên tục, dài ngày; các khu vực phòng thủ hợp thành phòng thủ quân khu và phòng thủ đất nước vững chắc, hình thành hệ thống “thế trận làng – nước” ứng phó với mọi tình huống.

***4.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân***

Lực lượng tiến hành chiến tranh nhân dân là lực lượng của toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

Lực lượng toàn dân được tổ chức chặt chẽ thành lực lượng quần chúng rộng rãi và lực lượng quân sự. Lực lượng vũ trang nhân dân được xây dựng vững mạnh toàn diện, coi trọng cả số l ợng và chất lượng, trong đó lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở.

Tổ chức cho các lực lượng tham gia đấu tranh trên mọi mặt trận và phát huy vai trò của Lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

***4.3.3. Phối hợp chặt chẽ giữa chống quân địch tiến công từ bên ngoài với bạo loạn lật đổ từ bên trong***

Thù trong, giặc ngoài luôn bằng mọi cách chống phá cách mạng nước ta. Lực lượng bên trong tạo môi trường, tạo cớ cho thế lực thù địch bên ngoài thực hiện ý đồ chiến lược. Các đối tượng bên ngoài tiếp tay, chỉ đạo, hỗ trợ vật chất, tài chính cho đối tượng bên trong. Đồng thời các đối tượng có thể hỗ trợ, liên kết, thỏa hiệp, gây ra các tình huống quốc phòng. Khi chuẩn bị và tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, quân xâm lược sẽ tìm cách móc nối, câu kết với lực lượng phản động bên trong, làm hậu thuẫn để thực hiện tiến công từ ngoài vào, kết hợp bạo loạn lật đổ từ bên trong với hành động đánh nhanh, thắng nhanh, giải quyết nhanh để buộc ta phải khuất phục. Vì vậy buộc ta phải chủ động ngăn chặn ý đồ của chúng, không để kẻ địch câu kết với nhau.

Trong quá trình chuẩn bị,  lực lượng vũ trang phải có kế hoạch, phương án chiến đấu và được quán triệt tới mọi người, kết hợp giải quyết tốt các tình huống chiến đấu diễn ra. Nắm vững thế chủ động, chuẩn bị tốt về mọi mặt, phương án xử lý các tình huống xảy ra. Chủ động đánh địch từ xa và chủ động đấu tranh ngăn chặn, chống bạo loạn lật đổ. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các mặt trận chủ động tiến công, ngăn chặn địch không để giặc ngoài, thù trong câu kết với nhau. Lực lượng vũ trang và mỗi địa phương khi xây dựng quyết tâm, phương án tác chiến phải cụ thể, tỉ mỉ kết hợp đánh thù trong, giặc ngoài bảo vệ địa phương, cơ sở góp phần bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**KẾT LUẬN**

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là cuộc chiến tranh giữ nước, chống lại sự xâm lược, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa của các thế lực thù địch đối với Việt Nam. Là cuộc chiến tranh chính nghĩa, cách mạng, góp phần bảo vệ hòa bình, ổn định, phát triển trong khu vực và trên thế giới. Trong bối cảnh hiện nay, để bảo vệ vững chắc Tổ quốc đòi hỏi toàn Đảng, toàn Dân, toàn Quân phải quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm các quan điểm, đường lối của Đảng, các chính sách, quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh và chiến tranh nhân dân. Thường xuyên nêu cao cảnh giác, giành thế chủ động trong mọi tình huống, không để bị động bất ngờ. Phải chuẩn bị tốt về mọi mặt của đất nước cả về lực lượng, tiềm lực, thế trậnnhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc, kết hợp với sức mạnh của thời đại, sức mạnh của chính nghĩa để chiến thắng trước bất kỳ kẻ thù nào, trong bất kỳ tình huống nào.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Mục đích, tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ?
2. Quan điểm của Đảng về chiên tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ?
3. Quan điểm xác định đối tác, đối tượng ?

# **Chương 5**

# **XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM**

Dựng nước đi đôi với giữ nước là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Ngày nay, quy luật đó được biểu hiện ở hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta là xây dựng gắn với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Công cuộc cách mạng đó, đang đứng trước những vận hội và cả thách thức to lớn, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải không ngừng phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước, kết hợp với sức mạnh thời đại, tranh thủ vận hội, ngăn chặn và đẩy lùi nguy cơ, thách thức nhằm xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh hiện nay, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ ở biên giới, biển, đảo diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch không ngừng chống phá cách mạng nước ta. Các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng, tác động trực tiếp đến sự ổn định, an toàn, phát triển bền vững của đất nước. Tình hình tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Do đó, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới là đòi hỏi tất yếu khách quan, là nhiệm vụ trọng yếu của công tác quốc phòng, an ninh trong tình hình hiện nay.

**5.1. Đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân**

***5.1.1. Khái niệm lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam***

Lực lượng vũ trang nhân dân là lực lượng vũ trang cách mạng của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý. Là lực lượng nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, thành quả cách mạng; cùng toàn dân xây dựng đất nước và thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Thành phần: bao gồm Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Dân quân tự vệ.

- Bản chất: là lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

- Nguyên tắc tổ chức, hoạt động: Lực lượng vũ trang nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ.

- Chức năng - nhiệm vụ: là đội quân chiến đấu, lao động sản xuất, công tác. Trong đó, chiến đấu là chức năng chủ yếu, quan trọng nhất.

***5.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân***

*5.1.2.1. Cả nước đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, trong khi chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá ta quyết liệt*

Chiến tranh kết thúc, đất nước đã hoà bình thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân, toàn quân ta bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là hai nhiệm vụ chiến lược của đất nước ta nhằm thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc trước bất bất kỳâm mưu, hành động chống phá của bất kỳ thế lực nào. Hai nhiệm vụ chiến l ợc có mối quan hệ biện chứng với nhau, xây dựng đất nước phát triển và giàu mạnh là điều kiện vững chắc cho bảo vệ Tổ quốc, đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc tạo ra môi trường hòa bình, ổn định, là điều kiện thuận lợi để xây dựng đất nước ngày càng phát triển. Do đó, trong khi chúng ta đặt nhiệm vụ trọng tâm vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không được một phút lơi lỏng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Lợi dụng chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế trong xây dựng phát triển đất nước của ta, các thế lực thù địch, phản động đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ với cấp độ ngày càng quyết liệt nhằm chống phá cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực. Âm mưu của chúng là tạo ra quá trình “tự diễn biến” dẫn đến “tự chuyển hóa” từ bên trong nhằm thực hiện mục tiêu phi chính trị hóa đối với lực lượng vũ trang, vô hiệu hóa sự lãnh đạo của Đảng, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

*5.1.2.2. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong điều kiện quốc tế đã thay đổi, có nhiều diễn biến phức tạp*

*- Tình hình thế giới*

Sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, Liên Xô và sự thoái trào của phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc dân tộc, dân chủ, bình đẳng, công bằng trên thế giới gặp nhiều khó khăn. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại trên thế giới đang bị chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế tập trung chống phá quyết liệt. Hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, xung đột vũ trang tiềm ẩn nhiều nguy cơ khó lường.

Trong những năm tới, dự báo môi trường chính trị, an ninh thế giới, khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó dự báo. Các nước điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển nhằm thích ứng với tình hình mới. Tăng ngân sách quốc phòng, chạy đua vũ trang ngày càng quyết liệt và trở thành xu thế phổ biến. Đặc biệt, một số nước đẩy mạnh hiện đại hóa quân đội, tăng cường năng lực quân sự với những thế hệ vũ khí mới.

Bên cạnh đó, chủ nghĩa dân túy, dân tộc cực đoan, thực dụng, cường quyền nước lớn trong quan hệ quốc tế gia tăng; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ giữa các quốc gia; sự can dự, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn với các không gian chiến lược mới (như: không gian mạng, không gian vũ trụ, lòng đất, lòng biển...); các loại hình tác chiến mới đặt ra những thách thức mới đối với hòa bình, ổn định trên thế giới, khu vực và độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước, nhất là những nước nhỏ đang phát triển.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghiệp số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, trong đó có cả lĩnh vực quốc phòng, tạo ra cả thời cơ, thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc. Sự xuất hiện của các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hiện đại đã làm thay đổi cơ bản tổ chức quân đội, hình thái, phương thức tiến hành chiến tranh. Đặc biệt, sự ra đời của chiến tranh mạng đã tác động sâu sắc đến quốc phòng, an ninh thế giới, khu vực và mỗi quốc gia.

Các mối đe dọa đối với an ninh phi truyền thống diễn phức tạp, khó lường. Xuất hiện nhiều hình thái chiến tranh mới, làm thay đổi môi trường chiến lược và gần đây là phong trào “bất tuân dân sự” có nhiều diễn biến phức tạp.

*- Khu vực châu Á-Thái Bình Dương, Đông Nam Á*

Đây là khu vực có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng, là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, tiềm ẩn nhiều bất ổn. Sự xuất hiện của tư tưởng cường quyền nước lớn, dân tộc hẹp hòi, có ý đồ bành trướng, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ. Một số nước trong khu vực bị các nước lớn thao túng, hướng lái... đang làm gia tăng căng thẳng, phức tạp hóa tình hình, tiềm ẩn nhiều nguy cơ diễn biến khó lường. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo diễn ra ngày càng gay gắt hơn. Hòa bình, ổn định, tự do an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước những thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột.

*5.1.2.3. Sự nghiệp đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đất nước ta bước sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập kinh tế thế giới toàn diện hơn*

Sự nghiệp đổi mới của đất nước ta được thực hiện bắt đầu từ năm 1986, để chuyển hướng sang kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự điều tiết của Nhà nước từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp. Trải qua quá trình đổi mới, đất nước ta đã thu được những thành tựu to lớn: Công cuộc đổi mới đã giải phóng sức sản xuất, củng cố, tăng cường quan hệ sản xuất mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; bộ mặt đất nước, đời sống của nhân dân thật sự thay đổi; dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và mở rộng; đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường. Công tác xây dựng Ðảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị được đẩy mạnh; sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững; quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng đi vào chiều sâu; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Ngày nay, sự nghiệp đổi mới của đất nước được tiến hành gắn liền với công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế. Quá trình đó đang đặt ra không ít những thời cơ và thách thức to lớn của cách mạng Việt Nam hiện nay.

*- Thời cơ của cách mạng Việt Nam*

Thực tiễn vận động, phát triển của những xu thế lớn trên thế giới, đặc biệt là xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển, hội nhập quốc tế tạo cơ hội cho Việt Nam giữ vững ổn định để phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Cơ hội hợp tác, giao lưu, nhất là trong tìm kiếm, tiếp thu những thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại, tạo nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại.

Những thành tựu đạt được qua quá trình đổi mới đã tạo nên điều kiện nền tảng và vận hội quan trọng cho đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tạo cơ hội cho đất nước ta tiếp thu những giá trị tinh hoa của nhân loại, tiếp tục phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc trong xây dựng con người xã hội chủ nghĩa.

*- Thách thức của cách mạng Việt Nam*

Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1/1994) vẫn tồn tại: Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Các nguy cơ đó có liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau và đang đe dọa sự tồn vong của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có những nguy cơ có biểu hiện diễn biến phức tạp hơn như “diễn biến hòa bình” với những âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi, quyết liệt hơn; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, trong đó có tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí ở bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn chưa được ngăn chặn triệt để.

Bên cạnh đó, xuất hiện những nguy cơ mới trong quá trình hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay như: Nguy cơ phai nhạt, đánh mất bản sắc văn hóa, xói mòn những giá trị truyền thống của dân tộc; nguy cơ phân liệt, xuyên tạc, hạ thấp ý nghĩa chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, cùng với những biểu hiện dân tộc cực đoan gia tăng; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đang đứng trước nhiều thách thức.

*5.1.2.4. Thực trạng của lực lượng vũ trang nhân dân ta*

Trải qua quá trình xây dựng và hoạt động, lực lượng vũ trang nhân dân đã có bước trưởng thành cả về số lượng và chất lượng, có bản lĩnh chính trị*,* chất lượng tổng hợp*,* trình độ chính quy, sức mạnh chiến đấu không ngừng được nâng lên. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam luôn luôn xứng đáng là lực lượng nòng cốt đi đầu giải quyết có hiệu quả những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp mà Đảng và Nhà nước đã giao cho, là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, quá trình xây dựng lực lượng vũ trang vẫn còn một số hạn chế:

- Về chất lượng chính trị: trên thực tế, trình độ lý luận, tính nhạy bén, sắc sảo và bản lĩnh chính trị của không ít cán bộ, chiến sỹ ta chưa tương xứng với vị trí, yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Về khả năng chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân còn những mặt hạn chế, chưa đáp ứng được các tình huống phức tạp (nếu xảy ra). Công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ còn có những nội dung bất cập, chưa thật sát nhiệm vụ và năng lực thực hành theo cương vị đảm nhiệm.

- Về trình độ chính quy của quân đội và công an chưa đáp ứng được yêu cầu tác chiến hiện đại và chưa tương xứng với công tác xây dựng. Chấp hành kỷ luật của một bộ phận lực lượng vũ trang còn chuyển biến chậm, vẫn để xảy ra những vụ việc, ảnh hưởng đến sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang.

- Về trang bị của lực lượng vũ trang còn lạc hậu và thiếu đồng bộ.

- Vấn đề nghiên cứu phát triển hoàn thiện nền khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam trong thời kỳ mới cần được tổ chức một cách khoa học, phối hợp chặt chẽ giữa viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và thực tiễn.

Những yếu tố trên, chi phối trực tiếp đến việc xác định đối tượng tác chiến, tăng cường bản chất giai cấp, xây dựng bản lĩnh chính trị, tinh thần cảnh giác cách mạng, nội dung chương trình huấn luyện, diễn tập, tổ chức, biên chế, vũ khí trang bị, khả năng trình độ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu…của Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong thời kỳ mới. Do đó, phải nghiên cứu, đánh giá đầy đủ, đúng đắn mọi tình hình với những tác động của nó, trên cơ sở đó đề ra đường lối, quan điểm, chính sách để lãnh đạo, chỉ đạo và xác định các nội dung, phương hướng, biện pháp phù hợp để xây dựng lực lượng vũ tranh nhân dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới.

***5.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới***

*5.1.3.1. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lực lượng vũ trang nhân dân*

-Vị trí, ý nghĩa: Đây là quan điểm, nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân sẽ quyết định bản chất cách mạng, mục tiêu, phương hướng chiến đấu, đường lối tổ chức và cơ chế hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân, bảo đảm nắm chắc quân đội và công an trong mọi tình huống.

- Cơ sở: Xuất phát từ lý luận chủ nghĩa Mác-Lêninvề vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân. Xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân. Xuất phát từ thực tiễn lịch sử xây dựng quân đội ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Liên Xô (trước kia) và lịch sử xây dựng quân đội ta. Xuất phát từ âm mưu “phi chính trị hoá” lực lượng vũ trang nhân dân của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

- Nội dung: Đảng cộng sản Việt Nam độc tôn duy nhất nắm quyền lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân theo nguyên tắc “tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt”, Đảng không nhường hoặc chia sẻ quyền lãnh đạo cho bất cứ giai cấp, lực lượng, tổ chức nào. Đảng thực hiện sự lãnh đạo thông qua hệ thống tổ chức đảng được tổ chức từ Trung ương đến cơ sở để lãnh đạo mọi mặt của Lực lượng vũ trang. Đảng lãnh đạo trên mọi hoạt động, trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức…cả trong xây dựng và chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân.

- Biện pháp: Phải thường xuyên xây dựng và nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp; chú trọng xây dựng các tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh. Không ngừng hoàn thiện và cụ thể hoá cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân. Kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện coi nhẹ, hạ thấp vai trò, buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hoá” lực lượng vũ trang nhân dân của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

*5.1.3.2. Tự lực, tự cường xây dựng lực lượng vũ trang*

- Vị trí, ý nghĩa: là quan điểm quan trọng của Đảng ta nhằm lãnh đạo xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân độc lập, tự chủ, dựa vào sức mình là chính, không bị chi phối lệ thuộc bởi các yếu tố bên ngoài.

- Cơ sở: Xuất phát từ truyền thống, kinh nghiệm trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Từ tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang và thực tiễn xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong mấy chục năm qua.

- Nội dung, biện pháp: Tự lực tự cường dựa vào sức mình để xây dựng, để giữ vững tính độc lập tự chủ, chủ động không bị chi phối ràng buộc. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục mọi khó khăn xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Triệt để tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi về khoa học - công nghệ để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân. Tập trung từng bước hiện đại hoá trang bị kỹ thuật quản lý khai thác bảo quản có hiệu quả trang bị hiện có… Tích cực đẩy mạnh phát triển kinh tế và thực hành tiết kiệm.

*5.1.3.3. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở*

- Vị trí, ý nghĩa: Đây là quan điểm cơ bản của Đảng trong chỉ đạo nội dung, phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, là sự quán triệt sâu sắc nguyên tắc Đảng lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân. Quan điểm này nói lên mối quan hệ giữa số và chất trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Cơ sở: Xuất phát từ lý luận Mác-Lênin về mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng. Xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân tố chính trị tinh thần trong chiến tranh.Xuất phát từ truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Xuất phát từ sự chống phá của kẻ thù trong chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ nhằm phi chính trị hoá quân đội, công an.

- Nội dung, biện pháp: Nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng. Nâng cao chất lượng là chính, đồng thời có số lượng phù hợp với tình hình nhiệm vụ và khả năng kinh tế của đất nước. Phải có cơ cấu hợp lý giữa các thứ quân, giữa lực lượng thường trực với lực lượng dự bị động viên. Thường xuyên làm tốt công tác huấn luyện, diễn tập để nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân có chất lượng toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Về chính trị phải thường xuyên làm tốt công tác quán triệt, giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang nhân dân tin tưởng vào Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tin tưởng tuyệt đối, tự giác chấp hành nghiêm mọi đường lối, chủ trương chính sách pháp luật. Chăm lo xây dựng, củng cố các tổ chức chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh (tổ chức đảng, đoàn thanh niên, hội đồng quân nhân…). Chăm lo xây dựng cơ quan chính trị vững mạnh, đội ngũ cán bộ chính trị, đảng viên có phẩm chất năng lực tốt đủ sức lãnh đạo đơn vị.

*5.1.3.4. Bảo đảm lực lượng vũ trang nhân dân luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi*

- Vị trí, ý nghĩa: Đây là nguyên tắc quan trọng nhằm bảo đảm cho lực lượng vũ trang nhân dân chủ động đối phó kịp thời và thắng lợi mọi tình huống có thể xảy ra để bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong bất kỳ hoàn cảnh nào, trước bất kỳ đối tượng nào.

- Cơ sở: Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân.Xuất phát từ âm mưu của các thế lực thù địch đang tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng nước ta, mà trọng điểm chống phá của chúng là lực lượng vũ trang với những thủ đoạn hết sức tinh vi, thâm độc.

- Nội dung: Lực lượng vũ trang nhân dân phải luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về mọi mặt, duy trì và chấp hành nghiêm các chế độ, quy định về sẵn sàng chiến đấu, trực ban, trực chiến, trực chỉ huy...

- Biện pháp: Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp và từng bước nâng cao trình độ hiện đại trong huấn luyện. Từng bước trang bị, huấn luyện cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhất là các quân, binh chủng đã tiến thẳng lên hiện đại. Không ngừng bổ sung, hoàn thiện các chế độ, quy định về sẵn sàng chiến đấu, phương án sẵn sàng chiến đấu, diễn tập, luyện tập thường xuyên. Thường xuyên phân tích, đánh giá những âm mưu, thủ đoạn mới của chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch.

**5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới**

***5.2.1. Phương hướng chung***

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, xác định phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân: “Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025cơ bản xây dựng quân đội, công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại;... Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển”[[48]](#footnote-48).

***5.2.2. Phương hướng cụ thể***

*5.2.2.1. Phương hướng xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại.*

*- Xây dựng Quân đội, Công an cách mạng*

Đây là vấn đề cơ bản hàng đầu trong nhiệm vụ xây dựng quân đội, công an của Đảng trong mọi giai đoạn cách mạng. Xây dựng Quân đội, Công an cách mạng được biểu hiện trên những nội dung sau:

+ Xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, công an, làm cho lực lượng này tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với Nhân dân.

+ Chấp hành mọi đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

+ Kiên định mục tiêu lý tưởng xã hội ch nghĩa, vững vàng trước mọi khó khăn thử thách, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

+ Trước diễn biến tình hình phải phân biệt được đúng sai.

+ Có tinh thần đoàn kết quân dân, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quốc tế tốt.

+ Kỷ luật tự giác nghiêm minh, dân chủ rộng rãi…

*- Xây dựng Quân đội, Công an chính quy*

Là xây dựng Quân đội, Công an thống nhất về mọi mặt, dựa trên sự chấp hành nghiêm những chế độ, điều lệnh, điều lệ, quy định, kỷ luật để đưa mọi hoạt động vào nề nếp, kỷ cương. Xây dựng Quân đội, Công an chính quy nhằm thống nhất ý chí và hành động, thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức, để tăng cường sức mạnh chiến đấu tổng hợp bảo đảm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong bất kỳ hoàn cảnh nào, khó khăn nào.

+ Thống nhất về bản chất cách mạng, mục tiêu chiến đấu, về ý chí quyết tâm, nguyên tắc xây dựng quân đội, công an, về tổ chức biên chế trang bị.

+ Thống nhất về quan điểm tư tưởng quân sự, nghệ thuật quân sự, về phương pháp huấn luyện giáo dục.

+ Thống nhất về tổ chức thực hiện chức trách nề nếp chế độ chính quy, về quản lý bộ đội và công an, quản lý trang bị.

*- Xây dựng Quân đội, Công an tinh nhuệ*

Là tiến hành xây dựng làm cho Quân đội, Công an hoạt động trên mọi lĩnh vực đạt hiệu quả cao. Xây dựng Quân đội, Công an tinh nhuệ được biểu hiện trên các nội dung sau:

+ Tinh nhuệ về chính trị: Đứng trước diễn biến của tình hình, có khả năng phân tích và kết luận chính xác đúng, sai từ đó có thái độ đúng đắn với sự việc đó.

+ Tinh nhuệ về tổ chức: Tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

+ Tinh nhuệ về kỹ chiến thuật: Phải giỏi sử dụng các loại binh khí kỹ thuật hiện có, biết sử dụng trang bị vũ khí hiện đại. Giỏi các cách đánh, vận dụng mưu trí sáng tạo các hình thức chiến thuật. Giỏi vận động nhân dân và bảo vệ nhân dân.

*- Xây dựng Quân đội, Công an từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại*

Hiện đại hóa là một tất yếu, nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội, công an đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tìn hình mới.

+ Từng bước hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật cho Quân đội, Công an. Ưu tiên xây dựng một số quân, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại: Hải quân, Phòng không - Không quân, Tác chiến điện tử, Trinh sát kỹ thuật, Cảnh sát biển, Tình báo, Cơ yếu, An ninh, Cảnh sát cơ động, kỹ thuật nghiệp vụ, an ninh mạng và đấu tranh phòng, chống tội phạm công nghệ cao.

+ Xây dựng rèn luyện đội ngũ cán bộ, chiến sỹ quân đội, công an có bản lĩnh trí tuệ và năng lực hành động, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiện đại.

+ Nghiên cứu phát triển nghệ thuật quân sự, khoa học quân sự hiện đại, phát triển công nghiệp quốc phòng hiện đại, có kỹ thuật nghiệp vụ an ninh tiên tiến,bảo đảm cho quân đội, công an làm chủ công nghệ cao, vũ khí trang bị hiện đại hoạt động trong mọi điều kiện, tình huống đạt hiệu quả cao.

Những nội dung trên là cả một quá trình phấn đấu lâu dài mới đạt được, hiện nay ta phải thực hiện bước đi: "từng bước" nghĩa là phải dần dần bằng khả năng của nền kinh tế và trình độ khoa học của đất nước. Quá trình hiện đại hóa quân đội, công an phải gắn với quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, với từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng, sản xuất mới, kết hợp phục hồi sửa chữa cải tiến vũ khí trang bị hiện có và mua một số vũ khí hiện đại để trang bị cho một số quân, binh chủng trọng yếu.

*5.2.2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng dự bị động viên*

Xây dựng Lực lượng dự bị động viên hùng hậu, chất lượng ngày càng cao sẵn sàng bổ sung cho Lực lượng thường trực theo kế hoạch, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

*5.2.2.3. Phương hướng xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển*

+ Dân quân tự vệ được xây dựng rộng khắp ở tất cả thôn, xóm, bản làng, nông trường, công trường, doanh nghiệp, gắn với địa bàn, cơ quan, tổ chức trên các vùng, miền, trên biển.

+ Tổ chức, biên chế của Dân quân tự vệ phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội và thuận tiện cho lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, quản lý của từng địa phương, cơ quan, tổ chức.

+ Chú trọng xây dựng cả số lượng và chất lượng, lấy chất lượng làm chính,nhưng có trọng điểm. Huấn luyện phải thiết thực hiệu quả.

+ Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ dân quân tự vệ. Thực hiện tốt các chính sách đối với dân quân tự vệ.

**5.3. Một số biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân**

- Tổ chức các đơn vị phải gọn, mạnh, cơ động; có sức chiến đấu cao. Có số lượng phù hợp, chất lượng tốt; phù hợp với tình hình cụ thể ở từng địa phương, khu vực và thế trận cả nước.

- Nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, xây dựng và phát triển khoa học quân sự, khoa học công an.

- Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật của lực lượng vũ trang nhân dân.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, năng lực tốt.

- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân.

**KẾT LUẬN**

Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam vững mạnh toàn diện và hiện đại làm nòng cốt bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là yêu cầu cấp thiết, tất yếu khách quan. Để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cảhệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo tuyệt đ i, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước. Không ngừng hợp tác quốc tế, nghiên cứu, ứng dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để sản xuất kết hợp với mua sắm vũ khí, trang bị hiện đại. Đổi mới cơ cấu, tổ chức, biên chế, nội dung chương trình huấn luyện, quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới. Duy trì nghiêm các chế độ quy định về trực ban, canh gác, trực sẵn sàng chiến đấu để kịp thời xử lý tốt mọi tình huống, không để bị động bất ngờ.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Đặc điểm và các quan điểm, nguyên tắc xây dựng Lực lương vũ trang nhân dân ?
2. Phương hướng, biện pháp xây dựng Lực lương vũ trang nhân dân ?

**Chương 6**

**KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG**

**QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI**

Dựng nước đi đôi với giữ nước là tất yếu khách quan, là quy luật trường tồn của lịch sử Dân tộc ta. Ngày nay, quy luật đó được biểu hiện tập trung ở việc kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn Dân và toàn Quân ta thực hiện mục tiêu “xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”[[49]](#footnote-49). Để đạt được mục tiêu có tính thiên niên kỷ đó, đòi hỏi chúng ta cần nghiên cứu, quán triệt, vận dụng và thực hiện tốt sự kết hợp một cách khoa học, chặt chẽ, thống nhất, hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh đi đôi với mở rộng đối ngoại. Đây là yêu cầu tất yếu khách quan, là quy luật phát triển của nước ta trong xu thế hội nhập quốc tếvà toàn cầu hóa hiện nay.

**6.1. Cơ sở của việc kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại**

***6.1.1. Một số khái niệm cơ bản***

*6.1.1.1. Phát triển kinh tế*

Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự hoàn thiện cơ cấu, thể chế kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm công bằng xã hội.

- Sự tăng lên của nền kinh tế quốc gia được đo lường bằng chỉ số GDP (GNP) và GDP/người (GNP/người).

- Thể chế kinh tế ngày càng được hoàn thiện cả về luật, các quy tắc và cơ chế, tổ chức điều hành nền kinh tế.

- Cơ cấu kinh tế biến đổi theo hướng tiến bộ về tỷ trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ thì tăng lên, nông nghiệp thì giảm xuống.

- Thu nhập của người lao động, chất lượng cuộc sống trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường,… văn hóa ngày càng được nâng cao hơn và công bằng xã hội ngày càng được bảo đảm.

*6.1.1.2. Phát triển xã hội*

Phát triển xã hội là quá trình làm cho con người được sống trong những điều kiện ngày càng đầy đủ về vật chất và tinh thần trong một môi trường tự nhiên và xã hội trong sạch, lành mạnh, an toàn; làm cho con người có đủ sức khỏe, tri thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để sống, lao động và hoàn thiện mình, xứng đáng là con người trong các quá trình lịch sử của một quốc gia dân tộc và của toàn nhân loại.

- Là quá trình làm gia tăng, đáp ứng ngày càng cao hơn về điều kiện vật chất và tinh thần cho con người. Làm cho con người được sống trong môi trường tự nhiên và xã hội trong sạch, lành mạnh, an toàn.

- Làm cho con người có đủ sức khỏe, tri thức, kỹ năng và thái độ để sống, lao động và hoàn thiện mình đáp ứng yêu cầu phát triển của quốc gia và thế giới.

- Là quá trình thực hiện bình đẳng, công bằng, tiến bộ xã hội, hướng đến người dân, phát triển cộng đồng.

*6.1.1.3. Đối ngoại*

Đối ngoại là toàn bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương châm, phương hướng chỉ đạo, hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, của các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội, của toàn dân và của cả cá nhân khi tham gia hoạt động quốc tế nhằm bảo đảm an ninh quốc gia, xây dựng và phát triển đất nước, nâng cao vị thế của quốc gia dân tộc mình trên trường quốc tế.

- Chủ thể của hoạt động đối ngoại: Đảng, Nhà nước, các tổ chức trong xã hội và toàn thể nhân dân.

- Mục đích: là nhằm xây dựng phát triển đất nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc

- Nội dung của hoạt động đối ngoại là tổng thể các hoạt động quốc tế bao gồm: xây mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc, phương châm, lãnh đạo, chỉ đạo và tham gia hoạt động quốc tế trên mọi lĩnh vực.

*6.1.1.4. Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại*

Là hoạt động tích cực, chủ động của nhà nước và nhân dân trong việc gắn kết chặt chẽ hoạt động phát triển kinh tế, xã hội đi đôi với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong một chỉnh thể thống nhất, trên phạm vi cả nước cũng như từng bộ ngành, địa phương để thúc đẩy nhau cùng phát triển, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

- Chủ thể thực hiện kết hợp là Đảng, Nhà nước, nhân dân.

- Nội dung kết hợp: phát triển kinh tế, xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại .

- Phạm vi: Từng địa phương, bộ ngành, trên cả nước.

- Mục đích: Thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ chiến lược.

- Yêu cầu: Thúc đẩy từng lĩnh vực phát triển, tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước.

- Tính chất: Chủ động, tích cực.

- Phương châm: Khoa học, chặt chẽ, thống nhất, hài hòa.

***6.1.2. Cơ sở của việc kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại***

*6.1.2.1. Cơ sở lý luận*

*- Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại*

Kinh tế là yếu tố suy cho đến cùng quyết định đến quốc phòng, an ninh và chiến tranh, về vấn đề này Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Không có gì phụ thuộc vào kinh tế tiên quyết hơn là chính quân đội và hạm đội”[[50]](#footnote-50); “Thắng lợi hay thất bại của chiến tranh đều phụ thuộc vào điều kiện kinh tế,...”2. Ngược lại, quốc phòng, an ninh cũng có tác động trở lại với kinh tế theo chiều hướng tích cực và tiêu cực. Quốc phòng, an ninh vững mạnh sẽ tạo môi trường hoà bình, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội. Mặt khác, hoạt động quốc phòng, an ninh tiêu tốn của cải, vật chất và ảnh hưởng đến các nguồn lực cho phát triển kinh tế, xã hội. V.I. Lênin đánh giá hoạt động quốc phòng là tiêu dùng “mất đi”, không quay vào tái sản xuất xã hội. Do đó, sẽ ảnh hư­ởng đến tiêu dùng của xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế. Hoạt động quốc phòng, an ninh còn ảnh hưởng đến đường lối phát triển kinh tế, cơ cấu kinh tế. Hoạt động quốc phòng, an ninh còn có thể dẫn đến huỷ hoại môi trường sinh thái, để lại hậu quả nặng nề cho kinh tế, nhất là khi chiến tranh xảy ra.

Học thuyết Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I. Lênin đã khẳng định: Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp thiêng liêng, cao cả, chính nghĩa và có ý nghĩa quốc tế sâu sắc, sự nghiệp đó phải được quan tâm, chẩn bị chu đáo và kiên quyết. V.I. Lênin đã đưa ra nhiều biện pháp để bảo vệ Tổ quốc như: củng cố chính quyền Xô Viết các cấp, bài trừ nội phản, tiêu diệt bọn bạch vệ; đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, vận dụng đường lối đối ngoại khôn khéo, kiên định về nguyên tắc, mền dẻo về sách lược, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù ; hết sức chăm lo xây dựng quân đội kiểu mới. Như vậy, V.I. Lênin là người đầu tiên đưa ra quan điểm và chỉ đạo thực hiện việc kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong điều kiện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Xô Viết.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại*

Trên cơ sở nắm vững và vận dụng sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin với truyền thống của dân tộc vào điều kiện thực tiễn cách mạng nước ta, tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoạiđược thể hiện thông qa các bài viết, các buổi nói chuyện và thực tiễn chỉ đạo cách mạng của Người.

Trong bài viết: “Câu hỏi và trả lời” ngày 23 tháng Chạp năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng nhiệm vụ chiến đấu hy sinh bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ trực tiếp của các chiến sỹ ngoàichiến trường, còn đồng bào ở hậu phương tăng gia sản xuất, xây dựng, phát triển kinh tế cũng là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đến năm 1952, Người chỉ rõ: “Trong các chiến dịch thu được nhiều chiến lợi phẩm (thuốc, đạn, lương thực, súng ống). Bộ đội biết quý trọng nó, tiết kiệm nó mà đánh lại giặc như thế cũng là tăng gia sản xuất”.

Trong mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế với quốc phòng, an ninh, Người coi việc xây dựng kinh tế có vai trò quyết định. Trong bài “Gửi các nhà nông” năm 1945, Người khẳng định: “Hiện nay chúng ta có 2 việc quan trọng nhất: Cứu đói ở Bắc và kháng chiến ở Nam. “Thực túc binh cường” cấy nhiều thì khỏi đói. Kinh tế có mạnh mới có điều kiện làm cho quốc phòng, an ninh mạnh. Người nói: “Thực hành kế hoạch sản xuất và tiết kiệm là bồi dưỡng và tích trữ lực lượng dồi dào để kháng chiến lâu dài, để chuyển sang tổng phản công, đưa kháng chiến đến thắng lợi”. Kinh tế và quốc phòng tuy là hai lĩnh vực khác nhau, mỗi lĩnh vực đều có những đặc điểm riêng, những quy luật hoạt động riêng, nhưng xét về bản chất, mục đích của nó Người chỉ ra “hai công việc” ấy đều có cái chung, cái thống nhất. Cũng trong bài “Gửi các nhà nông” năm 1945, Người đã viết: “Vì cứu quốc, các chiến sỹ đấu tranh ở ngoài mặt trận, vì kiến quốc nhà nông phấn đấu ngoài đồng ruộng. Chiến sỹ ra sức giữ gìn đất nước. Nhà nông ra sức giúp đỡ chiến sỹ. Hai bên công việc khác nhau nhưng thật ra là hợp tác. Cho nên hai bên đều có công với dân tộc, đều là anh hùng”.

Tư tưởng về ngoại giao của Hồ Chí Minh bao hàm những nguyên lý, nội dung, phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao. Người xác định mục đích của ngoại giao là “phải luôn luôn vì lợi ích của dân tộc mà phục vụ”[[51]](#footnote-51). Người nhấn mạnh ngoại giao độc lập tự chủ, tự lực tự cường phải gắn liền với đoàn kết và hợp tác quốc tế, theo đó Việt Nam sẵn sàng “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai” [[52]](#footnote-52). Người hết sức coi trọng tình hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng có chung biên giới; mở rộng bang giao với các nước trong khu vực và trên thế giới; xử lý tốt quan hệ với các nước lớn để phục vụ lợi ích cách mạng. Trong phương pháp, Người xác định ngoại giao phải là một mặt trận, một binh chủng hợp thành của cách mạng Việt Nam, kết hợp nhuần nhuyễn “vừa đánh vừa đàm”, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn.

Thực hành gắn kết trên các lĩnh vực hoạt động đó,Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng công nghiệp không chỉ sản xuất ra sản phẩm để phục vụ dân sinh mà còn phải phục vụ cho cả quốc phòng và trong hoàn cảnh chiến tranh thì nhiệm vụ sản xuất phục vụ quốc phòng được đặt lên hàng đầu. Trong bài “Nhiệm vụ chính trong giai đoạn mới”, Người viết nhân dịp Ngày Lao động quốc tế 01/5/1954, trong đó yêu cầu công nghiệp phải “chế nhiều vũ khí, dụng cụ, sản phẩm để đánh giặc và cung cấp cho nhân dân”, Người nhấn mạnh phải “hợp tác với chuyên môn để cải thiện kỹ thuật và điều kiện sản xuất, bảo vệ nhà máy, phá kinh tế địch bằng mọi cách”.

- *Quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại*

Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại là hệ thống các quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong kết hợp xây dựng phát triển kinh tế, xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh và mở rộng đối ngoại nhằm thực hiện mục tiêu phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quan điểm là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoạiphù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng Việt Nam trong từng giai đoạn khác nhau. Đây là kết quả của quá trình từng bước nhận thức đúng đắn về vai trò, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại trong suốt sự nghiệp lãnh đạo cách mạng từ khi ra đời cho đến nay của Đảng ta.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (01/2021) xác định rõ: “Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh và giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh vựckinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong từng địa phương, vùng, địa bàn chiến lược và trong từng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể”[[53]](#footnote-53). Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 của Đảng xác định: “Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.”[[54]](#footnote-54). Đây là quan điểm thể hiện sự phát triển trong quá trình nhận thức thực tiễn, đúc kết lý luận từ thực tiễn và đáp ứng yêu cầu đòi hỏi từ thực tiễn của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

*6.1.2.2. Cơ sở thực tiễn về phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại*

Nhìn vào tiến trình phát triển của các quốc gia trên thế giới chúng ta thấy, dù là nước lớn hay nước nhỏ, kinh tế phát triển hay chưa phát triển, dù chế độ chính trị như thế nào thì mỗi quốc gia cũng đều chăm lo thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Tuy nhiên, các nước khác nhau, với chế độ chính trị - xã hội khác nhau, điều kiện hoàn cảnh khác nhau thì sự kết hợp đó cũng có sự khác nhau về mục đích, nội dung, phương thức và kết quả. Ngay trong một nước, tùy thuộc vào nhận thức, yêu cầu, mục tiêu và hoàn cảnh thực tiễn mà trong mỗi giai đoạn phát triển khác nhau, có sự kết hợp khác nhau.

- *Thực tiễn kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại của các triều đại phong kiến Việt Nam*

Trong các triều đại phong kiến Việt Nam, tiêu biểu là các triề đại nhà Đinh, Lý, Trần, Lê... luôn lấy lợi ích quốc gia dân tộc làm trọng, đề ra kế sách giữ nước với tư tưởng: nước lấy dân làm gốc; dân giàu, nước mạnh;“quốc phú, binh cường, nội yên, ngoại tĩnh”; thực hiện khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc, chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để yên dân mà vẹn đất. Thực hiện kế sách “ngụ binh ư nông”, “động vi binh, tĩnh vi dân” để vừa phát triển kinh tế, vừa tăng cường sức mạnh quốc phòng bảo vệ Tổ quốc.

Trong xây dựng, phát triển kinh tế, đã sử dụng nhiều chính sách như khai hoang lập ấp ở những nơi xung yếu để phục binh sẵn, phá thế giặc dữ từ xa; phát triển nghề thủ công để vừa sản xuất ra các công cụ sản xuất, vừa sản xuất ra các vũ khí, phương tiện phục vụ cho toàn dân đánh giặc; chăm lo mở mang đường sá, đào sông ngòi, kênh rạch, xây đắp đê điều để vừa phát triển kinh tế, vừa tạo thế trận đánh giặc, cơ động lực lượng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Trong bảo vệ biên cương, lãnh thổ thì luôn linh hoạt, mềm dẻo để xây dựng hòa hiếu với các nước láng giềng. Khi có tranh chấp, xâm lấn thì luôn lấy đàm phán, tranh biện bằng phương pháp hòa bình làm trọng, cương quyết bảo vệ biên cương đến cùng, thực hiện nguyên tắc toàn vẹn lãnh thổ quốc gia lên trên hết.

Với bên ngoài với tinh thần đề cao hoà hiếu, giữ vững tự chủ, trọng tình nghĩa, khoan dung; kết hợp chặt chẽ giữa “lễ và binh”; “đánh và đàm”, “công và giao”, lấy nhân nghĩa thu phục nhân tâm, bang giao hòa hiếu để ngăn chặn chiến tranh, giữ vững độc lập, chủ quyền đất nước.

Trong chiến tranh, sự kết hợp được thực hiệnvừa đánh giặc, vừa chăm lo phát triển kinh tế; vừa bảo vệ kinh tế của mình, vừa biết đánh vào kinh tế của địch; đánh địch trên tất cả các mặt trận kinh tế, quân sự, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, binh vận vv. Với những kế sách như “thanh dã”; “vừa đánh, vừa đàm”; “cầu hòa” vv. Đây là những phương sách được các triều đại phong kiến Việt Nam thực hiện sáng tạo, linh hoạt để giữ nước.

- *Thực tiễn kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ*

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng, do nắm vững quy luật và biết kế thừa kinh nghiệm của lịch sử nên đã thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh một cách nhất quán với những chủ trương sáng tạo, phù hợp với từng thời kỳ của cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) Đảng ta đề ra chủ trương vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, “Vừa chiến đấu, vừa tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm; vừa th c hiện phát triển kinh tế ở địa phương vừa tiến hành chiến tranh nhân dân rộng khắp; “Xây dựng làng kháng chiến, địch đến thì đánh, địch lui ta lại tăng gia sản xuất.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975), kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh đã được Đảng ta chỉ đạo thực hiện ở mỗi miền với nội dung và hình thức thích hợp. Ở miền Bắc, để bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và xây dựng hậu phương lớn cho miền Nam đánh giặc, Đại hội lần thứ III của Đảng đã đề ra chủ trương : "Trong xây dựng kinh tế, phải thấu suốt nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, cũng như trong củng cố quốc phòng phải khéo sắp xếp cho ăn khớp với công cuộc xây dựng kinh tế"[[55]](#footnote-55). Theo tinh thần đó, miền Bắc đã xây dựng, phát triển chế độ xã hội mới, nền kinh tế, văn hoá mới, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân ; đồng thời kết hợp chặt chẽ với chăm lo củng cố quốc phòng, an ninh vững mạnh, đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa và chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng giặc Mĩ xâm lược.Ở miền Nam, Đảng chỉ đạo quân và dân ta kết hợp chặt chẽ giữa đánh địch với củng cố mở rộng hậu phương, xây dựng căn cứ địa miền Nam vững mạnh. Đây chính là một điều kiện cơ bản bảo đảm cho cách mạng nước ta đi đến thắng lợi.

Thời kì này, chúng ta phải tập trung cao độ cho nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và giải phóng miền Nam, nên việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng c quốc phòng, an ninh được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, sinh động và thiết thực, đã tạo được sức mạnh tổng hợp đánh thắng giặc Mĩ xâm lược và để lại nhiều bài học quý giá cho thời kì sau.

*- Thực tiễn kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại từ khi thống nhất đất nước đến nay*

Thời kì cả nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội (từ 1975 đến nay), kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại được Đảng ta khẳng định là một nội dung quan trọng trong đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và được triển khai trên quy mô rộng lớn, toàn diện, ngày càng được nhận thức sâu sắc và toàn diện hơn. Từ năm 1986 đến nay, với tư duy mới về kinh tế và quốc phòng, an ninh, việc kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại trên phạm vi cả nước cũng như từng địa phương, bộ, ban ngành có bước chuyển biến cả trong nhận thức và tổ chức thực hiện, đã thu được nhiều kết quả quan trọng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, kinh tế của đất nước ta từng bước phát triển, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, an sinh xã hội đảm bảo, con người ngày càng được bảo vệ và chăm lo phát triển toàn diện, vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao được trên trường quốc tế. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 trong 193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc. Tính đến nay (5/2021), Việt Nam đã ký kết 18 hiệp định thương mại FTA song phương và đa phương, có quan hệ thương mại tự do với 54 nước trên thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích quan trọng đã đạt được trong sự kết hợp, còn những hạn chế: “Sự gắn kết giữa phát triển kinh tế-xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa thực sự chặt chẽ, hiệu quả. Nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức kinh tế về mục tiêu, nhiệm vụ kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh chưa đầy đủ, sâu sắc; còn biểu hiện chủ quan, thiếu cảnh giác, nặng về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, nhẹ về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Việc cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng thành các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh còn chậm, chưa toàn diện, có lĩnh vực còn bất cập, chưa đủ mạnh”[[56]](#footnote-56)

Nhờ chính sách nhất quán về thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại chúng ta đã phát huy được mọi tiềm năng cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thời bình, cùng với phát triển kinh tế là chăm lo củng cố tiềm lực quốc phòng an ninh, thế trận quốc phòng an ninh. Nhờ vậy, khi đất nước bị xâm lược chúng ta đã động viên được "cả nước đồng lòng, toàn dân đánh giặc"; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù. Sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại là tất yếu, là đòi hỏi khách quan của sự phát triển trong bối cảnh xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Để đáp ứng những yêu cầu đó, các ngành, các cấp, các địa phương phải nâng cao nhận thức, quán triệt sâu rộng, triển khai động bộ, thực hiện tích cực và hiệu quả.

**6.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay**

#### 6.2. 1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế- xã hội

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030, Đảngta xác đinh mục tiêu tổng quát là: “Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao”[[57]](#footnote-57). Như vậy, trong mục tiêu chiến lược được Đảng ta xác định đã bao quát toàn diện các lĩnh vực của đất nước, trong đó nổi lên ba vấn đề lớn là: tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm giải quyết hài hoà hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mỗi lĩnh vực cần kết hợp chặt chẽ với các lĩnh vực khác và đạt được mục tiêu cụ thể sau.

Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những yếu tố bất lợi, nhất là những yếu tố nguy cơ gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

Sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội được thể hiện ngay trong việc hoạch định mục tiêu phát triển quốc gia, trong huy động nguồn lực, trong lựa chọn và thực hiện các giải pháp chiến lược.

***6.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoạitrong phát triển các vùng lãnh thổ***

Các vùng lãnh thổ khác nhau, có sự khác nhau về đặc điểm và yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại.Việc kết hợp các hoạt động trên đòi hỏi cần được thực hiện một cách hài hòa, khoa học phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền và mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của mỗi lĩnh vực. Song việc kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở các vùng lãnh thổ, cũng như ở địa bàn mỗi tỉnh, thành phố phải được thể hiện những nội dung chủ yếu sau.

*Một là,* kết hợp trong xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng, cũng như trên địa bàn từng tỉnh, thành phố.

*Hai là,* kết hợp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, cơ cấu kinh tế địa phương với xây dựng các khu vực phòng thủ then chốt, các cụm chiến đấu liên hoàn, các xã phường chiến đấu trên địa bàn của các tỉnh, thành phố, huyện, quận.

*Ba là,* kết hợp trong quá trình phân công lại lao động của vùng, phân bố lại dân cư với tổ chức xây dựng và điều chỉnh, sắp xếp bố trí lại lực lượng quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn, lãnh thổ cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm ở đâu có đất, có biển, đảo là ở đó có dân và có lực lượng quốc phòng, an ninh để bảo vệ cơ sở, bảo vệ Tổ quốc.

*Bốn là,* kết hợp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình quốc phòng, quân sự, phòng thủ dân sự, thiết bị chiến trường... Bảo đảm tính "lưỡng dụng" trong mỗi công trình được xây dựng.

*Năm là,* kết hợp xây dựng các cơ sở, kinh tế vững mạnh toàn diện, rộng khắp với xây dựng các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu cần, kĩ thuật và hậu phương vững chắc cho mỗi vùng và ở các địa phương để sẵn sàng đối phó khi có chiến tranh xâm lược.

##### *6.2.2.1. Đối với các vùng kinh tế trọng điểm*

Hiện nay, nước ta xác định 4 vùng kinh tế trọng điểm với 24 tỉnh thành phố gồm: Bắc bộ (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh,Vĩnh Phúc); Trung bộ (Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định);Nam bộ (Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Tiền Giang); Đồng bằng sông Cửu Long (Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau). Các vùng kinh tế trọng điểm nói trên đều là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, du lịch, nơi tập trung các nguồn lực lớn làm nòng cốt cho phát triển kinh tế, xã hội của từng vùng miền và cho cả nước.

*- Đặc điểm của các vùng kinh tế trọng điểm.*

*Về kinh tế, xã hội.* Các vùng kinh tế trọng điểm là nơi có mật độ dân cư và tính chất đô thị hoá cao, gắn liền với các khu công nghiệp lớn, đặc khu kinh tế, các liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài. Đây cũng là nơi tập trung các đầu mối giao thông quan trọng, các sân bay, bến cảng, kho tàng, dịch vụ... .

*Về quốc phòng, an ninh.* Mỗi vùng kinh tế trọng điểm thường nằm trong các khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt của đất nước, nơi có nhiều đối tượng, mục tiêu quan trọng phải bảo vệ; đồng thời cũng là nơi có khả năng là hướng tiến công chiến lược chủ yếu trong chiến tranh xâm lược của địch; hoặc đã và đang là địa bàn trọng điểm để địch thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ với nước ta.

*Về đối ngoại.* Các vùng kinh tế trọng điểm là nơi tập trng thu hút đầu tư nước ngoài ở Việt Nam thông qua các dự án kinh tế. Nơi hợp tác phát triển với các nước và tổ chức nước ngoài về phát triển văn hóa, xã hội, môi trường vv. Nơi thu hút khách quốc tế đến thăm quan, nghỉ dưỡng, du lịch, trao đổi hợp tác về giáo dục, khoa học, công nghệ. Đồng thời cũng là nơi các đối tượng phạm tội nước ngoài chạy trốn, ẩn nấp, chống phá. Nơi các tổ chức gián điệp, phản động hoạt động để xây dựng các cơ sở, căn cứ và lực lượng để chống phá ta.

*- Nội dung, giải pháp kết hợp cần tập trung vào các vấn đề sau.*

Trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng các thành phố, các khu công nghiệp cần lựa chọn quy mô trung bình, bố trí phân tán, trải đều trên diện rộng, không nên xây dựng tập trung thành những siêu đô thị lớn, để thuận lợi cho quản lí, giữ gìn an ninh chính trị trong thời bình và hạn chế hậu quả tiến công hoả lực của địch khi có chiến tranh.

Phải kết hợp chặt chẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với kết cấu hạ tầng của nền quốc phòng toàn dân. Gắn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình phòng thủ, các thiết bị chiến trường, các công trình phòng thủ dân sự...Về lâu dài, ở các thành phố, đô thị, các khu kinh tế tập trung, cần có quy hoạch từng bước xây dựng hệ thống "công trình ngầm lưỡng dụng". Phải bảo vệ, bảo tồn các địa hình, địa vật, các khu vực có giá trị về phòng thủ, khi bố trí các cơ sở sản xuất, các công trình kinh tế, phê duyệt dự án đầu tư nước ngoài. Khắc phục tình trạng chỉ chú ý quan tâm đến lợi thế, hiệu quả kinh tế trước mắt mà quên đi nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và ngược lại khi bố trí các khu vực phòng thủ, các công trình quốc phòng, chỉ chú ý đến các yếu tố bảo đảm quốc phòng, an ninh mà không tính đến đến lợi ích kinh tế.

Trong quá trình xây dựng các khu công nghiệp tập trung, đặc khu kinh tế phải có sự gắn kết với quy hoạch xây dựng lực lượng quốc phòng- an ninh, các tổ chức chính trị, đoàn thể ngay trong các tổ chức kinh tế đó. Lựa chọn đối tác đầu tư, bố trí xen kẽ, tạo thế đan cài lợi ích giữa các nhà đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp, đặc khu kinh tế, khu chế xuất.

Việc xây dựng, phát triển kinh tế ở các vùng kinh tế trọng điểm phải nhằm đáp ứng phục vụ nhu cầu dân sinh thời bình và cả cho việc chuẩn bị đáp ứng nhu cầu chi viện cho các chiến trường khi chiến tranh xảy ra. Kết hợp phát triển kinh tế tại chỗ với xây dựng căn cứ hậu phương của từng vùng kinh tế trọng điểm để sẵn sàng chủ động di dời, sơ tán đến nơi an toàn khi có tình huống chiến tranh xâm lược.

##### *6.2.2.2. Đối với vùng núi biên giới*

*- Đặc điểm của vùng núi biên giới.*

Vùng núi biên giới của nước ta có chiều dài tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Cămpuchia. Đây là địa bàn sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc ít người, mật độ dân số thấp (trung bình khoảng 20 - 40 người/1km2). Vùng núi biên giới có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. Trước đây các vùng này đã từng là căn cứ địa kháng chiến, hậu phương chiến lược của cả nước. Ngày nay, trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc, các vùng núi biên giới vẫn là vùng chiến lược hết sức trọng yếu. Trong khi đó, ở đây dân trí thấp, còn nhiều khó khăn, yếu kém về kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại nên dễ bị kẻ thù lợi dụng để lôi kéo, kích động đồng bào, thực hiện âm mưu chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, nhiều nơi tình hình rất phức tạp. Vì vậy, trước mắt cũng như lâu dài, việc kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh ở vùng núi biên giới là cực kì quan trọng.

*- Nội dung, giải pháp kết hợp*

Phải quan tâm đầu tư phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh ở các vùng cửa khẩu, các vùng giáp biên giới với các nước.

Phải tổ chức tốt việc định canh, định cư tại chỗ và có chính sách phù hợp để động viên, điều chỉnh dân số từ các nơi khác đến vùng núi biên giới.

Tập trung xây dựng các xã trọng điểm về kinh tế và quốc phòng, an ninh. Trước hết, cần tập trung xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở, mở mới và nâng cấp các tuyến đường dọc, ngang, các tuyến đường vành đai kinh tế.

Thực hiện tốt chương trình xoá đói, giảm nghèo, chương trình 135 về phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã nghèo.

Đối với những nơi có địa thế quan trọng, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, cần kết hợp mọi nguồn lực, mọi lực lượng của cả Trung ương và địa phương để cùng lo, cùng làm.

Đặc biệt với các địa bàn chiến lược trọng yếu dọc sát biên giới, cần có chính sách động viên và sử dụng lực lượng vũ trang, lực lượng quân đội làm nòng cốt xây dựng các khu kinh tế quốc phòng, hoặc các khu quốc phòng - kinh tế, nhằm tạo thế và lực mới cho phát triển kinh tế xã hội và tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh.

##### *6.2.2.3. Đối với vùng biển, đảo*

*- Đặc điểm của vùng biển, đảo của nước ta hiện nay.*

Nước ta có vùng biển vừa dài vừa rộng, với diện tích hơn 1 triệu km2 (gấp hơn 3 lần diện tích đất liền). Vùng biển, đảo nước ta có nhiều tiềm năng về kinh tế, là cửa ngõ thông thương giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, có khả năng phát triển một số ngành mũi nhọn của đất nước trong tương lai. Vùng biển, đảo của ta hiện nay đang có nhiều tranh chấp rất phức tạp, chứa đựng nguy cơ đe doạ chủ quyền quốc gia, lợi ích dân tộc và rất dễ bùng nổ xung đột. Vì vậy, việc quan tâm thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại trên vùng biển, đảo là đòi hỏi bức bách và rất quan trọng cả trước mắt cũng như lâu dài, nhằm nhanh chóng tạo ra thế và lực đủ sức bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

*- Mục tiêu xây dựng vùng biển, đảo của nước ta hiện nay.*

Nghị quyết TW8, khóa XII của Đảng về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định:Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn; kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế đất nước, góp phần xây dựng nước ta thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tham gia chủ động và có trách nhiệm vào giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực về biển và đại dương.

*- Nội dung, giải pháp kết hợp cần tập trung vào các vấn đề sau.*

Phát triển kinh tế biển và ven biển. Phát triển các ngành kinh tế biển du lịch và dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Phát triển đồng bộ, từng bước hình thành khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái ven biển. Phát triển các vùng biển dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, hài hoà giữa bảo tồn và phát triển.

Bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng, chống thiên tai. Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hoá biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển.

Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ theo hướng hiện đại, ưu tiên hiện đại hoá một số quân chủng, binh chủng, lực lượng thực thi pháp luật trên biển; xử lý tốt các tình huống trên biển, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên các vùng biển. Tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế, tranh thủ tối đa các nguồn lực, sự hỗ trợ quốc tế để nâng cao năng lực quản lý, khai thác biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo.

#### 6.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

*6.2.3.1. Kết hợp trong công nghiệp, thương mại và dịch vụ*

*- Vị trí vai trò của ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ.*

Công nghiệp, thương mại và dịch vụ là chuỗi, là những lĩnh vực kinh tế quan trọng của quốc gia, cung cấp máy móc, nguyên nhiên liệu cho các ngành kinh tế khác và cho chính nó cũng như cho công nghiệp quốc phòng; sản xuất sản phẩm tiêu dùng cho xã hội, phục vụ xuất khẩu; sản xuất ra vũ khí, trang thiết bị quân sự đáp ứng nhu cầu của hoạt động quốc phòng, an ninh; đáp ứng nhu cầu của xã hội và phát triển kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại đất nước hiện nay.

*- Mục tiêu phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ.*

Đến năm 2030, Việt Nam hoàn thành mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực ASEAN về công nghiệp, trong đó một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại.

Phát triển ngành thương mại, nhất là thương mại điện tử, thương mại biên giới phảithu hẹp khoảng cách giữa các thành phố lớn và các địa phương về mức độ phát triển thương mại.Xây dựng thị trường thương mại lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững. Mở rộng thị trường tiêu thụ cho hàng hóa Việt Nam trong và ngoài nước, đẩy mạnh giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới. Đưa thương mại Việt nam đến năm 2025 trở thành quốc gia có thị trường thương mại, nhất là thương mại điện tử phát triển thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á.

“Phát triển khu vực dịch vụ trở thành khu vực chủ chốt, chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao, ngang bằng với nhóm các quốc gia phát triển trong ASEAN - 4, phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế”[[58]](#footnote-58).

*- Nội dung, giải pháp cơ bản.*

Kết hợp ngay từ khâu quy hoạch bố trí các đơn vị, cơ sở của ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Bố trí một cách hợp lí trên các vùng lãnh thổ, quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế kém phát triển, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Đầu tư, phát triển các ngành: Cơ khí, luyện kim, điện, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, dầu khí, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác, thương mại và thị trường trong nước; xuất nhập khẩu, thương mại biên giới, đóng tầu vừa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội vừa đảm bảo phục vụ quốc phòng, an ninh khi có yêu cầu.

Mở rộng liên doanh, liên kết giữa ngành công nghiệp nước ta (bao gồm cả công nghiệp quốc phòng) với công nghiệp của các nước tiên tiến trên thế giới, ưu tiên những ngành, lĩnh vực có tính lưỡng dụng cao.

Phát triển hệ thống phòng không công nghiệp và phát triển lực lượng tự vệ để bảo vệ các nhà máy, xí nghiệp trong cả thời bình và thời chiến. Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp quốc gia phục vụ thời chiến; thực hiện dự trữ chiến lược các nguyên, nhiên, vật liệu quý hiếm cho sản xuất quân sự.

Các cơ sở công nghiệp trong thời bình, ngoài việc đầu tư, sản xuất phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, sẵn sàng sản xuất hàng quốc phòng, an ninh và chuyển giao công nghệ phục vụ công nghiệp quốc phòng khi có yêu cầu.

Phát triển hệ thống thương mại, dịch vụ đa dạng, chú trọng khu vực biên giới, miền núi, các vùng biển, hải đảo bảo đảm cho sản xuất, kinh doanh, tạo điều kiện cho nhân dân ổn định cuộc sống. Hệ thống dịch vụ của từng địa phương có thể chuyển thành một bộ phận hệ thống hậu cần, kỹ thuật tại chỗ khi chuyển vào các trạng thái quốc phòng.

*6.2.3.2. Kết hợp trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp*

*- Vị trí vai trò của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.*

Hiện nay nước ta vẫn còn gần 70% dân số ở nông thôn, vùng núi, vùng biển đảo làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp. Phần lớn lực lượng, của cải huy động cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là từ khu vực này.

*- Mục tiêu chung.*

Xây dựng nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong thời kỳ mới.

*- Nội dung, giải pháp cơ bản.*

Kết hợp phải nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đất, rừng, biển, đảo và lực lượng lao động để phát triển đa dạng ngành trong nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, làm ra nhiều sản phẩm hàng hoá có giá trị cao phục vụ tiêu dùng trong nước, xuất khẩu và có lượng dự trữ dồi dào về mọi mặt cho quốc phòng, an ninh.

Kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp phải gắn với việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội như xoá đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khoẻ, đền ơn đáp nghĩa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, xây dựng nông thôn mới văn minh và hiện đại. Bảo đảm an ninh lương thực và an ninh nông thôn, góp phần tạo thế trận phòng thủ, "thế trận lòng dân" vững chắc.

Phải kết hợp gắn việc động viên đưa dân ra lập nghiệp ở các đảo để xây dựng các làng, xã, huyện đảo vững mạnh với chú trọng đầu tư xây dựng phát triển các hợp tác xã, các đội tàu thuyền đánh cá xa bờ, xây dựng lực lượng tự vệ, lực lượng dân quân biển, đảo; phối hợp chặt chẽ với lực lượng Hải quân và Cảnh sát biển để bảo vệ biển, đảo.

Phải đẩy mạnh phát triển trồng rừng gắn với công tác định canh định cư, xây dựng các cơ sở chính trị vững chắc ở các vùng rừng núi biên giới nước ta, đặc biệt là ở Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

*6.2.3.3. Kết hợp trong giao thông vận tải*

*- Vị trí, vai trò của giao thông vận tải*

Giao thông vận tải trong thời bình, giúp cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, bình thường; đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân, giúp cho sinh hoạt thuận tiện; nhân tố quan trọng phân bố sản xuất, dịch vụ và dân cư; thúc đẩy hoạt động kinh tế, văn hóa ở các vùng núi xa xôi phát triển; củng cố tính thống nhất của nền kinh tế; giao lưu kinh tế và thúc đẩy quan hệ ngoại giao với các nước láng giềng cũng như trong khu vực. Trong thời chiến, giao thông vận tải giúp tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh; đảm bảo sự chi viện liên tục, nối liền giữa các vùng, các khu vực trên cả nước trong chiến tranh.

*- Mục tiêu của giao thông vận tải*

Phát triển hệ thống giao thông vận tải đồng bộ cả đường bộ, đường sắt, đường không, đường sông, đường thuỷ nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hoá, mở rộng giao lưu với bên ngoài trong thời bình và đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong thời chiến.

*- Nội dung, giải pháp cơ bản*

Trong xây dựng các mạng đường bộ, cần chú trọng mở rộng, nâng cấp các tuyến trục đường Bắc - Nam với tuyến đường trục dọc Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh. Từ các tuyến đường này phải phát triển các tuyến đường ngang, nối liền giữa các tuyến trục dọc với nhau và phát triển đến các huyện, xã trong cả nước, nhất là đến các xã vùng cao, vùng sâu, miền núi biên giới, xây dựng các tuyến đường vành đai biên giới.

Trong thiết kế, thi công các công trình giao thông vận tải, đặc biệt là các tuyến vận tải chiến lược, phải tính đến cả nhu cầu hoạt động thời bình và thời chiến, nhất là cho các phương tiện cơ động của lực lượng vũ trang có trọng tải và lưu lượng vận chuyển lớn, liên tục. Ở đầu nút giao thông, những nơi dự kiến địch có thể đánh phá trong chiến tranh, phải có kế hoạch làm nhiều đường vòng tránh. Bên cạnh các cây cầu lớn qua sông, phải làm sẵn những bến phà, bến vượt ngầm. Ở những đoạn đường có địa hình cho phép thì làm đường hầm xuyên núi, cải tạo các hang động sẵn có dọc hai bên đường làm kho trạm, nơi trú quân khi cần thiết.

Phải thiết kế, xây dựng lại hệ thống đường ống dẫn dầu Bắc - Nam, chôn sâu bí mật, có đường vòng tránh trên từng cung đoạn, bảo đảm hoạt động an toàn cả thời bình và thời chiến.

Ở các vùng đồng bằng ven biển, đi đôi với phát triển hệ thống đường bộ, cần chú trọng cải tạo, phát triển đường sông, đường biển, xây dựng các cảng sông, cảng biển, bảo đảm đi lại, bốc dỡ thuận tiện.

Việc mở rộng nâng cấp sân bay phải chú ý cả sân bay ở tuyến sau, ở sâu trong nội địa, sân bay giã chiến và có kế hoạch sử dụng cả đường cao tốc làm đường băng cất hạ cánh máy bay khi cần thiết trong chiến tranh.

Trong một số tuyến đường xuyên Á, sau này được xây dựng qua Việt Nam, ở những nơi cửa khẩu, nơi tiếp giáp các nước bạn phải có kế hoạch xây dựng các khu vực phòng thủ kiên cố, vững chắc, đề phòng khả năng địch sử dụng các tuyến đường này khi tiến công xâm lược nước ta với quy mô lớn.

Xây dựng kế hoạch động viên giao thông vận tải cho thời chiến, chống chia cắt trong mọi tình huống.

*6.2.3.4. Kết hợp trong thông tin và truyền thông*

*- Vị trí vai trò, mục tiêu của thông tin và truyền thông*

Thông tin và truyền thông là công cụ hàng đầu để thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ, hình thành xã hội thông tin, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Là yếu tố có tính chiến lược góp phần tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, tăng năng suất hiệu suất lao động, thúc đẩy các ngành các lĩnh vực khác phát triển. Có vai trò cực kỳ quan trọng trong xây dựng tình cảm, niềm tin, định hướng nhận thức,hành động đối với mọi đối tượng trong xã hội. Có tác động cả tích cực và tiêu cực đối với hoạt động xây dựng phát triển kinh tế, xã hội củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại trong thời đại hiện nay.

Xây dựng hệ thống thông tin và truyền thông kịp thời, chính xác, bí mật,an toàn, hiệu quả, ổn định, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và mở rộng đối ngoạitrong thời bình và đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

*- Nội dung, giải pháp cơ bản*

Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc dân sự kết hợp chặt chẽ với hệ thống thông tin liên lạc của các đơn vị lực lượng vũ trang, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh; kết hợp giữa phương tiện thông tin liên lạc hiện đại và thô sơ để bảo đảm thông tin kịp thời, chính xác, bí mật, an toàn, vững chắc phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng trong mọi tình huống; có giải pháp an ninh mạng, an toàn thông tin số cho hệ thống thông tin và có các biện pháp chống tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng.

Hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả các luật về thông tin, truyền thông, bảo đảm an ninh mạng trong mọi tình huống. Xây dựng hệ thống thông tin mạng an toàn, hiệu quả, lành mạnh phục vụ tốt việc định hư ng trong phát triển kinh tế, xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại hiện nay.

Bộ, ngành, địa phương tăng cường tuyên truyền, phổ biến các nội dung, hình thức kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, xã hội và kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh trên các thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại. Đấu tranh với các thế lực thù địch trên mặt trận văn hóa, thông tin, tuyên truyền, nhất là trên các trang mạng xã hội hiện nay.

*6.2.3.5. Kết hợp trong xây dựng*

*- Mục tiêu kết hợp trong xây dựng*

Xây dựng quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hài hòa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội gắn với xây dựng, bố trí các căn cứ, công trình quốc phòng, an ninh của đất nước đáp ứng yêu cầu của công cuộc bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

*- Nội dung, giải pháp cơ bản*

Kết hợp chặt chẽ với quốc phòng trong xây dựng, chế tạo vật liệu xây dựng lưỡng dụng, nhà ở và công sở, kiến trúc, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn, hạ tầng kỹ thuật đô thị vừa đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội vừa đảm bảo phục vụ quốc phòng, an ninh khi có yêu cầu.

Khi xây dựng các công trình dân sự phải đảm bảo tính lưỡng dụng, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng ở địa bàn trọng điểm về quốc phòng; việc kết hợp phải được thực hiện từ khảo sát, quy hoạch, kế hoạch, lấy ý kiến, thẩm định và phê duyệt dự án; không xây dựng các công trình xâm phạm không lưu, các địa hình có giá trị về quân sự, quốc phòng hoặc làm ảnh hưởng, cản trở đến các phương án tác chiến.

Trong xây dựng cần ưu tiên nghiên cứu, chế tạo phát triển những vật liệu lưỡng dụng đáp ứng yêu cầu quốc phòng để phục vụ các công trình phòng thủ, công sự trận địa của lực lượng vũ trang; xây dựng và cải tạo các hang động tự nhiên phục vụ dân sinh gắn với phục vụ quốc phòng khi có tình huống.

*6.2.3.6. Kết hợp trong đầu tư, quản lý kinh tế*

*- Mục tiêu kết hợp trong đầu tư, quản lý kinh tế*

Xây dựng cơ chế, chính sách và điều hành quản lý nền kinh tế hiệu quả đồng thời xây dựng, thu hút, phân bổ nguồn vốn nhà nước và các nguồn vốn khác đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

*- Nội dung, giải pháp cơ bản*

Việc xây dựng cơ chế, chính sách và điều hành quản lý nền kinh tế chung và một số lĩnh vực cụ thể, chính sách đầu tư trong nước, đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài đồng bộ, hiệu quả, minh bạch.

Xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghệ cao và các loại hình khu kinh tế khác phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh trong giai đoạn mới.

Quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ phi chính phủ nước ngoài; đấu thầu; thành lập, phát triển doanh nghiệp và khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã phải bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

*6.2.3.7. Kết hợp trong giáo dục và lao động thương binh xã hội*

*- Mục tiêu của ngành giáo dục và lao động thương binh xã hội*

Giáo dục đào tạo con người Việt nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu về nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, giảm thiểu sự cách biệt về kinh tế và văn hóa giữa các tầng lớp dân cư và vùng miền, đảm bảo tốt chế độ, chính sách đối với thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng.

- *Nội dung, giải pháp cơ bản cần kết hợp trong giáo dục và lao động thương binh xã hội*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương và sẵn sàng phục vụ quốc phòng, trọng tâm là cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật giỏi ở các ngành nghề sẵn sàng phục vụ quốc phòng.

Việc quản lý phát triển lực lượng lao động, tạo việc làmphải đi đôi vớibảo đảm an toàn và vệ sinh lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Đào tạo, dạy nghề phải gắn với chính sách thương binh, liệt sĩ, người có công và bảo trợ, an sinh xã hội đối với các đối tượng yếu thế, khó khăn vv.

Coi trọng giáo dục bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài của đất nước, đáp ứng cả sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế xã hội, cả quốc phòng, an ninh. Thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, đặc biệt là trong các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc gia.

*6.2.3.8. Kết hợp trong khoa học và công nghệ*

*- Mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ của đất nước*

Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh đưa nước ta đến năm 2030 hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

*- Nội dung, giải pháp cơ bản cần kết hợp trong khoa học và công nghệ*

Phải phối hợp chặt chẽ và toàn diện hoạt động giữa các ngành khoa học và công nghệ then chốt của cả nước với các ngành khoa học của quốc phòng, an ninh trong việc hoạch định chiến lược nghiên cứu phát triển và quản lí sử dụng phục vụ cho cả xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đề tài khoa học, dự án công nghệ và sản xuất các sản phẩm có ý nghĩa vừa phục vụ cho nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vừa phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, có chính sách đầu tư thoả đáng cho lĩnh vực nghiên cứu khoa học quân sự, khoa học xã hội nhân văn quân sự, khoa học kĩ thuật quân sự.

Đẩy mạnh các hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân, trí tuệ nhân tạo, phục vụ dân sinh, và phải gắn với các ngành khoa học và công nghệ của quốc phòng.

Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ quân sự và công nghiệp quốc phòng phục vụ cho nền kinh tế quốc dân và ngược lại. Kết nối tăng cường sức mạnh cho nền kinh tế, khuyến khích liên doanh, liên kết với các tổ chức trong nước và nước ngoài, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế, học tập kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực này.

*6.2.3.9. Kết hợp trong y tế*

*- Mục tiêu của ngành y tế*

Nâng cao sức khoẻ cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

*- Nội dung, giải pháp cơ bản cần kết hợp trong y tế*

Phối hợp chặt chẽ giữa y tế dân sự với y tế quân sự trong nghiên cứu, ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực, trong khám chữa bệnh.

Xây dựng mô hình quân - dân y kết hợp trên các địa bàn, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Cấp tỉnh, huyện ngoài các bệnh viện được bố trí theo cụm dân cư, phải tổ chức các đội y tế cơ động theo kế hoạch tác chiến, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trong thời bình, đồng thời sẵn sàng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng khi có tình huống.

*6.2.3.10. Kết hợp trong quản lý tài nguyên và môi trường*

*- Mục tiêu trong quản lý tài nguyên và môi trường*

“Đến năm 2050, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững tài nguyên; bảo đảm chất lượng môi trường sống và cân bằng sinh thái, phấn đấu đạt các chỉ tiêu về môi trường tương đương với mức hiện nay của các nước công nghiệp phát triển trong khu vực”[[59]](#footnote-59) đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

*- Nội dung, yêu cầu kết hợp trong quản lý tài nguyên và môi trường*

Việc quản lý, sử dụng đất đai; khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tài nguyên rừng; quản lý tài nguyên, môi trường, bảo vệ chủ quyền biển, đảo và thềm lục địa; hoạt động khí tượng thủy văn, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sa mạc hóa; đo đạc bản đồ, viễn thám, phân giới cắm mốc; khắc phục, xử lý chất độc da cam/dioxin, bom, mìn, vật liệu nổ tồn dư sau chiến tranh phải bảo đảm các yêu cầu quốc phòng, an ninh.

#### 6.2.4. Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

*- Mục tiêu của sự kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc.*

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay. Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc là xuất phát từ mục tiêu, lực lượng và phương thức bảo vệ Tổ quốctrong tình hình mới để xây thực hiện kết hợp nhằm chuẩn bị điều kiện về kinh tế, xã hội và quốc tế thuận lợi cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc trong bất cứ hoàn cảnh nào.

*- Nội dung, giải pháp cơ bảnkết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc.*

Tổ chức biên chế và bố trí lực lượng vũ trang phải phù hợp với điều kiện kinh tế và nhu cầu phòng thủ đất nước. Xây dựng thế trận quốc phòng gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bố trí điều chỉnh dân cư, phát triển các ngành nghề trên từng vùng miền và trên toàn bộ lãnh thổ của đất nước.

Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất kĩ thuật trong huấn luyện, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang.

Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của quân đội, công an cho phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng, phát triển các khu kinh tế quốc phòng, các khu quốc phòng kinh tế trên các địa bàn miền núi biên giới, giúp đỡ nhân dân địa phương ổn định sản xuất, đời sống, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng- an ninh trên địa bàn. Tận dụng khả năng của công nghiệp quốc phòng trong thời bình để sản xuất hàng hoá dân sự phục vụ dân sinh và xuất khẩu. Thành lập các tổ, đội công tác trên từng lĩnh vực đưa về giúp đỡ các xã vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng cũ phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh...

Phát huy tốt vai trò tham mưu của các cơ quan quân sự, công an các cấp trong việc thẩm định, đánh giá các dự án đầu tư, nhất là các dự án đầu tư có vốn nước ngoài.

***6.2.5. Kết hợp trong hoạt động đối ngoại***

*- Vị trí vai trò của hoạt động đối ngoại*

Đối ngoại thông qua các hoạt động ngoại giao song phương, ngoại giao đa phương, công tác biên giới lãnh thổ, công tác về người Việt Nam ở nước ngoài, đấu tranh đối ngoại của Hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội và nhân dân góp phần tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định,thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, khai thác ngoại lực, tăng cường nội lực để góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

*- Nội dung, giải pháp cơ bản cần kết hợp trong hoạt động đối ngoại.*

Sự kết hợp kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại phải được thực hiện ở tất cả các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; từ trong quy hoạch tổng thể đến các bước triển khai, theo sự chỉ đạo và quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước.

Kết hợp chặt chẽ giữa ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa và đối ngoại quốc phòng an ninh, tạo thành sức mạnh tổng hợp của ngoại giao Việt Nam nhằm tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, nâng cao vị thế quốc tế của đất nước, góp phần đắc lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tăng cường phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa ngoại giao nhà nước với hoạt động đối ngoại của Đảng, Quốc hội và nhân dân; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa và tư tưởng; giữa đối ngoại Trung ương với địa phương để phát huy sức mạnh tổng hợp của đối ngoại Việt Nam trên trường quốc tế, kịp thời phát hiện và ứng phó hiệu quả với những tác động đa chiều các diễn biến của đối ngoại với quốc phòng, an ninh và phát triển của đất nước.

Chủ động, tích cực tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế và khu vực, đặc biệt là ASEAN và Liên Hợp quốc, tham gia giải quyết các thách thức toàn cầu, phát huy ảnh hưởng quốc tế để phục vụ cho phát triển về quốc phòng, an ninh của Việt Nam.

Giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ, lãnh hải trên cơ sở luật pháp quốc tế, kết hợp chặt chẽ các biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng, an ninh trong việc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

**6.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở Việt Nam hiện nay**

***6.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lí nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại***

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp phải thường xuyên nắm vững chủ trương đường lối của Đảng, kịp thời đề ra những quyết định lãnh đạo ngành, địa phương mình, thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại một cách đúng đắn.

Gắn chủ trương lãnh đạo với tăng cường kiểm tra việc thực hiện của chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế thực hiện chủ trương đường lối về kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Tổ chức tốt việc sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời để bổ sung chủ trương và chỉ đạo thực tiễn thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở ngành, địa phương thuộc phạm vi lãnh đạo của các cấp uỷ đảng.

Đổi mới nâng cao quy trình, phương pháp quản lí, điều hành của chính quyền các cấp từ khâu lập quy hoạch, kế hoạch, nắm tình hình, thu thập xử lí thông tin, định hướng hoạt động, tổ chức hướng dẫn chỉ đạo cấp dưới và kiểm tra ở mọi khâu, mọi bước của quá trình thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở ngành, địa phương mình.

***6.3.2. Bồi d­ưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại cho các đối tượng***

*Đối tượng bồi dưỡng.* Phải phổ cập kiến thức quốc phòng, an ninh cho toàn dân nhưng trước hết phải tập trung vào đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp, các bộ, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

*Nội dung bồi dưỡng.* Phải căn cứ vào đối tượng, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra để chọn lựa nội dung, chương trình bồi dưỡng cho phù hợp và thiết thực nhằm nâng cao cả kiến thức, kinh nghiệm và năng l c thực tiễn sát với cương vị đảm nhiệm với từng loại đối tượng và quần chúng nhân dân.

*Hình thức bồi dưỡng.* Phải kết hợp bồi dưỡng tại trường với tại chức, kết hợp lí thuyết với thực hành. Thông qua sinh hoạt chính trị, qua các cuộc diễn tập thực nghiệm, thực tế ở các bộ, ngành, địa phương cơ sở để nâng cao hoàn thiện sự hiểu biết và năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ và của toàn dân, toàn quân về kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.

***6.3.3. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh, tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong thời kì mới***

Hiện nay, nước ta đã và đang xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại đến năm 2030. Thực tiễn cho thấy, sự vận dụng tính quy luật kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và quán triệt quan điểm kết hợp của Đảng đã đề ra còn nhiều mâu thuẫn, bất cập do thiếu định hướng chiến lược cơ bản cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Vì vậy, muốn kết hợp ngay từ đầu và trong suốt quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước một cách cơ bản, thống nhất trên phạm vi cả nước và từng địa phương, phải tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh các quy hoạch, kế hoạch, chiến lược tổng thể quốc gia về kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Coi đó là một trong những mắt, khâu quan trọng hàng đầu để chỉ đạo, quản lí nhà nước, về kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh một cách có hiệu lực, hiệu quả.

Trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch chiến lược tổng thể về kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong thời kì mới, phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành, địa phương từ khâu khảo sát, đánh giá các nguồn lực (cả bên trong và bên ngoài). Trên cơ sở đó xác định mục tiêu, phương hướng phát triển và đề ra các chính sách đúng đắn, như : chính sách khai thác các nguồn lực; chính sách đầu tư và phân bổ đầu tư; chính sách điều động nhân lực, bố trí dân cư; chính sách ưu đãi khoa học và công nghệ lưỡng dụng....

***6.3.4. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong tình hình mới***

Mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta có liên quan đến kết hợp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại đều phải được thể chế hoá thành luật pháp, pháp lệnh, nghị định, văn bản dưới luật một cách đồng bộ, thống nhất để quản lí và tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu lực và hiệu quả trong cả nước.

Đảng và Nhà nước phải có chính sách khai thác các nguồn lực và vốn đầu tư cả trong và ngoài nước để thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ; nhất là đối với các công trình trọng điểm, ở những địa bàn chiến lược trọng yếu như miền núi biên giới và hải đảo.

Việc xác lập cơ chế chính sách, bảo đảm ngân sách cho kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh cần được xây dựng theo quan điểm quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, các đoàn thể xã hội đều phải có nghĩa vụ chăm lo cho sự nghiệp xây dựng đất nước cũng như sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Việc phân bổ ngân sách đầu tư cho kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố phòng, an ninh và đối ngoại phải theo hướng tập trung cho những mục tiêu chủ yếu, những công trình có tính lưỡng dụng cao đáp ứng cả cho phát triển kinh tế xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh cả trước mắt và lâu dài.

Phải có chính sách khuyến khích lợi ích vật chất và tinh thần đối với các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư (cả trong và ngoài nước) có các đề tài khoa học, các dự án công nghệ sản xuất, xây dựng có ý nghĩa lưỡng dụng hoá cao phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời kì mới.

***6.3.5. Củng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mư­u của cơ quan chuyên trách quốc phòng, an ninh các cấp***

Căn cứ vào Nghị định Số 164/2018/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về Công tác quốc phòng ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ và các địa phương. Cần nghiên cứu bổ sung mở rộng thêm chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách quản lí nhà nước về quốc phòng, an ninh nói chung và về kết hợp phát triển kinh tế, xã hội gắn với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh nói riêng trong thời kì mới.

Kết hợp chặt chẽ giữa chấn chỉnh, kiện toàn tổ chức với chăm lo bồi dưỡng nâng cao năng lực và trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ chuyên trách làm tham mưu cho Đảng, Nhà nước về thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ngang tầm với nhiệm vụ trong thời kì mới.

**KẾT LUẬN**

Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại là một tất yếu khách quan, một nội dung quan tr ng trong đường lối phát triển đất nước của Đảng ta. Việc kết hợp được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội và có sự phối hợp của các ngành, các cấp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lí của Nhà nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho phát triển kinh tế, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.Để thực hiện tốt việc kết hợp, cần quán triệt và thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó phải quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam cho toàn dân, nhất là cho học sinh, sinh viên - những người quyết định tương lai của đất nước. Quá trình kết hợp phải được triển khai có kế hoạch, có cơ chế chính sách cụ thể, chặt chẽ, đồng bộ.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Khái niệm, cơ sở của sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay ?
2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay ?
3. Các giải pháp chủ yếu thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay ?

**Chương 7**

**NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM**

Dựng nước đi đôi với giữ nước là quy luật tồn tại, phát triển của dân tộc Việt Nam. Trong suốt mấy nghìn năm lịch sử, Nhân dân ta phải liên tục đấu tranh chống kẻ thù xâm lược để giành và giữ nền độc lập dân tộc. Với ý thức tự tôn, tự hào dân tộc, lòng yêu nước, ý chí kiên cường, với tư duy quân sự xuất sắc và cách đánh mưu trí, sáng tạo, cha ông ta đã đánh thắng tất cả kẻ thù xâm lược, tạo nên truyền thống, khí phách hào hùng của dân tộc và để lại những tư tưởng, nghệ thuật đánh giặc độc đáo.

Từ khi có Đảng lãnh đạo, những trang sử hào hùng của Dân tộc tiếp tục được ghi thêm những thắng lợi vĩ đại, những chiến công hiển hách trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Từ thực tiễn chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, đã hình thành nên nghệ thuật quân sự Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nghệ thuật quân sự Việt Nam không ngừng phát triển. Tự hào về lịch sử hào hùng của dân tộc, để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, học tập tư tưởng quân sự, nghệ thuật quân sự độc đáo đặc sắc Việt Nam, vận dụng những bài học nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn phát triển mới.

**7.1. Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta**

***7.1.1. Những truyền thống và bài học giữ nước được hình thành từ buổi đầu dựng nước***

Nước ta là một nước nhỏ, ra đời sau so với các nước phương bắc. Nước ta có vị trí địa lý chiến lược, nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á, là cửa ngõ của bán đảo Đông Dương, có tài nguyên giàu có và phong phú. Cho nên, ngay từ khi lập nước, lịch sử dân tộc Việt Nam bắt đầu thời đại dựng nước đi đôi với giữ nước. Trong suốt chiều dài lịch sử giữ nước đánh đuổi kẻ thù xâm lược và chinh phục thiên nhiên xây dựng đất nước, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc dần được hun đúc và hình thành, những bài học giữ nước dần được đúc kết và truyền lại cho đời sau. Những truyền thống đoàn kết, yêu nước, thương nòi, tự hào tự tôn dân tộc, tương thân tương ái, đồng cam cộng khổ, tinh thần đấu tranh bất khuất, kh ng cam chịu làm nô lệ… đã hình thành từ rất sớm và ngấm vào máu mỗi người dân Việt.

Những bài học giữ nước: an dân, “khoan thư sức dân”, xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc; thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông” - kết hợp kinh tế với quốc phòng, sẵn sàng động viên chiến tranh khi có họa xâm lăng; chăm lo phòng bố, phòng bị đất nước trong thời bình, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, không để đất nước bị bất ngờ; xây dựng đất nước cường thịnh về mọi mặt để làm thế ngăn ngừa từ trước, từ xa họa xâm lăng; ngoại giao hòa bình trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; vua tôi đồng lòng, “phụ tử chi binh”, “nội yên, ngoại tĩnh”; sớm khẳng định độc lập, chủ quyền đối với cương vực lãnh thổ quốc gia để làm cơ sở pháp lý đấu tranh ngăn chặn mưu đồ xâm lược của các thế lực ngoại bang. Những truyền thống và bài học giữ nước đó vẫn còn nguyên giá trị, là cơ sở để quy tụ sức mạnh, đề ra phương sách bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

***7.1.2. Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc***

*7.1.2.1. Địa lí*

Về vị trí địa lý, nước Nam giữ vị trí chiến lược trong khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là Đông Dương. Ở vùng đất có vị trí địa - chính trị, kinh tế nên nước ta luôn bị các thế lực đi chinh phục nhòm ngó, đe dọa, xâm lược. Vì vậy, dân tộc ta luôn có ý thức đề phòng, chuẩn bị mọi mặt để giữ nước từ sớm, từ xa. Thực tiễn lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn phải đứng lên chống lại thế lực xâm lược lớn. Quá trình đấu tranh giữ nước đã tôi luyện, hun đúc ý chí, tinh thần dân tộc, đúc kết kinh nghiệm, bài học nghệ thuật đánh giặc đặc sắc của dân tộc ta.

Về địa hình và khí hậu. Nước ta, với địa hình hơn ¾ là đồi núi, ao hồ kênh rạch, địa hình dốc thoải từ tây sang đông, chiều dọc dài, chiều ngang hẹp tạo nên địa thế đa dạng và hiểm trở. Nước ta nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nắng nóng, mưa nhiều, độ ẩm cao, thủy triều lên xuống trong ngày và có độ chênh cao, thời tiết khắc nghiệt. Trong quá trình giữ nước, cha ông ta đã dựa vào và khai thác triệt để các yếu tố về địa thế, địa hình, khí hậu thời tiết tạo nên “thiên thời”, “địa lợi” để đánh giặc. Sử dụng sức nhàn được chuẩn bị trước, đánh giặc từ xa đến không thông thuộc địa hình, không quen với khí hậu thời tiết – “dĩ dật đãi lao”. Dồn địch, buộc địch vào chỗ bất lợi để đánh.

*7.1.2.2. Kinh tế*

Nền kinh tế nông nghiệp, trồng trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt trong điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt buộc con người phải năng động, dũng cảm, cần cù, thông minh, dựa vào nhau để bảo vệ thành quả lao động, bảo vệ cơ sở ruộng đất, cùng nhau xây hệ thống đê điều, tưới tiêu đã được kiến tạo qua nhiều thế hệ. Mỗi thành viên đều phải gắn bó với làng bản, quê hương, chung lưng đấu cật cùng chống thiên tai, cùng chống địch họa. Quá trình đó, nhân dân ta đã tích trữ lương lực, kinh tế đề phòng bị khi thiên tai, đây cũng là nguồn tích trữ bảo đảm về kinh tế để phòng địch họa.

Trong quá trình phát triển, dân tộc ta sớm nhận thức được quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước nên có nhiều tư tưởng, chủ trương và chính sách tiến bộ như “phú quốc, binh cường”, “nông binh bất phân”, “quân dân bất biệt”, “ngụ binh ư­ nông”, “khai hoang lập ấp nơi xung yếu”… để kết hợp xây dựng và chuẩn bị về kinh tế, đi đôi với củng cố quốc phòng làm nền tảng cho các cuộc đấu tranh chống xâm lược. Khi đất nước hòa bình thì vừa phát triển kinh tế đất nước, chăm lo nâng cao đời sống nhân dân vừa tích trữ lương thực, đúc rèn khí giới để phòng bị đất nước. Khi đất nước xảy ra chiến tranh, thì “vua tôi đồng lòng” vừa biết chăm lo giữ gìn bảo vệ kinh tế, vừa biết “chọn địch” - đánh vào kinh tế của địch, làm cho địch từng bước sa lầy và thất bại.

*7.1.2.3. Chính trị, văn hóa – xã hội*

*Về chính trị.* Nhà nước phong kiến trung ương tập quyền được hình thành rất sớm trong lịch sử nước ta, cha ông ta luôn quan tâm xây dựng chính quyền vững mạnh mọi mặt, xác định chủ quyền lãnh thổ, tổ chức ra quân đội, đề ra các luật lệ, phép tắc để quản lý bảo vệ và xây dựng đất nước. Các nhà nước phong kiến Việt Nam có tư tưởng và chính sách tiến bộ, luôn gắn lợi ích quốc gia dân tộc với lợi ích của giai cấp cầm quyền và lợi ích của nhân dân; chăm lo bồi dưỡng sức dân, trọng dân, thân dân, tin dân, thực hiện nhiều chính sách như “khoan thư sức dân”, “việc nhân nghĩa cốt ở an dân” “tĩnh vi dân”, cứu nước gắn với cứu dân … tạo nên yếu tố “nhân hòa”, “vua tôi đồng lòng”, “tướng sỹ một lòng phụ tử”, “thù nhà nợ nước” là cơ sở động viên toàn dân xây dựng đất nước, đánh giặc giữ nước.

*Về văn hóa – xã hội.* Dân tộc Việt Nam ra đời, phát triển gắn với nền văn minh lúa nước và nghề đánh cá. Đây là cơ sở hình thành cộng đồng các dân tộc Việt Nam sống đan xen, đoàn kết, tương trợ, gắn bó v i nhau. Là cơ sở tạo nên truyền thống văn hóa với ý thức độc lập, tự chủ, tự tôn, tự hào dân tộc, hình thành luân lý, đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “thương người như thể thương thân”, “nước mất nhà tan”… của người Việt Nam. Đây là cơ sở để tập hợp lực lượng, phát huy sức mạnh của nhân dân trong dựng nước và giữ nước với các kế sách “Trăm họ là binh, cử quốc nghênh địch, toàn dân giữ nước”, “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”, ... trên nền tảng toàn dân đánh giặc với nghệ thuật “lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ thắng lớn”. Với ý thức dân tộc, tinh thần độc lập, tự chủ, dân ta sớm đã có ý thức tự đảm đương sự nghiệp giữ làng, giữ nước, vì quyền sống của giống nòi, của gia đình và bản thân, nên tinh thần sẵn sàng hy sinh chiến đấu đã thấm sâu vào mọi cộng đồng dân cư từ kinh kỳ đến làng xã. Văn hóa đó trở thành sức mạnh nội sinh, động lực được các triều đại phong kiến Việt Nam phát huy, xây dựng, vận dụng để phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

***7.1.3. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược***

*7.1.3.1. Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên*

Cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên mà sử sách ghi lại là cuộc kháng chiến chống quân Tần. Năm 221 trước Công nguyên, nước Tần tiêu diệt 6 nước, kết thúc cục diện "thất hùng" thời Chiến quốc, thống nhất Trung Quốc. Sau khi lên ngôi, năm 218 trước Công nguyên, Tần Thủy Hoàng sai hiệu uý Đồ Thư chỉ huy 50 vạn quân chia làm 5 đạo tiến xuống phương Nam xâm lược. Dưới sự lãnh đạo của vua Hùng và Thục Phán, nhân dân ta đã tiến hành cuộc kháng chiến giữ nước vô cùng kiên cường, anh dũng kéo dài liên tục 6 năm (214 đến 208 trước Công nguyên) và giành được thắng lợi. Thắng lợi trong chống quân Tần xâm lược, mở đầu lịch sử hào hùng, tạo nên khí phách kiên cường, bất khuất của dân tộc ta trong lịch sử giữ nước.

Sau cuộc kháng chiến chống quân Tần là cuộc kháng chiến của nhân dân Âu Lạc do An Dương Vương lãnh đạo chống chiến tranh xâm lược của Triệu Đà, từ năm 184 đến 179 trước công nguyên, nhưng cuối cùng bị thất bại. Từ đây, đất nước ta rơi vào thảm họa hơn một nghìn năm bị phong kiến Trung Hoa đô hộ (thời kì Bắc thuộc). Thất bại trong chống quân Triệu xâm lược đã để lại bài học vô cùng sâu sắc về tinh thần cảnh giác, phòng bị đất nước, hoạt động bang giao, bảo đảm bí mật an ninh quốc gia…trong giữ nước.

*7.1.3.2. Những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược từ thế kỉ II trước Công nguyên đến đầu thế kỉ X*

Trong hơn một nghìn năm (từ năm 179 trước công nguyên đến năm 938), nước ta liên tục bị các triều đại phong kiến phương Bắc từ nhà Triệu, nhà Hán, nhà Lương...đến nhà Tuỳ, nhà Đường đô hộ. Trong thời gian này, nhân dân ta đã nêu cao tinh thần bất khuất, kiên cường và bền bỉ, đấu tranh bảo tồn cuộc sống, giữ gìn, phát huy tinh hoa của nền văn hoá dân tộc và quyết đứng lên đấu tranh giành lại độc lập dân tộc.

Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng năm 40 đã giành được độc lập. Nền độc lập dân tộc được khôi phục và giữ vững trong ba năm.

Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu (Triệu Thị Trinh) năm 248.

Mùa xuân năm 542, phong trào yêu nước của người Việt lại bùng lên mạnh mẽ, rầm rộ. Dưới sự tổ chức và lãnh đạo của Lý Bôn, anh hùng hào kiệt bốn phương cùng toàn dân vùng lên lật đổ chính quyền của nhà Lương. Sau đó, nghĩa quân liên tiếp đánh thắng hai cuộc phản công của kẻ thù. Đầu năm 544 Lý Bôn lên ngôi Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân.

Khởi nghĩa của Lý Tự Tiên và Đinh Kiến năm 687.

Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đế) năm 722.

Khởi nghĩa của Phùng Hưng (Bố Cái Đại Vương) năm 766 đến 791.

Khởi nghĩa chống Đường của Dương Thanh năm 819 – 820 .

Kháng chiến chống Nam Hán của Dương Đình Nghệ năm 930 – 931.

Kháng chiến chống quân Nam Hán do Ngô Quyền lãnh đạo năm 938.

Trước hành động phản bội của Kiều Công Tiễn và hoạ xâm lăng của quân Nam Hán, Ngô Quyền là một danh tướng của Dương Đình Nghệ đã kịp thời diệt thù trong để rảnh tay đánh giặc ngoài; Ông lãnh đạo quân dân lợi dụng địa hình, thời tiết bố trí trận địa mai phục; kết hợp quân thuỷ bộ, quân chủ lực và quân địa phương trong chiến đấu tiêu diệt địch. Ngô Quyền chủ trương đập tan lực lượng chủ lực địch, đè bẹp ý chí xâm lược của nhà Nam Hán bằng đòn quân sự quyết định. Với quyết tâm chiến lược đó, ông chủ động chọn cửa sông Bạch Đằng làm trận địa quyết chiến chiến lược (bằng các bãi cọc bố trí sẵn), đẩy địch vào thế hoàn toàn bất ngờ, bị động. Trận quyết chiến trên sông Bạch Đằng (938), Ngô Quyền cùng quân và dân ta đã nhấn chìm toàn bộ đoàn thuyền của quân Nam Hán, khiến Hoàng Thao phải bỏ mạng, vua Nam Hán phải bãi binh, chấm dứt hơn một nghìn năm Bắc thuộc, đất nước ta mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỉ nguyên của độc lập, tự chủ.

*7.1.3.3. Các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII*

*- Kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất năm 981 của nhà Tiền Lê*

Thời nhà Đinh, công cuộc xây dựng đất nước đang được xúc tiến thì năm 979, Đinh Tiên Hoàng bị ám hại. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước thừa dịp âm mưu lật đổ và thôn tính. Lúc bấy giờ, ở phương bắc, nhà Tống là một triều đại cường thịnh. Nhân dịp suy yếu của nhà Đinh, nhà Tống quyết định phát động cuộc chiến tranh xâm lược Đại Cồ Việt. Trong khi vua Đinh còn trẻ, chưa đủ khả năng và uy tín tổ chức lãnh đạo cuộc kháng chiến, vì sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, triều thần và quân sĩ đã suy tôn Lê Hoàn, người đang giữ chức thập đạo tướng quân lên làm vua. Lê Hoàn lên ngôi, lập nên triều đại nhà Tiền Lê và đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Tống giành thắng lợi.

*- Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ 2 (1075 - 1077) của nhà Lý*

Tuy bị đại bại trong lần xâm lược năm 981, nhà Tống vẫn chưa chịu từ bỏ tham vọng xâm lược nước ta. Khoảng giữa thế kỉ XI, khi triều đình nhà Tống gấp rút chuẩn bị tích trữ lương thảo, biến Ung Châu, Khâm Châu và Liêm Châu thành những căn cứ quân sự – hậu cần làm bàn đạp tiến công Đại Việt, thì nhà Lý, với tư duy quân sự – chính trị tổng hợp, đã chủ trương thực hiện rất táo bạo chiến lược “tiên phát chế nhân” đánh sang đất Tống nhằm tiêu diệt các căn cứ xuất phát tiến công xâm lược của kẻ thù, rồi mới rút về phòng thủ đất nước trên chiến tuyến sông Như Nguyệt. Khi thời cơ đến, triều đình kiên quyết chuyển từ phòng ngự sang phản công, thực hành trận quyết chiến chiến lược đánh thẳng vào trại giặc, khiến chúng không kịp chống đỡ. Trận phản công Như Nguyệt (tháng 3/1077), quân và dân Đại Việt đã quét sạch quân xâm lược Tống ra khỏi biên cương của Tổ quốc.

*- Ba lần kháng chiến chống quân Nguyên - Mông của nhà Trần ở thế kỉ XIII*

Từ năm 1225, nhà Trần thay thế nhà Lý đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo công cuộc dựng nước và giữ nước (1226 - 1400), đã lãnh đạo Nhân dân ta ba lần kháng chiến chống quân Nguyên - Mông giành thắng lợi vẻ vang, bổ sung những nét đặc sắc vào nền nghệ thuật quân sự Việt Nam. Cuộc kháng chiến lần thứ nhất vào năm 1258, quân và dân ta đã đánh thắng 3 vạn quân Nguyên - Mông. Cuộc kháng chiến lần thứ hai vào năm 1285, quân và dân ta đã đánh thắng 60 vạn quân Nguyên - Mông. Cuộc kháng chiến lần thứ ba vào năm 1287 - 1288, quân và dân ta đã đánh thắng 50 vạn quân Nguyên - Mông. Trong vòng 30 năm (1258 - 1288), dân tộc ta phải liên tiếp ba lần đứng lên chống xâm lược. Kháng chiến chống quân Nguyên - Mông không chỉ là cuộc đọ sức quyết liệt giữa một đế quốc mạnh nhất thế giới lúc đó với một dân tộc nhỏ bé nhưng kiên quyết đứng lên chống xâm lược để bảo vệ đất nước, mà còn là cuộc đấu tranh gay gắt về tài trí giữa hai nền nghệ thuật quân sự của Đại Việt và quân xâm lược Nguyên - Mông.

Nhà Trần đã huy động và tổ chức toàn dân đánh giặc, xây dựng lực lượng vũ trang nhiều thứ quân, xây dựng căn cứ địa chiến lược và hậu phương chiến lược của cuộc kháng chiến. Trước một đối thủ rất mạnh là đế quốc Nguyên – Mông, Nhà Trần chủ trương tạm rút khỏi kinh thành để bảo toàn lực lượng, thực hiện kế “thanh dã” – tổ chức cho dân chúng làm “vườn không nhà trống” gắn liền với chủ trương đánh du kích nhỏ lẻ rộng khắp, cả nước cùng đánh giặc tiêu hao sinh lực giặc, chuyển hoá dần so sánh lực lượng có lợi để tiến tới tổng phản công chiến lược. Những đội kỵ binh Mông Cổ “bách chiến bách thắng” khi sang đến chiến trường Đại Việt tuy chiếm thành Thăng Long không mấy khó khăn, nhưng lập tức rơi vào một cuộc chiến tranh hoàn toàn khác lạ, lâm vào tình thế đánh chẳng được đánh, yên chẳng được yên, muốn cướp bóc lương ăn cũng không có, nên mau chóng mất hết nhuệ khí và sức lực, bị quân dân Nhà Trần phản công, chúng nhận kết cục thảm bại.

*- Cuộc kháng chiến chống Minh do Hồ Quý Ly lãnh đạo*

Vào cuối thế kỉ XIV, triều đại nhà Trần từng bước suy tàn, Hồ Quý Ly là một quý tộc có thanh thế đã phế truất vua Trần, lập ra vương triều mới, triều đại nhà Hồ. Tháng 5/1406, dưới chiêu bài “*phù Trần diệt Hồ*”, nhà Minh đã đưa quân xâm lược nước ta. Trong tác chiến, nhà Hồ quá thiên về phòng thủ, coi đó là phương thức cơ bản, dẫn đến sai lầm về chỉ đạo chiến lược. Mặt khác, không phát động được được toàn dân đánh giặc, tổ chức phản công chiến lược không đúng thời cơ, bị tổn thất nặng, nên bị thất bại. Đất nước ta một lần nữa bị phong kiến phương Bắc đô hộ.

- *Khởi nghĩa Lam Sơn và chiến tranh giải phóng dân tộc do Lê Lợi, Nguyễn Trãi lãnh đạo* (1418 1427)

Mặc dù chiếm được Đại Việt, nhưng giặc Minh không khuất phục được dân tộc ta, các cuộc khởi nghĩa của các tầng lớp nhân dân yêu nước vẫn liên tiếp nổ ra, tiêu biểu là khởi nghĩa Lam Sơn. Sau 10 năm (1418 – 1427) chiến đấu bền bỉ, ngoan cường, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành chiến tranh giải phóng, hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang, quét sạch kẻ thù ra khỏi bờ cõi. Thắng lợi vĩ đại đó chứng tỏ nghệ thuật quân sự trong khởi nghĩa, chiến tranh giải phóng của ông cha ta đã đạt đến đỉnh cao và để lại nhiều bài học lịch sử quý giá. Bài học lấy dân làm gốc; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ cứu nước với nhiệm vụ cứu dân; kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ; chiến tranh chính nghĩa, “Đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”, xây dựng quân đội “tướng sĩ đồng lòng”, “đội quân nhân nghĩa”…

- *Khởi nghĩa Tây Sơn và các cuộc kháng chiến chống quân Xiêm 1784 - 1785, kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh 1788 – 1789*

 Sau khi đánh thắng giặc Minh xâm lược, Lê Lợi lên ngôi, lập nên triều Hậu Lê (triều Lê Sơ), đây là giai đoạn hưng thịnh nhất của phong kiến Việt Nam. Nhưng thời gian hưng thịnh của đất nước không kéo dài, từ năm 1553 đến năm 1788 xảy ra cuộc nội chiến triền miên giữa các thế lực, mà điển hình nhất là vua Lê - chúa Trịnh. Trong thời gian đó, có nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra như khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu, khởi nghĩa Tây Sơn. Quân Tây Sơn tiến công vào Gia Định, hang ổ cuối cùng của nhà Nguyễn. Nhà Nguyễn phải sống lưu vong nhờ sự giúp đỡ của vua Xiêm (Thái Lan). Năm 1784, nhà Tây Sơn tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm và tiến công ra Bắc, xoá bỏ giới tuyến sông Gianh, chấm dứt toàn bộ thể chế "vua Lê, chúa Trịnh". Năm 1788, trước nguy cơ xâm lược của 29 vạn quân Mãn Thanh, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Quang Trung và thực hiện cuộc hành quân thần tốc tiêu diệt 29 vạn quân xâm lược vào mùa xuân Kỉ Dậu 1789.

Tiếp theo là triều đại của Nguyễn Ánh (Gia Long), Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức… và Bảo Đại là ông vua cuối cùng của nhà nước phong kiến Việt Nam.

***7.1.4. Nội dung nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta***

*7.1.4.1. Tư tưởng chỉ đạo tác chiến*

Tư tưởng chỉ đạo tác chiến là quan điểm, đường lối cơ bản có tính định hướng cho hành động tác chiến của lực lượng vũ trang. Tư tưởng chỉ đạo tác chiến trong giữ nước của cha ông ta là tiến công. Đây là quy luật giữ nước thắng lợi, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình chuẩn bị và thực hành chiến tranh giữ nước của cha ông ta. Tư tưởng chỉ đạo tác chiến tiến công được cha ông ta thực hiện hết sức linh hoạt, mềm dẻo, sáng tạo, phù hợp với tình thế tương quan lực lượng giữa ta và địch, với bối cảnh cuộc chiến, trong từng giai đoạn khác nhau, với các kẻ thù khác nhau.

Trong tư duy quân sự - quốc phòng, cha ông ta chủ động giữ nước từ thời bình, từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy, với tư tưởng “Thái bình tu trí lực” xây dựng và chuẩn bị đất nước mọi mặt sẵn sàng đánh giặc giữ nước. Khi đất nước bị xâm lược, giải phóng, bảo vệ đất nước là nhiệm vụ quan trọng, là mục tiêu cao nhất của các triều đại phong kiến trong chiến tranh giữ nước. Do đó, ông cha ta luôn nắm vững tư tưởng tiến công, coi đó như một quy luật để giành thắng lợi trong suốt quá trình chiến tranh. Khi tiến công thì thực hiện phương pháp tích cực chủ động tiến công, tiến công liên tục mọi lúc mọi nơi, từ nhỏ đến lớn, từ cục bộ đến toàn bộ để quét sạch quân thù ra khỏi bờ cõi.

Tư tưởng tiến công được xem như sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình chuẩn bị và tiến hành chiến tranh giữ nước. Tư tưởng đó thể hiện rất rõ trong đánh giá đúng kẻ thù, chủ động đề ra kế sách đánh, phòng, khẩn trương chuẩn bị lực lượng kháng chiến, tìm mọi biện pháp làm cho địch suy yếu, tạo ra thế và thời cơ có lợi để tiến hành phản công, tiến công. Tư tưởng tiến công được biểu hiện qua thực tiễn các cuộc kháng chiến và chiến tranh giải phóng của Dân tộc sau.

Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938 do Ngô Quyền lãnh đạo. Biết được âm mưu của quân Nam Hán xâm lược nước ta, Ngô Quyền với quyết tâm chiến lược đập tan lực lượng chủ lực địch, đè bẹp ý chí xâm lược của nhà Nam Hán bằng đòn quân sự quyết định. Ông đã họp các tướng lĩnh để đánh giá địch ta, bàn kế chống giặc, chuẩn bị thế trận cọc, kết hợp quân thuỷ bộ, quân chủ lực và quân địa phương trong chiến đấu sẵn sàng tiêu diệt địch. Khi quân Nam Hán kéo từ biển vào, Ngô Quyền đã dùng mưu điều địch vào trận địa cọc, lợi dụng thủy triều, nắm chắc thời cơ phản công giành thắng lợi. Quân Nam Hán thất bại hoàn toàn, từ bỏ ý định xâm lược nước ta.

Kháng chiến chống Tống lần I (năm 981), Lê Hoàn biết đư­ợc quân Tống tiến công Ta theo 3 đường (Lạng Sơn – Cao Bằng – sông Bạch Đằng), Ông đã chủ động tổ chức trận địa chặn đánh địch ở Bình Lỗ (Đông Anh), Bạch Đằng Giang, xây thành luỹ kiên cố ở Ngân Sơn (Cao Bằng), để chặn đánh địch.

Kháng chiến chống Tống lần II (1075 - 1077) của nhà Lý, tư tưởng chiến lược tiến công biểu hiện tập trung ở tư tưởng chiến lược “tiên phát chế nhân”, ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân ra để chặn thế mạnh của chúng, chủ động tiến công trước để đẩy kẻ thù vào thế bị động, rồi mới rút về phòng thủ đất nước trên chiến tuyến sông Như Nguyệt. Khi thời cơ đến, tổ chức phản công chiến lược đánh thẳng vào sào huyệt quân giặc, khiến chúng không thể chống đỡ.

Ba lần kháng chiến chống đế quốc Nguyên - Mông của quân dân Nhà Trần ở thế kỷ XIII, tư tưởng tiến công được thể hiện ở hội nghị Bình Than, Diên Hồng, lời thề Sát thát; qua tư duy chiến lược và phương thức tác chiến chiến lược, chủ trương tạm lui quân trước thế giặc mạnh để bảo toàn lực lượng, kết hợp với kế thanh dã và chiến tranh du kích tiêu hao sinh lực giặc, chuyển hoá dần so sánh lực lượng có lợi đ tiến tới tổng phản công.

Khởi nghĩa Lam Sơn, tư một cuộc khởi nghĩa phát triển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc; chủ động và kết hợp tiến công địch trên mọi mặt trận quân sự, chính trị, binh vận, ngoại giao; tích cực, chủ động tiến công địch từ nhỏ đến lớn, từ cục bộ đến toàn bộ.

Đến thời Nguyễn Huệ, tư tưởng chủ động tiến công địch để giải phóng Thăng Long lại được phát triển lên một tầm cao mới. Với cách đánh táo bạo, thần tốc, bất ngờ và mãnh liệt, giải quyết chiến tranh nhanh gọn trong một đợt tổng giao chiến, Ông đã chủ động tiến công địch khi chúng còn rất mạnh (29 vạn quân Thanh và bè lũ bán nước Lê Chiêu Thống) nhưng chúng lại rất chủ quan, kiêu ngạo, thiếu phòng bị (quân Thanh và bè lũ bán nước đang chuẩn bị đón tết Kỉ Dậu năm 1789), do đó, đã giành thắng lợi trọn vẹn.

Lịch sử đã khẳng định, tư tưởng quân sự của dân tộc ta là tư tưởng tiến công. Nét đặc sắc nhất có tính đặc thù của tư tưởng này thể hiện ở chỗ được thực hiện nhất quán, xuyên suốt chiều dài lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Theo tổng kết, dân tộc ta đã tiến hành 14 cuộc chiến tranh chống xâm lược do Nhà nước Phong kiến Đại Việt tổ chức lãnh đạo, trong đó giành thắng lợi 11 cuộc, có 3 cuộc thất bại. Điểm chung đáng chú ý là, các cuộc chiến tranh mà ta giành thắng lợi đều thể hiện rõ việc thực hiện tư tưởng tiến công, còn đối với các cuộc thất bại thì tư tưởng này gần như không được thực hiện, mà thay vào đó là tư tưởng phòng thủ, phòng ngự. Chẳng hạn như cuộc chiến tranh chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ ở đầu thế kỷ XV và cuộc chiến tranh của nhà Nguyễn chống thực dân Pháp xâm lược ở giữa thế kỷ XIX là những dẫn chứng điển hình. Khi đó, xét về tương quan so sánh lực lượng, nhà Hồ và nhà Nguyễn không hề kém địch, thậm chí có mặt còn hơn, nhưng kết cục đã bị thất bại. Sự thất bại đó còn có nguyên nhân khác, nhưng không thể phủ nhận là họ đã không thực hiện tư tưởng tiến công.

*7.1.4.2. Mưu kế đánh giặc*

Mưu sinh ra “thế”, kế sinh ra “thời”. Trong lịch sử đánh giặc giữ nước, cha ông ta luôn đề ra và thực hiện mưu, kế gắn liền với nhau. Mưu là để lừa địch, đánh vào chỗ yếu, chỗ sơ hở, chỗ ít phòng bị, làm cho địch bị động, lúng túng đối phó. Kế là để điều địch theo ý định của ta. Lừa địch nhằm làm cho địch bộc lộ điểm yếu, bộc lộ sơ hở, mất cảnh giác,.. chủ quan khinh địch đồng thời che giấu điểm yếu, ý định tác chiến, lực lượng, thế trận của ta. Điều địch là dẫn dụ địch theo kế hoạch được chuẩn bị trước, làm cho địch rơi vào thế trận bất lợi, lực lượng bị phân tán chia cắt, sa vào trận địa ta đã chuẩn bị sẵn, đẩy địch vào thế bị động, buộc phải đánh theo cách đánh của ta. Bản chất của mưu kế là lừa địch, điều địch theo ý định của mình.

Trong lịch sử chống giặc xâm lược, nghi binh lừa địch là một mưu kế chính đã được ông cha ta vận dụng rất linh hoạt, sáng tạo. Nghi binh lừa địch là dùng mọi biện pháp để địch không biết đâu là ý định thật của ta, đi đến phán đoán lầm, hành động sai, bộc lộ sơ hở, tạo điều kiện thuận lợi cho ta đánh địch ở nơi và vào lúc đã chọn. Sách “Binh thư yếu lược” trong mục “Dùng cách lừa dối” chỉ rõ: “Điều cốt yếu để đánh được địch, không phải chỉ dùng sức mạnh để chống, còn phải dùng thuật để lừa. Hoặc dùng cách lừa của ta để lừa nó hoặc nhân cách lừa của nó mà lừa nó, lừa bằng tình, lừa bằng lợi, lừa bằng vụng, lừa bằng khôn, cũng lừa bằng sự lẫn lộn hư thực, lấy sự lừa của nó để làm cho nó bị lừa, nó lừa thì ta biết”.

Trong đánh giặc giữ nước, cha ông ta luôn đi sâu đánh giá địch ta, yếu tố địa hình, thời tiết và các yếu tố liên quan; tập trung giải đáp những vấn đề cơ bản: Tập trung tiêu diệt địch ở đâu, lúc nào là có lợi nhất? Và như vậy, phải lừa địch bằng cách gì, dụ địch, điều địch như thế nào? Vây hãm, kìm địch, chia cắt ở đâu? Địch sẽ phản ứng thế nào, ta tiếp tục đánh địch ở đâu, bằng lực lượng nào… Trần Quốc Tuấn: Địch cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản (binh) chế trường (trận) là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như cách tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc; đó là thượng sách giữ nước vậy. Nguyễn Trãi: “Tri bỉ tri kỷ năng nhược năng cường” biết địch biết ta, biết mạnh biết yếu, phải lấy xưa mà nghiệm nay, phải tạo thời cơ và lập thế trận để vận dụng cách đánh đúng đắn. Được thời và có thế thì mất biến thành còn, hóa nhỏ thành lớn; mất thời và không thế, thì mạnh hóa ra yếu, yên lại nên nguy, sự thay đổi ấy chỉ ở trong khoảng bàn tay. Quang Trung: Người khéo thắng là ở chỗ rất mềm dẻo, chứ không phải lấy mạnh đè yếu, lấy nhiều hiếp ít.

Kế sách đánh giặc của ông cha rất sáng tạo, linh hoạt, mềm dẻo, khôn khéo và có nhiều tiến bộ “biết tiến, biết thoái, biết công, biết thủ”, biết tránh chỗ mạnh, khoét sâu điểm yếu của địch để từng bước đẩy địch vào thế yếu. Cha ông ta biến cả nước thành chiến trường, thực hiện toàn dân đánh giặc, kết hợp các cách đánh, các lực lượng cùng đánh, “Toàn dân vi binh, cử quốc nghênh địch”, tạo ra một “thiên la, địa võng” để diệt địch. Cha ông ta kết hợp chặt chẽ quân triều đình, quân địa phương và dân binh, thổ binh các làng xã cùng đánh địch. Cha ông ta biết kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với binh vận, ngoại giao, tạo thế mạnh cho ta, biết phá thế mạnh của giặc, trong đó tiến công quân sự luôn giữ vai trò quyết định.

Thực tiễn đánh giặc giữ nước, cha ông ta có nhiều đúc kết thể hiện sự sáng tạo và tiến bộ như: “lấy nhân nghĩa để thắng hung tàn”, “lấy chí nhân để thay cường bạo”; “lấy ít địch nhiều thường dùng mai phục”; “mưu phạt công tâm”; “bẻ đũa bẻ từng chiếc, đánh rắn đánh dập nát đầu”, “lấy đoản binh chế trường trận”, “ đánh mà muốn lấy được phải đánh vào chỗ giặc không giữ”, “dĩ dật đãi lao” lấy sung sức mạnh khỏe để đối phó với mệt mỏi của địch; “tránh cái thế hăng hái lúc ban mai, đánh cái khí tàn lụi lúc chiều tà”. Thời nhà Trần*,* trước một đối thủ rất mạnh là đế quốc Nguyên – Mông gồm những kỵ binh dạn dày chinh chiến, nhà Trần không thể áp dụng chiến lược “tiên phát chế nhân” theo kiểu đánh trước sang đất địch như nhà Lý, cũng không thể thực hiện phương châm bảo vệ từ xa bằng một hệ thống chiến luỹ phòng thủ như phòng tuyến sông Cầu, mà buộc phải có tính toán chiến lược mới dựa trên sự đổi mới tư duy quân sự. Đó chính là cơ sở thực tiễn hình thành nghệ thuật chỉ đạo rút lui chiến lược bảo toàn lực lượng, xoay chuyển tình thế để phản kích của quân đội nhà Trần. Đây là một bước phát triển mang tính cách mạng trong tư duy quân sự Việt Nam, vì với các nhà nước phong kiến đương thời, mất kinh đô gần như đồng nghĩa với mất nước; song với người Việt, kinh đô tạm mất vào tay giặc nhưng cuộc kháng chiến mới chỉ bắt đầu. Chủ trương tạm rút khỏi kinh thành để bảo toàn lực lượng gắn liền với chủ trương đánh du kích nhỏ lẻ rộng khắp tiêu hao sinh lực địch và đặc biệt, gắn với kế thanh dã – tổ chức cho dân chúng làm “vườn không nhà trống”, cũng như kế sách tạo một mặt trận liên thông để cả nước cùng đánh giặc. Những đội kỵ binh Mông Cổ bách chiến bách thắng khi sang đến chiến trường Đại Việt tuy chiếm thành Thăng Long không mấy khó khăn, nhưng lập tức rơi vào một cuộc chiến tranh hoàn toàn khác lạ, lâm vào tình thế đánh chẳng được đánh, yên chẳng được yên, muốn cướp bóc lương ăn cũng không có, nên mau chóng mất hết nhuệ khí và sức lực. Kết cục thảm bại đến với chúng là tất yếu.

*7.1.4.3. Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc*

Toàn dân đánh giặc là truyền thống, nghệ thuật đánh giặc độc đáo sáng tạo của dân tộc ta, được thể hiện cả trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng. Cơ sở hình thành, phát triển của nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc là xuất pháttừ mục đích, tính chất của các cuộc chiến tranh của dân tộc ta là cuộc chiến tranh yêu nước, chính nghĩa để bảo vệ Tổ quốc hoặc chiến tranh giải phóng dân tộc. Xuất phát từ truyềnthống văn hóa của dân tộc với ý thức tự tôn, tự hào dân tộc, tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đoàn kết, yêu nước, thương nòi, ý thức tự đảm đương sự nghiệp giữ làng, giữ nước, vì quyền sống của giống nòi. Xuất pháttừ việc nhận thức đúng đắn vai trò của nhân dân của các nhà yêu nước phong kiến Việt Nam, với chính sách trọng dân, an dân, thân dân, vì dân... như “Phúc chu thủy tín dân do thủy”; “yên dân để vẹn đất ”; “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân…”; “khoan thư sức dân…”, tư tưởng cốt lõi là “dĩ dân vi bản”, “dĩ dân” gắn với “vị dân”…

Nội dung nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, biểu hiện ở: lực lượng đánh giặc là lực lượng toàn dân “Trăm họ là binh”, “toàn dân vi binh”, cả nước chung sức, trên dưới một lòng, toàn dân đánh giặc, đánh giặc rộng khắp, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, kết hợp chặt chẽquân triều đình, quân các phủ, lộ và dân binh, thổ binh các làng xã cùng đánh. “Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới. Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào”; thế trận đánh giặc rộng khắp trên cả nước, mọi làng bản thôn xóm. Thực hiện cả nước chiến trường, mỗi thôn xóm bản làng đều trở thành trận địa, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân liên hoàn, vững chắc, tạo ra một “thiên la, địa võng” để diệt giặc. Thế trận đó làm cho quân địch bị dàn mỏng, bị sa lầy, luôn sa vào thế bị động. Địch đông mà hoá ít, mạnh mà hoá yếu, lúc nào cũng có nguy cơ bị tiêu diệt. “Cả nước góp sức chiến đấu nên giặc phải bó tay”; phát huy sự sáng tạo của nhân dân để tạo ra các cách đánh giặc độc đáo, hiệu quả. Sử dụng các loại phương tiện, vũ khí, nhiều thứ quân với nhiều cách đánh, nhiều hình thức tác chiến tiến công, tập kích, phục kích… Đồng thời tập trung lực lượng, sức mạnh cho các trận quyết chiến chiến lược giành thắng lợi quyết định trong chiến tranh như Sông Cầu, Bạch Đằng, Chương Dương, Hàm Tử ….

*7.1.4.4. Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh*

Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh là nét đặc sắc của nghệ thuật quân sự, truyền thống giữ nước của dân tộc Việt Nam. Là sản phẩm của lấy thế thắng lực, thể hiện tinh thần tự cường của dân tộc, sự sáng tạo, xuất sắc, mưu trí, dũng cảm dám đánh, biết đánh và biết thắng trong đánh giặc giữ nước của cha ông ta.

Cơ sở hình thành, phát triển của nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh của cha ông ta: xuất phát từ thực tiễn dân tộc ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược có quân số, trang bị lớn hơn ta gấp nhiều lần; xuất phát từ yếu tố chính trị và truyền thống văn hóa của dân tộc với thức tự tôn, tự hào dân tộc, tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đoàn kết, yêu nước, ý chí căm thù giặc và tinh thần dũng cảm đấu tranh kiên cường bất khuất của dân tộc ta; xuất phát từ việc cha ông ta nắm vững qui luật cơ bản của chiến tranh “mạnh thắng, yếu thua”, biết đánh giá đúng địch ta, biết kết hợp và phát huy yếu tố “thiên thời, địa lợi” với yếu tố “nhân hòa”, kết hợp mưu, kế, lực, thế, thời tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh giặc giữ nước.

Nội dung của nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh, biểu hiện: Trong các cuộc chiến tranh ông cha ta luôn chủ động đánh địch, buộc địch phải đánh theo ý định và cách đánh của mình. Đánh địch ở trận địa đã chuẩn bị trước và tổ chức cho toàn dân đánh giặc. Đánh địch vào lúc chúng suy yếu, mất nhuệ khí, vỡ thế trận “tránh cái thế hăng hái lúc ban mai, đánh cái khí tàn lụi lúc chiều tà; kết hợp chặt chẽ thế, thời, lực với các yếu tố có lợi về địa lý, khí tượng, thủy văn... để nâng cao sức mạnh chiến đấu, chiến thắng quân xâm lược. Tổ chức sử dụng lực lượng hợp lý, đạt hiệu quả cao “ Sức dùng có nửa. Công được gấp đôi”; tổ chức đánh giặc bằng nhiều hình thức, cách đánh độc đáo sáng tạo như: “dĩ đoản chế trường”, “dùng đoản binh chế trường trận”, “Địch cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh, lấy đoản chế trường là việc thường của binh pháp”, tức là lấy yếu đánh mạnh, lấy nhỏ đánh lớn, “ Bậc nhân giả lấy yếu trị mạnh, bậc nghĩa giả lấy ít địch nhiều”, “quân cốt tinh, không cốt đông” quân mạnh hay yếu không cứ ở nhiều, “tránh chỗ thực, đánh chỗ hư, tránh nơi vững chắc đánh nơi sơ hở”, “Lấy yếu chống mạnh thường đánh bất ngờ, lấy ít địch nhiều thường dùng mai phục”, “Người khéo thắng là thắng ở chỗ mềm dẻo, chứ không phải lấy mạnh đè yếu, lấy nhiều hiếp ít”.

*7.1.4.5. Nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận*

Kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận là truyền thống, kinh nghiệm giành thắng lợi trong các cuộc chiến tranh của dân tộc ta. Trong chống giặc ngoại xâm, ông cha ta nhận thức sâu sắc vị trí của từng mặt trận và kết hợp chặt chẽ các mặt trận nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để đánh thắng kẻ thù.

Mặt trận chính trị nhằm cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân, quy tụ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, là cơ sở để tạo ra sức mạnh quân sự.

Mặt trận quân sự là mặt trận quyết liệt nhất, thực hiện tiêu diệt sinh lực, phá huỷ phương tiện chiến tranh của địch, quyết định thắng lợi trực tiếp của chiến tranh, tạo đà, tạo thế cho các mặt trận khác phát triển.

Mặt trận ngoại giao có vị trí rất quan trọng, đề cao tính chính nghĩa của nhân dân ta, phân hoá, cô lập kẻ thù, tạo thế có lợi cho cuộc chiến. Mặt khác, mặt trận ngoại giao kết hợp với mặt trận quân sự, chính trị tạo ra thế có lợi để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt. Điển hình: Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã mở "Hội thề Đông Quan", cấp ngựa, thuyền, lương thảo cho hàng binh nhà Minh về nước trong danh dự, để muôn đời dập tắt chiến tranh.

Mặt trận binh vận để vận động làm tan dã hàng ngũ của giặc, góp phần quan trọng để hạn chế thấp nhất tổn thất của nhân dân ta trong chiến tranh.

*7.1.4.6. Nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn*

Trong chống xâm lược và chiến tranh giải phóng dân tộc, ông cha ta đã tổ chức và tiến hành các trận đánh quyết định để giải phóng đất nước, kết thúc chiến tranh. Những trận đánh lớn tiêu biểu như: Trận Bạch Đằng năm 938, Ngô Quyền chống quân Nam Hán; Trận Như Nguyệt tháng 3 năm 1077, Nhà Lý chống Tống; Trận Đông Bộ Đầu (1258), Chương Dương - Thăng Long (1285) và Bạch Đằng (1288), Nhà Trần chống quân Nguyên – Mông; … trận quyết chiến chiến lược giải phóng Thăng Long trong mùa xuân Kỉ Dậu 1789 của Quang Trung – Nguyễn Huệ.

Nội dung nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn, biểu hiện trên những vấn đề cơ bản sau. Thứ nhất, đánh giá đúng kẻ thù, xác định rõ điểm mạnh yếu của địch và tương quan lực lượng giữa ta và địch, chủ động đề ra kế sách đánh, phòng, khẩn trương chuẩn bị lực lượng.Thứ hai, tạo thế lập thời, chia cắt địch, làm cho địch suy yếu, khôn khéo sáng tạo lợi dụng các yếu tố điều kiện tự nhiên để chuẩn bị thế trận quyết chiến chiến lược. Thứ ba, tổ chức huy động nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng hợp, sức mạnh toàn dân để đánh giặc.Thứ tư, xác định, lựa chọn đúng thời điểm mở đầu; vận dụng tốt các yếu tố thế, thời, lực trong chiến tranh, quyết đánh quyết thắng.

**7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo**

***7.2.1. Khái niệm nghệ thuật quân sự Việt Nam***

Nghệ thuật quân sự Việt Nam là nghệ thuật tạo ra và sử dụng sáng tạo, hiệu quả cả lực, thế và thời để giành thắng lợi trong chiến tranh và đấu tranh vũ trang. Nghệ thuật quân sự Việt Nam luôn coi trọng yếu tố thế và mưu trên nền tảng chiến tranh nhân dân rộng khắp với tư tưởng chủ động tiến công để chuyển hóa tương quan lực lượng, giành thắng lợi từng phần và kết thúc chiến tranh.

Nghệ thuật quân sự Việt Nam gồm ba bộ phận hợp thành: Chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật. Ba bộ phận của nghệ thuật quân sự là một thể thống nhất có quan hệ biện chứng chặt chẽ, thúc đẩy nhau phát triển, trong đó chiến lược quân sự đóng vai trò chủ đạo. Nghệ thuật quân sự Việt Nam là thệ thống lý luận và thực tiễn nhằm chỉ đạo quá trình chuẩn bị và tiến hành chiến tranh giữ nước giành thắng lợi. Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Thành phần gồm hệ thống lý luận, hệ thống thực tiễn và ba bộ phận cấu thành là chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật.

- Mục đích: Chỉ đạo quá trình chuẩn bị và quá trình tổ chức tiến hành chiến tranh, đấu tranh vũ trang giành thắng lợi

- Đặc trưng: Giữ nước, bảo vệ Tổ quốc.

***7.2.2. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo***

*7.2.2.1. Truyền thống đánh giặc của tổ tiên*

Trải qua mấy nghìn năm chống giặc ngoại xâm, nghệ thuật quân sự của ông cha đã hình thành và không ngừng phát triển, đó là những bài học vô giá cho các thế hệ sau. Nhiều tác phẩm với những tư tưởng quân sự kiệt xuất như: “Binh thư yếu lược”, “Vạn Kiếp Tông bí truyền thư” của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, “Bình Ngô sách” của Nguyễn Trãi, “Hổ Trướng khu cơ” của Lộc Khê Hầu Đào Duy Từ; những trận đánh điển hình như: Như Nguyệt, Chi Lăng, Bạch Đằng, Tây Kết, Ngọc Hồi, Đống Đa... đã để lại những kinh nghiệm quý giá. Kinh nghiệm truyền thống đó là cơ sở để toàn Đảng, toàn Dân, toàn Quân ta kế thừa, vận dụng, phát triển trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ và trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*7.2.2.2. Chủ nghĩa Mác- Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động. Học thuyết chiến tranh, quân đội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và những quan điểm, tư tưởng, kinh nghiệm được đúc rút, tổng kết từ các cuộc chiến tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin. Đây là cơ sở lý luận nền tảng để Đảng ta vận dụng, định ra đường lối quân sự trong khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh giải phóng ở Việt Nam.

*7.2.2.3. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là sự tiếp thu, kế thừa truyền thống đánh giặc của tổ tiên, vận dụng lí luận Mác - Lênin về quân sự, kinh nghiệm của các nước trên thế giới vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, là cơ sở cho sự hình thành và phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã biên soạn nhiều tài liệu quân sự như “Chiến thuật du kích”, “Kinh nghiệm du kích Tàu”, “Kinh nghiệm du kích Nga”, “Phép dùng binh của ông Tôn Tử”,… viết về phát triển nguyên tắc chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự... qua các thời kì đấu tranh cách mạng và Người còn trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo , giảng dạy. Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đề ra phương châm chỉ đạo chiến tranh, phương thức tác chiến chiến lược, nắm bắt đúng thời cơ, đưa chiến tranh Việt Nam kết thúc thắng lợi.

***7.2.2. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo***

*7.2.2.1.Chiến lược quân sự*

“Chiến lược quân sự là tổng thể phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh (xung đột vũ trang) thắng lợi; Chiến lược quân sự là bộ phận hợp thành (quan trọng nhất) có tác dụng chủ đạo trong nghệ thuật quân sự”[[60]](#footnote-60).Chiến lược quân sự được biểu hiện trên những nội dung chủ yếu của sau.

*- Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến*

Đây là nội dung quan trọng hàng đầu của chiến tranh cách mạng và chiến lược quân sự. Là cơ sở để xây dựng các tiềm lực, lực lượng và thế trận quốc phòng; định hướng nghiên cứu về nghệ thuật quân sự; tổ chức xây dựng, huấn luyện lực lượng vũ trang. Nhiệm vụ của chiến lược quân sự phải xác định chính xác kẻ thù và đối tượng tác chiến để xác định đối sách và phương thức đối phó hiệu quả nhất. Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến là phải chỉ ra chính xác kẻ thù nào có âm mưu xâm lược, lật đổ chế độ, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ nước ta, và phải chỉ rõ lực lượng nào, quân đội nào tiến hành chiến tranh, chống phá cách mạng nước ta, là đối tượng tác chiến của Quân và Dân ta.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lúc đó xuất hiện nhiều kẻ thù: quân đội Anh, Tưởng, Nhật và Pháp. Tất cả kẻ thù trên đều cùng chung một mục đích là tiêu diệt nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà non trẻ. Trong tình thế đó, Hồ Chí Minh khẳng định: “Không nên cùng một lúc đánh tay 5, tay 6 với lũ cướp nước và bán nước. Đấm bằng cả hai tay một lúc là không mạnh’’[[61]](#footnote-61). Từ đó, Đảng ta xác định kẻ thù nguy hiểm, trực tiếp của cách mạng Việt Nam là thực dân phản động Pháp, đối tượng tác chiến của quân và dân ta là quân đội Pháp xâm lược. Đây là tư duy chính xác, khoa học của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời điểm lịch sử “ngàn cân treo sợi tóc”.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, khi đế quốc Mĩ không chịu kí Hiệp định Giơnevơ, tạo cớ áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, ngay từ tháng 9/ 1954, Đảng ta đã nhận định, đế quốc Mĩ đang dần trở thành kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia. Đây là sự phán đoán chính xác trong xác định kẻ thù của cách mạng nói chung, của chiến lược quân sự nói riêng.

Hiện nay, việc phân loại đối tượng là một vấn đề hết sức khó khăn, đòi hỏi phải có sự quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về đối tác đối tượng và phải phân tích toàn diện, khoa học, khách quan trên cơ sở đánh giá chính xác cục diện chính trị, xã hội thế giới, khu vực với tầm nhìn chiến lược sâu sắc. Trong nghiên cứu phân loại đối tượng cần tập trung vào một số nước lớn, có tiềm lực mạnh, có khả năng chi phối đến tình hình quốc phòng, an ninh nước ta. Trong đó cần chú ý đến ba dạng đối tượng cơ bản: đối tượng đối lập về ý thức hệ có âm mưu tập trung xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta; đối tượng vì lợi ích dân tộc hẹp hòi đang có tham vọng về chủ quyền lãnh thổ nước ta; đối tượng có thể bị chuyển hóa bởi sự thao túng của nước lớn có âm mưu chống phá ta.

*- Đánh giá đúng kẻ thù*

Là tiến hành nghiên cứu, điều tra để nắm bắt chính xác, kịp thời tình hình địch cả điểm mạnh, điểm yếu về lực lượng, tinh thần, trình độ, vũ khí trang bị, âm mưu thủ đoạn, sức mạnh của địch trên tất cả các lĩnh vực. Đánh giá đúng kẻ thù là nội dung quan trọng của chiến lược quân sự làm cơ sở để xác định phương châm, phương thức tác chiến phù hợp, hiệu quả. Là điều kiện để xác định thời điểm mở đầu và kết thúc chiến tranh. Muốn đánh thắng, trước hết phải đánh giá đúng địch, ta. Trong “Binh thư yếu lược” của Trần Quốc Tuấn có viết “Biết mình biết người, trăm đánh trăm thắng. Nuôi khí lực của dân, định tâm chí của quân, đó gọi là biết mình. Xét tình hình quân địch, đó gọi là biết người”. Trong cuốn “Phép dùng binh của ông Tôn Tử’, Hồ Chí Minh nhắc câu nói nổi tiếng của Tôn Tử: "Tri bỉ tri kỷ, bách chiến bất bại" (biết địch biết ta, trăm trận không thua).

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích, đánh giá đúng mạnh, yếu của kẻ thù. Đánh giá so sánh lực lượng địch, ta trên quan điểm chiến tranh nhân dân, theo phương pháp khoa học biện chứng, không dừng lại ở hiện tượng mà nhìn sâu vào bản chất, nhìn toàn diện, không đánh giá địch, ta một cách tĩnh mà đặt nó trong quá trình đang vận động. Chính vì vậy, trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp, so sánh địch ta có chênh lệch lớn nên có người cho là "châu chấu đá voi". Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn khẳng định: "Ta nhất định thắng, địch nhất định thua". Người phân tích: Địch như mặt trời vào lúc hoàng hôn, hống hách lắm nhưng đã gần tắt nghỉ, lực lượng ta ngày càng mạnh thêm như suối mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có tiến không có thoái", "Thế địch như lửa, thế ta như nước, nước nhất định thắng lửa". Hồ Chí Minh tiên đoán: "Nay tuy châu chấu đá voi nhưng mai voi sẽ lòi ruột ra"[[62]](#footnote-62). Đối với đế quốc Mĩ, dù có quân đông, súng tốt, tiền nhiều, nhưng chúng có điểm yếu căn bản là đi xâm lược, bị nhân dân thế giới và ngay cả nhân dân nước Mĩ phản đối, Đảng ta đã đánh giá đúng kẻ thù, đưa ra nhận định: Mĩ là siêu cường kinh tế, siêu cường quân sự nhưng sức mạnh của Mĩ ở chiến trường Đông Dương là sức mạnh có giới hạn; “Mĩ giàu nhưng không mạnh”[[63]](#footnote-63) , đây là một tư duy chính xác, khoa học vượt trên mọi tư duy của thời đại trong thời điểm lịch sử. Từ những nhận định trên của Đảng ta, chiến lược quân sự Việt Nam đã tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân ta quyết tâm đánh Mĩ và biết thắng Mĩ.

Việc đánh giá đúng sức mạnh, khả năng của kẻ thù và so sánh đúng tương quan lực lượng sẽ giúp ta tổ chức lực lượng. Tập trung lực lượng giành ưu thế trong từng khu vực từng chiến dịch và trong suốt cuộc chiến tranh. Hình thành cách đánh đúng, sáng tạo, hiệu quả cao. Trong kháng chiến chống Mĩ, khi Mĩ đưa mấy chục vạn quân viễn chinh vào miền Nam với khối lượng phương tiện chiến tranh khổng lồ, lớn hơn ta nhiều lần nhưng quân và dân ta vẫn ở thế tiến công, quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ. Với chủ trương: Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bám địch, bám sát thắt lưng địch mà đánh; tìm Mĩ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt, bắt Mĩ ăn cháo ở đĩa bằng đũa. Quân và dân ta đã lần lượt làm phá sản các chiến lược: “Trả đũa ồ ạt” – 1954 đến 1960; “ Chiến tranh đặc biệt” – 1961 đến 1965; “Chiến tranh cục bộ” – 1965 đến 1968; “Việt Nam hóa chiến tranh” – 1969 đến 1972 và giành đại thắng Mùa xuân 1975.

*- Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc*

Đây là nghệ thuật xác định thời cơ thuận lợi để mở đầu, phát động chi n tranh, và thời cơ để dồn sức, quyết chiến chiến lược để đánh thắng địch, kết thúc chiến tranh. Để mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc phải nắm chắc yêu cầu của hoàn cảnh lịch sử; đánh giá và so sánh chính xác tương quan lực lược địch, ta; chuẩn bị được đầy đủ các yếu tố đảm bảo cho chiến tranh chắc thắng.Đó là kết quả của quá trình tạo lực, tạo thế để lập thời.Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc là một vấn đề mang tính nghệ thuật cao trong chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta, nhằm giành thắng lợi trọn vẹn nhất nhưng hạn chế tổn thất đến mức thấp nhất.

Khi bàn về thời, thế, Nguyễn Trãi đã chỉ ra: “Được thời và có thế thì mất biến thành còn, hóa nhỏ thành lớn; mất thời và không thế, thì mạnh hóa ra yếu, yên lại nên nguy, sự thay đổi ấy chỉ ở trong khoảng bàn tay”. Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm việc tạo lực, tạo thế, tạo thời cơ, phát hiện nắm vững thời cơ cách mạng, chiến tranh. Thời cơ là thời thế, là thời điểm có lợi nhất để chuyển biến tình hình, để tiến công đối phương. Người rất coi trọng vấn đề tạo thời cơ và tranh thủ thời cơ. Người luôn nhấn mạnh phải biết đánh và biết không đánh nếu thời cơ chưa lợi, nếu chưa thật chắc thắng, không mạo hiểm, phiêu lưu. Tư tưởng đó được biểu hiện rõ trong bài thơ Học đánh cờ: “Lạc nước, hai xe đành bỏ phí. Gặp thời, một tốt cũng thành công”[[64]](#footnote-64).

Ngày 9/3/1945, Nhật làm đảo chính, gạt Pháp khỏi Đông Dương. Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Sau khi Phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh (15/8/1945). Quân Nhật ở Việt Nam hoang mang, mất sức chiến đấu. Trong hoàn cảnh đó, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi tổng khởi nghĩa: “Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Trung ương Đảng nhận định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành độc lập đã tới”. Mục tiêu của ta là “giành quyền độc lập hoàn toàn”. “Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!” Cách mạng Tháng Tám năm 1945 diễn ra và giành thắng lợi.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, chúng ta mở đầu chiến tranh đều vào những thời điểm đáp ứng mọi điều kiện của hoàn cảnh lịch sử, do đó có sức lôi cuốn toàn dân tộc và có sức thuyết phục trên trường quốc tế mạnh mẽ. Kết thúc chiến tranh tại các thời điểm thế và lực cách mạng đều mạnh, có đủ điều kiện để quyết định kết thúc chiến tranh, tự quyết định vận mệnh của đất nước, mà không phụ thuộc vào những yếu tố tác động khách quan.

Trong kháng chiến chống Pháp, mở đầu chiến tranh vào ngày 19/12/1946 và chọn thời điểm kết thúc sau khi giành thắng lợi ở chiến dịch Điện Biên Phủ, bằng hiệp định Giơ-ne-vơ tháng 7 năm 1954. Trước đó, ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta. Khi ấy, Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa mới được thành lập, quốc tế chưa thừa nhận, ta phải đối phó với nạn đói, giặc dốt, bọn Việt gian và giặc ngoại xâm. Vận mệnh của nước ta lúc này như “ngàn cân treo sợi tóc”, thời cơ phát động chiến tranh chưa tới. Đến tháng 12 năm 1946, khi thế và lực của ta đã đủ mạnh, có sức lôi cuốn toàn dân tộc và có sức thuyết phục trên trường quốc tế mạnh mẽ và đây là thời điểm ta không thể lùi được nữa sau các hành động thiện chí nhằm ngăn ngừa, không để chiến tranh xảy ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: “... Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa...”[[65]](#footnote-65), mở đầu cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trong kháng chiến chống Mĩ, chiến thắng lịch sử “Điện Biên Phủ trên không” của quân và dân ta buộc Mĩ ngồi vào đàm phán và ký vào bản Hiệp định Pari tháng 1 năm 1973, chấm dứt chiến tranh, kéo cờ rút khỏi Việt Nam. Khi Mỹ chấp nhận rút quân, lực lượng Ngụy quyền yếu thế, Đảng ta ra quyết tâm: Giải phóng Miền Nam càng sớm càng tốt. Nếu không sớm giải phóng Miền Nam thì khi quân Mỹ rút khỏi Việt Nam thì sẽ có một “lực lượng khác” nhảy vào thay chân Mỹ, giống như trước đây Mỹ nhảy vào thay chân Pháp.

*- Xác định đúng đắn phương châm tiến hành chiến tranh*

Đây là yêu cầu tiên quyết của việc hoạch định đường lối chiến tranh, để lãnh đạo chiến tranh giành thắng lợi của Đảng ta. Phương châm tiến hành chiến tranh là một nội dung cơ bản trong đường lối kháng chiến, chiến tranh của Đảng ta. Là tư tưởng cơ bản chỉ đạo mọi hoạt động tác chiến xuyên suốt quá trình chiến tranh. Đảng ta đã xác định chính xác, đúng đắn phương châm tiến hành chiến tranh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống M là: tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

*Tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện*. Để chống lại kẻ thù xâm lược của có sức mạnh hơn ta nhiều lần về kinh tế, quân sự, khoa học, công nghệ, Đảng ta chỉ đạo tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện trên trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao..., trong đó, mặt trận quân sự giữ vai trò quyết định.

*Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính. “*Trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh” , Đảng và Bác chủ trương đánh lâu dài, lấy thời gian làm lực lượng "Trường kỳ kháng chiến", "Vừa kháng chiến vừa kiến quốc" để có thời gian chuẩn bị mọi mặt và chuyển dần từ thế yếu lên thế mạnh. Như lời Bác nói: “giặc Pháp có "vỏ quýt dày", ta phải có thời gian để mài "móng tay nhọn" rồi mới xé toang xác chúng ra”([[66]](#footnote-66)). Thắng lợi và trường kỳ đi đôi với nhau "Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi!". Muốn ăn quả tốt phải trồng cây to.Trường kỳ kháng chiến không đồng nghĩa với kéo dài vô thời hạn, mà phải biết lựa chọn thời điểm có lợi nhất để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt. Dựa vào sức mình là chính, “tự lực cánh sinh”, “đem sức ta mà giải phóng cho ta”.

*- Đề ra phương thức tiến hành chiến tranh chính xác*

Phương thức tiến hành chiến tranh là tổng thể các hình thức và phương pháp đấu tranh với đối phương và kết hợp chúng với nhau nhằm giành thắng lợi trong chiến tranh. Phương thức đấu tranh bao gồm đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, đấu tranh kinh tế, đấu tranh ngoại giao, đấu tranh văn hóa – tư tưởng, trong đó đấu tranh vũ trang kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị giữ vai trò quyết định nhất. Cơ sở để đề ra phương thức chiến tranh đúng đắn là phải đánh giá đúng đắn địch ta về mọi mặt, tương quan lực lượng giữa ta và địch, trình độ phát triển của khoa học và nghệ thuật quân sự, truyền thống văn hóa của dân tộc, mục đích và tính chất của cuộc chiến tranh của ta. Đây là yêu cầu quan trọng trong hoạch định đường lối chiến tranh của Đảng ta.

Trong lãnh đạo tiến hành hai cuộc chiến tranh chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng ta đã đề ra chính xác phương thức tiến hành chiến tranh là chiến tranh nhân dân. Tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân đánh giặc,lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực, kết hợp chặt chẽ tiến công địch bằng hai lực lượng chính trị, quân sự; bằng ba mũi giáp công quân sự, chính trị, binh vận; trên cả ba vùng chiến lược : rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị, làm cho địch bị động, lúng túng trong đối phó, dẫn đến sai lầm về chiến lược, sa lầy về chiến thuật và thất bại.

*7.2.2.2. Nghệ thuật chiến dịch*

“Nghệ thuật chiến dịch là lí luận và thực tiễn chuẩn bị, thực hành chiến dịch và các hoạt động tác chiến tương đương. Nghệ thuật chiến dịch bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự, khâu nối liền giữa chiến lược quân sự và chiến thuật”[[67]](#footnote-67). Chiến dịch được hình thành trong kháng chiến chống Pháp, được đánh dấu bằng chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông 1947. Trong kháng chiến chống Pháp, ta đã tiến hành hơn 40 chiến dịch ở các quy mô khác nhau và hơn 50 chiến dịch trong kháng chiến chống Mĩ.Nghệ thuật chiến dịch bao gồm những nội dung cơ bản sau.

*Loại hình chiến dịch.* Là hình thức tổ chức thực hành tác chiến chiến dịch của lực lượng vũ trang. Đây là nội dung quan trọng của nghệ thuật chiến dịch, là cơ sở để tổ chức chuẩn bị lực lượng, xây dựng thế trận, xác định cách đánh chiến dịch. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, các lực lượng vũ trang và Quân đội ta đã tiến hành các loại hình chiến dịch gồm: chiến dịch tiến công như: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, Chiến dịch Tiến công Tây Nguyên, Chiến dịch Hồ Chí Minh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975; chiến dịch phản công như: Chiến dịch Phản công Việt Bắc năm 1947, Chiến dịch Phản công đường số 9 - Nam Lào năm 1971; chiến dịch phòng ngự như Chiến dịch Phòng ngự Quảng Trị năm 1972; chiến dịch phòng không như: Chiến dịch Phòng không Hà Nội, 1972; chiến dịch tiến công tổng hợp như: Chiến dịch Tiến công tổng hợp Khu 8.

*Quy mô chiến dịch.* Quy mô chiến dịch là độ lớn về phạm vi, lực lượng, vũ khí trang bị và trình độ tác chiến chiến dịch. Cơ sở để xác định quy mô chiến dịch phải xuất phát từ yêu cầu của chiến lược quân sự, tình hình địch, tình hình ta, phạm vi tác chiến, đặc điểm của khu vực tác. Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, quy mô chiến dịch được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, quy mô chiến dịch của ta còn rất nhỏ bé, lực lượng tham gia từ 1 đến 3 trung đoàn, vũ khí, trang bị chiến đấu thô sơ. Đến cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, lực lượng tham gia đã lên tới 5 đại đoàn cùng nhiều lực lượng khác. Trong kháng chiến chống Mĩ, giai đoạn đầu lực lượng chỉ có từ 1 đến 2 trung đoàn, sau đó phát triển đến sư đoàn. Đến cuối cuộc kháng chiến, đặc biệt là chiến dịch Hồ Chí Minh, lực lượng bộ binh là 5 quân đoàn và nhiều binh chủng, quân chủng khác, phối hợp chặt chẽ với nổi dậy của quần chúng. Địa bàn: Phát triển từ rừng núi – trung du sau diễn ra trên tất cả các vùng. Trong hai cuộc kháng chiến, ở những giai đoạn đầu, các chiến dịch diễn ra chủ yếu ở địa hình rừng núi, nhưng giai đoạn cuối đã diễn ra trên tất cả địa hình để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

*Cách đánh chiến dịch.* Đây là nội dung trung tâm của nghệ thuật chiến dịch, quyết định đến việc xác định khu vực, chuẩn bị lực lượng và vũ khí trang bị, tổ chức thực hành tác chiến và kết cục của chiến dịch. Cơ sở cơ bản để xác định cách đánh chiến dịch đúng đắn là đánh giá chính xác và toàn diện đối tượng tác chiến của chiến dịch, đặc điểm địa hình và không gian tác chiến chiến d ch, khả năng và lực lượng, vũ khí trang bị của ta, trình độ chỉ đạo tác chiến chiến dịch. Cách đánh chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ của ta là cách đánh của chiến tranh nhân dân phát triển cao, vận dụng cách đánh của nhiều lực lượng, kết hợp nhiều phương thức quy mô tác chiến (đánh du kích, đánh vận động, đánh trận địa, đánh phân tán và đánh tập trung hiệp đồng binh chủng), trong đó tác chiến hiệp đồng ngày càng giữ vai trò chủ yếu. Cách đách chiến dịch gồm các nội dung cơ bản sau: chọn loại hình chiến dịch đúng; đề ra mục đích chiến dịch đúng; xác định phương châm chiến dịch đúng; nghệ thuật lựa chọn địa bàn, khu vực (hướng) tác chiến chủ yếu; nghệ thuật chọn khu vực (hướng) tác chiến chủ yếu; nghệ thuật chuẩn bị thế trận chiến dịch; nghệ thuật tập trung ưu thế lực lượng bảo đảm đánh chắc thắng trận mở màn chiến dịch; nghệ thuật xử trí chính xác các tình huống trong tác chiến chiến dịch; nghệ thuật kết hợp tiến công với nổi dậy; nghệ thuật vận dụng cách đánh chiến dịch. Trong hai cuộc kháng chiến, chiến dịch đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do chiến lược đề ra, tạo sự chuyển hoá chiến lược to lớn góp phần quyết định giành thắng lợi của chiến tranh.

*7.2.2.3. Chiến thuật*

“Chiến thuật là lí luận và thực tiễn về tổ chức và thực hành chiến đấu của phân đội, binh đội, binh đoàn LLVT, bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự Việt Nam”[[68]](#footnote-68). Chiến thuật hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội ta. Sự phát triển đó là kết quả của sự chỉ đạo chiến lược, chiến dịch, nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận chiến đấu của bộ đội ta trước một đối tượng địch, địa hình cụ thể. Nội dung của chiến thuật được thể hiện:

*- Vận dụng các hình thức chiến thuật vào các trận chiến đấu*

Các hình thức chiến thuật trong được vận dung trong các trận chiến đấu bao gồm: tập kích, phục kích, truy kích, vận động tiến công, công kiên, đánh địch đổ bộ đường không, đánh địch đổ bộ đường biển, đánh địch phòng ngự…

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, lực lượng, vũ khí, trang bị của ta còn hạn chế, do đó, tư tưởng tác chiến của bộ đội ta là “quán triệt tư tưởng tiến công, triệt để dùng du kích chiến, vận động chiến để tiêu diệt địch”. Các trận chiến đấu ở giai đoạn này chủ yếu diễn ra ở quy mô trung đội, đại đ i, tiểu đoàn, lấy đánh địch ngoài công sự là phổ biến. Chiến thuật thường vận dụng là tập kích, phục kích, vận động tiến công trong đó, phục kích có lợi hơn tập kích.

Các giai đoạn sau của hai cuộc kháng chiến, bộ đội ta đã trưởng thành, không những đánh giỏi vận động chiến (đánh địch ngoài công sự), mà từng bước vận dụng công kiên chiến (đánh địch trong công sự).

Giai đoạn cuối của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ do yêu cầu của chiến lược, chiến dịch, phải đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của địch để giữ vững vùng giải phóng, chiến thuật phòng ngự xuất hiện. Chiến thuật phòng ngự được vận dụng như phòng ngự đồi A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ, phòng ngự Quảng Trị năm 1972, phòng ngự Thượng Đức năm 1974... Ngoài ra, các đơn vị còn vận dụng các hình thức chiến thuật truy kích, đánh địch đổ bộ đường không, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao.

*- Quy mô lực lượng tham gia trong các trận chiến đấu*

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến, lực lượng tham gia các trận chiến đấu chủ yếu trong biên chế và được tăng cường một số hoả lực như súng cối 82mm, ĐKZ... Các giai đoạn sau, quy mô lực lượng tham gia các trận chiến đấu ngày càng lớn, đã có nhiều trận đánh hiệp đồng binh chủng giữa bộ binh, xe tăng, pháo binh, phòng không… Hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ ngày càng nhiều.

*- Cách đánh*

Là nội dung quan trọng nhất của lí luận chiến thuật. Mỗi binh chủng, mỗi hình thức chiến thuật đều có những cách đánh cụ thể, phù hợp với đối tượng và địa hình. Nội dung cách đánh trong từng hình thức chiến thuật phát triển từ cách đánh của lực lượng bộ binh là chủ yếu đến cách đánh hiệp đồng binh chủng.

Cách đánh của ta thể hiện tính tích cực, chủ động tiến công, bám thắt lưng địch, chia địch ra mà đánh, trói địch lại mà diệt. Kết hợp chặt chẽ giữa hành động tiến công và phòng ngự của ba thứ quân để hoàn thành nhiệm vụ của cấp trên giao.

**7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay**

Nghệ thuật quân sự Việt Nam đã hình thành, phát triển trong quá trình dựng và giữ nước của dân tộc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nghệ thuật quân sự ngày càng phát triển, đó là nghệ thuật chiến tranh nhân dân, nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh...Những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vẫn còn giữ nguyên giá trị để chúng ta tiếp tục nghiên cứu và vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới.

***7.3.1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công***

Trong lịch sử chiến tranh giữ nước, nghệ thuật quân sự của cha ông ta trước đây luôn nhấn mạnh tư tưởng tích cực, chủ động tiến công địch. Ngày nay, với sức mạnh của cả nước đánh giặc dưới sự lãnh đạo của Đảng, nghệ thuật quân sự của ta càng có điều kiện phát huy mặt mạnh của mình, khoét sâu chỗ yếu của địch để “kiên quyết không ngừng thế tiến công”, tiến công địch vào đúng thời cơ, địa điểm thích hợp.

Trên cơ sở đánh giá đúng mạnh, yếu của địch và ta, chúng ta phải biết phát huy sức mạnh của mọi lực lượng, vận dụng linh hoạt mọi hình thức và quy mô tác chiến, mọi cách đánh, mới có thể tiến công địch một cách liên tục mọi lúc, mọi nơi. Tiến công trên mặt trận quân sự, chính trị, binh vận, ngoại giao… thực hiện “mưu phạt công tâm”, đánh vào lòng người, góp phần thay đổi cục diện chiến tranh.

Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công, trong hòa bình chúng ta tập trung xây dựng phát triển kinh tế, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại…, xây dựng đất nước cường thịnh, có kế sách ngăn ngừa chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa, sẵn sàng đánh bại chiến tranh xâm lược, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

***7.3.2. Nghệ thuật toàn dân đánh giặc***

Trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc chỉ đạo mọi hoạt động tác chiến của quân và dân ta. Đây là kinh nghiệm, truyền thống đồng thời là đường lối chính trị của ta. Thực hiện toàn dân đánh giặc là để phát huy sức mạnh tổng hợp, kết hợp đánh phân tán với đánh tập trung, đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn, phát huy được uy lực của mọi vũ khí từ thô sơ đến hiện đại, làm cho lực lượng địch bị phân tán, khiến chúng đông mà hoá ít, mạnh mà hoá yếu và luôn bị động đối phó; trên cơ sở đó, thực hiện những đòn đánh quyết định, tạo sự thay đổi trên chiến trường có lợi cho ta.

***7.3.3. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp***

Nghệ thuật quân sự Việt Nam biết kết hợp chặt chẽ các yếu tố lực lượng, thế trận, thời cơ đồng thời còn phải biết đánh giá đúng và triệt để khai thác các yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hoà”. Đó là nghệ thuật nắm bắt và phát huy sức mạng của thời đại, phát huy tiềm năng, thế mạnh của đất nước, con người Việt Nam, trong đó, cần đặc biệt chú trọng "nhân hoà". Chỉ có kết hợp chặt chẽ lực, thế, thời, mưu và các yếu tố khác ta mới tạo ra sức mạnh tổng hợp đánh thắng kẻ thù cótiềm lực kinh tế, quân sự mạnh khi chúng xâm lược nước ta.

***7.3.4. Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung lực lượng ưu thế cần thiết để đánh địch***

Trong lịch sử ông cha ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược lớn hơn nhiều lần. Đứng trước thực tế đó, ông cha ta đã sáng tạo ra nghệ thuật "lấy ít địch nhiều", nhưng biết tập trung ưu thế lực lượng trong những thời điểm quan trọng để đánh thắng quân xâm lược.

Ngày nay, vận dụng tư tưởng lấy ít đánh nhiều, ta phải phát huy năng lực, sở trường đánh giặc của toàn dân, của các thứ quân, của mọi lực lượng phương tiện, hạn chế điểm mạnh, khoét sâu điểm yếu của địch tạo ra sức mạnh tổng hợp hơn địch để đánh thắng địch.

***7.3.5. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu***

Mục đích chung nhất của mọi hoạt động tác chiến để bảo vệ Tổ quốc là tiêu diệt lực lượng địch, bảo vệ ta. Đi đôi với tiêu hao, tiêu diệt lực lượng địch, phải bảo vệ vững chắc mục tiêu của ta, là vấn đề có tính quy luật trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Muốn giành thắng lợi chúng ta phải kết hợp đánh tiêu hao với đánh tiêu diệt lớn quân địch. Đánh tiêu hao rộng rãi bằng chiến tranh nhân dân địa phương, tạo điều kiện cho tác chiến tập trung của các đơn vị bộ đội chủ lực thực hiện đánh lớn, tiêu diệt lớn quân địch.

**KẾT LUẬN**

Nghệ thuật quân sự Việt Nam là kho tàng lý luận và thực tiễn quí báu, được đúc kết qua hàng nghìn năm đấu tranh giữ nước, thể hiện tầm vóc, trí tuệ quân sự Việt Nam. Nghiên cứu nghệ thuật quân sự Việt Nam chúng ta rất tự hào về tinh thần dũng cảm, ý chí kiên cường, mưu trí, sáng tạo trong đấu tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh giữ nước của dân tộc ta. Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta ?
2. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam ?
3. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo ?
4. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới ?

**Chương 8**

**XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN**

**BIỂN, ĐẢO, BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

Việt Nam là một quốc gia ven biển, có đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc, Lào và Capuchia, có bờ biển dài 3.260 km, vùng biển rộng trên 1 triệu km² chiếm khoảng 30% diện tích Biển Đông, có gần 3000 đảo ven bờ và hai quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa. Biển, đảo, biên giới quốc gia Việt Nam là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia, là nội dung cực kỳ thiêng liêng của Dân tộc Việt Nam. Đây là cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết và có vai trò cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây cũng là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh, là tuyến phòng thủ của đất nước, tạo khoảng không gian cần thiết giúp kiểm soát trên lãnh thổ quốc gia.

Tuy nhiên, công cuộc đó đang đặt ra rất nhiều thách thức to lớn khi bảo vệ chủ quyền biên giới còn nhiều khó khăn; trên Biển Đông các nước lớn đang cạnh tranh quyết liệt, tranh chấp chủ quyền biển, đảo đang xảy ra hết sức phức tạp. Xây dựng và bảo bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc là vấn đề chiến lược, mang tính cấp bách, then chốt hiện nay. Công cuộc này đòi hỏi toàn Đảng, toàn Dân và toàn quân ta phải không ngừng nêu cao cảnh giác, xây dựng đất nước vững mạnh về mọi mặt, tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại để chủ động bảo vệ vững chắc biên giới, biển, đảo của Tổ quốc.

**8.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia**

***8.1.1. Một số khái niệm cơ bản***

*8.1.1.1. Quốc gia*

“Quốc gia là thực thể pháp lí bao gồm ba yếu tố cấu thành: lãnh thổ, dân cư và quyền lực công cộng. Quốc gia là chủ thể căn bản nhất của luật quốc tế. Chủ quyền quốc gia là đặc trưng cơ bản, quan trọng nhất của quốc gia”[[69]](#footnote-69).

- Quốc gia là một chỉnh thể, một chủ thể, tồn tại độc lập trên thực tiễn.

- Thành phần cơ bản của quốc gia bao gồm: lãnh thổ, dân cư và quyền lực công cộng. Trong đó, lãnh thổ là yếu tố tiền vật chất, tiên quyết cấu thành quốc gia. Dân cư là cộng đồng người dân sinh sống lâu dài trên lãnh thổ, có địa vị pháp lý, quyền và nghĩa vụ đối với quốc gia. Quyền lực công cộng là loại quyền lực chung của cộng đồng xã hội - nhà nước.

- Quốc gia là thực thể đang tham gia quan hệ pháp Luật Qu c tế, độc lập về ý chí, không chịu sự tác động của các chủ thể khác, được hưởng quyền và nghĩa vụ pháp lý quốc tế. Có khả năng gánh vác những trách nhiệm pháp lý quốc tế do những hành vi mà chủ thể đó gây ra.

- Chủ quyền quốc gia là quyền làm chủ đối với quốc gia, là thuộc tính chính trị - pháp lý không thể tách rời khỏi quốc gia, bảo đảm sự độc lập của quốc gia và không chịu sự tác động của quốc gia khác. Chủ quyền cơ bản của quốc gia gồm quyền bất khả xâm phạm lãnh thổ, quyền tự quyết định những công việc của quốc gia, quyền độc lập trong quan hệ đối ngoại.

*8.1.1.2. Biển Việt Nam (Vùng biển Việt Nam)*

“Vùng biển Việt Nam bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982”[[70]](#footnote-70). Vùng biển Việt Nam bao gồm: Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, mỗi vùng đều có chế độ pháp lý khác nhau.

Đường cơ sở là đường gẫy khúc nối liền các điểm được lựa chọn tại ngấn nước thủy chiều thấp nhất dọc theo bờ biển và các đảo gần bờ do Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định và công bố. Đường cơ sở được dùng để tính chiều rộng của lãnh hải.

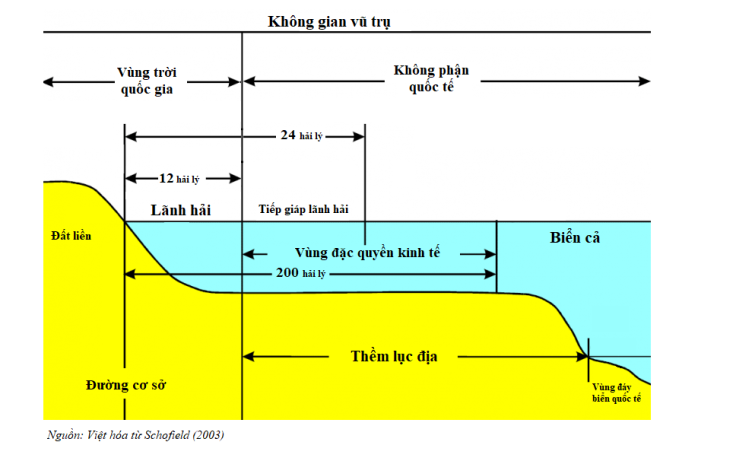
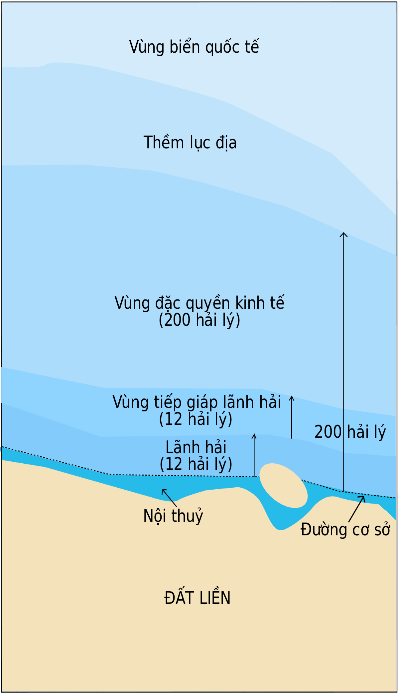
Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam. Nhà nước thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ đối với nội thủy như trên lãnh thổ đất liền.

Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam. Nhà nước thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải và vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982. Tàu thuyền của tất cả các quốc gia được hưởng quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam. Đối với tàu quân sự nước ngoài khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam, thông báo trước cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Việc đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng hòa bình, độc lập, chủ quyền, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Các phương tiện bay nước ngoài không được vào vùng trời ở trên lãnh hải Việt Nam, trừ trường hợp được sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam hoặc thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Nhà nước có chủ quyền đối với mọi loại hiện vật khảo cổ, lịch sử trong lãnh hải Việt Nam.

Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải. Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thuộc vùng nước bên trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển; về các hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế; quyền tài phán quốc gia về lắp đặt và sử dụng đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển; nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ và gìn giữ môi trường biển; các quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật quốc tế. Nhà nước tôn trọng quyền tự do hàng hải, hàng không; quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam theo quy định của Luật này và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam. Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt các thiết bị và công trình trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam trên cơ sở các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng được ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan. Nhà nước thực hiện kiểm soát trong vùng tiếp giáp lãnh hải nhằm ngăn ngừa và trừng trị hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, thuế, y tế, xuất nhập cảnh xảy ra trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải Việt Nam.

Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở. Trong vùng đặc quyền kinh tế, Nhà nước thực hiện: Quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thuộc vùng nước bên trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển; về các hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế; Quyền tài phán quốc gia về lắp đặt và sử dụng đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển; nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ và gìn giữ môi trường biển; Các quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật quốc tế. Nhà nước tôn trọng quyền tự do hàng hải, hàng không; quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam theo quy định của Luật này và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam. Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt các thiết bị và công trình trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam trên cơ sở các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng được ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan.

Thềm lục địa là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa. Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này cách đường cơ sở chưa đủ 200 hải lý thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài đến 200 hải lý tính từ đường cơ sở. Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài không quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc không quá 100 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2.500 mét.Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền đối với thềm lục địa về thăm dò, khai thác tài nguyên. Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền đối với thềm lục địa về thăm dò, khai thác tài nguyên có tính chất đặc quyền, không ai có quyền tiến hành hoạt động thăm dò thềm lục địa hoặc khai thác tài nguyên của thềm lục địa nếu không có sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam. Nhà nước có quyền khai thác lòng đất dưới đáy biển, cho phép và quy định việc khoan nhằm bất kỳ mục đích nào ở thềm lục địa. Nhà nước tôn trọng quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp khác của các quốc gia khác ở thềm lục địa Việt Nam theo quy định của Luật này và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam. Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt thiết bị và công trình ở thềm lục địa của Việt Nam trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam.



**Sơ đồ vùng biển Việt Nam**

*8.1.1.3. Đảo Việt Nam*

Trong vùng biển nước ta có hơn 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ và hai quần đảo lớn là Hoàng Sa và Trường Sa, khoảng 1.000 bãi đá ngầm. Đảo của Việt Nam được chia thành hệ thống các đảo ven bờ và hệ thống các đảo xa bờ. Hệ thống đảo ven bờ có khoảng 2.800 đảo, phân bố tập trung nhất ở vùng biển các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang. Có 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển, với 125 huyện ven biển và 12 huyện đảo.

*- Đảo, quần đảo*

Đảo là một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước.

Quần đảo là một tập hợp các đảo, bao gồm cả bộ phận của các đảo, vùng nước tiếp liền và các thành phần tự nhiên khác có liên quan chặt chẽ với nhau.

Đảo, quần đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam là bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam.

- *Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của đảo, quần đảo*

Đảo thích hợp cho đời sống con người hoặc cho một đời sống kinh tế riêng thì có nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Đảo đá không thích hợp cho đời sống con người hoặc cho một đời sống kinh tế riêng thì không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Việc xác định nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của các đảo, quần đảo được xác định theo Luật Biển Việt Nam. Các bộ phận này của đảo và quần đảo có giá trị pháp lý như các bộ phận của vùng biển Việt Nam, được quy định bởi Luật Biển Việt Nam và được thể hiện bằng hải đồ, bản kê toạ độ địa lý do Chính phủ công bố.

*- Chế độ pháp lý của đảo, quần đảo*

Nhà nước thực hiện chủ quyền trên đảo, quần đảo của Việt Nam. Chế độ pháp lý đối với vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của các đảo, quần đảo được thực hiện theo quy định của Luật Biển Việt Nam có giá trị pháp lý như các bộ phận của vùng biển Việt Nam, được quy định bởi Luật Biển Việt Nam.

*8.1.1.4. Quản lý bảo vệ chủ quyền biển, đảo*

Quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng pháp luật của Nhà nước với quá trình kinh tế xã hội, các hoạt động trên biển, đảo nhằm duy trì và phát triển các mối quan hệ, các hoạt động đó trong trật tự, theo đúng định hướng của Nhà nước trong việc thăm dò, khai thác các tiềm năng của biển, thực thi và bảo vệ chủ quyền, các quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, hải đảo và thềm lục địa của quốc gia phù hợp với luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực.

Quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia trên biển còn là bảo vệ các quyền quốc gia về biển phù hợp với luật pháp quốc tế và các hiệp định mà nước ta đã ký kết với các nước có liên quan. Đó là quyền của quốc gia về bảo tồn, quản lý, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên của biển, lòng đất dưới đáy biển, vùng trời, các đảo và quần đảo.

***8.1.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia***

*8.1.2.1. Sơ lược về Biển đông*

Biển Đông là biển nửa kín, nối liền Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương qua các eo biển. Biển Đông có diện tích khoảng 3,5 triệu km2, chiều dài theo trục Bắc - Nam khoảng 1.600 hải lý (tương đương 2.963 km), chiều rộng theo trục Đông - Tây khoảng 900 hải lý (tương đương 1.667 km), độ sâu trung bình 1.140 mét, vị trí sâu nhất 5.016 mét; được bao bọc bởi 9 quốc gia gồm: Trung Quốc (bao gồm cả Đài Loan), Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia, Brunây và Philippines. Biển Đông có 2 vịnh lớn là Vịnh Bắc Bộ và Vịnh Thái Lan và có hai quần đảo lớn là Hoàng Sa và Trường Sa.

Do có vị trí và đặc điểm địa lý hết sức quan trọng, Biển Đông có giá trị vô cùng to lớn về địa chính trị, địa kinh tế và địa quân sự.

*Về địa chính trị*. Biển Đông có giá trị chiến lược đặc biệt quan trọng đối với các quốc gia xung quanh và cả khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đối với các quốc gia có ý đồ “bá quyền”, muốn đứng chân ở châu Á - Thái Bình Dương nhất thiết phải khống chế biển Đông, bởi chiếm cứ được biển Đông có ý nghĩa rất quan trọng đối với kiểm soát Tây Thái Bình Dương nói riêng và khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung. Hơn nữa, biển Đông là mắt xích kinh tế quan trọng nối liền từ Nhật Bản, Hàn Quốc, ven biển Trung Quốc đến các nước ASEAN và sang Ấn Độ Dương với các tuyến đường biển quan trọng nhất thế giới. Vì vậy, các nước lớn như Mỹ, Nga, Nhật Bản, Ấn Độ… đều muốn duy trì quyền tự do đi lại và sự hiện diện trên biển Đông để giành lợi thế địa chiến lược.

*Về địa kinh tế.* Biển Đông nằm trên đường hàng hải quan trọng nối liền Đông - Tây. Mật độ giao thông hàng hải quốc tế nhộn nhịp thứ hai trên thế giới với hơn 1/3 lượng hàng hóa trao đổi trên thế giới đi qua vùng biển này. Mỗi ngày có từ 150 - 200 tàu thương mại các loại qua biển Đông, trong đó có khoảng 50% tàu có trọng tải trên 5.000 tấn, hơn 10% là tàu có trọng tải từ 30.000 tấn trở lên. Trong khu vực Đông Nam Á có 536 cảng biển, trong đó có hai cảng vào loại lớn, hiện đại nhất thế giới là Singapore và Hồng Kông. Những năm gần đây hoạt động thương mại và công nghiệp hàng hải ngày càng gia tăng ở khu vực. Hàng hóa qua biển Đông chủ yếu là các nguyên vật liệu quan trọng như dầu thô, ga tự nhiên hóa lỏng, sắt, than… các nước vùng Đông Bắc Á đặc biệt là các nền kinh tế hàng đầu thế giới như Trung Quốc, Nhật bản, Hàn Quốc lệ thuộc lớn vào nguồn dầu lửa vận chuyển qua biển Đông để phát triển.

Biển Đông có nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn lợi phong phú, đặc biệt là dầu khí, hải sản và du lịch. Về dầu khí, sản lượng khai thác có thể đạt khoảng 18,5 triệu tấn/năm, duy trì liên tục trong vòng 15 - 20 năm tới. Các khu vực có tiềm năng dầu khí còn lại chưa khai thác là khu vực thềm lục địa ngoài cửa vịnh Bắc Bộ và bờ biển miền Trung, khu vực bãi Tư Chính. Bên cạnh trữ lượng dầu mỏ và khí đốt dồi dào, Biển Đông còn có nhiều khoáng sản… là những nguyên liệu có giá trị trong công nghiệp và một trữ lượng lớn Băng cháy (nguồn năng lượng mới có thể thay thế dầu khí trong tương lai). Về nguồn lợi hải sản, biển Đông có nhiều cá và sinh vật nhuyễn thể có giá trị cao, cung cấp nguồn sống cho ngư dân các nước ven biển. Trong khu vực có các nước đánh bắt và nuôi trồng hải sản đứng hàng đầu thế giới như Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam, Indonesia và Philippines. Trong đó, Trung Quốc là nước đánh bắt cá lớn nhất thế giới (khoảng 4,38 triệu tấn/năm), Thái Lan đứng thứ 10 trên thế giới (với khoảng 1,5 - 2 triệu tấn/năm), cả khu vực đánh bắt khoảng 7 - 8% tổng sản lượng đánh bắt cá trên toàn thế giới.

*Giá trị về quân sự.* Với 16 tuyến đường hàng hải, 12 tuyến đường hàng không quốc tế từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam, đây là khu vực án ngữ lối ra vào lục địa châu Á. Trong thời bình, Biển Đông là tuyến đường thương mại lý tưởng; trong thời chiến, là con đường chiến lược, vận chuyển lực lượng, vũ khí trang bị phục vụ chiến tranh. Trên thực tế, Biển Đông là con đường vận chuyển lực lượng, trang bị hậu cần kỹ thuật từ biển Ấn Độ và Vịnh Ả-rập, bảo đảm cho hoạt động của lực lượng Mỹ tại Đông Á. Đặc biệt eo biển Malacca là điểm có vai trò hết sức trọng yếu đối với an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương vì hầu hết hàng hóa của các nước Đông Nam Á và Bắc Á phải đi qua eo biển này.

Các đảo và quần đảo trong Biển Đông cũng có ý nghĩa phòng thủ chiến lược quan trọng đối với nhiều nước, đặc biệt là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nằm ở trung tâm Biển Đông, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nhất là quần đảo Trường Sa, có giá trị quân sự đặc biệt, có thể dùng để kiểm soát các tuyến hàng hải qua lại biển Đông và đặt các trạm ra đa, trạm thông tin, xây dựng các trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu cho tàu bè… Các nhà chiến lược phương Tây cho rằng, quốc gia nào kiểm soát được quần đảo Trường Sa sẽ khống chế được cả Biển Đông.

Ngày nay khi giao thương phát triển, đặc biệt là trên biển, sự phụ thuộc của các quốc gia vào các tuyến đường biển đi qua Biển Đông ngày một lớn hơn. Chính vì thế, nếu Biển Đông bị một hoặc một nhóm quốc gia liên minh nào khống chế sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích an ninh, chính trị và sự thịnh vượng của khu vực, trong đó có Việt Nam.

***8.1.2.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia***

*- Mục tiêu*

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII chỉ rõ mục tiêu bảo vệ chủ quyền biển, đảo: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển”[[71]](#footnote-71).

*- Phương châm*

Tình hình Biển Đông đang diễn biến phức tạp, khó lường. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra cẳng thăng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hòa bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột*.* Để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, Đảng ta xác định: “Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Nỗ lực phấn đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hoà bình phù hợp với luật pháp quốc tế”[[72]](#footnote-72), “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển.”[[73]](#footnote-73). Phương châm bảo vệ chủ quyền biển, đảo là thực hiện vừa hợp tác, vừa đấu tranh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh, đấu tranh trên tất cả các lĩnh vực, lấy đấu tranh bằng biện pháp hòa bình là chủ yếu.

*- Phương thức*

Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định: “Chủ động chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng các phương án bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống”[[74]](#footnote-74). Phương thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia là sử dụng sức mạnh tổng hợp của đất nước về mọi mặt cả chính trị, kinh tế, quân sự, an ninh, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân. Trong đó lấy đấu tranh bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế là chủ yếu, lấy lực lượng vũ trang trên biển làm nòng cốt để bảo vệ an ninh, an toàn, chủ quyền biển, đảo quốc gia.

*- Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam*

*+ Quản lý chặt chẽ, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia, dân tộc trên biển*

Quản lý chủ quyền biển, đảo là hoạt động của Nhà nước nhằm duy trì trật tự và phát triển các mối quan hệ, các hoạt động trong việc thăm dò, khai thác các tiềm năng của biển, thực thi và bảo vệ chủ quyền, các quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, hải đảo và thềm lục địa của quốc gia; quyền của quốc gia về bảo tồn, quản lý, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên của biển, lòng đất dưới đáy biển, vùng trời, các đảo và quần đảo phù hợp với luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực và luật pháp Việt Nam.

Bảo vệ chủ quyền biển đảo bao gồm các nội dung cơ bản: xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển, đảo; tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo; kiên trì, kiên quyết đấu tranh đối với các vi phạm chủ quyền biển, đảo của Việt Nam; phát triển kinh tế biển, đảo, gắn phát triển kinh tế với an ninh, quốc phòng; tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của biển, đảo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; củng cố, tăng cường, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi, hỗ trợ cho công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo; hoàn thiện thiết chế quản lý biển, đảo; phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu quản lý và bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển gắn bó mật thiết, không thể tách rời. Bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển là bảo vệ các quyền của quốc gia theo các chế độ pháp lý khác nhau, phù hợp với luật pháp quốc tế, trên các vùng biển, hải đảo của Tổ quốc. Bảo vệ quyền chủ quyền quốc gia ở vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa là bảo vệ đặc quyền của quốc gia về bảo tồn, quản lý, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên biển. Bảo vệ lợi ích kinh tế ở vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa của quốc gia. Bảo vệ chủ quyền, giữ vững hòa bình và ổn định trên các vùng biển là điều kiện tiên quyết, là tiền đề cần thiết để phát triển khai thác biển và từng bước tiến ra biển một cách vững chắc để bảo vệ lợi ích quốc gia trên biển, đảo. Để bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển, trước hết phải tăng cường quốc phòng, an ninh trên biển, làm chủ biển một cách vững chắc, để tạo thuận lợi phát triển kinh tế biển, đảo nhanh, bền vững trong tình hình mới.

*+ Bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và văn hóa trên biển, đảo*

An ninh, trật tự, an toàn xã hội là nhu cầu và điều kiện thiết yếu để tồn tại và hoạt động của con người ở mọi môi trường địa lý. Biển, đảo là môi trường có điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, là môi trường mở, có sự giao lưu quốc tế, nên đòi hỏi về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội lại càng cao. Diễn biến của tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên biển rất phức tạp, đặc biệt là phải tiến hành trong điều kiện quy chế pháp lý không đồng nhất giữa các vùng nước khác nhau trên biển. Bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên biển, đảo không chỉ mang tính chất đối nội mà còn mang tính chất đối ngoại; là sự thể hiện năng lực làm chủ vùng biển quốc gia của nước ven biển trước cộng đồng thế giới và khu vực. Biển là môi trường các luồng văn hóa độc hại dễ dàng từ đó xâm nhập đất liền; do đó bảo vệ an ninh, an toàn trên biển liên quan với bảo vệ văn hóa. “Xây dựng, củng cố đường biên giới trên bộ hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, biển, đảo”[[75]](#footnote-75).

Nội dung chủ yếu của bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và văn hóa trên biển, đảo và vùng ven biển là bảo vệ an ninh quốc gia trên mọi lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, khoa học - công nghệ, quốc phòng, an ninh; ngăn chặn kịp thời người và phương tiện xâm nhập đất liền để tiến hành các hoạt động phá hoại, gây rối, gián điệp, truyền bá văn hóa đồi trụy và thực hiện các hành vi tội phạm khác; bảo vệ lao động sản xuất, tính mạng, tài sản của Nhà nước và nhân dân trên biển và ven biển; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên biển và ven biển; bảo vệ môi trường, xử lý các vụ ô nhiễm môi trường; phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai; thực hiện tìm kiếm, cứu nạn; phòng ngừa và chế ngự các xung đột vì tranh giành lợi ích giữa các tổ chức và cá nhân trong sử dụng và khai thác. Phòng chống nạn buôn lậu, cướp biển, đánh bắt cá bất hợp pháp, sử dụng chất nổ, kích điện và chất độc để khai thác hải sản, phá hoại môi trường sinh thái biển.

Để bảo vệan ninh, trật tự, an toàn xã hội và văn hóa trên biển, đảo cần phát huy vai trò và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân trong việc xác lập và bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là ngư dân trong bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và văn hóa trên biển, đảo. Xây dựng và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật của các lực lượng vũ trang trên biển trong việc bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và văn hóa trên biển, đảo. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong thực thi Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982, các thỏa thuận pháp lý trong khu vực.

+ *Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự nghiệp đổi mới trên hướng biển*

Chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị và thành quả của đất nước luôn gắn bó chặt chẽ, biện chứng với nhau. Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự nghiệp đổi mới trên hướng biển là bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, hoạt động của nhân dân gắn với bảo vệ chế độ chính trị và thành quả cách mạng của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước trên hướng biển.

Hiện nay, sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa đang đứng trước những thách thức mới, tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định, khó lường. Tình hình tranh chấp trên biển, nhất là hoạt động của nước lớn mở rộng các đảo đã chiếm đóng trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam ngày một gia tăng, âm mưu độc chiếm Biển Đông vẫn hiện hữu, đe dọa trực tiếp đến chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia. Nhiệm vụ phát triển kinh tế, tăng cường quốc phòng, an ninh trên biển những năm còn nhiều khó khăn, thách thức. Mật độ dân cư, ngư dân trên biển, đảo và quần đảo còn mỏng, phương tiện, tàu thuyền công suất lớn còn ít; cơ sở hạ tầng kinh tế – xã hội các vùng ven biển, trên biển và trên các đảo chưa hoàn thiện; khả năng bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên biển còn nhiều hạn chế, v.v. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo đòi hỏi phải tăng cường bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự nghiệp đổi mới trên hướng biển.

Bảo vệ Đảng trên hướng biển là thường xuyên xây dựng và tăng cường vai trò lãnh đạo trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng các lực lượng vũ trang  trên biển vững chắc, đáp ứng yêu cầu bảo vệ biển, đảo trong tình hình mới. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế biển với tăng cường quốc phòng, an ninh trên biển.Thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo.Thường xuyên xây dựng các tổ chức đảng trên hướng biển trong sạch, vững mạnh.

Bảo vệ Nhà nước trên hướng biển là bảo vệ các cơ quan của Nhà nước trong thực thi quyền làm chủ của đất nước trên hướng biển. Bảo vệ vai trò quản lý, thực thi pháp luật của các lực lượng, tổ chức của Nhà nước nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, an ninh, trật tự an toàn, lợi ích của quốc gia, của công dân Việt Nam trên hướng biển. Bảo vệ quan hệ hợp tác quốc tế trên hướng biển của Việt Nam.

Bảo vệ nhân dân trên hướng biển bao gồm bảo vệ công cuộc lao động sản xuất, tính mạng và tài sản của nhân dân ở trên biển và ven biển. Phòng, chống khắc phục thảm họa thiên tai, sự cố môi trường, biến đổi khí hậu và các rủi ro khác cho nhân dân trên hướng biển. Bảo vệ lợi ích và quyền công dân của nhân dân trên biển, đảo đã được các chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước thừa nhận. Bảo vệ môi trường sống, bảo đảm cho nhân dân trên hướng biển được sống trong môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa - xã hội trong sạch, lành mạnh.

Bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp đổi mới trên hướng biển là bảo vệ bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội do nhân dân làm chủ*,*phát huy đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân,thực hiện chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Bảo vệ nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, sự phát triển toàn diện của con người. Bảo vệ sự bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển của các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam. Bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do dân, của nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo*.*Bảo vệ mốiquan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. Bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa luôn gắn liền với bảo vệ thành quả cách mạng, thành quả của sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng.Bảo vệ sự nghiệp đổi mới là bảo vệ những thành tựu về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, khoa học và công nghệ …Bảo vệ cơ sở hạ tầng về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, khoa học - công nghệ của đất nước trên hướng biển.

Những nội dung quản lý, bảo vệ biển, đảo trên đây có quan hệ chặt chẽ với nhau, đan xen vào nhau, hình thành một chỉnh thể thống nhất. Các hoạt động kinh tế trên biển, tự nó đã là biểu hiện của quyền làm chủ và bảo vệ lợi ích quốc gia ở trên biển. Đây là biểu hiện làm chủ một cách hòa bình, thường xuyên nhất và hợp pháp nhất của quốc gia. Song, các hoạt động kinh tế chỉ có thể tiến hành được ở những nơi chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia được bảo vệ vững chắc. Tăng cường quốc phòng, an ninh trên biển lại là điều kiện tiên quyết và tiền đề cần thiết để tiến hành các hoạt động kinh tế trên biển; đồng thời cũng nhằm bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân trên hướng biển.

**8.2. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia**

***8.2.1. Một số khái niệm***

*8.2.1.1. Biên giới quốc gia*

Biên giới quốc gia là ranh giới phân định lãnh thổ quốc gia này với lãnh thổ quốc gia khác hoặc với các vùng quốc gia có quyền chủ quyền trên biển. Biên giới quốc gia là hàng rào pháp lý được vạch ra theo tâm của trái đất qua các cột mốc quốc gia để giới hạn vùng đất, vùng nước, vùng trời và lòng đất thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia. Biên giới quốc gia có hai đặc trưng cơ bản: biên giới quốc gia là giới hạn lãnh thổ của một quốc gia; biên giới quốc gia xác định chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia đối với lãnh thổ (vùng đất, vùng nước, vùng trời, lòng đất).

*8.2.1.2. Biên giới quốc gia Việt Nam*

“Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”[[76]](#footnote-76).

Biên giới quốc gia của Việt Nam được xác định bằng hệ thống các mốc quốc giới trên thực địa, được đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ và thể hiện bằng mặt thẳng đứng theo lãnh thổ Việt Nam. Biên giới quốc gia Việt Nam bao gồm biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất.

Biên giới quốc gia trên đất liềnlà phân định lãnh thổ trên bề mặt đất liền của vùng đất quốc gia. Trong thực tế, biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập dựa vào các yếu tố địa hình (núi, sông, suối, hồ nước, thung lũng...); thiên văn (theo kinh tuyến, vĩ tuyến); hình học (đường lối liền các điểm quy ước). Biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập trên cơ sở thoả thuận giữa các quốc gia có lãnh thổ tiếp giáp với nhau và được thể hiện bằng các điều ước hoạch định biên giới giữa các quốc gia liên quan. Việt Nam có đường biên giới quốc gia trên đất liền dài 4.550 km tiếp giáp với Trung Quốc ở phía Bắc, với Lào và Campuchia ở phía Tây, phía Đông giáp Biển Đông.

Biên giới quốc gia trên biển là phân định lãnh thổ trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau; là ranh giới phía ngoài của lãnh hải. Biên giới quốc gia trên biển của quốc gia quần đảo là đường biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia với biển cả. Đối với các đảo của một quốc gia nằm ngoài phạm vi lãnh hải của quốc gia, biên giới quốc gia trên biển là đường ranh giới phía ngoài của lãnh hải bao quanh đảo.

Biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam, được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

Biên giới quốc gia trên không là biên giới phân định vùng trời giữa các quốc gia liền kề hoặc các vùng trời quốc tế, được xác định bởi mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên trên vùng trời. Trong điều kiện khoa học và công nghệ phát triển, việc xác lập biên giới quốc gia trên không có ý nghĩa ngày càng quan trọng trong việc thực hiện chủ quyền đối với vùng trời quốc gia. Đến nay chưa có quốc gia nào quy định độ cao cụ thể của biên giới quốc gia trên không.

Biên giới quốc gia trong lòng đất là phân định lãnh thổ quốc gia trong lòng đất phía dưới vùng đất quốc gia, nội thuỷ và lãnh hải, được xác định bởi mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất. Độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất được xác định bằng độ sâu mà kĩ thuật khoan có thể thực hiện. Đến nay, chưa có quốc gia nào quy định độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất.

Khu vực biên giớilà vùng lãnh thổ tiếp giáp biên giới quốc gia có quy chế, quy định đặc biệt do Chính phủ ban hành nhằm bảo vệ an toàn biên giới. Khu vực biên giới Việt Nam bao gồm: Khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia Việt Nam trên đất liền; khu vực biên giới quốc gia Việt Nam trên biển được tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo; khu vực biên giới trên khônggồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng mười kilômét tính từ biên giới Việt Nam trở vào.

***8.2.2. Quan điểm của Đảng về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia***

“Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, của cả hệ thống chính trị và cả nước; dựa vào dân, lấy dân làm gốc, nhân dân làm chủ thể, “mỗi người dân biên giới là một cột mốc sống”; lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt; Bộ đội Biên phòng là lực lượng chuyên trách, lực lượng chiến đấu đầu tiên, bám trụ đến cùng để bảo vệ và giữ vững biên giới quốc gia”[[77]](#footnote-77).

***8.2.3. Nguyên tắc xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia***

“Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, thường xuyên trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và chỉ huy của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, luật pháp và các điều ước quốc tế về biên giới quốc gia mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập”[[78]](#footnote-78).

***8.2.4. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia***

*8.2.4.1. Xây dựng công trình biên giới*

Công trình biên giới được ưu tiên đầu tư xây dựng theo kế hoạch, bao gồm công trình để cố định đường biên giới và công trình phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia. Công trình để cố định đường biên giới quốc gia do các Bộ, ngành, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập kế hoạch trình Chính phủ quyết định.Công trình phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia do Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch trình Chính phủ quyết định.

*8.2.4.2. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới*

Việc đầu tư xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới được thực hiện theo chủ trương, chiến lược và quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng giai đoạn để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh.

Hàng năm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới quốc gia trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình lập kế hoạch đầu tư xây dựng thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới trình Chính phủ.

*8.2.4.3. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở khu vực biên giới*

Hệ thống chính trị cơ sở ở khu vực biên giới phải thường xuyên được củng cố, xây dựng vững mạnh theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; bảo đảm thực hiện tốt các chức năng lãnh đạo, quản lý, xây dựng khu vực biên giới và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

Đội ngũ cán bộ cơ sở ở khu vực biên giới được tuyển chọn, bồi dưỡng đào tạo nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là dân tộc ít người và cán bộ ở miền xuôi lên công tác lâu dài ở khu vực biên giới.

Bộ Nội vụ, Uỷ ban Dân tộc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất kế hoạch xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ở từng khu vực biên giới trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

*8.2.4.4. Bố trí dân cư ở khu vực biên giới*

Bố trí dân cư ở khu vực biên giới được quy hoạch phù hợp với quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, tính chất và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, từng địa phương; huy động, sử dụng lao động hợp lý để tạo ra của cải vật chất, hàng hoá phục vụ tiêu dùng, xuất khẩu và đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới.

Nhà nước có chính sách phù hợp để nhân dân định cư ổn định ở khu vực biên giới; khuyến khích những cán bộ công tác lâu dài, người tình nguyện đến định cư ở khu vực biên giới, đặc biệt là nơi khó khăn.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới quốc gia nghiên cứu xây dựng quy hoạch, bố trí dân cư ở khu vực biên giới trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

*8.2.4.5. Xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia*

Bộ đội Biên phòng được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, vững mạnh về chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, nắm vững pháp luật và công tác đối ngoại nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trong mọi tình huống.

Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng và hoạt động của Bộ đội biên phòng. Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng trực tiếp quản lý, chỉ huy, xây dựng Bộ đội biên phòng để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

*8.2.4.6. Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới*

Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới nhằm bảo đảm sự bất khả xâm phạm biên giới quốc gia, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới; xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng.

Biên giới quốc gia, mốc quốc giới, khu vực biên giới được quản lý, bảo vệ theo quy định của Luật Biên giới quốc gia, Nghị định, các nghị định về quy chế khu vực biên giới, quy chế cửa khẩu, Hiệp định về quy chế biên giới quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật khác và Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

**8.3. Giải pháp cơ bản trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới**

***8.3.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia***

Tăng cường sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Trung ương Đảng, các cấp ủy đảng địa phương vùng biển, đảo và biên giới và sự quản lý của Nhà nước, của chính quyền địa phương ối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới là nhân tố quyết định bảo đảm sự ổn định lâu dài của vùng biển, đảo và biên giới quốc gia.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng về các vấn đề đối nội, đối ngoại, quan hệ biên giới, đàm phán giải quyết các vấn đề về biển, đảo, biên giới, xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện. Các cấp ủy đảng địa phương có biển, đảo, biên giới lãnh đạo, chỉ đạo các vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền địa phương. Tăng cường và nâng cao chất lượng lãnh đạo của tổ chức đảng với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, kết hợp chặt chẽ thế và lực giữa an ninh trên biển, đảo, biên giới với an ninh quốc gia; giữa an ninh trên biển, đảo, biên giới với quốc phòng; giữa an ninh trên biển, đảo, biên giới với xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng cường quản lý Nhà nước về biển, đảo, biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, biên giới trong mọi điều kiện hoàn cảnh. Củng cố và phát huy vai trò quản lý thống nhất của Nhà nước đối với biển, đảo, biên giới quốc gia. Đồng thời phân cấp trách nhiệm cho địa phương có biển, đảo, biên giới trong nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ biển, đảo, biên giới, an ninh trật tự trên lãnh thổ của địa phương, phù hợp với các hiệp định, hiệp ước về biên giới, lãnh thổ.

***8.3.2. Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia cho mọi đối tượng***

Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho nhân dân về chủ quyền biển, đảo, biên giới là biện pháp quan trọng làm cho quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với mọi người dân, biến những quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước thành sức mạnh hành động của cả dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khi nhân dân được giác ngộ, nhất là thế hệ trẻ thấu suốt mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ biển, đảo, biên giới; ý thức về biển, đảo, biên giới của cả dân tộc được thức tỉnh sẽ tạo thành sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong bảo vệ Tổ quốc.

Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức cho nhân dân, trước hết cần làm cho mọi người dân nhận rõ về tình hình phức tạp trên Biển Đông hiện nay và những năm tới. Tuyên truyền về quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước trong giải quyết vấn đề biển, đảo, biên giới cũng như chủ trương tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế gắn với nhiệm vụ bảo vệ biển, đảo, biên giới. Giáo dục nâng cao trách nhiệm của người dân trong khai thác biển, đảo làm giàu cho quê hương, đất nước, đồng thời góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới của Tổ quốc.

***8.3.3. Tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia***

Để đáp ứng yêu cầu bảo vệ biển, đảo, biên giới của Tổ quốc phải bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh. Thường xuyên tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang từng bước được trang bị hiện đại, trước hết là cho lực lượng Hải quân, Cảnh sát biển, Không quân, Bộ đội Biên phòng, lực lượng an ninh, tình báo.

Đối với quân đội, tăng cường sức mạnh chiến đấu trên biển, trước hết tăng cường sức mạnh chiến đấu của Hải quân, Không quân, Cảnh sát biển và những đơn vị binh chủng hợp thành thuộc các quân khu, quân đoàn ở vùng ven biển, hải đảo và quần đảo.

***8.3.4. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố đảm bảo an ninh, quốc phòng trên biển, đảo, biên giới quốc gia.***

Phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc bảo đảm an ninh, quốc phòng trên biển, đảo, biên giới quốc là yêu cầu chiến lược để phát triển kinh tế gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, biển, đảo của đất nước trong tình hình hiện nay. Đây là hai nội dung có quan hệ biện chứng, thực hiện tốt nội dung này là yêu cầu, điều kiện để thực hiện tốt nội dung kia.

Thực hiện thắng lợi Chiến lược biển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 sẽ tạo ra nền tảng vật chất không ngừng cải thiện đời sống nhân dân, chăm lo phát triển vùng ven biển, hải đảo, biên giới bảo đảm công bằng xã hội nhằm giữ yên lòng dân, củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân vào Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế phát triển, xã hội ổn định thì sức mạnh quốc phòng, an ninh được tăng cường. Đất nước có điều kiện đầu tư cho lực lượng vũ trang những trang bị kỹ thuật hiện đại, nhất là lực lượng Hải quân, Phòng không – không quân, Bộ đội Biên phòng là những quân chủng sử dụng nhiều vũ khí trang bị kỹ thuật cao trong tác chiến. Kinh tế xã hội vùng ven biển, hải đảo, biên giới phát triển là nguồn lực bảo đảm vững chắc cho lực lượng vũ trang trên hướng biển và biên giới về mọi mặt, không chỉ về cơ sở vật chất hậu cần kỹ thuật, lương thực, thực phẩm, vũ khí đạn dược, mà còn cung cấp cho lực lượng vũ trang những con người toàn diện, có phẩm chất chính trị, đạo đức và trình độ năng lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ biển, đảo, biên giới của Tổ quốc.

***8.3.5. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh đối với các vi phạm chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia của Việt Nam***

“Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển”[[79]](#footnote-79), Kiên quyết, kiên trì là phương châm bảo vệ Tổ quốc, là nguyên tắc chỉ đạo hành động trong bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ quốc gia, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội của các cấp, các ngành, các địa phương trong cả nước khi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, đối ngoại… kiên quyết nhưng phải kiên trì; kiên quyết và kiên trì có quan hệ chặt chẽ với nhau trong giải quyết mọi sự việc về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Kiên quyết là ý chí của toàn dân tộc quyết tâm bảo vệ từng tấc đất, vùng biển, vùng trời thiêng liêng của Tổ quốc. Thể hiện sự “bất khả xâm phạm” toàn vẹn lãnh thổ về địa lý, lịch sử, văn hóa và chế độ xã hội chủ nghĩa, đồng thời “cảnh báo”, “răn đe”, và ngăn chặn những âm mưu, hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Kiên trì dựa vào sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân tộc, luật pháp quốc tế để đấu tranh bảo vệ chủ quyền của đất nước thông qua các biện pháp ngoại giao. Kiên trì về thời gian trong đấu tranh với đối phương, không vì thời gian kéo dài mà “nóng vội” chấp nhận những điều làm phương hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc. Kiên trì tuyên truyền, giáo dục, cải tạo những người đã sai phạm trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hay lầm đường, lạc lối trở thành tội phạm hoặc tệ nạn xã hội để giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đòi hỏi phải: Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại, trong từng chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo. Khắc phục triệt để những sơ hở, thiếu sót trong việc kết hợp kinh tế và quốc phòng, an ninh tại các địa bàn nhất là địa bàn chiến lược.

***8.3.6. Mở rộng liên kết, hợp tác quốc tế trên cơ sở tuân thủ nghiêm chỉnh luật pháp, các quy định, điều ước của quốc tế và Việt Nam nhằm xây dựng, bảo vệ vững chắc biển, đảo, biên giới quốc gia***

Trước những diễn biến phức tạp trên Biển Đông thời gian vừa qua, hoạt động đối ngoại có vai trò hết sức quan trọng, góp phần to lớn bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia, giữ vững hòa bình và ổn định trên biển và biên giới.

“Nỗ lực phấn đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế”[[80]](#footnote-80). Đó là sử dụng các biện pháp phi vũ trang để đấu tranh, coi đó là phương thức chủ yếu để bảo vệ Tổ quốc, đồng thời luôn đề cao cảnh giác.

Quán triệt quan điểm của Đảng về đối ngoại trong bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới cần kiên trì chủ trương nhất quán là mở rộng quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng, tranh chấp bằng thương lượng hòa bình; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt, bành trướng.

Hoạt động đối ngoại phục vụ mục tiêu bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới phải ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi nguy cơ phá vỡ hòa bình, ổn định trong khu vực; ngăn chặn và làm thất bại ý đồ, hành động của nước ngoài nhằm biến vùng không tranh chấp thành những khu vực tranh chấp trên vùng biển và thềm lục địa của nước ta.

Tích cực tuyên truyền đối ngoại bằng các hình thức đa dạng, phong phú làm cho thế giới ngày càng hiểu rõ hơn về lịch sử, đất nước, con người Việt Nam, về đường lối đối ngoại và cơ sở pháp lý, lịch sử của Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển, đảo, biên giới.

Tăng cường hợp tác quốc tế và hoạt động đối ngoại với các nước có chung biên giới và các nước ASEAN để củng cố phát triển quan hệ láng giềng hữu nghị, thực hiện chính sách mở cửa, hợp tác hữu nghị, mở rộng hợp tác đa phương, giao lưu hợp tác biên giới, hợp tác liên doanh, phát triển kinh tế biển, kinh tế biên giới trên các lĩnh vực dầu khí, hải sản, khoáng sản, lâm sản, du lịch, bảo vệ môi trường, kết hợp với hoạt động ngoại giao, quốc phòng.

Trên từng tuyến biên giới cần chú trọng vận dụng các hình thức, nội dung phù hợp. Đối với tuyến biên giới phía Bắc, cần giữ vững ổn định, thực hiện phương châm “vừa hợp tác vừa đấu tranh” để giữ vững chủ quyền biên giới, bảo vệ chủ quyền đi đôi với tăng cường quan hệ hữu nghị, thực hiện phương châm “mềm mà chặt”. Trong phát triển kinh tế cần chú ý khai thác lợi thế của ta đối với thị trường Trung Quốc. Đối với các tuyến biên giới phía Tây và Tây Nam, cần giữ vững ổn định đẩy mạnh hợp tác với Lào. Tập trung phát triển kinh tế, quan hệ buôn bán bảo đảm hàng hóa Việt Nam chiếm ưu thế thị trường Lào và Campuchia. Đối với vùng biển, đảo tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở đánh bắt, chế biến, hoạt động xa bờ, kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh. Đầu tư xây dựng các đảo, quần đảo có dân sinh sống và các lực lượng phòng thủ thành cơ sở kinh tế quốc phòng vững mạnh, tăng cường sức mạnh kinh tế và phòng thủ từ xa. Đối với các nước ASEAN, có chính sách ưu đãi để thu hút các công ty đa quốc gia vào làm ăn với Việt Nam, nhất là các dự án trên biển, thông qua lợi ích kinh tế để rằng buộc họ với ta, tạo đối trọng trong quan hệ đối tác, quan hệ khu vực và quốc tế.

**KẾT LUẬN**

Nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới của Tổ quốc hiện nay đang đứng trước những khó khăn, thách thức to lớn. Song, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta luôn chung sức, đồng lòng, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp, quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.Nâng cao tinh thần cảnh giác, theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình mọi mặt của thế giới, khu vực, trên Biển Đông, trong nước. Dự báo chính xác tình huống, chuẩn bị đầy đủ cả thế và lực để ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa.Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Mục tiêu, phương châm, phương thức xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam ?
2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam ?
3. Nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia Việt Nam ?
4. Các giải pháp cơ bản xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia Việt Nam ?

**Chương 9**

**XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ,**

**LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN QUỐC PHÒNG**

Xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ, Lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng nhằm góp phần xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc. Là nội dung quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc nhằm xây dựng và chuẩn bị sẵn về mọi nguồn lực, khả năng của đất nước để thực hiện phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm từ xa, thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế và đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Trong bối cảnh hiện nay, công cuộc bảo vệ Tổ quốc đang đặt ra nhiều khó khăn, thách thức to lớn. Công cuộc đó đòi hỏi công tác quốc phòng, an ninh phải chuẩn bị đầy đủ về lực lượng, vật chất, vũ khí, trang bị, phương tiện và kế hoạch phương án để tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu trong thời bình và thời chiến. Do đó, làm tốt công tác xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ, Lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, mọi cấp, mọi ngành và các tầng lớp nhân dân nhằm góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong bất kỳ hoàn cảnh nào, kỳ tình huống nào.

**9.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ**

# ***9.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ***

# *9.1.1.1. Khái niệm*

“Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác; là lực lượng bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của Nhà nước ở địa phương, cơ sở; sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự, bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm”.[[81]](#footnote-81) Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Thành phần: dân quân và tự vệ, được tổ chức ở địa phương gọi là dân quân, ở cơ quan gọi là tự vệ.

- Tính chất: lực lượng bán vũ trang, gắn liền với sản xuất và công tác ở cơ sở.

- Nhiệm vụ: bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của Nhà nước ở địa phương, cơ sở. Tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm; sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

# *9.1.1.2. Vị trí vai trò*

Đánh giá về vai trò dân quân tự vệ, trong thư khen ngợi dân quân tự vệ và du kích toàn quốc ngày 27-5-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Dân quân tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ thù nào dù hung bạo đến đâu hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã”. Trong công cuộc cách mạng hiện nay, Dân quân tự vệ là một lực lượng chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời bình, dân quân tự vệ là lực lượng trực tiếp xây dựng, phát triển kinh tế ở địa phương và trên cả nước, trực tiếp xây dựng các cơ quan, tổ chức vững mạnh. Là một trong những công cụ chủ yếu để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước ở cơ sở. Là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, phối hợp với các lực lượng khác đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ, phòng chống các tệ nạn xã hội, tội phạm, thiên tai, địch hoạ.

Trong thời chiến, dân quân tự vệ làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt lực lượng, phương tiện của địch, căng kéo, kìm chân, buộc địch phải sa lầy tại địa phương. Vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật, các thủ đoạn chiến đấu, tạo thế, tạo lực cho bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương chiến đấu, tham gia phục vụ chiến đấu giữ vững thế trận chiến tranh nhân dân.

# *9.1.1.3. Nhiệm vụ*

- Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, cơ sở, cơ quan, tổ chức.

- Phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nhiệm vụ huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập.

- Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng địa phương, cơ sở vững mạnh toàn diện, thực hiện chính sách xã hội.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

# ***9.1.2. Nội dung xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ***

*9.1.2.1. Xây dựng Lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển*

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, xác định: “Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển”[[82]](#footnote-82).

*Vững mạnh.* Xây dựng dân quân tự vệ có chất lượng cao trên mọi mặt, cả về chính trị tư tưởng, tổ chức, trình độ chính trị, quân sự và chuyên môn nghiệp vụ, biên chế trang bị hợp lí, thống nhất, có kỉ luật nghiêm, cơ động nhanh sẵn sàng chiến đấu tốt. Tuyển chọn đưa vào đội ngũ dân quân tự vệ những công dân có lí lịch rõ ràng, có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, chấp hành đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các quy định ở địa phương, có sức khoẻ phù hợp. Mỗi tổ chức dân quân tự vệ phải luôn vững vàng, sẵn sàng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

*Rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển*. Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng ở hầu hết các làng, bản, xóm, ấp, xã, phường, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế của Việt Nam trên các vùng, miền, trên biển. Ở đâu có tổ chức Đảng, chính quyền và có dân, đều phải tổ chức dân quân tự vệ, kể cả các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

*9.1.2.2. Tổ chức, biên chế, trang bị vũ khí của lực lượng Dân quân tự vệ*

Tổ chức, biên chế, vũ khí, trang bị của lực lượng dân quân tự vệ phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, gắn với địa bàn và nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, tổ chức; thuận tiện cho lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, quản lý và phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, cơ quan, tổ chức.

*- Về tổ chức*

*Thành phần.* Dân quân tự vệ tại được tổ chức bao gồm: Dân quân tự vệ tại chỗ là lực lượng làm nhiệm vụ ở thôn, ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu và ở cơ quan, tổ chức; Dân quân tự vệ cơ động là lực lượng làm nhiệm vụ trên các địa bàn theo quyết định của cấp có thẩm quyền; Dân quân thường trực là lực lượng làm nhiệm vụ tại các địa bàn trọng điểm về quốc phòng; Dân quân tự vệ biển là lực lượng làm nhiệm vụ trên các hải đảo, vùng biển Việt Nam; Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế là lực lượng làm nhiệm vụ về phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế.

*Quy mô.* Thôn tổ chức tổ, tiểu đội hoặc trung đội dân quân tại chỗ. Cấp xã tổ chức trung đội dân quân cơ động. Cấp xã ven biển, đảo tổ chức trung đội dân quân cơ động và tiểu đội hoặc trung đội dân quân biển. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, cấp xã tổ chức khẩu đội cối, tổ hoặc tiểu đội dân quân trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; cấp xã trọng điểm về quốc phòng tổ chức tiểu đội hoặc trung đội dân quân thường trực. Cơ quan, tổ chức tổ chức tiểu đội, trung đội, đại đội hoặc tiểu đoàn tự vệ. Cơ quan, tổ chức có phương tiện hoạt động trên biển tổ chức tiểu đội, trung đội, hải đội hoặc hải đoàn tự vệ. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, cấp huyện tổ chức trung đội hoặc đại đội Dân quân tự vệ cơ động, trung đội Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, tiểu đội hoặc trung đội dân quân thường trực; cấp tỉnh tổ chức đại đội Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh; cấp tỉnh ven biển tổ chức hải đội dân quân thường trực.

*Hệ thống chỉ huy*. Dân quân tự vệ được chỉ huy thống nhất từ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam; Tư lệnh quân khu, Tư lệnh quân chủng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tư lệnh Cảnh sát biển, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh binh chủng, Tư lệnh binh đoàn; Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh; Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện; Người đứng đầu doanh nghiệp quân đội có tổ chức tự vệ; Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Tiểu đoàn trưởng, Hải đoàn trưởng, Đại đội trưởng, Hải đội trưởng, Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Thuyền trưởng, Khẩu đội trưởng đơn vị Dân quân tự vệ đến Thôn đội trưởng.

*Mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ*. Thực hiện mở rộng lực lượng dân quân tự vệ trong trường hợp khi thực hiện lệnh động viên cục bộ, tổng động viên; khi ban bố tình trạng khẩn cấp do thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm hoặc tình hình đe dọa nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

*- Về biên chế*

Biên chế Dân quân tự vệ được thống nhất trong toàn quốc. Số lượng cán bộ, chiến sĩ từng đơn vị do Bộ quốc phòng quy định.

*Ban chỉ huy quân sự cấp xã*: chỉ huy trưởng là Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã, sĩ quan dự bị. Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh được gọi vào phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã; chính trị viên do Bí thư cấp ủy cấp xã đảm nhiệm; chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã đảm nhiệm; phó Chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

*Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức*: chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; chính trị viên là Bí thư hoặc Phó Bí thư cấp ủy cùng cấp; phó Chỉ huy trưởng; chính trị viên phó.

- *Về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cho Dân quân tự vệ*

Dân quân tự vệ được trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thu t theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

*9.1.2.3. Huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ*

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chương trình, nội dung, danh mục vật chất cho huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ.

Trong thời bình, thời gian huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật hằng năm được quy định như sau:Dân quân tự vệ năm thứ nhất là 15 ngày, trừ dân quân thường trực; Dân quân tự vệ từ năm thứ hai trở đi là 12 ngày đối với Dân quân tự vệ cơ đ ng, Dân quân tự vệ biển, Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; 07 ngày đối với Dân quân tự vệ tại chỗ; Dân quân thường trực là 60 ngày.

Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh, Dân quân tự vệ được huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và tình hình của địa phương, cơ quan, tổ chức.

*9.1.2.4. Một số biện pháp cơ bản xây dựng dân quân tự vệ*

- Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng các quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân quân tự vệ.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn để xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dân quân tự vệ.

Dân quân tự vệ là lực lượng chiến đấu tại chỗ ở địa phương, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân ở cơ sở, là một bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

**9.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên**

***9.2.1. Khái niệm, vị trí vai trò, nguyên tắc xây dựng, huy động lực lư­ợng dự bị động viên***

# *9.2.1.1. Khái niệm*

#### “Lực lượng dự bị động viên bao gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị được đăng ký, quản lý và sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên để sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân”[[83]](#footnote-83). Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Mục đích: bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Thành phần: gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị.

- Nội dung công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên: đăng ký, quản lý, sắp xếpđủ quân số và phương tiện theo kế hoạch; giáo dục, huấn luyện, diễn tập, kiểm tra dự bị động viên.

# *9.2.1.2. Vị trí, vai trò công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên*

*- Vị trí của công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên*

Công tác xây dựng và huy động lực l­ượng dự bị động viên giữ vị trí rất quan trọng trong chiến lư­ợc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; là một trong những nhiệm vụ cơ bản nhất góp phần xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, bảo đảm nhân lực, vật lực để bổ sung và mở rộng lực lư­ợng thường trực của Quân đội khi chuyển đất nư­ớc sang trạng thái chiến tranh.

*- Vai trò của công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên*

Trong thời bình, xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân và thế trận chiến tranh nhân dân làm tăng thêm sức mạnh chiến đấu trên các địa bàn trong khu vực phòng thủ, bảo đảm sự vững chắc của thế trận quốc phòng ở địa phương, cơ sở. Phối hợp chặt chẽ với dân quân tự vệ, công an và các lực lượng trên địa bàn để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm.

Khi chiến tranh xảy ra, xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu để bổ sung nhanh chóng, tăng cường sức mạnh chiến đấu cho Lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống.

Công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên là biểu hiện quán triệt quan điểm về sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến l­ược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế với nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng, giảm lực lượng thường trực của Quân đội trong thời bình nhưng vẫn duy trì được sức mạnh quân sự của Nhà nước.

*9.2.1.3. Nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên*

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý tập trung, thống nhất của Chính phủ và sự chỉ huy, chỉ đạo của B trưởng Bộ Quốc phòng.

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có trình độ chiến đấu cao và được quản lý chặt chẽ.

- Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

- Xây dựng, huy động đơn vị dự bị động viên bảo đảm đủ quân số, phương tiện kỹ thuật dự bị; đúng tiêu chuẩn, thời gian; bảo đảm bí mật, an toàn theo quy định của pháp luật và kế hoạch dược phê duyệt.

- Ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

***9.2.2. Nội dung xây dựng Lực lượng dự bị động viên***

*9.2.2.1. Đăng ký, quản lý Lực lượng dự bị động viên*

***-*** *Đăng ký, quản lý quân nhân dự bị*

*Yêu cầu.* Đăng ký, quản lý phải chính xác theo chuyên môn nghiệp vụ quân sự, độ tuổi, loại sức khỏe, hoàn cảnh gia đình, trình độ văn hóa, trình độ nhận thức về chính trị, trình độ chuyên môn kỹ thuật và nghiệp vụ vv. Trình tự và thủ tục đăng ký, quản lý quân nhân dự bị thực hiện theo qui định của pháp luật.

*Đăng ký quân nhân dự bị*. Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đăng ký quân nhân dự bị cho công dân cư trú tại địa phương. Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký quân nhân dự bị cho công dân đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho công dân đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký quân nhân dự bị tại nơi cư trú.

*Quản lý quân nhân dự bị.* Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã thực hiện quản lý quân nhân dự bị cư trú tại địa phương. Ban chỉ huy quân sự cấp huyện phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức trên địa bàn.

*- Đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị*

*+ Yêu cầu ăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị.*

Phải đăng kí, quản lí chính xác thường xuyên cả số lượng, chất lượng, tình trạng kĩ thuật, phân loại từng phương tiện kỹ thuật để xếp vào kế hoạch. Phải luôn theo dõi những thay đổi của từng phương tiện kỹ thuật để kịp thời bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp. Chế độ đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thực hiện theo qui định của pháp luật.

*+ Trách nhiệm đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị*.

Cơ quan đăng ký quyền sở hữu phương tiện hàng không dân dụng, phương tiện hàng hải, phương tiện thủy nội địa của Bộ Giao thông vận tải và cơ quan đăng ký tàu công vụ thủy sản, tàu kiểm ngư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm định kỳ hằng năm cung cấp thông tin đăng ký phương tiện kỹ thuật dự bị cho Bộ Quốc phòng để đăng ký, quản lý.

Cơ quan đăng ký quyền sở hữu phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, cơ quan quản lý phương tiện thông tin liên lạc, thiết bị vật tư y tế ở địa phương có trách nhiệm định kỳ hằng năm cung cấp thông tin đăng ký phương tiện kỹ thuật dự bị cho y ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của chủ phương tiện để đăng ký, quản lý.

Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức định kỳ hằng năm báo cáo, cung cấp thông tin về phương tiện kỹ thuật dự bị không thuộc trách nhiệm đăng ký quản lý của các bộ và địa phương như trên cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của chủ phương tiện hoặc nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở để đăng ký, quản lý.

*9.2.2.2. Tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên*

Tổ chức, biên chế đơn vị dự bị động viên là việc tổ chức sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kĩ thuật dự bị thành từng đơn vị dự bị động viên theo kế hoạch để quản lí, huấn luyện nâng cao khả năng sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu của Lực lượng dự bị động viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị, đã được lựa chọn và sắp xếp trong kế hoạch sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội được tổ chức thành các đơn vị dự bị động viên. Lực lượng dự bị động viên được tổ chức theo biên chế thống nhất của Quân đội với thành phần tương ứng với lực lượng thường trực của các quân chủng, binh chủng thuộc lực lượng bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương. Đơn vị dự bị động viên phải duy trì đủ quân số quân nhân dự bị, phương tiện k thuật dự bị, có số lượng dự phòng từ 10% đến 15% và dự trữ vũ khí, trang bị kỹ thuật theo phân cấp. Tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên theo các loại hình gồm: đơn vị biên chế thiếu, đơn vị biên chế khung thường trực, đơn vị không có khung thường trực, đơn vị biên chế đủ, đơn vị chuyên môn thời chiến và đơn vị xây dựng mới.

*9.2.2.3. Sắp xếp lực lượng dự bị động viên vào các đơn vị dự bị động viên*

*- Đối với quân nhân dự bị*

Sắp xếp quân nhân dự bị đủ tiêu chuẩn về sức khỏe, có chuyên nghiệp quân sự đúng với chức danh biên chế; gắn địa bàn tuyển quân với địa bàn động viên; trường hợp thiếu thì sắp xếp quân nhân dự bị có chuyên nghiệp quân sự gần đúng với chức danh biên chế.Sắp xếp quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị được thực hiện theo thứ tự quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị hạng một trước, trường hợp thiếu thì sắp xếp binh sĩ dự bị hạng hai.Sắp xếp quân nhân dự bị vào đơn vị dự bị động viên thuộc đơn vị bộ đội chủ lực trước, đơn vị bộ đội địa phương sau.

Độ tuổi sĩ quan dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Độ tuổi quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên được quy định như sau:sắp xếp vào đơn vị chiến đấu đối với nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị không quá 40 tuổi, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 35 tuổi. Sắp xếp vào đơn vị bảo đảm chiến đấu đối với nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 45 tuổi, nữ quân nhân dự bị không quá 40 tuổi.

*- Đối với phương tiện kỹ thuật*

Phương tiện kỹ thuật dự bị được sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên có tính năng đúng yêu cầu sử dụng trong biên chế của từng đơn vị Quân đội nhân dân. Trường hợp không có thì sắp xếp phương tiện kỹ thuật dự bị có tính năng tương tự.

*9.2.2.4. Huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên*

*- Xác định chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên*

Thủ tướng Chính phủ quyết định chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên hằng năm cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Căn cứ vào Quyết định hằng năm của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền.

- *Huy động quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị phục vụ huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu*

Việc gọi quân nhân dự bị huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định điều động có thời hạn phương tiện kỹ thuật dự bị đã xếp trong đơn vị dự bị động viên thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phục vụ huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều động số lượng, thời hạn phương tiện kỹ thuật dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên phục vụ huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc điều động từng phương tiện kỹ thuật dự bị.

- *Tổ chức huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên.*

Việc huấn luyện đơn vị dự bị động viên thuộc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh thực hiện tại cơ sở huấn luyện dự bị động viên cấp tỉnh. Các đơn vị dự bị động viên khác, thực hiện huấn luyện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Huấn luyện phải toàn diện về các nội dung chính trị, quân sự, chuyên môn nghiệp vụ theo qui định cho từng đối tượng, bảo đảm đúng đủ thời gian. Tiến hành huấn luyện theo phương châm: cơ bản, thiết thực, hiệu quả, chất lượng. Có thể huấn luyện tập trung tại các đơn vị dự bị động viên hoặc phân tán tại các địa phương, cơ sở. Phương pháp huấn luyện phải khoa học, hiệu quả, sát thực tiễn, sát đối tượng.

Diễn tập lực lượng dự bị động viên được tiến hành sau mỗi khóa huấn luyện. Diễn tập nhằm rèn luyện, nâng cao trình độ, khả năng tổ chức, chỉ huy, hiệp đồng, phối hợp giữa các lực lượng dự bị động viên. Nâng cao khả năng sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dự bị động viên khi có tình huống khẩn cấp xảy ra, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng động viên trong tình hình mới. Tổ chức diễn tập phải được tiến hành theo đúng kế hoạch được phê duyệt. Diễn tập phải bảo đảm an toàn, tiết kiệm, và thực hiện tốt mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

Cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng ở các cấp có trách nhiệm giúp cấp ủy đảng, người chỉ huy kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên thuộc phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn ở cấp của mình theo đúng kế hoạch và quy định.

***9.2.3. Một số biện pháp xây dựng Lực lượng dự bị động viên***

- Thường xuyên quán triệt, giáo dục sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân về các quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước và về vị trí vai trò, nhiệm vụ, nội dung xây dựng Lực lượng dự bị động viên.

- Thực hiện nghiêm cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng làm tham mưu và tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng cơ quan và đội ngũ làm công tác xây dựng Lực lượng dự bị động viên.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn dân, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Lực lượng dự bị động viên.

Xây dựng Lực lượng dự bị động viên là nội dung chiến lược trong công tác quốc ph ng của Đảng ta nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Là trách nhiệm, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn Dân, toàn Quân, của cả hệ thống chính trị.

# **9.3. Động viên quốc phòng**

# ***9.3.1. Khái niệm***

“Động viên quốc phòng là tổng thể các hoạt động và biện pháp huy động mọi nguồn lực của đất nước hoặc một số địa phương phục vụ cho quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc”[[84]](#footnote-84). Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Mục đích động viên quốc phòng: huy động mọi nguồn lực của đất nước phục vụ cho quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

- Phương thức động viên quốc phòng: tổng thể các hoạt động, các biện pháp.

- Nội dung động viên quốc phòng: huy động mọi nguồn lực về con người, tài chính, vật chất của đất nước.

***9.3.2. Nguyên tắc động viên quốc phòng.***

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước và điều hành thống nhất của Thủ tướng Chính phủ; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tộc

- Cân đối nguồn lực phát triển kinh tế xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, chủ động tổ chức, chuẩn bị chu đáo, toàn diện; phát huy kịp thời, nhanh chóng, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả mọi nguồn lực trong xã hội để bảo đảm cho đất nước trong thời bình, thời chiến.

- Động viên quốc phòng phải đáp ứng nhu cầu bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng và phù hợp với khả năng của các bộ, ngành trung ương, địa phương trong từng giai đoạn; thường xuyên điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình.

- Việc huy động, trưng mua, trưng dụng tài sản của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình bảo đảm cho động viên quốc phòng được thực hiện theo quy định của Luật trưng mua, trưng dụng tài sản.

***9.3.3. Nhiệm vụ động viên quốc phòng***

- Động viên mọi nguồn lực của nền kinh tế quốc dân bảo đảm cho quốc phòng.

- Động viên bảo đảm nhu cầu quốc phòng năm đầu chiến tranh.

- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên; xây dựng và mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ.

- Động viên công nghiệp.

- Chuyển tổ chức, hoạt động của các Bộ, ngành trung ương, địa phương từ thời bình sang thời chiến.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

***9.3.4. Biện pháp thực hiện động viên quốc phòng***

*9.3.4.1. Thi hành lệnh tổng động viên, động viên cục bộ*

- Tổng động viên là biện pháp huy động mọi nguồn lực của đất nước để chống chiến tranh xâm lược. Động viên cục bộ là biện pháp huy động mọi nguồn lực của một hoặc một số địa phương trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

- Khi có lệnh động viên cục bộ hoặc lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước, quyết định, chỉ thị của Thủ tường Chính phủ, Bộ trưởng Bộ quốc phòng ban hành lệnh động viên và lệnh chuển bộ, ngành, địa phương vào casc trạng thái quốc phòng, các đơn vị Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ vào các trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

- Bộ, ngành trung ương, địa phương, đơn vị Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ khi nhận được lệnh, quyết định, chỉ thị phải tổ chức thực hiện nhiệm vụ động viên quốc phòng.

*9.3.4.2. Truyền lệnh động viên quốc phòng*

- Lệnh tổng động viên, lệnh động viên cục bộ của Chủ tịch nước, các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, lệnh động viên và lệnh chuyển bộ, ngành, địa phương thực hiện và khi kết thúc các trạng thái quốc phòng của Bộ trưởng Bộ quốc phòng được truyền qua ệ thống thông báo, báo động của Bộ quốc phòng.

- Lệnh tổng động viên, lệnh động viên cục bộ của Chủ tịch nước được các phương tiện thông tin đại chúng thông báo.

- Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các cơ quan truyền thanh, truyền hình, thông tấn, báo chí và các cơ quan chức năng khác thuộc quyền thực hiện thông báo lệnh theo quy định.

*9.3.4.3. Hoạt động của bộ, ngành trung ương, địa phương trong các trạng thái quốc phòng*

*- Trạng thái thường xuyên*

+ Tổ chức hệ thống trực để nắm tình hình về an ninh quốc gia; xử trí các tình huống theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, báo cáo lãnh đạo và cơ quan cấp trên; bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt.

+ Tổ chức xây dựng kế hoạch, ki m tra, huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng động viên quôc sphong theo kế hoạch.

+ Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch động viên quốc phòng cho phù hợp vớ tình hình.

*- Trạng thái có tình huống*

+ Cả nước hoặc từng khu vực chuẩn bị thi hành lệnh động viên của Chủ tịch nước, quyết định, chỉ thị của Thủ tường Chính phủ, và lệnh động viên của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

+ Bộ, ngành trung ương, địa phương bổ sung lực lượng, phương tiện để nắm tình hình; phát hiện và xử trí các tình huống theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đồng thời báo cáo lên cấp trên; tăng cường mạng thông tin liên lạc đảm bảo cho chỉ huy, hiệp đồng, thông báo, báo động.

+ Rà soát điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, kiện toàn số lượng, tổ chức, biên chế vũ khí trang bị cho Dân quân tự vệ; tổ chức lực ượng phòng không nhân dân sẵn sàng chiến đấu theo kế hoạch.

+ Chuẩn bị điều kiện để chuyển hoạt động của xã hội, nền kinh tế quốc dân sang bảo đảm cho nhu cầu quốc phòng, nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

+ Chuẩn bị điều kiện để khi có lệnh chuyển vào trạng thái khẩn cấp về quốc phòng, sơ tán, phân tán một số cơ quan, tổ chức, các cơ sở kinh tế then chốt và Nhân dân trong vùng bị uy hiếp ra khu vực an toàn theo kế hoạch.

*- Trạng thái khẩn cấp về quốc phòng*

+ Cả nước hoặc từng khu vực tổ chức thi hành quyết định ban bố tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, lệnh động viên cục bộ của Chủ tịch nước, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, lệnh của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

+ Thành lập sở chỉ huy để thống nhất chỉ đạo, điều hành chuyển trạng thái quốc phòng và xử trí các tình huống theo kế hoạch.

+ Tiến hành động viên theo kế hoạch; triển khai lực lượng sẵn sàng chiến đấu theo phương án tác chiến; sơ tán, phân tán một số cơ quan, tổ chức, cơ sở kinh tế chủ chốt và Nhân dân nằm trong vùng bị uy hiếp theo kế hoạch.

+ Một bộ phận của nền kinh tế quốc dân chuyển dang bảo đảm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu và nhiệm vụ quốc phong theo kế hoạch; tiếp tục mở rộng, cấp phát vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất hậu cần cho lực lượng dân quân tự vệ; tổ chức thành các lực lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu theo phương án tác chiến của khu vực phòng thủ.

+ Chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để khi Chủ tịch nước công bố quyết định tình trạng chiến tranh, di chuyển các cơ quan chủ chốt của chính quyền theo phương án tác chiến trong khu vực phòng thủ.

*- Trạng thái thời chiến*

+ Cả nước hoặc từng khu vực tổ chức thực hiện lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, lệnh của Bộ trưởng Bộ quốc phòng và nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

+ Bộ, ngành trung ương, địa phương tổ chức theo dõi, tổng hợp diễn biến tình hình; xử trí các tình huống để bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; sẵn sàng chiến đấu theo phương an tác chiến.

+ Thực hiện động viên theo kế hoạch

+ Di chuyển các cơ quan chủ chốt của chính quyền theo phương án tác chiến của khu vực phòng thủ, tổ chức bộ phận ở lại địa phương để lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng đánh địch bảo vệ địa bàn.

+ Lực lượng dân quân tự vệ sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu theo kế hoạch.

+ Nền kinh tế quốc dân chuyển sang thời chiến, bảo đảm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu và đáp ứng các nhu cầu của quốc phòng.

**KẾT LUẬN**

Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòngnhằm góp phần xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tăng cường lực lượng, tiềm lực quốc phòng của đất nước. Là nội dung chiến lược trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận thế trận chiến tranh nhân dân đáp ứng với yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Để thực hiện xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh rộng khắp, xây dựng Lực lượng dự bị động viên hùng hậu và làm tốt công tác động viên quốc phòng, đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân phải quán triệt nghiêm túc, đầy đủ các quan điểm đường lối của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nguyên tắc, nhiệm vụ, kế hoạch, chỉ tiêu, nội dung, yêu cầu về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và động viên quốc phòng.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Vai trò vị trí, nguyên tắc, nhiệm vụ nội dung và biện pháp xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ ?
2. Vai trò vị trí, nguyên tắc xay dựng và huy động, nội dung, biện pháp xây dựng Lực lượng dự bị động viên ?
3. Nguyên tắc,nhiệm vụ, hệ thống và nội dung kế hoạch động viên quốc phòng ?

**Chương 10**

**XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC**

Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu của toàn Đảng, toàn Dân, toàn Quân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là trách nhiệm của cả Hệ thống chính trị và của toàn thể nhân dân, trong đó lực lượng công an nhân dân giữ vai trò nòng cốt. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc chính là hình thức tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân tự giác tham gia bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới nêu rõ: “Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là cơ sở rất quan trọng để xây dựng “thế trận lòng dân”, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”[[85]](#footnote-85).

Để phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng vận động được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia có chiều sâu, hiệu quả, thiết thực đòi hỏi phải không ngừng tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm cho đông đảo quần chúng nhân dân đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc. Phát huy đầy đủ vai trò của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, nhất là lực lượng Công an nhân dân trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn cho toàn dân thực hiện phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đây là yêu cầu, nội dung có tính chất quyết định để thực hiện thắng lợi cuộc vận động toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay.

**10.1. Nhận thức cơ bản về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc**

***10.1.1. Quan điểm về quần chúng Nhân dân và vai trò của quần chúng Nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc***

*10.1.1.1 Một số quan điểm về quần chúng Nhân dân*

Quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo, là nền tảng cho một Đất nước, là gốc rễ của một dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên, dưới các góc độ khác nhau, các quan điểm về quần chúng nhân dân có sự khác nhau về chất.

*- Quan điểm phi Mác về quần chúng nhân dân*

Các tư tưởng duy tâm, tôn giáo cho rằng mọi sự thay đổi trong xã hội là do ý chí của đấng tối cao “thượng đế”, “chúa trời”, “mệnh trời”, được cá nhân thực hiện. Triết học duy tâm cho rằng lịch sử nhân loại là lịch sử của các bậc vua chúa, anh hùng hào kiệt, thiên tài lỗi lạc; lịch sử do lực lượng siêu nhiên gọi là “thượng đế”, “chúa trời”, “mệnh trời”, “tinh thần tuyệt đối” sáng tạo,vua là thiên tử, thay trời trị dân, quần chúng nhân dân chỉ là “lực lượng tiêu cực”, là “phiến diện”, là “công cụ” mà các vĩ nhân cần đến để đạt mục đích của mình.

Các chế độ quân chủ tư sản hiện đại nêu vấn đề “Dân chủ”, “Lấy dân làm gốc”, nhưng khác nhau về bản chất. Theo đó, mọi quyền lực, mọi chi phối các hoạt động trong xã hội gần như tuyệt đối tập trung trong tay nhà vua hay nữ hoàng. Quyền lực và ngôi vị được kế thừa theo nguyên tắc cha truyền con nối.

*- Quan điểm của cha ông ta về quần chúng nhân dân*

Trong suốt chiều dài lịch sử, của cha ông ta từ thời vua Hùng đến Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lê Lợi, Quang Trung,…đều dựa vào dân, khẳng định dân là gốc, quy tụ sức mạnh của toàn dân để dựng nước và giữ nước với những tư tưởng: “Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc”, “Chở thuyền và lật thuyền cũng là dân”… Tuy nhiên, những tư tưởng này mới nhìn dân, yêu dân như những đối tượng bị cai trị, chưa thấy hết đầy đủ vai trò của quần chúng nhân dân. Vai trò quyết định thuộc về “đấng minh quân”, do những “ông vua sáng” cai trị, quần chúng nhân dân chỉ là “bầy tôi hiền”,chỉ biết phụng sự mà thôi “quân xử thần tử, thần bất tử bất trung”.

*- Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quần chúng nhân dân*

Lần đầu tiên trong lịch sử, với thế giới quan và phương pháp luận cách mạng, khoa học chủ nghĩa Mác - Lênninđã luận giải đúng đắn về quần chúng Nhân dân và vai trò của quần chúng Nhân dân. Quần chúng nhân dân là đông đảo những người lao động bao gồm các tầng lớp, giai cấp mà hoạt động của họ sẽ làm biến đổi lịch sử. Họ là những người lao động sản xuất cải biến xã hội trong các hình thái kinh tế xã hội có giai cấp đối kháng, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng:“Hoạt động l ch sử càng lớn lao thì do đó, quần chúng, mà hoạt động lịch sử đó là sự nghiệp của mình, cũng sẽ lớn lên theo”[[86]](#footnote-86), “Không có sự đồng tình ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiền phong của mình tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được”[[87]](#footnote-87). Chủ nghĩa Mác-Lênin đã phát hiện và khẳng định vai trò của quần chúng Nhân dân là người quyết định sự phát triển của xã hội, chính Nhân dân lao động là người làm nên lịch sử. Đây là một chuyển biến cách mạng trong nhận thức về lịch sử, là cơ sở lí luận khoa học để các chính Đảng của giai cấp vô sản xây dựng, chuẩn bị lực lượng tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Quần chúng nhân dân là một phạm trù lịch sử,vận động biến đổi theo sự phát triển của lịch sử xã hội. Quần chúng nhân dân là bộ phận có cùng chung lợi ích căn bản, bao gồm những thành phần, những tầng lớp và những giai cấp, liên kết lại thành tập thể dưới sự lãnh đạo của một cá nhân, tổ chức hay đảng phái nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của một thời đại nhất định. Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau: Quần chúng nhân dân là những người lao động sản xuất ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần, đóng vai trò là hạt nhân cơ bản của quần chúng nhân dân. Quần chúng nhân dân là những bộ phận dân cư chống lại giai cấp thống trị áp bức, bóc lột, đối kháng với nhân dân. Quần chúng nhân dân là những giai cấp, những tầng lớp xã hội thúc đẩy xã hội phát triển thông qua hoạt động của mình. Quần chúng nhân dân là đối tượng bị lãnh đạo bới một cá nhân, tổ chức hay đảng phái.

Quần chúng nhân dân không cố định mà thay đổi sự phát triển của xã hội. Quần chúng nhân dân có khi dùng để chỉ dân, người dân hay nhân dân. Các khái niệm đó có thể được dùng thay thế cho nhau.

*- Quan điểm Hồ Chí Minh và Đảng ta về quần chúng nhân dân*

Kế thừa tư tưởng của ông cha ta và chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng Nhân dân, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng luôn nêu cao tư tưởng cách mạng là của dân, do dân và vì dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi nhân dân là cội rễ của quyền lực “Gốc có vững, cây mới bền/Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”[[88]](#footnote-88). Không chỉ dừng lại ở tư tưởng “thân dân”, Hồ Chí Minh còn cho rằng nhân dân là chủ nhân của đất nước “Trong bầu trời, không gì quí bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của dân”[[89]](#footnote-89), “ Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Trong tác phẩm Dân vận, Người viết: “Nước ta là một nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ trung ương đến xã đều do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”[[90]](#footnote-90).

Đảng Cộng Sản Việt Nam do chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng. Từ khi ra đời đến nay, Đảng luôn luôn khẳng định và phát huy đúng đắn, đầy đủ vai trò cách mạng của quần chúng nhân dân. Đảng ta luôn quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, luôn phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân trên mọi lĩnh vực. Dưới ngọn cờ của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhân dân ta đã đồng lòng hợp sức làm nên nhiều chiến công vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

*10.1.1.2. Vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc*

Công cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh Tổ quốc diễn ra trên mọi lĩnh vực, mọi địa bàn, cả trong và ngoài nước. Là cuộc chiến đấu thường xuyên, liên tục, gay go, quyết liệt, phức tạp và lâu dài, khó khăn. Bọn gián điệp, phản động và các loại tội phạm sử dụng mọi âm mưu, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để chống phá an ninh Tổ quốc và để che giấu hoạt động của mình. Chúng luôn tìm cách trà trộn trong Quần chúng nhân dân, lợi dụng, lôi kéo, mê hoặc kể cả khống chế Quần chúng nhân dân để đạt được mục đích của mình.

Đánh giá về vai trò của Quần chúng nhân dân đối với công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “…phải dựa vào dân, không được xa rời dân. Nếu không thế thì sẽ thất bại. Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn”[[91]](#footnote-91). Trong bảo vệ an ninh Tổ quốc, khi nào ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của Quần chúng nhân dân được xây dựng và phát huy thì Quần chúng nhân dân có những vai trò sau.

- Quần chúng nhân dân là lực lượng quyết định sự thành công trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Quần chúng nhân dân có khả năng phát hiện, quản lý, giáo dục, cải tạo, đấu tranh các loại tội phạm để thu hẹp dần đối tượng phạm tội.

- Quần chúng nhân dân có khả năng phát hiện, khắc phục dần những nguyên nhân, sơ hở, thiếu sót mà địch và bọn tội phạm có thể lợi dụng.

**10.1.2. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc**

*10.1.2.1. Khái niệm phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm nhằm bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân. Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Mục đích: bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân.

- Biện pháp: phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm.

- Lực lượng: đông đảo nhân dân, Công an nhân dân giữ vai trò nòng cốt.

- Hình thức: hoạt động tự giác, có tổ chức.

*10.1.2.2. Vị trí, tác dụng, của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta tiến hành nhiều cuộc vận động quần chúng khác nhau để tiến hành giải quyết những nhiệm vụ khác nhau. Trong đó có cuộc vận động nhân dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Giữa các phong trào hành động cách mạng khác của nhân dân với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có mối quan hệ khăng khít, tác động hỗ trợ lẫn nhau; các phong trào hành động cách mạng khác nhau của nhân dân giải quyết nhiệm vụ phát triển kinh tế văn hóa xã hội là nền tảng vững chắc để phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động và duy trì thường xuyên, mạnh mẽ. Ngược lại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được nâng cao góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh kịp thời với bọn tội phạm, ổn định được tình hình an ninh trật tự, là điều kiện thuận lợi để phát triển phong trào hành động cách mạng khác của nhân dân đạt kết quả tốt.

*- Vị trí của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

Trước đây cũng như trong giai đoạn cách mạng hiện nay, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc giữ vai trò quan trọng không thể thiếu được đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng nói chung và sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự nói riêng. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giữ vị trí chiến lược, là một trong những biện pháp công tác cơ bản của lực lượng Công an nhân dân, là nền tảng cơ bản trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Nhân dân lao động có khả năng to lớn, là người làm nên lịch sử. Từ trước đến nay Đảng ta luôn luôn khẳng định: Cách mạng là sự nghiệp của toàn dân, đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội cũng là sự nghiệp của toàn dân. Mọi vấn đề an ninh trật tự xảy ra khi giải quyết đều phải dựa vào nhân dân. Để tập hợp, tổ chức, huy động toàn dân tham gia Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định lấy ngày 19 tháng 8 hằng năm là "Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"gắn với phong trào thi đua “vì an ninh Tổ quốc”.

Thực tiễn cho thấy phong trào hành động cách mạng của nhân dân như phong trào “Ba không”, “Ngũ gia liên bảo”, “Thập gia liên báo” trong thời kì chống Pháp; phong trào “Bảo vệ trị an”, “Bảo mật phòng gian” trong những năm chống Mỹ cứu nước và hiện nay là phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã thực sự góp phần quan trọng phục vụ đắc lực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một hình thức vận động nhân dân ở mức độ cao, đã trở thành ý thức tự giác cao độ của đông đảo quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự tổ chức vận động hướng dẫn nghiệp vụ của lực lượng công an nhân dân.

-  *Tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

Đối với công tác công an, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có tác dụng trực tiếp trong phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, ngăn ngừa làm giảm tai nạn, đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội và các hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc còn giúp lực lượng công an có điều kiện để triển khai sâu rộng các mặt công tác nghiệp vụ. Những tin tức tài liệu đa dạng, phong phú thu được từ quần chúng nhân dân cung cấp là cơ sở để lực lượng công an nhân dân đấu tranh, trấn áp bọn tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là động lực quan trọng để nâng cao ý thức tự giác của hàng chục triệu người tham gia vào công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc ở từng đường phố, từng thôn, xóm, phường, xã, cơ quan, xí nghiệp tạo thành thế chủ động trong phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh trấn áp tội phạm tạo thành một thế trận an toàn về an ninh trật tự.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là hình thức cơ bản để tập hợp thu hút đông đảo quần chúng phát huy quyền làm chủ của quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh trật tự.Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc thực chất là hình thức hoạt động có tổ chức, do đông đảo quần chúng nhân dân lao động tham gia; là điều kiện cơ bản để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trên lĩnh vực bảo vệ an ninh trật tự.Sức mạnh, khả năng sáng tạo của quần chúng nhân dân là hết sức to lớn, song sức mạnh và khả năng đó chỉ được phát huy khi quần chúng nhân dân được tổ chức thành phong trào hành động cách mạng cụ thể. Chính bằng phong trào và thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, quần chúng nhân dân mới có điều kiện tham gia vào công việc xây dựng, quản lý nền an ninh trật tự nhiều hơn, tốt hơn và trực tiếp hơn. Vì vậy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là hình thức cơ bản để tập hợp, thu hút đông đảo nhân dân, phát huy quyền làm chủ của họ trên lĩnh vực bảo vệ an ninh trật tự.

*10.1.2.3. Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

*- Đối tượng tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốcđa dạng, liên quan đến mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội*

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc mang tính xã hội sâu sắc, bởi đối tượng vận động tham gia là tất cả mọi tầng lớp Nhân dân trong xã hội.Với trình độ hiểu biết về đường lối, chính sách, pháp luật, kiến thức xã hội, đặc điểm tâm lý, lối sống sinh hoạt của từng tầng lớp nhân dân khác nhau,có tác động và ảnh hưởng lớn đến phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc của từng địa phương.

*- Nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở các địa bàn, lĩnh vực khác nhau có sự khác nhau*

Mỗi địa phương khác nhau, có những đặc điểm về vị trí địa lý, phong tục tập quán, điều kiện hoàn cảnh kinh tế - xã hội, dân trí và tình hình hoạt động của bọn tội phạm khác nhau. Do vậy,cách thức tổ chức vận động Nhân dân, nội dung phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cũng có những điểm khác nhau để phù hợp tình hình mỗi nơi, mỗi địa điểm. Khi xây dựng kế hoạch thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phải có sự khác nhau và phù hợp với từng địa bàn nông thôn, thành phố, thị xã, miền núi, miền biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào theo tôn giáo.

*- Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn liền với các cuộc vận động khác của Đảng và Nhà nước, gắn liền với việc thực hiện các chính sách của địa phương*

Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có liên quan đến việc thực hiện các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước, như: Chính sách dân vận, chính sách xoá đói giảm nghèo, chính sách với người có công với cách mạng, và các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, vận động nhân dân tham gia có hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng gia đình văn hóa. Vì vậy, quá trình tổ chức vận động phải chú trọng gắn nghĩa vụ và quyền lợi, ý thức tự giác với trách nhiệm của người dân, tạo mọi điều kiện để nâng cao đời sống tinh thần của họ. Thường xuyên trang bị kiến thức về chính trị, pháp luật nhằm nâng cao cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn hoạt động của tội phạm cho quần chúng nhân dân.

**10.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc** ***10.2.1. Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc***

Để góp phần phục vụ đắc lực sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, chủ động khắc phục, đẩy lùi nguy cơ, đấu tranh làm thất bại hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, trong giai đoạn hiện nay công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cần tập trung vào những nội dung cơ bản sau đây.

*10.2.1.1. Giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần cảnh giác cách mạng,phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân tham gia phòng ngừa, đấu tranh chống mọi âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch*

Đất nước ta đang bước vào thời kỳ hội nhập ngày càng sâu rộng với quốc tế, đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hoá, hiệ đại hoá để phát triển đất nước. Công cuộc bảo vệ Tổ quốc nói chung, sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc nói riêng đang đặt ra nhiều khó khăn, thách thức to lớn. Sự chống phá của các thế lực thù địch, các đối tượng gián điệp, phản động và các loại tội phạm với phương châm ngày càng toàn diện quyết liệt, đến cùng; với phương thức ngày càng tinh vi, xảo quyệt, thâm độc; với đối tượng ngày càng đa dạng. Do đó, thực hiện Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cần thường xuyêngiáo dục nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần cảnh giác cách mạng, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân tham gia phòng ngừa, đấu tranh chống mọi âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch. Đây là nội dung quan trọng hàng đầu, là cơ sở để nâng cao hiệu quả hoạt động của Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Nội dung cần tập trung giáo dục về chống chiến tranh tâm lí phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch; bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh xã hội, bảo vệ bí mật quốc gia; chống địch lợi dụng dân tộc, tôn giáo, lợi dụng dân chủ, nhân quyền để gây mất ổn định chính trị; giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân, ổn định chính trị, bảo vệ nội bộ, góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

*10.2.1.2. Tổ chức, hướng dẫn quần chúng tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn tội phạm, tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là phong trào tự giác, có tổ chức của đông đảo Quần chúng nhân dân trong tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Đây là phong trào có kế hoạch được xác định rõ về mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp, đối tượng, lực lượng cụ thể. Phong trào được đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đ o của cấp ủy và chính quyền các cấp, với sự tổ chức, hướng dẫn của lực lượng chuyên trách là Công an nhân dân. Vì vậy, hiệu quả của Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phụ thuộc có tính quyết định vào việc tổ chức, hướng dẫnquần chúng tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn tội phạm, tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của lực lượng Công an nhân dân, nhất là lực lượng Công an ở cơ sở.

Để hoạt động tổ chức, hướng dẫnquần chúng tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn tội phạm, tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm có hiệu quả, đòi hỏi phải được tiến hành bằng những phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng Quần chúng nhân dân, với phong tục tập quán, văn hóa ở các vùng miền và đặc điểm tình hình tội phạm ở từng địa phương. Nội dung cần tập trung tổ chức, hướng dẫn cần thực hiện những vấn đề cơ bản sau.

- Vận động Nhân dân tích cực tham gia phát hiện, tố giác, đấu tranh chống các loại tội phạm, góp phần giữ vững ổn định an ninh ninh trật tự tại địa bàn.

- Vận động Nhân dân tham gia quản lý, giáo dục, cảm hóa những người cần phải giáo dục tại cộng đồng dân cư.

- Vận động Nhân dân chấp hành và tham gia giữ gìn trật tự an ninh.

- Hướng dẫn và vận động Nhân dân bài trừ tệ nạn xã hội, bài trừ các hủ tục lạc hậu, đấu tranh bài trừ văn hóa phẩm độc hại.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, bồi dưỡng cho Quần chúng nhân dân về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp, trình tự, quy định... trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Xây dựng cơ quan đơn vị, cụm dân cư và từng gia đình an toàn, đoàn kết, xây dựng nếp sống văn hóa trong cộng đồng dân cư, giữ vững đạo đức trong sáng lành mạnh, giữ gìn thuần phong mỹ tục, truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam, bảo vệ môi trường sống.

*10.2.1.3. Xây dựng và mở rộng liên kết, phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội trong các phong trào ở địa phương*

- Kết hợp lồng ghép phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các cuộc vận động cách mạng khác của Đảng, Nhà nước ở địa phương như cuộc vận động xoá đói giảm nghèo, vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa mới…

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết liên tịch, thông tư liên ngành, các quy chế phối hợp hoạt động giữa Công an xã với Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, các cơ quan, trường học đóng trên địa bàn.

- Thường xuyên theo dõi nắm bắt tình hình việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, kịp thời đề xuất lồng ghép nội dung, yêu cầu của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp, nhằm phát huy vai trò của quần chúng trong việc bảo vệ an ninh - trật tự.

*10.2.1.4. Vận động quần chúng tham gia xây dựng tổ chức ảng, chính quyền, đoàn thểquần chúng tại cơ sở vững mạnh*

- Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để rèn luyện, thử thách xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước ở cơ sở.

- Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để thường xuyên đóng góp ý kiến xây dựng cho tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở, lực lượng công an ninh, an ninh, kịp thời phát hiện đề nghị đưa ra khỏi tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng công an, những người không đủ tiêu chuẩn về đạo đức và năng lực công tác; đồng thời đề nghị bổ sung những nhân tố tích cực, ưu tú xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc vào cấp ủy chính quyền cơ sở, để xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng công an trong sạch vững mạnh.

Các nội dung trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, là những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Khi thực hiện những nội dung trên phải căn cứ vào tình hình, điều kiện hoàn cảnh cụ thể của từng nơi, đặc biệt phải căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh ở từng địa phương, từng cơ sở để đề ra nội dung công tác cho thích hợp, có hiệu quả.

***10.2.2. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc***

*10.2.2.1. Nắm tình hình, xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

*- Nắm tình hình*

+ Mục đích: Để điều tra nghiên cứu nắm vững tình hình mọi mặt liên quan đến an ninh trật tự, làm cơ sở để định ra nội dung, hình thức, phương pháp tiến hànhxây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Nội dung nắm tình hình bao gồm:

Vị trí địa lí, đặc điểm địa bàn về phân bố dân cư, phong tục tập quán, nghề nghiệp truyền thống, vấn đề tôn giáo, dân tộc có liên quan đến công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn.

Tình hình quần chúng chấp hành đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương.

Tình hình các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức động viên quần chúng tham gia phong trào.

Tình hình diễn biến của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn qua từng thời kì.

Những sơ hở thiếu sót của ta trong việc thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước mà kẻ xấu có thể lợi dụng.

+ Phương pháp nắm tình hình:

Nghiên cứu khai thác các tài liệu sẵn có để nắm tình hình địa bàn.

Đi sát cơ sở tiếp xúc gặp gỡ, thu thập ý kiến của các tổ chức, các tầng lớp dân cư khác nhau.

Trực tiếp điều tra khảo sát mọi hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và quần chúng nhân dân địa phương.

Ngoài ra còn phải chú ý kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng các lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ khác để nắm tình hình.

- *Xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

Căn cứ chỉ thị nghị quyết của cấp ủy Đảng và tình hình thực tế ở địa phương để chủ động xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ qu c

+ Nội dung của kế hoạch thể hiện những vấn đề cơ bản như sau:

Đánh giá tổng quát tình hình an ninh trật tự của quần chúng Nhân dân trong thời gian đã qua và xác định sự cần thiết phải tiến hành vận động xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong thời gian tới.

Xác định mục đích, yêu cầu cụ thể phải đạt được của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Xác định nội dung cụ thể của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và hình thức, biện pháp để thực hiện nội dung cụ thể đó.

Xác định cách thức, tổ chức thực hiện kế hoạch.

+ Phương pháp xây dựng kế hoạch:

Trên cơ sở nội dung kế hoạch được xác định, tiến hành việc dự thảo kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh ninh Tổ quốc, bảo đảm đủ về nội dung, đúng về thể thức văn bản nhà nước quy định.

Tiến hành gửi bản dự thảo kế hoạch đến tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến, nhằm phát huy trí tuệ của tập thể, nâng cao tinh thần làm chủ, tính năng động sáng tạo của từng người trong xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh ninh tổ quốc.

Tiếp thu ý kiến đóng góp của tập thể, tiến hành nghiên cứu, bổ xung hoàn chỉnh bản kế hoạch trình chủ tịch UBND xã, phường phê duyệt và tổ chức thực hiện.

*10.2.2.2. Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn quần chúng thực hiện bảo vệ an ninh trật tự*

*- Tuyên truyền, giáo dục quần chúng Nhân dân*

+ Mục đích: Tuyên truyền, giáo dục Nhân dân trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giữ vị trí rất quan trọng, làm cho họ nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần cảnh giác cách mạng, vai trò trách nhiệm, quyền lợi, từ đó tích cực tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

+ Nội dung tuyên truyền, giáo dục:

Tuyên truyền để Nhân dân nhận thức rõ về âm mưu, phương thức thủ đoạn hoạt động thâm độc, nham hiểm của các thế lực thù địch và các loại tội phạm. Tuyên truyền giáo dục Nhân dân hiểu về đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các quy định, phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương nghĩa vụ và quyền lợi của công dân đối với việc bảo vệ an ninh trật tự.

Ngoài những nội dung trên, tùy theo tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc mà lựa chọn, xác định theo những nội dung khác để tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân cho thích hợp.

+ Hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục:

Triệt để khai thác sử dụng phương tiện thông tin đại chúng và các loại hình văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, áp phích khẩu hiệu, biểu ngữ… để tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân đạt hiệu quả.

Thông qua các hình thức sinh hoạt, hội họp của các tổ chức chính trị- xã hội, thông qua hệ thống giáo dục các cấp ở địa phương để tuyên truyền giáo dục quần chúng.

Sử dụng lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên để tuyên truyền giáo dục quần chúng theo tứng chuyên đề có liên quan trong từng thời gian thích hợp.

Thường xuyên tiếp xúc, gặp gỡ trực tiếp quần chúng để tọa đàm, trao đổi, giải thích những vấn đề về bảo vệ an ninh trật tự.

Nâng cao nhận thức cho cán bộ trong Đảng, trong chính quyền, cán bộ lãnh đạo các ngành, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, sau đó tuyên truyền giáo dục sâu rộng ra trong nhân dân.

Kết hợp tuyên truyền giáo dục rộng rãi với tuyên truyền giáo dục cá biệt bằng lời lẽ đơn giản và thực tế sinh động. Kết hợp chặt chẽ giữa việc tuyên truyền giáo dục quần chúng thực hiện nội dung nhiêm vụ bảo vệ an ninh trật tự với việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và với phong trào lao động sản xuất, xây dựng đời sống hằng ngày của quần chúng Nhân dân ở địa phương.

Các nội dung công tác cụ thể, phương pháp tuyên truyền giáo dục quần chúng Nhân dân trên đây có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau và trong từng nội dung của phương pháp đó cũng có ưu điểm, nhược điểm khác nhau, vì vậy phải tùy tình hình cụ thể ở từng nơi, từng lúc để vận dụng linh hoạt, có hiệu quả.

- *Hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh – trật tự*

+ Mục đích: Hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, chỉ cho họ biết cách phòng ngừa, chủ động phát hiện và giúp đỡ các cơ quan chức năng để đấu tranh có hiệu quả những hoạt động phá hoại của các thế lực phản động, hoạt động của các loại tội phạm; phòng ngừa các tai nạn, bài trừ các tệ nạn xã hội.

+ Nội dung hướng dẫn quần chúng bao gồm:

Hướng dẫn quần chúng bảo vệ và thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xây dựng và thực hiện các quy định về công tác bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương

Hướng dẫn quần chúng Nhân dân phòng ngừa tội phạm, tham gia hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân; quản lý, giáo dục các đối tượng cần phải quản lý giáo dục ở địa phương.

Hướng dẫn quần chúng Nhân dân phát hiện tố giác với công an, chính quyền, địa phương những người, sự việc, hiện tượng nghi vấn xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Tích cực tham gia đấu tranh góp phần làm thất bại âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, bọn phản động và các loại tội phạm khác.

Hướng dẫn quần chúng nhân dân lên án, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, các lề thói hủ tục lạc hậu trong đời sống kinh tế xã hội, phòng ngừa và làm giảm các tệ nạn, bài trừ các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

Hướng dẫn quần chúng nhân dân tham gia xây dựng các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể cách mạng, tham gia góp ý kiến xây dựng lực lượng công an, dân quân tự vệ trong sạch vững mạnh.

+ Phương pháp hướng dẫn. Đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ việc bảo vệ những lợi ích cá nhân trước mắt đến lợi ích lâu dài của tập thể; từ việc bảo vệ lợi ích kinh tế đơn thuần đến bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, từ việc bí mật tố giác và cung cấp tài liệu, tin tức về hoạt động của bọn tội phạm đến công tác đấu tranh trực diện với chúng một cách có tổ chức.

*10.2.2.3. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các ngành, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương để tổ chức vận động toàn dân bảo vệ an ninh trật tự*

Để huy động được sức mạnh của toàn dân tham gia nhiệm vụ bảo vệ an ninh truyền thống, trong quá trình xây dựng phong trào, cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa bàn. Nội dung phối hợp cần tập trung vào các vấn đề sau.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, các tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ an ninh trật tự trên địa bàn phường, các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn để xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng tự quản.

- Phối hợp với các lực lượng, cơ quan đơn vị, tổ chức đoàn thể quần chúng để tuyên truyền, vận động, giáo dục, hướng dẫn giác ngộ cho người dân nắm vững những yêu cầu của công tác bảo vệ an ninh – trật tự trên địa bàn, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự.

- Phối hợp các cơ quan đơn vị, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong việc chỉ đạo hướng dẫn thực hiện các mục tiêu yêu cầu đề ra trong các tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

*10.2.2.4. Xây dựng các tổ chức, lực lượng quần chúng nòng cốt làm hạt nhân để xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

Xây dựng cá nhân và các tổ chức quần chúng nòng cốt làm hạt nhân để thúc đẩy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cơ sở là một nội dung quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến tổ chức vận động Nhân dân. Lực lượng quần chúng nòng cốt vừa là hạt nhân lãnh đạo phong trào, vừa là cầu nối giữa lực lượng công an với Nhân dân, vừa là người đi đầu, trực tiếp hướng dẫn Nhân dân thực hiện các quy định về an ninh trật tự. Vì vậy, việc xây dựng lực lượng quần chúng nòng cốt ở cơ sở để duy trì, phát triển và đẩy mạnh phong trào, đây là một nội dung rất quan trọng không thể thiếu.

- Các tổ chức quần chúng nòng cốt làm nhiệm vụ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở thường gồm 3 loại hình.

+ Loại tổ chức quần chúng có chức năng tư vấn. Tương ứng với loại hình này là Hội đồng an ninh trật tự ở cơ sở (xã, phường, thị trấn ) thành phần gồm Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBMTTQ, Trưởng Công an, Bí thư Đoàn thanh niên, Chủ tich Hội cựu chiến binh, Chủ tịch Hội phụ nữ… đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý điều hành của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn. Ở cơ quan, doanh nghiệp thành phần gồm, Bí thư Đảng ủy, Thủ trưởng cơ quan, Trưởng phòng (tổ trường) bảo vệ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phụ nữ. Hội đồng an ninh trật tự có nhiệm vụ giúp (tư vấn) cho cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp đề ra chủ trương, quyết định biện pháp và chỉ đạo công tác an ninh trật tự chung trong xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp.

+ Loại có chức năng quản lý điều hành: Tương ứng với loại hình này là Ban an ninh trật tự và Ban bảo vệ dân phố (ở nông thôn: ban an ninh trật tự được thành lập ở thôn, ấp, bản, làng; ở cơ quan, doanh nghiệp lớn ban an ninh trật tự được thành lập ở phân xưởng, xí nghiệp, công ty…(nếu cơ quan doanh nghiệp nhỏ và thôn nhỏ có nơi không cần thiết phải thành lập Ban an ninh trật tự); ở thành phố, thị xã Ban bảo vệ dân phố được thành lập theo các khu phố, cụm dân cư).

Ban an ninh trật tự và Ban bảo vệ dân phố là các lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và thực hiện một số biện pháp phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm quản lý, điều hành và phối hợp với công an ninh xã, phường, thị trấn, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp hướng dẫn, hỗ trợ các tổ an ninh Nhân dân, An ninh công nhân, đội dân phòng tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

+ Loại có chức năng thực hành: Tương ứng với loại hình này là các Tổ an ninh Nhân dân, an ninh công nhân, đội dân phòng, đội thanh niên xung kích an ninh có nhiệm vụ trực tiếp thực thi các nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở các cơ sở.

Tổ an ninh Nhân dân được cơ cấu ở các thôn, xóm, tổ dân phố. Như vậy, một thôn, xóm, khu phố có thể có nhiều Tổ an ninh Nhân dân, căn cứ đặc điểm thực tế, số lượng dân cư, mối quan hệ ràng buộc của quần chúng ở khu tập thể, khu dân cư để hình thành Tổ an ninh nhân dân cho phù hợp (hiện nay hầu hết các địa phương đều đang duy trì hoạt động của Tổ an ninh Nhân dân, tuy nhiên cũng có địa phương gọi là Tổ tự quản, Tổ liên gia an toàn, nhiều nơi lại vừa có Tổ an ninh Nhân dân, vừa có Tổ tự quản… nên thống nhất gọi là Tổ an ninh nhân dân là đúng nghĩa nhất, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ là tổ chức của Nhân dân làm công tác an ninh trật tự, phù hợp với quy định trước đây của Bộ trưởng Bộ công an về chức năng, nhiệm vụ của Tổ an ninh Nhân dân).

Tổ an ninh công nhân được cơ cấu ở các tổ, đội sản xuất, phân xưởng, phòng, ban trong cơ quan, doanh nghiệp, riêng ở các phân xưởng, phòng, ban lớn có thể có nhiều Tổ an ninh công nhân tùy thuộc phạm vi, quy mô, tính chất công việc chuyên môn và yêu cầu thực tế nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, bảo vệ tài sản, bảo vệ an ninh trật tự.

Đội dân phòng là tổ chức chuyên môn của quần chúng được lập ra có nhiệm vụ tuần tra, canh gác bảo vệ an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy hoặt huy động cho các hoạt động đột xuất về an ninh trật tự.

Các đội thanh niên xung kích an ninh, đội thiếu niên sao đỏ là tổ chức của Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên lập ra để thu hút thanh, thiếu niên vào hoạt động bảo vệ an ninh trật tự, như vậy nó cũng là tổ chức của quần chúng trực tiếp tham gia bảo vệ an ninh trật tự cần được duy trì hoạt động. Các Đội dân phòng, thanh niên xung kích an ninh, hình thành theo thôn, xóm, khu phố, cụm dân cư hoặc cơ cấu theo tổ chức Đoàn thanh niên (chi đoàn, phân đoàn) tùy theo tính chất nhiệm vụ công tác an ninh trật tự ở cơ sở.

- Nội dung, yêu cầu xây dựng các tổ chức quần chúng nòng cốt làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự.

+ Cần phải lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn và uy tín với quần chúng và điều kiện đảm nhiệm các mặt công tác về an ninh trật tự ở cơ sở.

+ Lựa chọn người có khả năng tổ chức, điều hành các hoạt động có liên quan đến an ninh trật tự, bản thân có ý thực tự giác, tự nguyện và trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành các thủ tục báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định giao nhiệm vụ cho họ.

+ Bồi dưỡng, hướng dẫn để đội ngũ cán bộ cơ sở nắm vững chức năng nhiệm vụ, quyền hạn lề lối làm việc, mối quan hệ và phân công đảm nhiệm công việc cụ thể để cán bộ cơ sở có kế hoạch thực hiện.

+ Thường xuyên có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, nghiệp vụ, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn trong từng thời gian và nhiệm vụ đặt ra trong việc giữ gìn trật tự. Hướng dẫn để họ biết cách tổ chức hoạt động quần chúng của địa bàn dân cư.

+ Nắm vững những diễn biến hoạt động của đội ngũ cán bộ cơ sở có kế hoạch thăm hỏi động viên kịp thời đối với cán bộ tốt có năng l c, đồng thời uốn nắn các lệch lạc của cán bộ cơ sở; tạo điều kiện về vật chất và tinh thần, việc làm, đời sống, quan hệ sinh hoạt trong phạm vi điều kiện cho phép, để đội ngũ cán bộ nòng cốt ở cơ sở yên tâm phấn khởi công tác, tích cực thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở.

- Phương pháp xây dựng các tổ chức quần chúng nòng cốt được tiến hành như sau.

+ Xác định hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng. Căn cứ tình hình đặc điểm của địa bàn, yêu cầu của công tác phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm ở từng nơi, từng lúc; căn cứ điều kiện khả năng nhận thức cũng như khả nằng đảm nhiệm những phần việc cụ thể của quần chúng và nhu cầu nguyện vọng, lợi ích chính đáng của quần chúng để định ra hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng một cách khoa học và hợp lý.

+ Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng được xây dựng.

Mỗi loại hình tổ chức quần chúng khác nhau có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau. Sau khi đã xác định được hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng, phải xác định một cách cụ thể rõ ràng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng, có như vậy mới phát huy được vai trò của tổ chức, tạo điều kiện để tổ chức hoạt động nhịp nhàng, có hiệu quả, không bị mất phương hướng hoặc trùng dẫm, chồng chéo, trì trệ.

Chỉ khi nào và ở nơi nào có yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự đòi hỏi cần phải xây dựng hình thức tổ chức quần chúng nào đó thì mới xây dựng. Nếu không có nhu cầu, nhiệm vụ chưa xuất hiện thì chưa cần phải vội vàng thành lập tổ chức quần chúng, bởi vì thành lập tổ chức mà chưa có chức năng nhiệm vụ thì tổ chức đó sẽ không tồn tại được và dẫn đến tan rã.

Căn cứ vào pháp luật của nhà nước, chế độ nội quy, quy định của đơn vị, địa phương và yêu cầu của tình hình nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự đặt ra để xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của loại hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

+ Đề xuất cấp ủy, chính quyền ra quyết định thành lập tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

Sau khi xác định rõ sự cần thiết phải thành lập các tổ chức quần chúng, loại hình tổ chức quần chúng và chức năng nhiệm vụ quyền hạn của loại hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự đó, với sự hỗ trợ của lãnh đạo chủ chốt ở địa phương. Công an cấp cơ sở báo cáo, đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương và làm thủ tục trình Chủ tịch, Phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn ra quyết định thành lập tổ chức.

Đây là thủ tục cần thiết để đảm bảo tính hợp pháp của loại hình tổ chức quần chúng theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời nâng cao vai trò, vị trí của tổ chức quần chúng, nâng cao trách nhiệm nghĩa vụ của những người tham gia tổ chức cũng như những người khác có liên quan đến hình thức tổ chức quần chúng.

Tuyển chọn những thành viên tham gia tổ chức quần chúng và bồi dưỡng, tập huấn cho các thành viên trong tổ chức quần chúng.

Căn cứ tình hình nắm được về quần chúng, căn cứ vào tiêu chuẩn quy định, tiến hành tuyển chọn, thu nạp các thành viên tham gia tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự đảm bảo đủ vê số lượng, đáp ứng về chất lượng. Yêu cầu các thành viên tham gia các tổ chức quần chúng phải là những người có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, hăng hái, tự nguyện tự giác và được quần chúng tín nhiệm.

Tiến hành giáo dục, bồi dưỡng, tập huấn cho các thành viên nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ chính sách, lề lối phương pháp hoạt động của tổ chức; phương pháp xử lý các tình huống về an ninh trật tự xảy ra; việc sử dụng các phương tiện cần thiết để bảo vệ an ninh trật tự và các kiến thức cần thiết khác có liên quan đến bảo vệ an ninh trật tự để tổ chức quần chúng triển khai hoạt động tự quản, tự phòng, tự bảo vệ an ninh trật tự có hiệu quả.

Việc xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là đảm bảo quyền làm chủ quần chúng, đồng thời tạo lập lực lượng nòng cốt cho phong trào, do đó cần có kế hoạch xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng đa dạng nhưng phải tránh tình trạng hình thức máy móc, chạy theo số lượng, thành lập tổ thức quần chúng không có tác dụng thiết thực. Trong quá trình xây dựng các tổ chức quần chúng phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân từ yêu cầu công tác phong ngừa đấu tranh chống tội phạm ở từng địa phương đơn vị. Đồng thời phải phát huy dân chủ, tổ chức thảo luận công khai lấy ý kiến của nhân dân về s cần thiết phải xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng; về loại hình tổ chức quần chúng, về các hình thức, thành viên tham gia cũng như về chính sách, khuyến khích vật chất, tinh thần đối với các thành viên tham gia tổ chức quần chúng.

Để động viên tích cực các thành viên trong tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự, căn cứ điều kiện hoàn cảnh cụ thể của địa phương, cấp ủy, chính quyền có chế độ chính sách khuyến khích vât chất, tinh thần hợp lý, kịp thời, theo chế độ chung của Nhà nước, của địa phương và nguồn kinh phí đóng góp của nhân dân.

*10.2.2.5. Xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến làm cơ sở để tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc*

Điển hình tiên tiến là những cá nhân, đơn vị, cơ sở đạt được thành tích xuất sắc nổi trội, có đặc thù chung phổ biến giúp các cá nhân, đơn vị khác học tập, noi theo. Nhân điển hình tiên tiến là việc tổ chức học tập, phát triển những nhân tố tích cực của phong trào toàn dân thành phổ biến rộng khắp. Xây dựng và nhân điển hình tiên tiến là việc phổ biến kinh nghiệm điển hình, động viên thúc đẩy phong trào lên một bước mới có chất lượng cao hơn, đồng đều hơn. Để nhân rộng điển hình tiên tiến cần làm tốt các công việc cụ thể sau đây:

*- Lựa chọn điển hình tiên tiến.*

+ Căn cứ đặc điểm tình hình địa phương, đơn vị; căn cứ vào kết quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và nhiệm vụ duy trì và phát triển phong trào ở địa phương.

+ Việc phát hiện, lựa chọn điển hình tiên tiến được tiến hành thông qua công tác kiểm tra hoạt động của phong trào, thông qua công tác tổ chức cho các cơ sở, đơn vị, quần chúng nhân dân bình chọn hoặc cơ quan chức năng ngay từ đầu có kế hoạch chủ động lựa chọn, cho đăng kí, sau đó tập trung bồi dưỡng một số cá nhân, tập thể đó trở thành điển hình tiên tiến của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Tổ chức bồi dưỡng, rút kinh nghiệm điển hình tiên tiến. lực lượng công an chủ trì phối hợp với bộ phận chức năng tổ chức hướng dẫn cá nhân, đơn vị tiên tiến liên hệ kiểm điểm, đánh giá kết quả, rút ra những bài học kinh nghiệm và xây dựng hoàn thiện báo cáo điển hình tiên tiến trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến.

+ Phương pháp. Tiến hành bằng cách tổ chức cho các cá nhân đơn vị, địa phương có phong trào ở mức trung bình hoặc yếu kém trực tiếp tiếp xúc, gặp gỡ, tham quan, trao đổi học tập kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, để áp dụng các kinh nghiệm đó vào phong trào ở địa phương, đơn vị mình.

+ Mở hội nghị nhân điển hình tiên tiến: tổ chức kí kết giao ước thi đua về xây dựng điển hình, tạo thành phong trào thi đua học tập, đuổi kịp và vượt các điển hình tiên tiến.

+ Kết hợp sử dụng, phát huy ưu thế của các phương tiện thông tin đại chúng, các loại hình văn hóa nghệ thuật như: Đài phát thanh, truyền hình, tranh ảnh, sách báo… để phổ biến kinh nghiệm của điển hình tiên tiến.

*10.2.2.6. Lồng ghép nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các phong trào khác của nhà trường và của địa phư ng*

Để thúc đẩy được phong trào và duy trì phong trào được thường xuyên, tránh được sự suy thoái của phong trào sau một thời gian hoạt động, thì việc kết hợp và lồng ghép nội dung của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa phương với các phong trào khác là một hình thức tốt để duy trì và thúc đẩy phong trào. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được kết hợp, lồng ghép với các phong trào khác của nhà trường và của địa phương như sau.

- Lồng ghép trong phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước.

- Lồng ghép những nội dung giáo dục đối với những người cần giáo dục trong bảo vệ an ninh Tổ quốc tại xã, phường, thị trấn làm thành một nội dung của phong trào xây dựng làng văn hóa, khu phố văn hóa.

- Trong phong trào sinh viên thanh lịch của nhà trường cần lồng ghép với phong trào chấp hành Luật Giao thông, lấy đây làm một nội dung tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá một sinh viên thanh lịch…

- Lồng ghép Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong các phong trào khác của Đoàn thanh niên và các phong trào của sinh viên trong nhà trường đểthu hút sinh viên tham gia có hiệu quả.

Để lồng ghép được nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các phong trào khác của nhà trường hoặc của Đoàn thanh niên nhà trường. Cơ quan công an cơ sở (phường, xã, thị trấn) là chủ thể tiến hành phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, cần phải có kế hoạch, chủ động kết hợp với nhà trường và Đoàn thanh niên của các trường đóng trên địa bàn đưa các nội dung cần thiết phù hợp vào từng phong trào, từng thời điểm thích hợp, tham gia xây dựng các tiêu chuẩn để đánh giá sự hoạt động, tích cực hoặc thiếu tích cực của từng sinh viên.

**10.3. Trách nhiệm của sinh viên tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc**

***10.3.1. Nhận thức đúng đắn đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh trật tự của Tổ quốc, tự giác chấp hành quy định, tích cực tham gia phong trào bảo đảm an ninh trật tự của nhà trường và địa phương***

- Công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm giữ gìn an ninh trật tự là cuộc đấu tranh gay go và phức tạp cần phải huy động sức mạnh của tất cả mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội. Đối với sinh viên đang được học tập, rèn luyện trong nhà trường trước hết phải có nhận thức đúng đắn, chấp hành đầy đủ các nội quy, quy định của nhà trường, địa phương và pháp luật nhà nước. Xác định sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc là trách nhiệm của mọi công dân Việt Nam trong đó có học sinh, sinh viên, lực lượng Công an nhân dân làm nòng cốt.

- Là thanh niên Việt Nam nói chung, đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh nói riêng phải gương mẫu, tích cực tham gia các phong trào giữ gìn an ninh trật tự của địa phương hoặc ở trong nhà trường. Nhằm phát huy các mặt tích cực, hạn chế những tồn tại nhược điểm của sinh viên, đóng góp tích cực cho cong tác bảo vệ an ninh trật tự của địa phương và các trong trào khác của nhà trường, mỗi cá nhân cần phải học tập, rèn luyện tốt, tu dưỡng phẩm chất đạo đứccủa người sinh viên, tích cực tham gia các phong trào của địa phương.

- Không xem, đọc, lưu truyền các văn hoá phẩm độc hại, đồi truỵ, không nghe, không bình luận các luận điểm tuyên truyền xuyên tạc nói xấu Nhà nước xãhội chủ nghĩa của các thế lực thù địch, không truy cập các trang Website có nội dung không lành mạnh, phản động. Không tự ý thành lập, tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị, các tổ chức có tính chất chính trị trái pháp luật Việt Nam.

- Phát hiện và đề nghị với thầy, cô giáo, chính quyền địa phươngvà các cơ quanCông an nơi cư trú, học tập để có biện pháp ngăn chặn các hành vi hoạt động tệ nạn xã hội, các hành vi xâm hại đến an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Đối với sinh viên lưu trú trong ký túc xá phải giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường, không được sử dụng một cách bừa bãi, làm hư hỏng mất mát tài sản và trang thiết bị trong ký túc xá. Chấp hành tốt nội quy của ký túc xá, không tàng trữ vũ khí, chất độc, chất nổ, chất dễ cháy, hoá chất độc hại hoặc hàng cấm khác trong ký túc xá.

- Đối với sinh viên tạm trú trong các khu vực dân cư phải thực hiện đầy đủ các quy định về khai báo tạm trú theo quy định của pháp luật. Chấp hành tốt các quy định của địa phương nơi cư trú như: vệ sinh mỹ quan, trật tự đô thị, bảo vệ môi trường. Tích cực tham gia các phong trào giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn như: phòng chống các âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động lôi kéo học sinh, sinh viên vào các hoạt động chống đối Nhà nước; phòng ngừa các hoạt động của bọn tội phạn hình sự xâm phạm đến tính mạng và tài sản của sinh viên; ngăn ngừa, đấu tranh với các trường hợp sử dụng các chất ma tuý trong học sinh, sinh viên.

***10.3.2. Luôn nêu cao ý thức tự giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hiện tượng xã hội tiêu cực***

- Phát hiện các hành vi tuyên truyền, phát tán các văn hoá phẩm đồ truỵ, các tài liệu phản động báo cáo ngay với Ban giám hiệu nhà trường, với thầy cô giáo chủ nhiệm hoặc cơ quan công an để thu giữ.

- Phát hiện ngăn chặn các vụ đánh nhau, gây rối trật tự an ninh công cộng báo cáo với Nhà trường, các cơ quan quan lý có thẩm quyền nơi gần nhất để có biện pháp ngăn chặn, bắt giữ các đối tượng vi phạm.

- Phát hiện các hành vi vi phạm về trật tự an toàn xã hội như: chất cháy, chất nổ, vũ khí thô sơ đến trường báo cáo cho Nhà trường để nhà trường kịp thời xử lý.

- Thường xuyên giúp đỡ các bạn gặp khó khăn về điều kiện học tập, động viên các bạn vượt khó để học tập tốt.

**KẾT LUẬN**

Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là cơ sở rất quan trọng để xây dựng thế trận lòng dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Việc duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả của Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là trách nhiệm của các cấp uỷ, chính quyền, trong đó lực lượng Công an nhân dân làm nòng cốt.Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là hình thức, biện pháp cơ bản, quan trọng để đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước trong tình hình mới.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc ?
2. Phương pháp tiến hành xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cơ sở ?
3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa phương, nơi cư trú ?

**Chương 11**

**NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA**

**VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI**

An ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội là trạng thái đất nước bình yên, ổn định, an toàn, phát triển trên tất cả các lĩnh vực. An ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội là nhu cầu, mong muốn của mọi con người, mọi quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng. Là cơ sở để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong tình hình hiện nay, các nguy cơ, thách thức, các mối đe dọa luôn tiềm ẩn, đan xen, tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên mọi lĩnh vực, từ cả bên trong và bên ngoài, cả chủ quan và khách quan. Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội đang trở thành vấn đề hết sức cấp bách, thường xuyên, liên tục của mỗi nước. Đối với nước ta hiện nay, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội đang đặt ra rất nhiều khó khăn, thách thức đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn Dân, toàn Quân, kết hợp sức mạnh của đất nước với sự ủng hộ, giúp đỡ, hợp tác quốc tế. Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội phải được tiến tiến hành một cách chủ động, từ sớm, từ xa và là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, mọi tổ chức và toàn dân.

Nghiên cứu nắm vững những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội là yêu cầu cấp thiết đối với mọi tầng lớp nhân dân, nhất là học sinh, sinh viên nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm để góp phần bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Qua đó, xây dựng môi trường an toàn, ổn định để phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

**11.1. Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia**

***11.1.1. Một số khái niệm cơ bản***

“An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc”[[92]](#footnote-92). An ninh quốc gia gồm an ninh trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, tư tưởng - văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại ... trong đó an ninh chính trị là cốt lõi, xuyên suốt.

“Mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia là những đối tượng, địa điểm, công trình, cơ sở về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hoá, xã hội thuộc danh mục cần được bảo vệ do pháp luật quy định”[[93]](#footnote-93).

“Bảo vệ an ninh quốc gia là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia”[[94]](#footnote-94). Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Mục đích: nhằm giữ vững an ninh quốc gia.

- Chủ thể: hệ thống các tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và công dân, trong đó lực lượng An ninh nhân dân giữ vai trò nòng cốt.

- Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia là tiến hành phòng ngừa, phát hiện ngăn chặn, đấu tranh với các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

“Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia là những hành vi xâm hại chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”[[95]](#footnote-95). Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Mục đích xâm phạm: là chống phá an ninh quốc gia.

- Nội dung: xâm ph m an ninh trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Nhà nước Việt nam.

- Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia là các thế lực thù địch, phản động, tội phạm.

***11.1.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia***

*-* Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

- Bảo vệ an ninh về tư tưởng và văn hoá, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Bảo vệ an ninh trong các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia.

- Bảo vệ bí mật nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.

- Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, nguy cơ đe doạ an ninh quốc gia.

***11.1.3.*** ***Nguyên tắc hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia***

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc, lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia làm nòng cốt.

- Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; phối hợp có hiệu quả hoạt động an ninh, quốc phòng và đối ngoại.

- Chủ động phòng ngừa, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

***11.1.4. Nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia***

Bảo vệ an ninh quốc gia là nội dung đặc biệt quan trọng của mỗi quốc gia dân tộc. An ninh quốc gia bao gồm: An ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh quân sự, an ninh biên giới, biển, đảo, an ninh đối ngoại, an ninh tư tưởng - văn hóa, an ninh xã hội, an ninh thông tin, an ninh kết nối, an ninh mạng, an ninh doanh nghiệp, an ninh tài chính - tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh dân cư, an ninh dân số, an ninh cơ sở dữ liệu, an ninh môi trường, an ninh con người. Trong đó, bảo vệ an ninh chính trị là cốt lỗi xuyên suốt, bảo vệ an ninh về kinh tế là nền tảng, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội và cơ sở bảo đảm an ninh ở các lĩnh vực khác, bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa là nền tảng tinh thần của chế độ, xã hội. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay ở nước ta, cần tập trung bảo vệ an ninh trên một số lĩnh vực cơ bản, trọng yếu sau.

*11.1.4.1. Bảo vệ an ninh chính trị*

Mục tiêu của bảo vệ an ninh chính trị là đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động xâm hại tới sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là nhiệm vụ trọng yếu của các tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, đoàn thể xã hội và mọi công dân.

Nội dung bảo vệ an ninh chính trị là bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với nhà nước và xã hội; bảo vệ sự ổn định chính trị, sự vững mạnh của chế độ nhà nước xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an toàn các cơ quan thuộc hệ thống chính trị bao gồm các cơ quan Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các lực lượng vũ trang, đoàn thể cách mạng, trọng tâm là các cơ quan đầu não, cơ quan hoạch định chính sách, cơ quan sức mạnh của Nhà nước; bảo vệ lãnh tụ, đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên. Trong bảo vệ phải đặc biệt chú trọng bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, phòng, chống có hiệu quả hoạt động thâm nhập nội gián và suy thoái nội bộ; bảo vệ việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không để xẩy ra tình trạng biến dạng, chệch hướng trong quá trình tổ chức thực hiện; bảo vệ bí mật nhà nước.

*11.1.4.2. Bảo vệ an ninh kinh tế*

Mục tiêu của bảo vệ an ninh kinh tế là tiến hành các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch và các loại tội phạm kinh tế gây thiệt hại và làm chệch hướng phát triển của nền kinh tế quốc dân, bảo vệ sự ổn định và phát triển vững mạnh của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nội dung bảo vệ an ninh kinh tế là bảo vệ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh vực kinh tế. Bảo đảm quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam phải nhanh, bền vững và đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững độc lập, chủ quyền, không để rơi vào tình trạng lệ thuộc vào nước ngoài về kinh tế; bảo vệ sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế, nhất là trong sự phát triển các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế trọng điểm. Không để xảy ra tình trạng rối loạn, khủng hoảng kinh tế hoặc tình trạng vô chính phủ trong quản lý kinh tế có thể dẫn đến khủng hoảng chính trị; bảo vệ bí mật nhà nước trên lĩnh vực kinh tế. Tiến hành phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh xử lý các hành vi làm lộ, lọt bí mật nhà nước của kinh tế đối ngoại nhất là trong hoạt động ký kết hợp đồng kinh tế với đối tác nước ngoài, lĩnh vực tài nguyên môi trường, lĩnh vực khoa học và công nghệ. lĩnh vực tài chính ngân hàng, thị trường chứng khoán; bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế, bảo vệ an toàn nội bộ, đội ngũ cán bộ trong các cơ quan kinh tế, đội ngũ cán bộ, tri thức có trình độ cao, các chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực kinh tế, đội ngũ cán bộ quản lý, tham mưu, hoạch định chính sách kinh tế; tổ chức đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động phá hoại kinh tế của các thế lực thù địch, tội phạm kinh tế.

*11.1.4.3. Bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa*

Mục tiêu bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa là bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giá trị của CN Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ thống các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc Việt nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển công nghệ thông tin như hiện nay, bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa là nội dung cực kỳ quan trọng của an ninh quốc gia, là vấn đề hết sức cấp thiết, khó khăn, phức tạp.

Nội dung bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trước sự tấn công của các thế lực thù địch nhất là của các học giả tư sản, của chủ nghĩa xét lại hiện đại, đối tượng cơ hội chính trị. Ngăn ngừa nguy cơ chệch hướng phát triển đi lên xã hội chủ nghĩa; bảo vệ truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới; đấu tranh có hiệu quả với hoạt động phá hoại tư tưởng - văn hóa, sự xâm nhập tác động của các trào lưu văn hóa phản động, độc hại, sự xâm lăng văn hóa, nhất là hoạt động tuyên truyền kích động lợi dụng “dân chủ”, “nhân quyền”. Đấu tranh ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, sự xuống cấp về tư tưởng văn hóa, lối sống đồi trụy; bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, chống chia rẽ dân tộc, khuynh hướng ly khai, tự trị, chủ nghĩa cực đoan, nhất là ở các vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh như Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông, hoạt động văn hóa nghệ thuật góp phần bảo vệ vững chắc an ninh trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

*11.1.4.4. Bảo vệ an ninh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại*

Mục tiêu là bảo vệ sự ổn định, vững mạnh, hiệu quả củaquốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước. Phòng, chống, đấu tranh với các âm mưu, hoạt động chống phá, gây nguy hại đối với hệ thống các quan điểm, đường lối, chiến lược, chính sách, cơ sở vật chất, vũ khí trang bị, đội ngũ, thông tin trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Bảo vệ an ninh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại là nhằm đảm bảo về các nguồn lực trực tiếp để bảo vệ an ninh quốc gia.

Nội dung của bảo vệan ninh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại là: bảo vệ bản chất giai cấp của lực lượng vũ trang cách mạng, bảo đảm lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc, Nhân dân của lực lượng vũ trang. Đấu tranh có hiệu quả với hoạt động thâm nhập nội bộ lực lượng vũ trang của các thế lực thù địch, tội phạm khác, phòng chống âm mưu hoạt động phi chính trị hóa lực lượng vũ trang; bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật của sự nghiệp an ninh, quốc phòng, đối ngoại; bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh quốc phòng, đối ngoại, nhất là các chủ trương, chính sách, đối sách bí mật, vũ khí, khí tài mới, các kế hoạch phương án về quốc phòng, an ninh; bảo vệ an ninh chính trị nội bộ trong lực lượng vũ trang và cơ quan đối ngoại, nhất là đội ngũ cán bộ cốt cán, cán bộ nắm giữ bí mật nhà nướctrên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

*11.1.4.5.* *Bảo vệ an ninh lãnh thổ*

Mục tiêubảo vệ an ninh lãnh thổ là đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của quốc gia dân tộc, là nội dung bảo vệ quan trọng nhất của đất nước, nghĩa vụ cao cả của mọi người dân. “Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị”[[96]](#footnote-96).

Nội dung bảo vệ an ninh lãnh thổ là: Có kế hoạch chiến lược trong phát triển kinh tế xã hội gắn với an ninh quốc gia tại tuyến biên giới, biển, đảo. Xây dựng vùng biên giới và biển, đảo vững về chính trị, giàu mạnh về kinh tế, đặc biệt xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân tại biên giới, biển đảo; chủ động giải quyết các tranh chấp về lãnh thổ trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau bằng phương pháp hòa bình, tránh đối đầu, không để xẩy ra xung đột biên giới, biển, đảo; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới, biển, đảo, nhất là an ninh chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường phối hợp với lực lượng ann ninh cảnh sát nước bạn trong đấu tranh phòng chống tội phạm tại khu vực biên giới, trên biển; tăng cường tiềm lực, trang bị cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia biên giới, biển, đảo vững mạnh. Xây dựng quy chế phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa lực lượng công an với Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển trong bảo vệ an ninh biên giới lãnh thổ. Trong điều kiện và tình hình hiện nay, bảo vệ an ninh lãnh thổ cần phải chủ động đối phó với những nguy cơ từ bên ngoài âm mưu xâm hại tới chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ trên đất liền, trên biển, đảo.

*11.1.4.6. Bảo vệ an ninh dân tộc*

Mục tiêu của bảo vệ an ninh dân tộc là bảo vệ khối đại đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, ngăn ngừa và đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá, gây mất ổn định đất nước.

Nội dung bảo vệ an ninh dân tộc là: Bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc; sự đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển theo Hiến pháp, pháp luật Việt Nam; ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc để làm việc trái pháp luật, kích động gây chia rẽ giữa các dân tộc, xâm hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, chống phá đất nước.

*11.1.4.7.* *Bảo vệ an ninh tôn giáo*

Mục tiêu của bảo vệ an ninh tôn giáo là bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, sự bình đẳng trước pháp luật các tôn giáo. Phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại các âm mưu và hành động lợi dụng vấn đề tôn giáo để chia rẽ phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, vi phạm pháp luật, chống phá đất nước của các thế lực phản động, thù địch.

Nội dung bảo vệ an ninh tôn giáo gồm: bảo đảm sự đúng đắn, hiệu quả của các quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tôn giáo; bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo của công dân, bảo đảm các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật; bảo đảm sự đoàn kết giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các tôn giáo, giữa cộng đồng dân cư theo tôn giáo với những người không theo tôn giáo; phòng ngừa, đấu tranh với các âm mưu và hành động mê tín dị đoan, vi phạm pháp luật, lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam của các đối tượng và lực lượng phản động.

*11.1.4.8. Bảo vệ an ninh thông tin*

Mục tiêu của bảo vệ an ninh thông tin là bảo đảm sự an toàn, chính xác và bí mật của thông tin trong quá trình xác lập, chuyển tải, thu nhận, xử lý và lưu giữ tin của Đảng, Nhà nước, các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Nội dung bảo vệ an ninh thông tin bao gồm: Bảo vệ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực thông tin; bảo vệ tổ chức, đội ngũ cán bộ, nhân viên của các cơ quan quản lý và hoạt động thông tin của Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang; phòng chống các hoạt động mua chuộc, móc nối, lôi kéo của các thế lực thù địch và tội phạm; b o vệ bí mật nhà nước được lưu giữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống thông tin; phòng, chống lộ, mất bí mật nhà nước qua hệ thống thông tin; quản lý nhà nước về an ninh thông tin, kiểm soát an ninh đối với toàn bộ hệ thống thông tin; phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch và tội phạm sử dụng hệ thống thông tin xâm phạm an ninh quốc gia; phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các hoạt động phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, bảo đảm hoạt động an toàn cho hệ thống thông tin của Đảng, Nhà nước trong mọi điều kiện; sử dụng hệ thống thông tin đấu tranh, làm thất bại âm mưu, hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các thế lực thù địch, phòng chống tội phạm.

**11.2. Những vấn đề cơ bản về bảo đảm trật tự an toàn xã hội**

***11.2.1. Khái niệm trật tự an toàn xã hội***

*11.2.1.1. Trật tự an toàn xã hội*

“Trật tự an toàn xã hội là trạng thái xã hội bình yên trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lý xác định”[[97]](#footnote-97). Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Trạng thái xã hội bình yên, ổn định, kỷ cương, trật tự. Không có sự rối loạn, mất ổn định của xã hội.

- Cơ chế để bảo đảm trật tự an toàn xã hội là các các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lý xác định.

- Trật tự xã hội là kết quả của việc các chủ thể xã hội điều chỉnh hành vi tuân thủ các thiết chế xã hội.

*11.2.1.2. Bảo đảm trật tự an toàn xã hội*

“Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội”[[98]](#footnote-98). Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Mục đích bảo đảm trật tự an toàn xã hội là duy trì xã hội bình yên, ổn định, trật tự, kỷ cương, an toàn.

- Biện pháp bảo đảm trật tự an toàn xã hội là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội.

- Chủ thể: hệ thống các tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và công dân, trong đó lực lượng cảnh sát nhân dân làm nòng cốt.

***11.2.2. Nguyên tắc bảo đảm trật tự an toàn xã hội***

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc.

- Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn xã hội với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

- Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội.

***11.2.3. Nội dung bảo đảm trật tự an toàn xã hội***

*11.2.3.1. Phòng chống tội phạm* *(trừ các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh)*

Phòng, chống tội phạm là việc tiến hành các biện pháp loại trừ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm; phát hiện để ngăn chặn kịp thời các hành vi phạm tội, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả, tác hại do tội phạm gây ra cho xã hội; điều tra khám phá tội phạm và người phạm tội để đưa ra xử lí trước pháp luật đảm bảo đúng người, đúng tội; giáo dục, cải tạo người phạm tội giúp họ nhận thức được lỗi lầm và cố gắng cải tạo tốt, có thể tái hoà nhập cộng đồng xã hội, trở thành người lương thiện, sống có ích cho xã hội.

Công tác phòng chống tội trên lĩnh vực trật tự an toàn xã hội bao gồm: phòng, chống các loại tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; các tội xâm phạm quyền sở hữu, các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội xâm phạm môi trường; các tội phạm về ma túy; các tội xâm phạm an toàn công cộng; các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính; các tội phạm về tham nhũng; các tội phạm khác về chức vụ; các tội xâm phạm hoạt động tư pháp.

Để phòng, chống tội phạm có hiệu quả đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn dân, trong đó công an nhân dân là lực lượng chuyên trách. Thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm.

*11.2.3.2. Giữ gìn trật tự công cộng*

Trật tự công cộng là trạng thái xã hội có trật tự, ổn định, an toàn trên cơ sở mọi người tuân thủ các quy tắc, quy phạm pháp lý xác định ở những nơi công cộng. Trật tự công cộng là một mặt của trật tự an toàn xã hội. Các yếu tố bảo đảm trật tự công cộng bao gồm: những quy định chung về trật tự, yên tĩnh, vệ sinh, nếp sống văn minh; sự thừa nhận và tuân thủ những phong tục tập quán chung, quy tắc, quy định của pháp luật nơi công cộng; sự kiểm soát, duy trì trật tự của các lực lượng chức năng nơi công cộng. Các yếu tố này tương hỗ lẫn nhau nhằm bảo đảm các hoạt động lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi, vui chơi của mọi người nơi công cộng được ổn định, trật tự, an toàn và tôn trọng lẫn nhau.

Để giữ gìn trật tự công cộng phải nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục công dân chấp hành một cách tự giác, nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước, của tập thể, của cơ quan tổ chức và khu dân cư nơi công cộng. Chú trọng xây dựng đời sống văn hóa, phát huy những giá trị tốt đẹp của phong tục tập quán truyền thống. Mặt khác, phải nâng cao hiệu lực quản lý hành chính nhà nước về trật tự công cộng, đồng thời đấu tranh xử lý nghiêm minh đối với những hành vi phạm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng.

*11.2.3.3.* *Phòng chống tệ nạn xã hội*

Tệ nạn xã hội là những hiện tượng xã hội có tính phổ biến, lan truyền, biểu hiện bằng những hành vi lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức và gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng. Tệ nạn xã hội hiện nay đang trở thành một vấn nạn nổi cộm, nhất là tệ nạn mại dâm, ma túy, cờ bạc, mê tín dị đoan. Tệ nạn xã hội là cơ sở xã hội của tình trạng phạm tội, là một trong những nguồn gốc phát sinh tội phạm. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, xuất hiện một số tệ nạn xã hội mới du nhập từ bên ngoài vào, nhiều tệ nạn xã hội đã xâm nhập vào mọi tầng lớp xã hội, mọi vùng miền khác nhau, mọi lứa tuổi, nhất là thanh thiếu niên. Tệ nạn xã hội ở nước ta nảy sinh do văn hóa truyền thống bị xói mòn, lối sống thực dụng và sự xuống cấp của đạo đức xã hội ở một bộ phận dân cư nhưng không bị xã hội lên án.

Phòng chống tệ nạn xã hội là nhiệm vụ của toàn xã hội, phải được tiến hành thường xuyên liên tục, và bằng hệ thống các biện pháp như: tuyên truyền giáo dục, hành chính, kinh tế, pháp luật vv. Huy động sự tham gia của mọi lực lượng, mọi ngành, mọi cấp, của cả cộng đồng trong đó lực lượng Công an giữ vai trò nòng cốt, xung kích.

*11.2.3.4. Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông*

Trật tự, an toàn giao thông là trạng thái xã hội có trật tự được hình thành và điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông, vận tải công cộng mà mọi người phải tuân theo khi tham gia giao thông, nhờ đó đảm bảo cho hoạt động giao thông thông suốt, có trật tự, an toàn, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn giao thông gây thiệt hại về người và tài sản. Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông không phải là nhiệm vụ của riêng các lực lượng chức năng (cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông công chính...) mà là trách nhiệm của tất cả mọi người khi tham gia giao thông. Đó là việc nắm vững và tuân thủ nghiêm túc Luật giao thông, mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông phải được xử lí nghiêm khắc, những thiếu sót, yếu kém là nguyên nhân, điều kiện gây ra các vụ tai nạn giao thông phải được khắc phục nhanh chóng.

*11.2.3.5. Bảo vệ môi trường*

Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người, sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước, dân tộc và nhân loại. Bảo vệ môi trường là tập hợp những biện pháp giữ cho môi trường trong sạch, sử dụng hoặc phục hồi một cách hợp lí sinh giới (vi sinh vật, thực vật, động vật) và môi sinh (đất, lòng đất, nước, không khí, khí hậu...), đảm bảo sự cân bằng sinh thái... nhằm tạo ra một không gian tối ưu cho cuộc sống của con người.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cùng với sự hội nhập kinh tế toàn cầu của Việt Nam, bảo vệ môi trường ở nước ta đang đặt ra rất nhiều khó khăn, thách thức to lớn. Môi trường đất, nước, không khí ngày càng ô nhiễm trầm trọng, cảnh quan thiên nhiên, công trình văn hóa ...ngày càng xuống cấp do ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của người dân chưa cao, sự buông lỏng trong quản lý và hiệu quả của công tác bảo vệ môi trường của các lực lượng chức năng còn thấp v.v. Bảo vệ môi trường đã và đang trở thành vấn đề hết sức cấp thiết, sống còn đối với sức khỏe con người, sự phát triển bền vững của đất nước và nhân loại. Đòi hỏi sự vào cuộc với trách nhiệm cao nhất của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và mỗi người dân.

*11.2.3.6. Phòng ngừa tai nạn lao động và phòng chống dịch bệnh, thiên tai*

Tai nạn lao động, dịch bệnh và thiên tai đang dần trở thành những mối hiểm họa đe dọa to lớn đối với sức khỏe, cuộc sống, hạnh phúc của mỗi người và đối với sự ổn định, phát triển của đất nước. Nguyên nhân của tai nạn lao động, dịch bệnh, thiên tai có cả khách quan và chủ quan, nhưng chủ yếu là do con người. Phòng ngừa tai nạn lao động và phòng chống dịch bệnh, thiên tai là tiến hành các biện pháp nhằm hạn chế thấp nhất những thiệt hại do tai nạn, dịch bệnh, thiên tai xảy ra. Để phòng ngừa tai nạn lao động và phòng chống dịch bệnh, thiên tai hiệu quả cần phải hoàn thiện các quy định về an toàn cháy nổ, an toàn lao động, chăm sóc bảo vệ sức khỏe, phòng chống tác hại của thiên tai. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để mỗi người dân, cơ quan, tổ chức nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về phòng ngừa tai nạn lao động và phòng chống dịch bệnh, thiên tai. Mặt khác Nhà nước cần có chiến lược, kế hoạch để phòng ngừa tai nạn lao động và phòng chống dịch bệnh, thiên tai. Xây dựng hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm các quy định trong phòng ngừa tai nạn lao động và phòng chống dịch bệnh, thiên tai.

**11.3. Đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội**

***11.3.1. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội***

*11.3.1.1. Tình hình an ninh quốc gia*

Trong những năm tới, dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cũng đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển, nhưng cũng đang bị đe doạ bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt. Do tác động của đại dịch Covid-19, thế giới rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng nhiều mặt. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, mang đến cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Các nước điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển nhằm thích ứng với tình hình mới. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng. Tại Đông Nam Á, môi trường an ninh, tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông còn diễn biến phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác, nhất là an ninh mạng, ngày càng tác động mạnh, nhiều mặt, đe doạ nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và đất nước ta.

Các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, đặc biệt là thâm nhập phá hoại nội bộ, tác động chuyển hóa từ trong nội bộ. Các đối tượng này thường xuyên tuyên truyền, kích động, lôi kéo các phần tử cơ hội, thoái hóa, biến chất trong nội bộ cơ quan đảng, tổ chức bộ máy nhà nước, gây mâu thuẫn, thù hận trong nội bộ nhân dân, âm mưu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đặc biệt là đối với lực lượng vũ trang, chúng tuyên truyền xuyên tạc, kích động gây mâu thuẫn chia rẽ lực lượng Công an, Quân đội; đòi “phi chính trị hóa lực lượng vũ trang”; xóa bỏ nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội và Công an, đặc biệt kích động, xuyên tạc mối quan hệ Công an với nhân dân.

*11.3.1.2 T nh hình về trật tự, an toàn xã hội*

Với sự phát triển kinh tế thị trường và quá trình mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế làm cho tình hình trật tự, an toàn xã hội có nhiều diễn biến phức tạp. Một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng, xuất hiện nhiều loại tội phạm mới phi truyền thống như tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có tính chất quốc tế, tội phạm khủng bố, tội phạm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm môi trường, tội phạm hình sự đặc biệt nguy hiểm, cướp của, giết người, chống người thi hành công vụ, đâm thuê chém mướn, bảo kê nhà hàng và các hành vi phạm tội khác có tính chất côn đồ, hung hãn gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Tính chất của tội phạm ngày càng nguy hiểm, manh động. Phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, có liên kết của tội phạm hình sự - kinh tế - ma túy ngày càng chặt chẽ, hình thành các đường dây hoạt động phạm tội liên tỉnh, xuyên quốc gia. Đối tượng phạm tội, đặc biệt là phạm tội về trật tự xã hội phần lớn là số không có nghề nghiệp ổn định và có xu hướng trẻ hóa. Hậu quả của tội phạm không những gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của công dân, Nhà nước mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Song bên cạnh đó thì diễn biến của tệ nạn xã hội trên các địa bàn ngày càng phức tạp, đặc biệt là tệ nạn nghiện ma túy, tệ nạn mại dâm, tệ nạn cờ bạc, trong đó đánh bạc công nghệ cao hiện nay diễn biến ngày một tinh vi và phức tạp.

Trước diễn biến ngày càng phức tạp của nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội, vấn đề đặt ra là phải làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và ngăn chặn kịp thời những loại tội phạm và tệ nạn xã hội để bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

**11.3.2. Quan điểm, căn cứ xác định đối tượng.**

*11.3.2.1. Quan điểm*

Đảng ta luôn khẳng định, Việt Nam “là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” và “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hoá, đa phương hoá trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”[[99]](#footnote-99).

Những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác. Bất kỳ thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng của chúng ta.

*11.3.2.2. Căn cứ*

Căn cứ vào những âm mưu, hành động gây chiến tranh xâm lược; “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ chế độ; xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia, dân tộc của Việt Nam bằng phương thức vũ trang hoặc phi vũ trang, cả từ bên ngoài và bên trong. Đối tượng của cách mạng Việt Nam được xác định là, những thế lực có âm mưu và hành động chống phá nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

***11.3.3. Đối tượng đấu tranh***

*11.3.3.1. Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia bao gồm*

- Những đối tượng đối lập về ý thức hệ, có âm mưu và hành động nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta là: chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch nói chung. Về bản chất, các thế lực này hoàn toàn đối lập về hệ ý thức, tư tưởng, họ muốn xóa bỏ nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng ta là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phủ nhận đường lối, quan điểm của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng; lịch sử truyền thống, nền văn hóa dân tộc.

- Đối tượng thuộc các lực lượng dân tộc hẹp hòi, có ý đồ bành trướng, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ. Tuy cùng có ý thức hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, cùng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh để bảo vệ xã hội xã hội chủ nghĩa, nhưng do lợi ích dân tộc hẹp hòi, họ có chủ trương và hành động xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền lãnh thổ của nước ta, ở cấp độ cao hơn có thể dẫn đến xung đột vũ trang và chiến tranh biên giới trên biển, trên bộ và trên không.

- Một số nước có thể bị các nước lớn thao túng, có âm mưu và hành động chống phá nước ta. Trong điều kiện bình thường, họ là những đối tác tốt nhưng trong điều kiện phức tạp, có thể bị kích động, lôi kéo, thao túng, can thiệp, chống lại chúng ta. Trong đó, có thể có một số nước vốn có quan hệ hữu nghị truyền thống cũng trở thành đối tượng.

- Trong tình hình hiện nay, cần tập trung đấu tranh với các tổ chức gián điệp, phản động, các phần tử cơ hội chính trị, thoái hóa biến chất, lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, hội nhập mở cửa, đầu tư hợp tác, thăm thân, du lịch… để gây dựng cơ sở bí mật, thu thập thông tin tình báo để chống phá Đảng, Nhà nước ta.

*11.3.3.2. Đối tượng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội*

Đối tượng xâm phạm trật tự an toàn xã hội là những người có hành vi phạm tội gây thiệt hại đến tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản của công dân, đến tính mạng sức khỏe và danh dự phẩm giá của con người, đến trật tự an toàn xã hội nhưng không có mục đích chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Tội phạm xuyên quốc gia

- Tội phạm có tính chất quốc tế

- Tội phạm khủng bố

- Tội phạm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng

- Tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em

- Tội phạm sử dụng công nghệ cao

- Tội phạm hình sự

Đây là các loại tội phạm mà chúng ta phải làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và ngăn chặn kịp thời để bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, hiện nay cần tập trung đấu tranh với các đối tượng sau: Bọn tội phạm kinh tế, nhất là bọn tham nhũng, bọn buôn lậu, bọn sản xuất tàng trữ và tiêu thụ tiền giả; bọn tội phạm về ma tuý; bọn tội phạm hình sự, tập trung vào bọn hoạt động có tổ chức, bọn lưu manh chuyên nghiệp, sử dụng bạo lực, tội phạm có quan hệ với nước ngoài.

**11.4. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội**

***11.4.1. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nhân dân làm chủ, Công an là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trậ tự an toàn xã hội***

Trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch, phản động và số đối tượng cơ hội chính trị tiếp tục hoạt động chống phá công khai, quyết liệt, thâm độc và xảo quyệt hơn. Trước tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường, sự khó khăn của tình hình kinh tế - xã hội, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ sẽ diễn biến ngày càng phức tạp, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội đứng trước nhiều thách thức mới, nguy hiểm. An ninh tài chính, tiền tệ, đầu tư; an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa, tư tưởng; an ninh trong tôn giáo, dân tộc và an ninh xã hội tiềm ẩn những yếu tố có thể gây mất ổn định về an ninh, trật tự. Các vấn đề an ninh phi truyền thống, nhất là tội phạm mạng, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm khủng bố đe dọa trực tiếp đến an ninh quốc gia của nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Nguy cơ mất an ninh, an toàn thông tin, lộ, lọt bí mật nhà nước ngày càng nghiêm trọng v.v. Để bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội cần phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, quyền làm chủ của nhân dân và vai trò nòng cốt của Công an nhân dân. Đây quan điểm quan trọng hàng đầu, có tính nguyên tắc, quyết định tới sự thành công của công cuộc bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội hiện nay ở nước ta.

Sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Ðảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, của toàn dân, trong đó lực lượng Công an nhân dân làm nòng cốt, phối hợp chặt chẽ với Quân đội nhân dân và các cấp, các ngành trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Ðây là quan điểm, tư tưởng cơ bản, xuyên suốt, là vấn đề có tính nguyên tắc, là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh. Sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Ðảng trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội nhằm tạo sự thống nhất về chính trị, tư tưởng trong Ðảng, trong nhân dân, là nhân tố cốt lõi bảo đảm ổn định chính trị, xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, phương thức đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Nhà nước thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Ðảng, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của mọi tổ chức, mọi lực lượng, nhất là cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục và thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở. Làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc về công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Chú trọng thực hiện tốt công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Ðảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho các tầng lớp nhân dân; đồng thời tích cực tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, giúp nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống, xóa đói, giảm nghèo; qua đó, góp phần tăng cường "thế trận lòng dân" vững chắc. Phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, huy động cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân tham gia cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị - xã hội, an ninh, trật tự ngay từ cơ sở.

Phát huy vai trò nòng cốt trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, lực lượng Công an nhân dân phải thấu suốt tư duy mới của Ðảng về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Chủ động phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, góp phần bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Lực lượng Công an phải tập trung giải quyết những khâu cơ bản, quan trọng nhất trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phải tổ chức hướng dẫn các lực lượng khác thực hiện nhiệm vụ bảo vệ vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

***11.4.2. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc***

Dựng nước đi đôi với giữ nước là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là quy luật phát triển của cách mạng nước ta, là hai nhiệm vụ chiến lược của đất nước ta hiện nay. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là khách quan, tất yếu, thống nhất, gắn bó chặt chẽ với nhau, tạo tiền đề, điều kiện cho nhau, cùng hướng tới một mục tiêu chung là độc lập, chủ quyền của đất nước, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Có bảo vệ vững chắc Tổ quốc mới tạo ra được môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước. Ngược lại, có xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao sức mạnh tổng hợp, thế và lực, uy tín quốc tế của đất nước, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân mới có nguồn lực để đầu tư củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước; mới củng cố, tăng cường được sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc; tạo được sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế ... Đây là những yếu tố có vai trò và ý nghĩa quyết định đối với việc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện tốt việc kết hợp xây dựng chủ nghĩa xã hội với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới, cần quan tâm đến một số vấn đề sau đây: Quan tâm xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới, kết hợp với bảo vệ Đảng, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội; chăm lo xây dựng đội ngũ đảng viên xứng đáng là người lãnh đạo, là “đầy tớ” trung thành của nhân dân. Mặt khác, phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, tăng cường cải cách hành chính trong bộ máy Nhà nước.

Quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước vừa có đức, vừa có tài, vừa “hồng”, vừa “chuyên”, nhất là phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp, tác phong công tác, xứng đáng là “công bộc” của dân. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, quan liêu, nhất là trong bộ máy Đảng và Nhà nước, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm trong sạch bộ máy, trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên để không ngừng củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành cần có những chủ trương, chính sách để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân, nhất là ở những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng cao, biên giới, hải đảo. Quan tâm giải quyết tốt những vấn đề xã hội, nhất là những vấn đề bức xúc, nổi cộm, xây dựng và phát huy sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước. Có đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lòng dân, nhằm huy động sức mạnh của nhân dân cả trong nước và ngoài nước trong kết hợp xây dựng chủ nghĩa xã hội với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

***11.4.3. Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với bảo đảm trật tự an toàn xã hội***

An ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội là hai thành phần cấu thành trật tự xã hội. Đây là hai nội dung của một thể thống nhất trong chức năng quản lý nền trật tự xã hội và có quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó an ninh quốc gia là nội dung cơ bản nhất, quyết định nhất. Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia là bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo ra một trong những điều kiện cơ bản nhất để xây dựng đất nước ổn định, phát triển vững mạnh. An ninh quốc gia được bảo vệ vững chắc sẽ tạo điều kiện cơ bản thuận lợi để bảo vệ tốt trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn xã hội được giữ vững sẽ tạo điều kiện cho an ninh quốc gia càng được củng cố vững chắc, hiệu lực quản lý của Nhà nước được tăng cường, quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm, cuộc sống của mọi người được yên vui, hạnh phúc.

Trật tự, an toàn xã hội cùng với an ninh quốc gia tạo nên sự ổn định, phát triển bền vững của đất nước, là hàng rào an toàn trước những nguy cơ tấn công từ mọi phía, bằng mọi thủ đoạn của các thế lực thù địch với Việt Nam, đồng thời góp phần củng cố vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Giữ cho xã hội được an toàn, có trật tự, kỷ cương cũng có nghĩa là tạo được môi trường hòa bình, ổn định, an toàn để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, trật tự an toàn xã hội nếu bị vi phạm nghiêm trọng hoặc giải quyết không khéo léo cũng sẽ gây ảnh hưởng xấu, thậm chí có khi chuyển thành vấn đề chống đối về mặt chính trị, ảnh hưởng xấu về an ninh quốc gia.

**11.5. Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội**

***11*.*5.1. Vận động mọi người cùng tự giác chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội***

Những quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội:

*Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại các điều:*

*Điều 11*: Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị;

*Điều 44*: Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất;

*Điều 45:* Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân. Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân;

*Điều 46*: Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

*Luật an ninh quốc gia năm 2004:*

*Điều 8. Trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia:* Bảo vệ an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật;

*Điều 9. Chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia:* Nhà nước bảo vệ, giữ bí mật cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia có thành tích thì được khen thưởng, bị tổn hại về danh dự thì được khôi phục, bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; người bị thương tích, tổn hại về sức khỏe, bị thiệt hại về tính mạng thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

*Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia*

Tham gia lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Tố cáo hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, hành vi lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Phát hiện, kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia khắc phục sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia.

Phát hiện, cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia cho chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia nơi gần nhất.

Thực hiện yêu cầu của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

*Luật Hình sự năm 2017:*

*Điều 4. Trách nhiệm phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm*

Cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, cá nhân phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng.

Cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình.

Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm.

*Luật Thanh niên năm 2020:*

*Điều 12. Trách nhiệm đối với Tổ quốc*

Phát huy truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc; xung kích, sáng tạo, đi đầu trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, giữ vững chủ quyền, an ninh quốc gia, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; đảm nhận công việc khó khăn, gian khổ, cấp bách khi Tổ quốc yêu cầu.

Đấu tranh với các âm mưu, hoạt động gây phương hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

*Điều 13. Trách nhiệm đối với Nhà nước và xã hội*

Gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện nghĩa vụ công dân

Tham gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia.

Chủ động đề xuất ý tưởng, sáng kiến trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật; tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

Xây dựng các mô hình sản xuất, kinh doanh tạo việc làm; tham gia bảo vệ môi trường và các hoạt động vì lợi ích của cộng đồng, xã hội.

Tích cực tham gia hoạt động chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

*Điều 14. Trách nhiệm đối với gia đình*

Chăm lo hạnh phúc gia đình; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

Kính trọng, hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ và tôn trọng các thành viên khác trong gia đình; chăm sóc, giáo dục con em trong gia đình.

Tích cực phòng, chống bạo lực gia đình, xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình.

*Điều 15. Trách nhiệm đối với bản thân*

Rèn luyện đạo đức, nhân cách, lối sống văn hóa, ứng xử văn minh; có trách nhiệm công dân, ý thức chấp hành pháp luật; phòng, chống tiêu cực, tệ nạn xã hội, hành vi trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Tích cực học tập, nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng; tiếp cận, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tiễn.

Chủ động tìm hiểu về thị trường lao động; lựa chọn nghề nghiệp, việc làm phù hợp; rèn luyện ý thức trách nhiệm, kỷ luật lao động và tác phong chuyên nghiệp; sáng tạo, cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động.

Rèn luyện, bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần; trang bị kiến thức, kỹ năng sống, kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, phòng, chống bệnh tật; không lạm dụng rượu, bia; hạn chế sử dụng thuốc lá; không sử dụng ma túy, chất gây nghiện và chất kích thích khác mà pháp luật cấm; phòng, chống tác hại từ không gian mạng.

Tích cực tham gia các hoạt động, phong trào văn hóa, thể dục, thể thao lành mạnh; bảo vệ, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

***11.5.2. Không ngừng nâng cao nhận thức, nâng cao cảnh giác, tích cực tham gia đấu tranh với các hoạt động phá hoại của các đối tượng, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội***

Học sinh, sinh viên phải không ngừng học tập nghiên cứu, nắm vững các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Nắm chắc mọi âm mưu, thủ đoạn, hành động chống phá của các đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Nêu cao tinh thần cảnh giác, không để bị lôi kéo, kích động, đồng thời tích cực đấu tranh có hiệu quả với các hành vi sai trái, tiêu cực trong xã hội.

Phát hiện những tổ chức, người có hành vi tuyên truyền, lôi kéo sinh viên tham gia các hoạt động trái quy định của pháp luật nhằm chống đối lại Đảng, Nhà nước để báo cáo với lãnh đạo nhà trường, chính quyền và các cơ quan bảo vệ pháp luật, có ý thức bảo vệ bí mật nhà nước.

Tham gia xây dựng nếp sống văn minh trật tự ngay trong trường học, kí túc xá, khu vực dân cư mà mình sinh sống, bảo vệ môi trường, giúp đỡ các cơ quan chuyên trách trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tham gia các hoạt động xã hội để góp phần bảo đảm an ninh, trật tự xã hội như: chấp hành nghiêm chỉnh Luật giao thông đường bộ, giữ gìn trật tự vệ sinh nơi công cộng, phòng chống cháy nổ, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường v.v.

Bản thân luôn nhận thức được sự nguy hại của các tệ nạn xã hội để không mắc phải và tuyên truyền vận động cho nhiều ngư i khác thấy được sự nguy hại của các tệ nạn xã hội nhất là tệ nạn nghiện ma túy, cờ bạc, mại dâm. Phát hiện những địa điểm tổ chức, đối tượng tham gia các tệ nạn xã hội để báo cáo với lãnh đạo nhà trường, chính quyền địa phương, các cơ quan bảo vệ pháp luật mà trực tiếp là lực lượng công an nhân dân để có biện pháp đấu tranh kịp thời, hiệu quả.

Tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm; phát hiện tố giác kịp thời các đối tượng, băng nhóm tổ chức tội phạm để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có biện pháp giải quyết.

**KẾT LUẬN**

Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên và là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý, điều hành thống nhất của Nhà nước. Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, lâu dài, phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố nhậy cảm không thể một phút lơ là. Vì vậy, để bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội phải dựa vào sức mạnh của toàn dân, của cả dân tộc, của mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Trong tình hình hiện nay, yêu cầu cấp bách là phải huy động và phát huy cho được sức mạnh tổng hợp từ mọi nguồn lực cả bên trong và bên ngoài; đoàn kết, tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức quốc tế và nhân dân tiến bộ, dân chủ trên thế giới; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh truyền thống và hiện đại trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phát huy cao nhất vai trò làm chủ của quần chúng nhân dân, lực lượng chuyên trách trong đấu tranh với các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ v ng chắc môi trường hòa bình, ổn định, phát triển của đất và cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia Việt Nam hiện nay ?
2. Quan điểm xác định đối tác, đối tượng của Đảng ta ?
3. Nội dung đảm bảo trật tự an toàn xã hội hiện nay ?
4. Quan điểm của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội?

1. *Luật Giáo dục* (2005), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. [↑](#footnote-ref-1)
2. V.I. Lênin, *Toàn tập,* tập 26, Bản tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1980, tr. 397. [↑](#footnote-ref-2)
3. V.I. Lênin, *Toàn tập,* tập 42, Bản tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1976, tr. 349. [↑](#footnote-ref-3)
4. V.I. Lênin, *Toàn tập,* tập 49, Bản tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, tr. 500. [↑](#footnote-ref-4)
5. V.I.Lênin, *Toàn tập*, Tập 26, Nxb CTQG, Hà Nội, 2005, tr. 29. [↑](#footnote-ref-5)
6. V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 32, Nxb CTQG, Hà Nội, 2005, tr. 356. [↑](#footnote-ref-6)
7. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, tập 8, Nxb CTQG, Hà Nội, 1993, tr. 123. [↑](#footnote-ref-7)
8. V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 147. [↑](#footnote-ref-8)
9. Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 150. [↑](#footnote-ref-9)
10. Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 304. [↑](#footnote-ref-10)
11. Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 480. [↑](#footnote-ref-11)
12. Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 323. [↑](#footnote-ref-12)
13. “Bài nói chuyện tại hội nghị chiến tranh du kích”, ngày 13 tháng 7 năm 1952. [↑](#footnote-ref-13)
14. Bài viết "Hình thức chiến tranh ngày nay", Báo Cứu quốc ngày 20-09-1946. [↑](#footnote-ref-14)
15. Ph.Ăngghen, *Tuyển tập Luận văn quân sự*, tập 2, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội,1978, tr. 9. [↑](#footnote-ref-15)
16. V.I.Lê nin, *Toàn tập,* tập 41, Bản tiếng Việt, Nxb Tiến Bộ, Mátxítcơva, 1977, tr. 147. [↑](#footnote-ref-16)
17. Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 71-72. [↑](#footnote-ref-17)
18. Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 247. [↑](#footnote-ref-18)
19. Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 349 - 350. [↑](#footnote-ref-19)
20. Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 426 - 427. [↑](#footnote-ref-20)
21. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 281. [↑](#footnote-ref-21)
22. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 219. [↑](#footnote-ref-22)
23. Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, tr. 143. [↑](#footnote-ref-23)
24. V.I. Lê nin, *Toàn tập,* tập 36, Bản tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, tr. 102. [↑](#footnote-ref-24)
25. V.I.Lênin, *Toàn tập,* tập 38, Bản tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, tr. 378. [↑](#footnote-ref-25)
26. Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử,* tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 553. [↑](#footnote-ref-26)
27. Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử,* tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 483. [↑](#footnote-ref-27)
28. Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử,* tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 489. [↑](#footnote-ref-28)
29. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập I, tr. 1. [↑](#footnote-ref-29)
30. *Luật quốc phòng* (2018), NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 3. [↑](#footnote-ref-30)
31. *Luật quốc phòng* (2018), NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 6. [↑](#footnote-ref-31)
32. *Luật An ninh quốc gia* ( 2004), Điều 3, khoản 1. [↑](#footnote-ref-32)
33. 1 *Luật An ninh quốc gia* (2004), Điều 3, khoản 9. [↑](#footnote-ref-33)
34. *Luật quốc phòng* (2018), NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội. [↑](#footnote-ref-34)
35. *Luật an ninh quốc gia và các văn bản hướng dẫn thi hành*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2004, tr. 4. [↑](#footnote-ref-35)
36. *Luật Quốc phòng* (2018), Điều 4, khoản 1. [↑](#footnote-ref-36)
37. *Luật An ninh quốc gia* (2004), Điều 4, khoản 1. [↑](#footnote-ref-37)
38. *Luật Quốc phòng* (2018), Điều 4, khoản 3. [↑](#footnote-ref-38)
39. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội. [↑](#footnote-ref-39)
40. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 277. [↑](#footnote-ref-40)
41. Luật quốc phòng(2018), khoản 5, điều 2. [↑](#footnote-ref-41)
42. Luật an ninh quốc gia(2004), khoản 9, điều 3. [↑](#footnote-ref-42)
43. Luật Quốc phòng (2018), Điều 2, khoản 7. [↑](#footnote-ref-43)
44. Luật Quốc phòng (2018), Điều 2, khoản 2. [↑](#footnote-ref-44)
45. Đảng cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25-10-2013, về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. [↑](#footnote-ref-45)
46. Đảng cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25-10-2013, về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. [↑](#footnote-ref-46)
47. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 99. [↑](#footnote-ref-47)
48. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập I, tr. 157 - 158. [↑](#footnote-ref-48)
49. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia sự th t, Hà Nội, tr. 57. [↑](#footnote-ref-49)
50. C.Mác, PhĂngghen, *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 1994, tr. 235. [↑](#footnote-ref-50)
51. Bác Hồ nói chuyện tại Hội nghị ngoại giao 1964. Hồ sơ lưu trữ Bộ Ngoại giao Việt Nam. [↑](#footnote-ref-51)
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, tập I, tr. 153. [↑](#footnote-ref-52)
53. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, tập I, tr. 156. [↑](#footnote-ref-53)
54. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, tập I, tr. 216. [↑](#footnote-ref-54)
55. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập,* tập 21*,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 535. [↑](#footnote-ref-55)
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, Tài liệu sử dụng tại đại hội Đảng bộ cấp huyện, tỉnh và tương đương*, Hà Nội, tr. 116. [↑](#footnote-ref-56)
57. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, tập I, tr. 218. [↑](#footnote-ref-57)
58. Quyết định số 531/QĐ-TTg, ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ *về chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050* [↑](#footnote-ref-58)
59. Nghị quyết số 24, Hội nghị lần thứ 7, BCHTW Khóa XI. [↑](#footnote-ref-59)
60. Bộ quốc phòng, *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr. 213. [↑](#footnote-ref-60)
61. Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác ngoại giao, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1990, tr. 90-91.   [↑](#footnote-ref-61)
62. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, Tập 6, tr. 164.

    2 Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh thuộc Bộ Chính trị (1995), Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Thắng lợi và bài học, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 13. [↑](#footnote-ref-62)
63. [↑](#footnote-ref-63)
64. 1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 3, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 325. [↑](#footnote-ref-64)
65. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 480. [↑](#footnote-ref-65)
66. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 165. [↑](#footnote-ref-66)
67. Bộ quốc phòng, *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr. 153. [↑](#footnote-ref-67)
68. Bộ quốc phòng, *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr. 217. [↑](#footnote-ref-68)
69. *Từ điển bách khoa Việt Nam* (2003), NXB từ điển bách khoa, Hà Nội, tr. 609. [↑](#footnote-ref-69)
70. *Luật Biển Việt Nam* (2012), Điều 3, khoản 1. [↑](#footnote-ref-70)
71. Đảng Cộng sản (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 336. [↑](#footnote-ref-71)
72. Đảng Cộng sản (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 156. [↑](#footnote-ref-72)
73. Đảng Cộng sản (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb, Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 157. [↑](#footnote-ref-73)
74. Đảng Cộng sản (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb, Chính trị quốc giasự thật, Hà Nội, tr. 159. [↑](#footnote-ref-74)
75. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập I, tr. 158. [↑](#footnote-ref-75)
76. *Luật Biên giới quốc gia* (2003), Điều 1. [↑](#footnote-ref-76)
77. Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 28-9-2018 của Bộ Chính trị về “Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia”. [↑](#footnote-ref-77)
78. Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 28-9-2018 của Bộ Chính trị về “Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia”. [↑](#footnote-ref-78)
79. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 157. [↑](#footnote-ref-79)
80. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 157. [↑](#footnote-ref-80)
81. Luật Quốc phòng (2018), Điều 27, khoản 1. [↑](#footnote-ref-81)
82. Đảng cộng sản Việt Nam ( 2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, tập I, tr. 158. [↑](#footnote-ref-82)
83. Luật dự bị động viên (2019), Điều 2, khoản 1. [↑](#footnote-ref-83)
84. *Luật Quốc phòng* (2018), Điều 11, khoản 1. [↑](#footnote-ref-84)
85. Chỉ thị 09/CT/TW Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới. [↑](#footnote-ref-85)
86. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t. 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 123. [↑](#footnote-ref-86)
87. V.I.Lênin, *Toàn tập*, t. 39, NxbTiến bộ,Mátxcơva, 1979, tr. 251. [↑](#footnote-ref-87)
88. Vũ Kỳ, Bác Hồ viết Di chúc, Nxb Sự thật, Hà Nội 1989, tr. 7. [↑](#footnote-ref-88)
89. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội,2000, tr. 276. [↑](#footnote-ref-89)
90. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb CHính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 698. [↑](#footnote-ref-90)
91. Hồ Chí Minh (1951), Bài huấn thị với học viên lớp Trung cấp khoá 2, Trường Công an Trung cấp, năm 1951. [↑](#footnote-ref-91)
92. Luật An ninh quốc gia (2004), Điều 3, Khoản 1. [↑](#footnote-ref-92)
93. Luật An ninh quốc gia (2004), Điều 3, Khoản 8. [↑](#footnote-ref-93)
94. Luật An ninh quốc gia (2004), Điều 3, Khoản 2. [↑](#footnote-ref-94)
95. Luật An ninh quốc gia (2004), Điều 3, Khoản 3. [↑](#footnote-ref-95)
96. *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (2013), Điều 11. [↑](#footnote-ref-96)
97. *Từ điển bách khoa Công an nhân dân* (2005), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội. [↑](#footnote-ref-97)
98. *Luật Công an nhân dân*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2005, Điều 2, Khoản 2. [↑](#footnote-ref-98)
99. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Tám khóa XI *về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”.* [↑](#footnote-ref-99)